



Báo cáo
thường niên
2023

NỘI DUNG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023



Trang	Chương I: Giới thiệu chung
6	Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị
8	Thông tin chung về Công ty
23	Các chỉ số cơ bản KPIs



Trang	Chương IV: Quản trị Công ty
80	Cơ cấu tổ chức
82	Nhân sự chủ chốt: HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành
86	Thông tin dành cho Cổ đông
95	Hội đồng Quản trị
104	Ban Kiểm soát
110	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS và Ban TGĐ
114	Kiểm toán nội bộ
118	Quản trị rủi ro
129	Thực hiện các quy định về Quản trị công ty



Trang	Chương V: Phát triển bền vững
134	Thông điệp của Tổng Giám đốc
136	Gắn kết mục tiêu toàn cầu về phát triển bền vững (SDGS) và GRI Standards trong quản trị vấn đề trọng yếu
152	Chủ đề Kinh tế
156	Chủ đề Môi trường
162	Chủ đề Xã hội
194	Phụ lục I: Điểm yếu tố chất lượng quản trị theo CAMEL
196	Phụ lục II: Điểm yếu tố tài chính theo CAMEL



Trang	Chương II: Báo cáo tình hình hoạt động 2023
26	Tổng quan nền Kinh tế và Thị trường chứng khoán năm 2023
32	Báo cáo của Hội đồng Quản trị
37	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc



Trang	Chương III: Kế hoạch 2024
70	Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2025
72	Dự báo nền Kinh tế và Thị trường chứng khoán năm 2024
74	Kế hoạch và giải pháp trọng tâm 2024



Trang	Chương VI: Báo cáo tài chính
200	Báo cáo tài chính
276	Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Chăm chỉ gieo **HẠT GIỐNG**
Từ giá trị **NỀN TẢNG**





THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi Quý cổ đông, Quý khách hàng và đối tác,

Thị trường chứng khoán năm 2023 đã khép lại với kết quả VN-Index và HNX-Index đóng cửa năm tăng lần lượt 122,93 điểm và 26,04 điểm so với đóng cửa năm 2022, tuy nhiên diễn biến trong năm các chỉ số chứng khoán dao động với biên độ lớn cho thấy tính không ổn định của thị trường. Bên cạnh đó, giá trị giao dịch bình quân/phần cũng duy trì ở mức thấp trong quý I, tăng trưởng vào cuối quý II/2023 nhưng sụt giảm mạnh vào cuối quý III/2023 khiến giá trị giao dịch trung bình cả năm giảm 13% so với năm 2022.

Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023, trước bối cảnh nêu trên, Hội đồng Quản trị đã có những chỉ đạo kịp thời, Ban Điều hành bám sát diễn biến thị trường khi thực hiện triển khai đồng bộ các giải pháp kinh doanh để hoàn thành nhiệm vụ ĐHĐCĐ giao. BVSC đã cán đích thành công với các chỉ tiêu trọng yếu về thị phần, doanh thu và lợi nhuận năm 2023, trong đó thị phần môi giới cổ phiếu và chứng chỉ quỹ tính chung trên cả 3 sàn đạt 2,41%, hoàn thành 116% kế hoạch, tăng 13% so với năm 2022, trong đó xếp hạng thứ 10 thị phần giao dịch tại Sàn Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX); Doanh thu thực hiện và Lợi nhuận sau thuế thực hiện đạt lần lượt là 869,9 tỷ đồng và 157,6 tỷ đồng, hoàn thành 120,8% và 108,7% so với kế hoạch.

Năm 2023, BVSC đã chính thức thành lập Trung tâm Chăm sóc và Phát triển khách hàng online, khai trương tổng đài nhận lệnh và CSKH 19001018, triển khai chuỗi webinar đẩy mạnh tư vấn đầu tư trên các nền tảng trực tuyến... từng bước hiện thực hóa các cam kết trong sứ mệnh đồng hành với khách hàng trên hành trình đầu tư.

Bước sang năm 2024, dự báo môi trường kinh doanh tiếp tục diễn biến phức tạp, tuy nhiên cũng là cơ hội để BVSC tiếp tục theo đuổi chiến lược phát triển bền vững. BVSC tin tưởng rằng với những nền tảng đạt được trong năm 2023 và quyết tâm cao trong việc triển khai các giải pháp trong Chiến lược hoạt động giai đoạn 2021-2025 đã được ĐHĐCĐ thông qua,... BVSC sẽ tiếp tục hoàn thành và hoàn thành tốt các mục tiêu kinh doanh trong năm 2024, mang đến những giá trị bền vững cho khách hàng, cổ đông và người lao động cũng như thực thi các cam kết trách nhiệm với cộng đồng, xã hội.

Thay mặt cho Hội đồng Quản trị, tôi xin được gửi lời tri ân sâu sắc tới Quý khách hàng, Quý cổ đông và đối tác cùng toàn thể cán bộ nhân viên Công ty về sự tin tưởng và đồng hành cùng BVSC. Xin kính chúc các Quý vị sức khỏe và thành công!

Trân trọng,

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch **Nguyễn Hồng Tuấn**

Năm 2023, BVSC đã chính thức thành lập Trung tâm Chăm sóc và Phát triển khách hàng online, khai trương tổng đài nhận lệnh và CSKH 19001018, triển khai chuỗi webinar đẩy mạnh tư vấn đầu tư trên các nền tảng trực tuyến... từng bước hiện thực hóa các cam kết trong sứ mệnh đồng hành với khách hàng trên hành trình đầu tư.





THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC) được thành lập từ năm 1999 với cổ đông sáng lập là Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam (nay là Tập đoàn Bảo Việt), trực thuộc Bộ Tài chính, BVSC kế thừa thương hiệu uy tín và thế mạnh tài chính của một Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm hàng đầu tại Việt Nam.

BVSC là công ty chứng khoán hàng đầu và uy tín trên thị trường chứng khoán Việt Nam, chuyên cung cấp các dịch vụ tài chính và đầu tư cho tất cả các nhà đầu tư tổ chức và cá nhân, các quỹ và ngân hàng đầu tư danh tiếng trong nước và nước ngoài.

Tên giao dịch:	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt
Giấy phép hoạt động kinh doanh:	Số 01/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26/11/1999
Vốn điều lệ:	722.339.370.000 đồng
Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2023:	2.314.776.715.581 đồng
Địa chỉ:	Tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Điện thoại:	(84-24) 3.928.8080
Fax:	(84-24) 3.928.9888
Website:	www.bvsc.com.vn
Mã cổ phiếu:	BVS, được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

SỨ MỆNH – TẦM NHÌN – GIÁ TRỊ CỐT LÕI



SỨ MỆNH

Trao **“Niềm tin vững chắc”** cho Nhà đầu tư, Doanh nghiệp bằng **“Cam kết vững bền”**.



TẦM NHÌN

Giữ vững vị thế công ty chứng khoán hàng đầu trên thị trường, cung cấp dịch vụ chứng khoán đa dạng trên nền tảng số để mang đến những dịch vụ tốt nhất cho khách hàng, và sự hài lòng nhất cho cổ đông.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

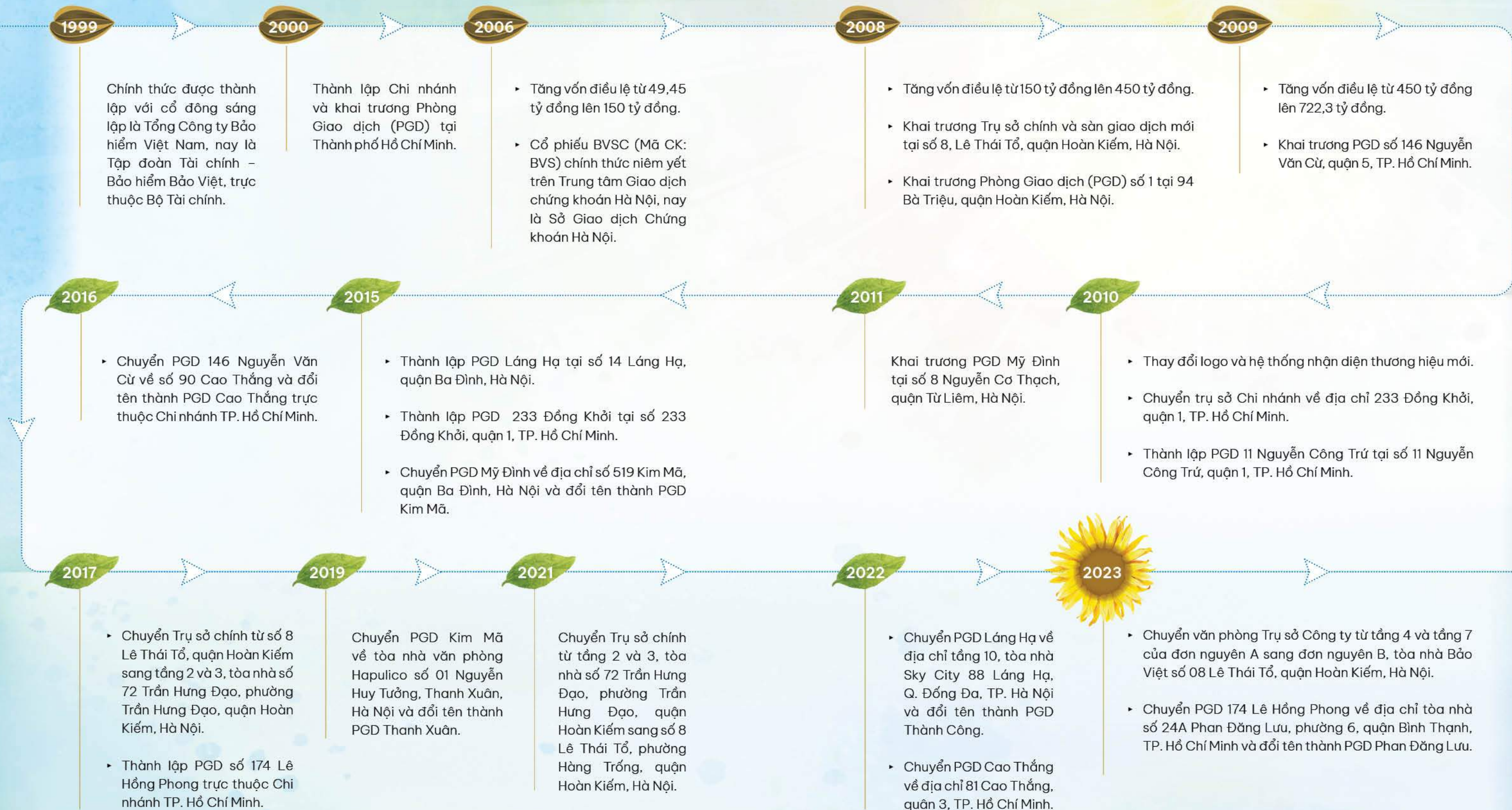
- ▶ Uy tín là tài sản quan trọng nhất của Công ty.
- ▶ Đạo đức nghề nghiệp là phẩm chất quan trọng nhất của nhân viên.
- ▶ Tuân thủ và kiểm soát rủi ro.





THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN





THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

Môi giới chứng khoán

Môi giới khách hàng cá nhân

Là Công ty chứng khoán đầu tiên được thành lập tại Việt Nam, trong hơn 24 năm hình thành và phát triển, BVSC luôn giữ vững vị thế là một trong những Công ty chứng khoán uy tín hàng đầu trên thị trường. Hiện có hơn 82 nghìn khách hàng mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại BVSC.

Môi giới khách hàng tổ chức

Trong suốt nhiều năm qua, BVSC đã xây dựng mối quan hệ đáng tin cậy với các tổ chức tài chính chuyên nghiệp cả trong và ngoài nước. Với sứ mệnh “Đặt khách hàng vào trung tâm”, BVSC không ngừng đầu tư và hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin cùng nguồn nhân lực, tiến hành nghiên cứu và phát triển sản phẩm để nâng cao chất lượng dịch vụ và đa dạng hóa sản phẩm với mục tiêu xây dựng một hệ sinh thái sản phẩm hoàn chỉnh trên nền tảng số, nhằm đáp ứng mọi nhu cầu đầu tư của các tổ chức đối tác.

Bên cạnh đó, BVSC chú trọng vào việc hỗ trợ khách hàng tiếp cận tốt hơn với Thị trường chứng khoán Việt Nam thông qua các buổi thuyết trình và cuộc họp trực tuyến định kỳ để cập nhật thông tin mới nhất và chia sẻ kiến thức chuyên sâu, tổ chức nhiều chuyến tham quan để giúp nhà đầu tư hiểu rõ hơn về thị trường Việt Nam và tìm kiếm nhiều cơ hội đầu tư tiềm năng.



Lưu ký

BVSC cung cấp các dịch vụ lưu ký chứng khoán cho khách hàng bao gồm ký gửi chứng khoán, thực hiện quyền, chuyển khoản, cầm cố chứng khoán, cho tặng, thừa kế chứng khoán, các giao dịch chứng khoán lô lẻ, đại lý lưu ký, thanh toán, chuyển nhượng chứng khoán. Dịch vụ lưu ký do BVSC cung cấp được thực hiện một cách nhanh chóng, thuận tiện và cẩn trọng trên nguyên tắc tuân thủ các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD).

Tự doanh

BVSC sử dụng nguồn vốn của mình thực hiện đầu tư vì mục tiêu lợi nhuận. BVSC thực hiện hoạt động tự doanh trên cơ sở tuân thủ triệt để nguyên tắc không xung đột với lợi ích của khách hàng.

Tư vấn doanh nghiệp và Ngân hàng đầu tư

Là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, BVSC cung cấp cho khách hàng các sản phẩm và dịch vụ bao gồm Dịch vụ thị trường vốn; Dịch vụ thị trường nợ; Tái cấu trúc, Mua bán và Sáp nhập doanh nghiệp (M&A) và các nghiệp vụ tư vấn tài chính khác.

Hoạt động Ngân hàng đầu tư của BVSC với hệ thống sản phẩm và dịch vụ đa dạng luôn mang đến cho khách hàng những dịch vụ tài chính tốt nhất. Với phương châm “Chất lượng – Tiến độ – Hiệu quả” và mục tiêu “Tối đa hóa lợi ích của khách hàng”, các chuyên gia của BVSC luôn cố gắng đáp ứng tối đa yêu cầu cho từng nhóm đối tượng khách hàng.

Tại Diễn đàn M&A Việt Nam 2023, BVSC đã được vinh danh là “Nhà tư vấn M&A tiêu biểu giai đoạn 2009 – 2023”.

Phân tích và Tư vấn đầu tư

Với đội ngũ chuyên gia phân tích có trình độ chuyên môn cao và giàu kinh nghiệm, nhạy bén và thường xuyên bám sát diễn biến thị trường, hoạt động Phân tích và Tư vấn đầu tư của BVSC những năm qua được đánh giá cao không chỉ ở tính đa dạng của các sản phẩm phân tích, mà còn là chất lượng sản phẩm đáp ứng được nhu cầu của khách hàng đầu tư, thể hiện ở tính chính xác, khách quan và cập nhật.

Hiện nay, BVSC cung cấp một chuỗi các sản phẩm phân tích khá đa dạng và toàn diện từ các sản phẩm phân tích vĩ mô, nhận định thị trường, báo cáo trái phiếu, báo cáo chiến lược đầu tư, phân tích ngành và doanh nghiệp. Các sản phẩm phân tích tư vấn đầu tư theo danh mục của BVSC luôn được các Nhà đầu tư đón nhận và đánh giá cao về chất lượng báo cáo.



THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

Hiện nay, BVSC có mạng lưới hoạt động tại 02 thành phố lớn nhất là Hà Nội và TP. HCM với 01 Chi nhánh và 08 phòng giao dịch. BVSC luôn cung cấp cho khách hàng những dịch vụ tốt nhất thông qua đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp và giàu kinh nghiệm trên thị trường chứng khoán. Cụ thể mạng lưới hoạt động BVSC như sau:



HỘI SỞ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tòa nhà Bảo Việt, số 8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Hotline: (84-24) 3.928. 8080

Fax: (84-24) 3.928. 9888

CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Lầu 8, Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt, số 233 Đồng Khởi, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84-28) 3.914.6888

Fax: (84-28) 3.914.7999



PHÒNG GIAO DỊCH HỘI SỞ

Địa chỉ: Tầng 1, tòa nhà Bảo Việt, số 8 Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

PHÒNG GIAO DỊCH SỐ 1

Địa chỉ: 94 Bà Triệu, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

PHÒNG GIAO DỊCH THANH XUÂN

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà Center Building, số 1 Nguyễn Huy Tưởng, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

PHÒNG GIAO DỊCH THÀNH CÔNG

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà Sky City, 88 Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội, TP. Hà Nội.

PHÒNG GIAO DỊCH 11 NGUYỄN CÔNG TRÚ

Địa chỉ: 11 Nguyễn Công Trứ, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

PHÒNG GIAO DỊCH CAO THẮNG

Địa chỉ: 81 Cao Thắng, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

PHÒNG GIAO DỊCH 233 ĐỒNG KHỞI

Địa chỉ: Lầu G, tòa nhà Bảo Việt, 233 Đồng Khởi, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

PHÒNG GIAO DỊCH PHAN ĐĂNG LƯU

Địa chỉ: Tòa nhà số 24A đường Phan Đăng Lưu, phường 6, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.



THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

GIẢI THƯỞNG

Kể từ khi thành lập (năm 1999) đến nay, BVSC đã liên tục được đón nhận các giải thưởng và bình chọn đánh giá của các tổ chức lớn có uy tín trong nước và nước ngoài, và của các Cơ quan quản lý trong tất cả các lĩnh vực hoạt động. Trong phạm vi báo cáo này, chúng tôi xin được tóm lược những thành tích tiêu biểu gần nhất:

Giải thưởng do các Cơ quan Quản lý vinh danh



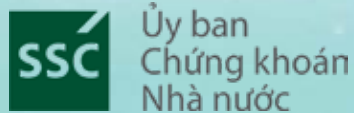
Thủ tướng Chính phủ

Cờ thi đua Chính phủ 2019.



Bộ Tài chính

- ▶ Bảng khen về thành tích xây dựng và phát triển TTCK Việt Nam giai đoạn 2009 – 2014.
- ▶ Bảng khen về thành tích xây dựng và phát triển Hiệp hội kinh doanh chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2015 – 2018.
- ▶ Cờ thi đua khen thưởng về Thành tích tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua ngành Tài chính năm 2017.
- ▶ Danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc 2016 – 2017 – 2021 – 2022.



Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- ▶ Bảng khen về thành tích xuất sắc trong hoạt động của Thị trường Trái phiếu thứ cấp năm 2012.
- ▶ Bảng khen về thành tích trong xây dựng và phát triển Hiệp hội kinh doanh chứng khoán Việt Nam nói riêng và Thị trường chứng khoán nói chung giai đoạn 2018 – 2020.



Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam (VNXX)

Top 10 Thành viên giao dịch có thị phần môi giới CP&CCQ lớn nhất năm 2022 do VNXX bình chọn tại Hội nghị thành viên năm 2023.



Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNXX)

- ▶ Thành viên tiêu biểu trong 8 năm liên tiếp 2013 – 2020.
- ▶ Top 30 Doanh nghiệp niêm yết minh bạch nhất trong 4 năm liên tiếp 2013 – 2016.



Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

- ▶ Công ty chứng khoán tiêu biểu: Top 5 thị phần giá trị giao dịch môi giới trái phiếu năm 2015.
- ▶ Công ty chứng khoán tiêu biểu: Top 10 thị phần giá trị giao dịch môi giới cổ phiếu và chứng chỉ quỹ năm 2016.
- ▶ Công ty Chứng khoán Thành viên tiêu biểu giai đoạn 2018 – 2019.



Trung tâm lưu ký chứng khoán

- ▶ Top 10 Thành viên tiêu biểu trong hoạt động thanh toán tiền chứng khoán năm 2017.
- ▶ Thành viên tiêu biểu trong hoạt động thanh toán giao dịch chứng khoán cơ sở 3 năm liên tiếp 2018 – 2020.



THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

GIẢI THƯỞNG (tiếp theo)

Giải thưởng khác



Trung tâm sách kỷ lục Việt Nam

Chứng nhận Công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam.



Ủy ban Trung ương Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam

► Top 200 Sao Vàng Đất Việt 2015.

► Top 100 Sao Vàng Đất Việt 2018.



Cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết tiêu biểu

Top 10 Báo cáo thường niên tốt nhất Nhóm vốn hóa vừa 05 năm liên tiếp 2017-2021.



Giải thưởng Doanh nghiệp phát triển bền vững

Top 100 Các Doanh nghiệp bền vững 06 năm liên tiếp 2018 - 2023.



Cuộc Bình chọn Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam do Anphabe phối hợp với VCCI tổ chức

► Top 50 Doanh nghiệp Việt có thương hiệu tuyển dụng hấp dẫn nhất Việt Nam 05 năm liên tiếp 2018 - 2022.

► Top 100 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam 2021 - 2023.

► Top 1 Ngành Dịch vụ Tài chính năm 2023.



Giải thưởng Thương hiệu mạnh Việt Nam

Top 100 Thương hiệu mạnh Việt Nam 2021.



Giải thưởng Vietnam Profit 500

Top 500 Doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam năm 2022.



Diễn đàn cấp cao Cố vấn tài chính Việt Nam

► Dịch vụ môi giới tài chính tiêu biểu.

► Sản phẩm công nghệ và chuyển đổi số tiêu biểu.



THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

GIẢI THƯỞNG (tiếp theo)

Giải thưởng khác (tiếp theo)



Diễn đàn M&A thường niên

- ▶ Công ty chứng khoán tiêu biểu và tốt nhất - hạng mục tư vấn cổ phần hóa/thoái vốn/M&A 8 năm liên tiếp 2013 - 2020.
- ▶ Công ty chứng khoán tư vấn M&A tiêu biểu thập kỷ 2009 - 2018.
- ▶ Nhà tư vấn M&A tiêu biểu giai đoạn 2009 - 2023.

Giải thưởng Quốc tế



Global Banking and Finance Review (Anh Quốc)

- ▶ Nhà môi giới tốt nhất Việt Nam 03 năm liên tiếp 2015 - 2017.
- ▶ Nhà tư vấn tốt nhất Việt Nam 2016 - 2017.
- ▶ Công ty chứng khoán chuyển đổi số tốt nhất Việt Nam 2021.
- ▶ Nền tảng chuyển đổi số tốt nhất Việt Nam 2022.
- ▶ Giải thưởng Top 100 Doanh nghiệp toàn cầu 2022 & 2023 - Nền tảng giao dịch.



International Finance Magazine (Anh Quốc)

- ▶ Tổ chức tư vấn chứng khoán tốt nhất Việt Nam 2018 - 2019.
- ▶ Tổ chức môi giới chứng khoán tốt nhất Việt Nam 2018.



International Business Magazine (UAE)

Tổ chức môi giới chứng khoán tốt nhất Việt Nam 2020.



Global Business Outlook Awards

Công ty chứng khoán tốt nhất Việt Nam 2021.



World Economic Magazine Award

Tổ chức môi giới chứng khoán có hoạt động bền vững nhất 2021 & 2023.



Finance Derivative Magazine

Công ty tư vấn chứng khoán bền vững nhất Việt Nam năm 2022.



The Global Economics

Nền tảng giao dịch chứng khoán tiên phong nhất - Bwise năm 2021.

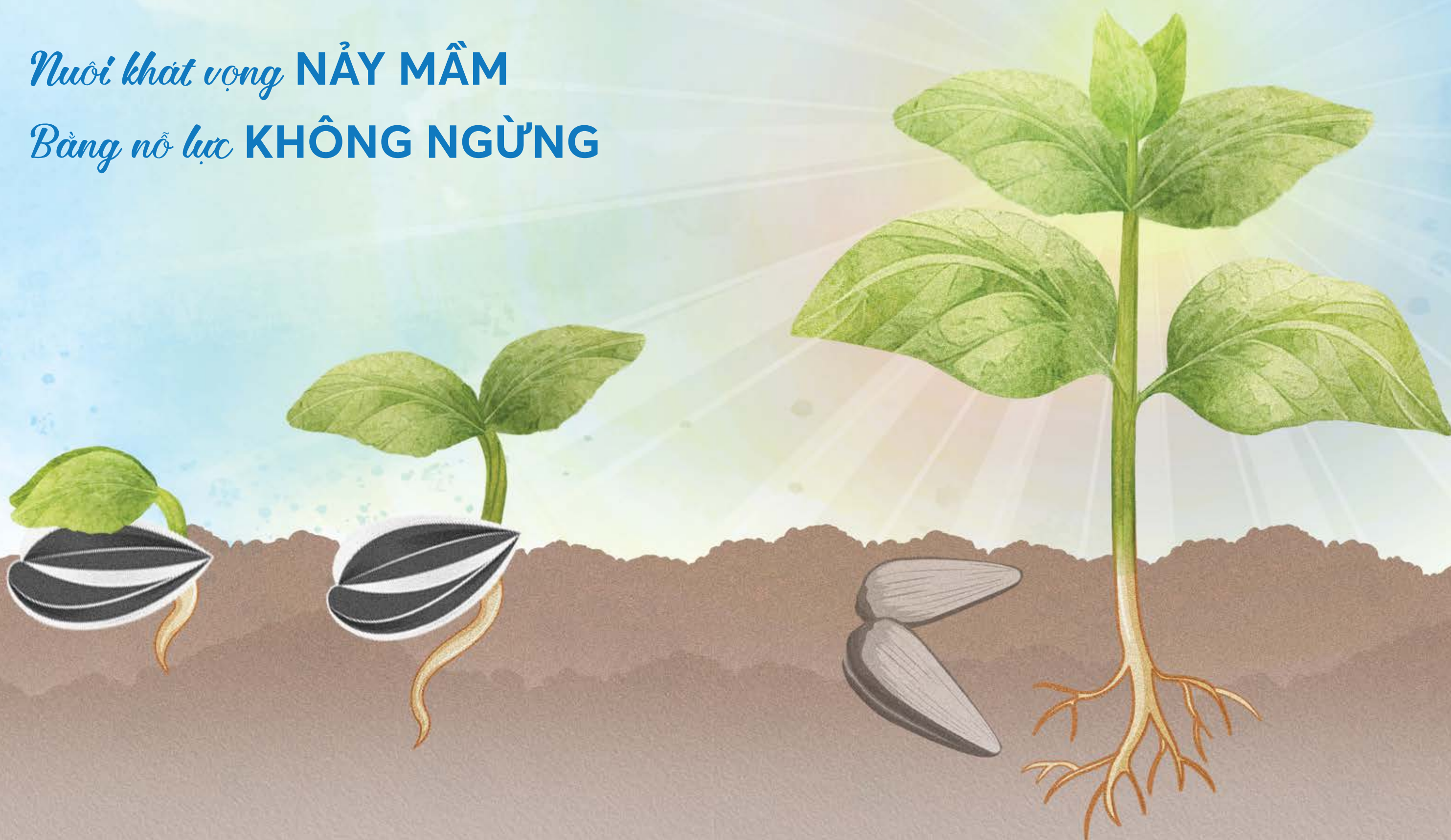


CÁC CHỈ SỐ CƠ BẢN (KPIs)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2019	2020	2021	2022	2023
I. CHỈ TIÊU CƠ BẢN					
Tổng doanh thu	563,65	594,15	1.147,11	921,54	935,48
▸ Lãi từ đầu tư các tài sản tài chính	192,83	212,91	255,98	163,21	219,83
▸ Lãi từ các khoản cho vay và phải thu (gồm lãi cho margin & ứng trước)	193,70	174,09	361,77	325,81	330,27
▸ Doanh thu hoạt động môi giới CK	135,86	151,39	467,67	320,15	307,77
▸ Doanh thu Tư vấn và bảo lãnh, đại lý phát hành CK, ủy thác đầu giá	11,08	21,47	41,02	32,45	2,20
▸ Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	5,85	5,68	9,23	9,50	7,20
▸ Doanh thu hoạt động tài chính và doanh thu khác	24,34	28,61	11,44	70,41	68,22
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	151,29	154,37	351,59	179,25	235,41
Lợi nhuận khác	(0,13)	(0,04)	(0,56)	1,75	(0,19)
Lợi nhuận trước thuế	151,16	154,33	351,03	181,00	235,22
Lợi nhuận sau thuế	135,51	132,38	282,94	146,89	195,72
Lợi nhuận thực hiện sau thuế	127,93	105,03	232,20	213,69	157,64
Tổng tài sản	2.397,85	3.412,99	5.719,30	3.857,65	6.013,66
Vốn chủ sở hữu	1.806,63	1.874,74	2.144,45	2.180,94	2.314,78
II. CHỈ TIÊU ĐẶC THÙ					
Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng	714%	518%	489%	654%	445%
Hệ số thanh toán tổng quát: <i>Tổng tài sản/Tổng nợ</i>	4,06	2,22	1,60	2,30	1,63
Hệ số thanh toán ngắn hạn: <i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i>	12,26	2,15	1,60	2,20	1,55
Hệ số thanh toán nhanh <i>((Tiền và các khoản tương đương tiền + Đầu tư ngắn hạn)/Nợ ngắn hạn)</i>	12,02	2,13	1,54	2,11	1,53
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)	1.693	1.389	3.042	2.782	2.052

Nuôi khát vọng **NẢY MẦM**
Bằng nỗ lực **KHÔNG NGỪNG**





TỔNG QUAN NỀN KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2023

TỔNG QUAN NỀN KINH TẾ

Thuận lợi

01

Chính sách tiền tệ nới lỏng ngay từ đầu năm, NHNN thực hiện tới 4 lần hạ lãi suất từ tháng 3 tới tháng 6. Mặt bằng lãi suất điều hành giảm xuống sát mức thấp nhất trong đại dịch Covid-19 tạo điều kiện cho lãi suất tiết kiệm giảm mạnh, nhằm hỗ trợ cho tăng trưởng kinh tế. Trong năm 2023, lãi suất huy động trung bình kỳ hạn 12 tháng đã giảm tới 3,54 điểm phần trăm.

02

Lạm phát được kiểm soát và giữ ở mức thấp. Việc kiểm soát giá cả cùng những sự hỗ trợ giảm giá như giảm thuế VAT, giảm một số loại phí, thuế đối với mặt hàng xăng dầu,... đã giúp cho lạm phát cả năm chỉ ở mức 3,25%, thấp hơn nhiều so với mục tiêu 4,5% đề ra từ đầu năm.

03

Tỷ giá ổn định hơn. Tỷ giá USD/VND biến động trong khoảng -0,83% - 4,07%, ổn định hơn rất nhiều so với những thời điểm mất giá, xấp xỉ 9% trong năm 2022. Kết thúc năm 2023, đồng VND mất giá 2,69%.

04

Đầu tư công được đẩy mạnh. Nguồn vốn phân bổ cho giải ngân đầu tư công trong năm 2023 là rất lớn khi vừa bao gồm nguồn vốn của kế hoạch đầu tư công 2021-2025, vừa bao gồm nguồn vốn từ Chương trình phục hồi kinh tế sau đại dịch cho 2 năm 2022-2023. Tổng kế hoạch vốn cho năm 2023 chưa bao gồm vốn còn lại từ năm 2022 chuyển sang là hơn 760 nghìn tỷ đồng, để lại dư địa lớn cho giải ngân đầu tư công trong cả năm 2023. Đây cũng là động lực tăng trưởng chính đối với nền kinh tế Việt Nam trong năm nay.

05

Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) diễn ra tích cực nhờ việc Việt Nam đẩy mạnh các hoạt động ngoại giao, trở thành đối tác chiến lược toàn diện với 2 quốc gia lớn là Mỹ và Nhật Bản trong khi duy trì các hiệp định thương mại tự do với nhiều quốc gia và khu vực khác. Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20/12/2023 đạt 36,61 tỷ USD, tăng tới 32,07% so với cùng kỳ và là mức tích cực nhất trong 4 năm trở lại đây. Vốn FDI thực hiện cũng tăng 3,51% lên 23,18 tỷ USD, cao nhất từ trước tới nay.

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20/12/2023

36,61 tỷ USD

tăng **32,07%** so với cùng kỳ

Vốn FDI thực hiện

23,18 tỷ USD

mức cao nhất từ trước tới nay



Khó khăn

01

Tăng trưởng GDP ở mức thấp. Tăng trưởng GDP đạt 5,05% thấp hơn so với mục tiêu 6-6,5% mà Chính phủ đặt ra từ đầu năm.

02

Xuất khẩu gặp khó khăn do các đối tác xuất khẩu chính của Việt Nam là Mỹ, Châu Âu, Trung Quốc có triển vọng tăng trưởng kém tích cực, trong bối cảnh lạm phát và lãi suất vẫn ở mức cao và lãi suất liên tục tăng. Xuất khẩu trong năm 2023 ghi nhận mức sụt giảm 4,48% so với cùng kỳ năm trước.

03

Tăng trưởng tiêu dùng cũng chậm lại trong năm 2023. Năm 2023 đối diện với nhiều khó khăn, đặc biệt là thu nhập của người lao động đã bị ảnh hưởng đáng kể khi xuất khẩu, sản xuất sụt giảm. Điều này đã khiến cho tăng trưởng tiêu dùng trong nước thu hẹp, chỉ tăng 8,35% - thấp hơn khá nhiều so với mức tăng trưởng trung bình giai đoạn trước dịch (11-12%).

04

Tăng trưởng tín dụng phần lớn các tháng trong năm ở mức thấp, cụ thể 10 tháng đầu năm tăng trưởng dưới 10% so với cùng kỳ. Một mặt do mặt bằng lãi suất cho vay tăng cao từ đầu năm và vẫn chưa giảm nhiều trong năm 2023. Trong khi đó, thị trường bất động sản vẫn còn gặp nhiều khó khăn, hoạt động sản xuất, xuất khẩu cũng gặp khó do cầu tiêu dùng kém đã khiến nhu cầu về vốn giảm sút.



TỔNG QUAN NỀN KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2023 (tiếp theo)

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Cơ hội

01

Trung Quốc mở cửa trở lại nền kinh tế, xung đột địa chính trị Nga – Ukraine hạ nhiệt cũng là các yếu tố hỗ trợ cho thị trường tài chính toàn cầu và TTCK Việt Nam.

02

Môi trường chính trị-xã hội trong nước duy trì ổn định. Nhiều chính sách hỗ trợ nền kinh tế được ban hành như Nghị quyết 33 thúc đẩy thị trường bất động sản, Nghị định 08 được ban hành thay thế cho Nghị định 65 giúp cho hoạt động đàm phán giãn nợ hoặc thanh toán gốc/tài sản có thể diễn ra thuận lợi hơn, Thông tư 02 và 03 cho phép hoãn trích lập nợ xấu và cho phép mua TPDN, quyết định giảm thuế VAT xuống 8% trong nửa cuối năm 2023 của UBNDTP...

03

Mặt bằng lãi suất trong nước giảm giúp khơi thông dòng vốn tín dụng và thúc đẩy quá trình giải ngân đầu tư công. Mặt khác nhờ môi trường lãi suất thấp và việc có nhiều thông tin tích cực xuất hiện, đã thu hút được các nhà đầu tư cá nhân trở lại thị trường. Dòng tiền nội đã trở thành trụ cột nâng đỡ thị trường trong bối cảnh nhà đầu tư nước ngoài liên tục bán ròng.

04

Định giá của thị trường Việt Nam hiện vẫn ở mức hấp dẫn. So với các thị trường khác trong khu vực hay các thị trường mới nổi khác, định giá 2024 theo PE của Việt Nam vẫn ở mức thấp.

Thách thức

01

NHTW các nước lớn tiếp tục lộ trình tăng lãi suất và thu hẹp bảng cân đối kế toán. Trong đó, Cục Dự trữ liên bang Mỹ (FED) đã có 4 lần nâng lãi suất trong năm 2023, qua đó tạo sức ép lên tỷ giá trong nước khiến Việt Nam gặp thách thức không nhỏ trong việc điều hành chính sách tiền tệ theo hướng nới lỏng để hỗ trợ tăng trưởng.

02

Hệ thống tài chính toàn cầu xuất hiện các hệ lụy từ môi trường lãi suất cao. Trong năm 2023, liên tục có các ngân hàng tại Mỹ và châu Âu bị phá sản hoặc rơi vào khủng hoảng, bị buộc phải sáp nhập, gây ảnh hưởng tiêu cực đến thị trường tài chính thế giới và tâm lý của nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán.

03

Áp lực đáo hạn trái phiếu doanh nghiệp tạo áp lực về dòng tiền đối với các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp trong lĩnh vực bất động sản. Các doanh nghiệp sẽ phải thực hiện bán tài sản có tính thanh khoản cao như cổ phiếu để bù đắp sự thiếu hụt thanh khoản.

04

Nhà đầu tư nước ngoài bán ròng. Khối ngoại đã bán ròng mạnh trong năm 2023 trên sàn HSX với giá trị gần 25 nghìn tỷ đồng. Tính chung cả 3 sàn HSX, HNX và Upcom thì khối ngoại bán ròng gần 23 nghìn tỷ đồng.

05

KQKD của các doanh nghiệp niêm yết chưa cải thiện được như kỳ vọng. Tính trung bình của nhóm 80 doanh nghiệp lớn trên sàn (BVS-80), lợi nhuận chỉ tăng trưởng 1,5%.





TỔNG QUAN NỀN KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2023 (tiếp theo)

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN (tiếp theo)

Diễn biến thị trường chứng khoán năm 2023

Năm 2023, Thị trường chứng khoán Việt Nam có nhiều sự biến động mạnh với các nhịp tăng điểm và theo sau là các cú sốc giảm điểm mạnh, tuy nhiên thị trường chứng khoán năm 2023 vẫn được đánh giá là thị trường có sự tăng trưởng tích cực so với giai đoạn cuối năm 2022 và so với các nước trong khu vực và trên thế giới.

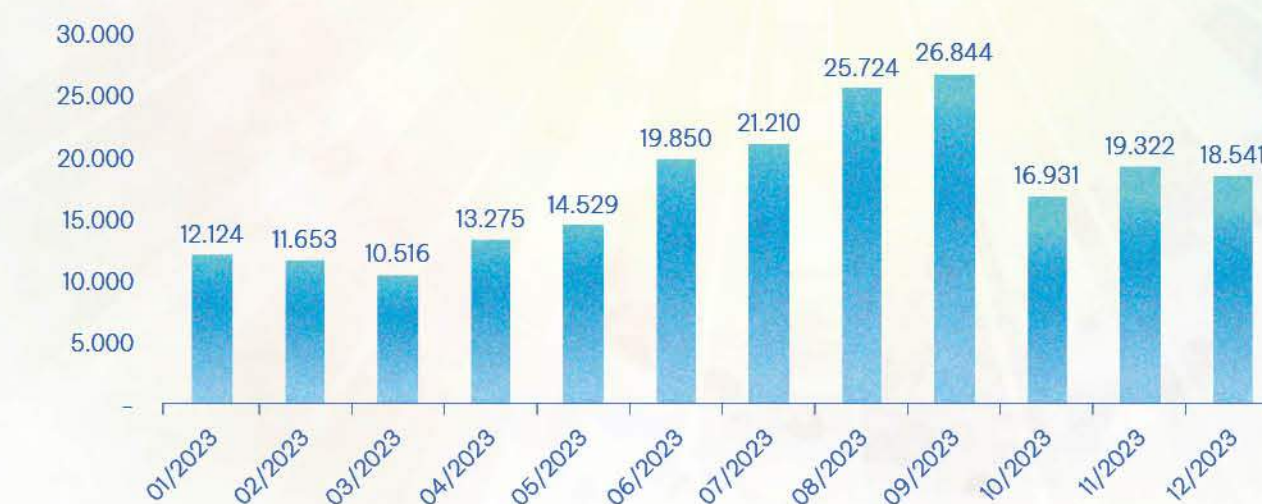
Về chỉ số: Trong năm, chỉ số chứng khoán đã biến động với biên độ khá rộng. VN-Index đóng cửa tại 1.129,93 điểm, tăng 122,93 điểm tương đương 12,2% so với cùng kỳ. Trong đó, chỉ số VN-Index trong năm cao nhất đạt mức 1245,5 điểm và thấp nhất đạt 1021,2 điểm (giảm khoảng 18% so với mức cao nhất). Tương tự, HNX-Index đóng cửa tại 231,04 điểm, tăng 26,04 điểm tương đương 12,7%; biên độ giảm là 21% so với mức điểm cao nhất. Điều này cho thấy tính không ổn định của thị trường, do đó còn nhiều nhà đầu tư còn đứng ngoài quan sát rủi ro này.

Diễn biến của VN-Index và HNX-Index trong năm 2023



Về thanh khoản: Tính chung cả năm, giá trị giao dịch trung bình phiên trên cả 3 sàn ở mức 17.654 tỷ đồng, giảm 13% so với năm 2022.

GTGD bình quân toàn thị trường năm 2023 (tỷ đồng/phiên)



Nhà đầu tư nước ngoài bán ròng trên thị trường, tổng giá trị mua vào là 323.055 tỷ đồng và tổng giá trị bán ra là 344.728 tỷ đồng trên sàn HSX và HNX, chênh lệch bán ròng 21.673 tỷ đồng.

Tổng giá trị mua vào trên sàn HSX và HNX

323.055 tỷ đồng



Tổng giá trị bán ra trên sàn HSX và HNX

344.728 tỷ đồng





BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 2023

Về triển khai các nhiệm vụ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2023

Triển khai nhiệm vụ kinh doanh

Trước diễn biến của Thị trường chứng khoán năm 2023, để triển khai kế hoạch kinh doanh, HĐQT chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc chủ động, linh hoạt bám sát diễn biến tình hình thị trường để triển khai đồng bộ nhiều giải pháp về nguồn nhân lực, công nghệ, sản phẩm dịch vụ, quản trị rủi ro và đẩy mạnh chiến lược chuyển đổi số toàn diện nhằm gia tăng năng lực cạnh tranh của Công ty. Kết quả đạt được cụ thể như sau:



Tổng doanh thu và thu nhập khác năm 2023 đạt

935,9 tỷ đồng

hoàn thành **121,8%** kế hoạch

► Tổng doanh thu và thu nhập khác năm 2023 đạt 935,9 tỷ đồng hoàn thành 121,8% KH (768,5 tỷ đồng). Trong đó, doanh thu thực hiện là 869,9 tỷ đồng hoàn thành 120,8% KH (720 tỷ đồng).



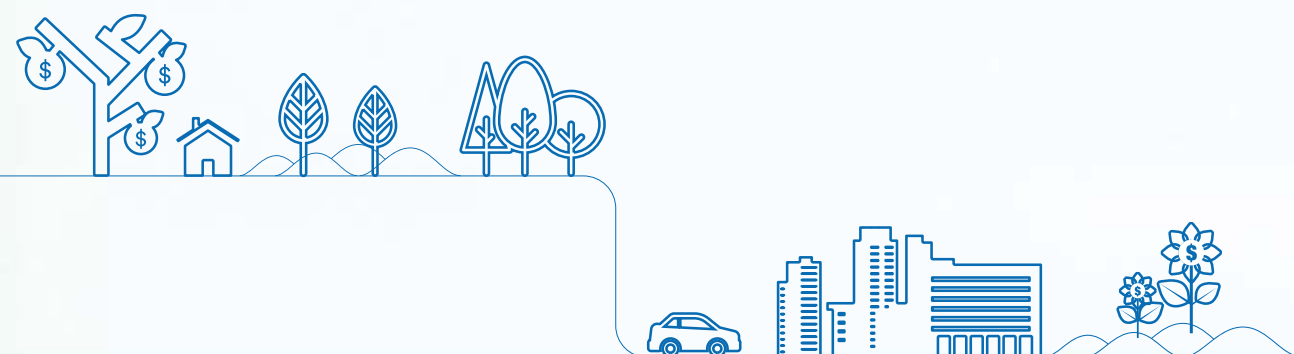
Lợi nhuận sau thuế 2023 đạt

195,7 tỷ đồng

hoàn thành **125,7%** kế hoạch

► Lợi nhuận sau thuế 2023 đạt 195,7 tỷ đồng hoàn thành 125,7% KH (155,7 tỷ đồng). Trong đó, lợi nhuận sau thuế thực hiện năm đạt 157,6 tỷ đồng hoàn thành 108,7% KH (145 tỷ đồng).

► Với kết quả kinh doanh như trên, HĐQT đánh giá Ban Tổng Giám đốc và Công ty hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ kinh doanh năm 2023.



Triển khai nhiệm vụ khác

Thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2023, HĐQT phối hợp BKS, Ban Tổng Giám đốc triển khai thực hiện các nhiệm vụ:

- Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2022 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ bao gồm thanh toán cổ tức cho cổ đông với tỷ lệ 10% trên mệnh giá cổ phần, trích lập các quỹ dự phòng, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng ban quản trị.
- Triển khai lựa chọn Công ty kiểm toán để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024, 2025, 2026.
- Triển khai đầu tư Dự án cải tạo văn phòng trụ sở Công ty tại đơn nguyên B Tòa nhà số 08 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm và hoàn thành việc chuyển trụ sở

Công ty từ địa chỉ cũ: Tầng 1, 4 và 7 đơn nguyên A Tòa nhà Bảo Việt số 8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội sang địa chỉ mới đơn nguyên B Tòa nhà Bảo Việt số 8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam vào tháng 02/2024.

- Theo ủy quyền của ĐHĐCĐ thường niên năm 2023, HĐQT đã thông qua việc sửa đổi Điều lệ của BVSC tương ứng với thay đổi địa chỉ Công ty và tiến hành lưu hành Điều lệ sửa đổi, bổ sung lần thứ 14.

Nâng cao năng lực và sức cạnh tranh của Công ty thông qua việc chỉ đạo Công ty triển khai đồng bộ các giải pháp, trong đó ưu tiên

- Gia tăng “trải nghiệm khách hàng” với việc thành lập Trung tâm CSKH và khai trương tổng đài nhận lệnh và CSKH 19001018, liên tục cải tiến sản phẩm và thiết kế các chương trình khuyến mại kèm theo về ưu đãi phí, lãi suất margin hấp dẫn, đặc biệt chuỗi webinar “Thứ 4 pitstop” lần đầu tiên triển khai như một kênh tư vấn đầu tư trực tuyến nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng.
- Đảm bảo sử dụng linh hoạt nguồn vốn nhằm tối ưu hóa hiệu quả mang lại cho Công ty, tăng cường đàm phán với các Ngân hàng thương mại để gia tăng các khoản vay ngắn hạn cũng như chủ động tìm kiếm các kênh huy động vốn đáp ứng nhu cầu khách hàng.
- Tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện bám sát định hướng Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2025 như: hoàn tất việc xây dựng hệ thống giao dịch trái phiếu riêng lẻ và là 01 trong 09 thành viên giao dịch trái phiếu riêng lẻ đầu tiên của HNX; hoàn tất nâng cấp toàn diện App mobile; xây dựng vận hành website mới của Công ty với nhiều tính năng mới, thay đổi giao diện linh hoạt mở ra một hành trình đổi mới hướng tới một thương hiệu năng động, hiện đại trong thời kỳ 4.0.





BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

CÔNG TÁC GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm, HĐQT đã giám sát, chỉ đạo hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua cơ chế báo cáo định kỳ, thông qua các chỉ đạo, nghị quyết, quyết định của HĐQT, và vai trò của các ủy ban trực thuộc HĐQT và cơ quan Kiểm toán nội bộ và qua công tác kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát.

Thông qua các cơ chế kiểm tra, giám sát nêu trên, HĐQT đánh giá cao Ban Tổng Giám đốc trong năm 2023:

- (i) Đã luôn chủ động bám sát diễn biến thị trường nhằm đề ra giải pháp linh hoạt, đồng bộ về sản phẩm dịch vụ, nguồn vốn, con người, công nghệ và quản trị rủi ro để Công ty hoàn thành tốt KHKD năm 2023;
- (ii) Công ty phát triển được những sản phẩm, dịch vụ mới và các hoạt động chuyển đổi số toàn diện bám sát định hướng Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2025;
- (iii) Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao luôn cẩn trọng, trung thực, hiệu quả và công khai các lợi ích liên quan theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty và nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT.



THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU XÃ HỘI VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Song song với những mục tiêu về kinh tế, HĐQT nhận thức mục tiêu bảo vệ môi trường và trách nhiệm cộng đồng, xã hội chính là các yếu tố nền tảng cho sự thành công lâu dài, bền vững của BVSC. Do đó, kể từ năm 2023 chương trình “Mang hơi ấm tới vùng cao” của BVSC đã có sự dịch chuyển, kịp thời nắm bắt tình hình về việc thiếu điều kiện cơ sở vật chất lẫn nhận thức về chăm sóc vệ sinh cá nhân, sự khan hiếm nguồn nước sạch để tài trợ các công trình thiết yếu như xây dựng nhà vệ sinh đạt chuẩn và trang bị đường dẫn nước sạch; bên cạnh các hoạt động truyền thống gồm trao quà tặng và một số nhu yếu phẩm cho các em học sinh trong năm mới tại xã Cẩn Nông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng. Trong khuôn khổ chương trình, BVSC đã phối hợp với Bệnh viện Tim Hà Nội triển khai hoạt động khám sàng lọc cho

tổng cộng 1.230 học sinh cũng như tiếp tục tài trợ chi phí chữa trị cho một số bệnh nhi được chỉ định phẫu thuật can thiệp.

Bên cạnh đó, Công ty cũng ưu tiên nghiên cứu, ứng dụng công nghệ trong hoạt động kinh doanh để giảm thiểu các tác động đến môi trường, tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường trong thi công xây dựng, ưu tiên mua sắm các thiết bị tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường. BVSC phát động phong trào “Văn hóa 5S” được triển khai sâu rộng tới các cán bộ nhằm mục tiêu tạo môi trường làm việc ngăn nắp, sạch sẽ, thông thoáng, đồng thời giảm thiểu các lãng phí thời gian tìm kiếm hồ sơ, tài liệu, lãng phí vật tư, nâng cao tinh thần trách nhiệm, tạo sự thoải mái trong quá trình làm việc qua đó tăng năng suất lao động.

(Thông tin chi tiết về nội dung thực hiện các mục tiêu xã hội, môi trường vui lòng xem thêm tại Chương V Phát triển bền vững, từ trang 156 đến trang 193 Báo cáo này).



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2024

Trên cơ sở dự báo điều kiện kinh tế và TTCK năm 2024 (vui lòng tham khảo tại Chương III, từ trang 72 đến trang 73 của Báo cáo này), HĐQT đã thống nhất định hướng hoạt động và những nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2024 như sau:

Tập trung định hướng và chỉ đạo Công ty hoàn thành KHKD năm 2024 với các chỉ tiêu sau



Định hướng kinh doanh trong năm 2024, BVSC tiếp tục triển khai tất cả các nghiệp vụ kinh doanh; tăng cường quản trị rủi ro; đẩy mạnh việc phát triển sản phẩm, dịch vụ mới trên nền tảng công nghệ.

(KHKD năm 2024 gắn với dự báo tăng trưởng kinh tế vĩ mô và diễn biến TTCK như được trình bày tại Chương III của Báo cáo này; và có thể được điều chỉnh để sát với tình hình thực tế tăng trưởng kinh tế và TTCK năm 2024)

Tiếp tục nâng cao năng lực và sức cạnh tranh của Công ty

HĐQT bám sát diễn biến thị trường để có các định hướng và chỉ đạo Công ty tổ chức triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm thúc đẩy Hoạt động môi giới, Hoạt động tư vấn và bảo lãnh, đại lý phát hành, Hoạt động tự doanh; liên tục cải tiến sản phẩm, nâng cấp hệ thống nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và gia tăng trải nghiệm cho khách hàng. Bên cạnh đó, HĐQT tiếp tục chỉ đạo Công ty sử dụng linh hoạt nguồn vốn nhằm tối ưu hóa hiệu quả mang lại cho Công ty; tăng cường đàm phán với các Ngân hàng thương mại để gia tăng các khoản vay ngắn hạn, triển khai phương án phát hành trái phiếu, cũng như chủ động tìm kiếm các kênh huy động vốn đáp ứng nhu cầu khách hàng; qua đó nâng cao năng lực tài chính cho Công ty.

Nhằm phát huy lợi thế trong hệ sinh thái Tập đoàn Bảo Việt, HĐQT sẽ tiếp tục chỉ đạo Công ty đẩy mạnh triển khai các dự án hợp lực giữa Tập đoàn Bảo Việt, và các đơn vị thành viên nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh doanh, nâng cao hiệu quả hoạt động.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN ĐỐI VỚI BVSC

Cùng với cơ hội và thách thức đến từ bối cảnh kinh tế vĩ mô và TTCK đã phân tích tại Phần 1 của Chương này, đối với BVSC khó khăn lớn nhất trong năm 2023 cũng như nhiều năm trở lại đây là nguồn vốn kinh doanh. Một mặt Công ty chưa thực hiện được kế hoạch tăng vốn, mặt khác khả năng tiếp cận vốn vay của BVSC cũng không thuận lợi như các CTCK thuộc khối các Ngân hàng TMCP, BVSC không huy động được nguồn vốn nhàn rỗi từ các đơn vị thành viên do những quy định liên quan trong lĩnh vực Bảo hiểm đã làm hạn chế khả năng tiếp cận vốn vay của BVSC. Tuy nhiên, là Công ty chứng khoán uy tín và có bề dày kinh nghiệm lâu bền trên TTCK, với lợi thế nguồn nhân lực trình độ chuyên môn cao, am hiểu thị trường, cùng những nỗ lực trong công tác phát triển sản phẩm, quản trị rủi ro, ứng dụng chuyển đổi số linh hoạt, Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ kinh doanh năm 2023.

ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA BVSC NĂM 2023

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	TH 2022	TH 2023	KH 2023	TH 2023 so với KH 2022	TH 2023 so với cùng kỳ
Tổng doanh thu	921,54	935,48	768,50	121,73%	101,51%
Trong đó: Doanh thu đã thực hiện	898,45	869,48	720,00	120,76%	96,78%
Tổng chi phí	742,84	700,07	574,63	121,83%	94,31%
Trong đó: Chi phí đã thực hiện	640,18	677,02	538,75	125,67%	105,75%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	179,25	235,41	193,87	121,43%	131,33%
Lợi nhuận khác	1,75	(0,19)	-		-10,56%
Lợi nhuận trước thuế	181,00	235,22	193,87	121,33%	129,96%
Lợi nhuận trước thuế đã thực hiện	258,26	192,28	181,25	106,08%	74,45%
Lợi nhuận sau thuế	146,89	195,72	155,72	125,69%	133,25%
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	213,69	157,64	145,00	108,72%	73,77%

Nguồn: BCTC kiểm toán 2023





BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA BVSC NĂM 2023 (tiếp theo)



Tổng doanh thu 2023 của Công ty đạt 935,48 tỷ đồng, trong đó doanh thu thực hiện là 869,48 tỷ đồng bằng 120,76% so với kế hoạch và bằng 96,78% so với cùng kỳ năm trước. Chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng doanh thu của Công ty vẫn là 3 mảng hoạt động chính bao gồm môi giới, thu lãi từ các khoản cho vay giao dịch ký quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán và doanh thu từ hoạt động đầu tư tài sản tài chính chiếm tới 91,70% cơ cấu tổng doanh thu của Công ty.



Lợi nhuận trước thuế cả năm là 235,22 tỷ đồng, trong đó, lợi nhuận thực hiện trước thuế là 192,28 tỷ đồng, bằng 106,08% so với kế hoạch và bằng 74,45% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 195,72 tỷ đồng trong đó, lợi nhuận thực hiện sau thuế đạt 157,64 tỷ đồng, bằng 108,72% kế hoạch và bằng 73,77% so với cùng kỳ năm trước.

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH VÀ SO VỚI CÙNG KỲ NĂM LIỀN KẾ

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2023	So sánh %	
				Tỷ lệ TH 2023 so với KH 2023	Tỷ lệ TH so với TH kỳ trước
I. Tổng Doanh thu, trong đó:	921,54	935,48	768,50	121,73%	101,51%
1. Doanh thu hoạt động	855,27	870,49	739,20	117,76%	101,78%
1.1. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	320,15	307,77	215,80	142,62%	96,13%
1.2. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	325,81	330,27	311,00	106,20%	101,37%
▪ Lãi cho vay margin	265,86	264,40	263,00	100,53%	99,45%
▪ Lãi cho vay ứng trước	59,95	65,87	48,00	137,22%	109,87%
1.3. Lãi từ các tài sản tài chính (hoạt động đầu tư)	163,21	219,83	184,86	118,92%	134,69%
▪ Trong đó: Lãi tài sản tài chính đã thực hiện	137,81	153,82	136,36	112,81%	111,62%
▪ Lãi tài sản tài chính chưa thực hiện	25,40	66,00	48,50	136,09%	259,88%
1.4. Doanh thu nghiệp vụ Tư vấn, bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	32,45	2,20	19,00	11,61%	6,80%
1.5. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	9,50	7,20	7,00	102,80%	75,73%
1.6. Doanh thu hoạt động khác	4,14	3,23	1,54	209,44%	78,17%
2. Doanh thu hoạt động tài chính	66,28	64,99	29,30	221,81%	98,06%
II. Tổng chi phí	(742,30)	(700,07)	(574,63)	121,83%	94,31%
1. Chi phí hoạt động	(483,29)	(431,84)	(324,03)	133,27%	89,35%
Trong đó:	(380,63)	(408,78)	(288,15)	141,87%	107,40%
▪ Chi phí thực hiện	(380,63)	(408,78)	(288,15)	141,87%	107,40%
▪ Chi phí chưa thực hiện	(102,66)	(23,06)	(35,88)	64,25%	22,46%
2. Chi phí hoạt động tài chính	(143,70)	(123,35)	(149,30)	82,62%	85,84%
3. Chi phí quản lý	(115,30)	(144,88)	(101,30)	143,03%	125,66%
III. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	179,25	235,41	193,87	121,43%	131,33%
IV. Lợi nhuận/Lỗ khác	1,75	(0,19)	-	-	-10,56%
Trong đó:	2,30	0,42	-	-	18,31%
▪ Thu nhập khác	2,30	0,42	-	-	18,31%
▪ Chi phí khác	(0,55)	(0,61)	-	-	111,19%
V. Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế	181,00	235,22	193,87	121,33%	129,96%
Trong đó:	258,26	192,28	181,25	106,08%	74,45%
▪ Lợi nhuận kế toán thực hiện trước thuế	258,26	192,28	181,25	106,08%	74,45%



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH VÀ SO VỚI CÙNG KỲ NĂM LIỀN KỀ (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2023	So sánh %	
				Tỷ lệ TH 2023 so với KH 2023	Tỷ lệ TH so với TH kỳ trước
VIII. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)	(34,12)	(39,50)	(38,15)	103,54%	115,79%
1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	(44,57)	(34,64)	(36,25)	95,55%	77,72%
2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	10,45	(4,86)	(1,90)	256,45%	-46,51%
IX. Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	146,89	195,72	155,72	125,69%	133,25%
Trong đó:					
▪ Lợi nhuận kế toán thực hiện sau thuế	213,69	157,64	145,00	108,72%	73,77%
▪ Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	2.782	2.052	1.888	108,7%	73,76%

Nguồn: BCTC kiểm toán 2023

Về doanh thu

Doanh thu môi giới đạt

307,77 tỷ đồng

Doanh thu hoạt động môi giới: Trong bối cảnh giá trị giao dịch bình quân thị trường năm 2023 đạt 17.654 tỷ đồng, giảm 13% so với năm 2022 nhưng doanh thu môi giới vẫn đạt 307,77 tỷ đồng, bằng 142,62% so với kế hoạch, bằng 96,13% so với cùng kỳ năm trước. Có được kết quả này là nhờ các chính sách hỗ trợ xuyên suốt cả năm bao gồm ra mắt sản phẩm mới, nâng cấp hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin, chương trình khuyến mại,... Đồng thời, Công ty cũng chuẩn bị nguồn vốn, nâng cấp dịch vụ để tận dụng và nắm bắt tốt cơ hội khi thị trường tăng trưởng trở lại giúp kết quả hoạt động môi giới hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra.

Doanh thu hoạt động cho vay và phải thu đạt

330,27 tỷ đồng

Lãi từ hoạt động cho vay và phải thu: Khi thanh khoản thị trường giảm thì nhu cầu vay margin, ứng trước của nhà đầu tư cũng giảm theo, dư nợ cho vay bình quân của Công ty năm 2023 đạt 2.799,2 tỷ đồng giảm 136 tỷ đồng (giảm 4,6%) so với năm 2022. Mặt khác, trên nền mặt bằng lãi suất năm 2022 rất cao nên dù năm 2023 NHNN liên tục hạ lãi suất thì lãi suất cho vay bình quân của Công ty năm 2023 vẫn cao hơn 2022 khoảng 6,4%. Do đó, doanh thu hoạt động cho vay và phải thu vẫn đạt 330,27 tỷ đồng, hoàn thành 106,20% so với kế hoạch và bằng 101,37% so với cùng kỳ năm trước.

Doanh thu từ đầu tư tài sản tài chính: đạt 219,83 tỷ đồng, bằng 118,92% kế hoạch và bằng 134,69% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

- **Doanh thu thực hiện:** là 153,82 tỷ đồng (gồm: doanh thu đầu tư chứng khoán là 87,64 tỷ đồng và doanh thu đầu tư tiền gửi là 66,18 tỷ đồng), bằng 112,81% kế hoạch và bằng 111,62% so với cùng kỳ năm trước. Chính sách đầu tư chứng khoán của Công ty là duy trì quy mô ổn định và ở mức thấp. Do vậy, doanh thu hoạt động này năm 2023 là 87,64 tỷ đồng, tương đương với năm 2022 là 87,17 tỷ đồng. Nhưng với hoạt động đầu tư tiền gửi thì Công ty lại đẩy mạnh nhằm tận dụng cơ hội lãi suất huy động của các Ngân hàng thời điểm cuối năm 2022 và đầu năm 2023 cao nên doanh thu từ đầu tư tiền gửi năm 2023 đạt 66,18 tỷ tăng 15,54 tỷ (tăng 30,68%) so với năm 2022, đồng thời sử dụng làm công cụ thanh chi để đảm bảo tối ưu cho việc sử dụng nguồn vốn.
- **Doanh thu chưa thực hiện:** đạt 66 tỷ đồng bằng 136,09% so với kế hoạch, bằng 259,88% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu này là chênh lệch tăng khi đánh giá lại các tài sản tài chính. Thời điểm đánh giá thị trường tăng điểm nên các cổ phiếu trong danh mục đầu tư của Công ty tăng.

Doanh thu hoạt động tư vấn, bảo lãnh và đại lý phát hành chứng khoán: đạt 2,2 tỷ đồng, hoàn thành 11,6% kế hoạch. Hoạt động tư vấn trong năm qua ảnh hưởng khá nhiều bởi các chính sách vẫn chưa được khơi thông.

Doanh thu hoạt động lưu ký đạt 7,20 tỷ đồng, bằng 102,80% so với kế hoạch và bằng 75,73% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu năm 2023 giảm so với năm 2022 là do Công ty thanh lý các hợp đồng đại lý đăng ký, lưu ký và quản lý chuyển nhượng trái phiếu nhằm tuân thủ quy định tại Nghị định 65/2022/NĐ-CP, theo đó sau khi Hệ thống đăng ký, lưu ký trái phiếu và Hệ thống giao dịch Trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ đi vào vận hành chính thức thì Trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ phải được đăng ký, lưu ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.



Doanh thu khác đạt 3,23 tỷ đồng, đạt 209,44% so với kế hoạch và bằng 78,17% so với cùng kỳ năm trước.

Doanh thu từ hoạt động tài chính: Hoạt động tài chính của Công ty duy trì ở mức ổn định nên doanh thu này năm 2023 giảm nhẹ theo thị trường đạt 64,99 tỷ đồng, giảm 1,29 tỷ đồng (giảm 1,94%) so với năm 2022, bằng 221,81% so với kế hoạch và bằng 98,06% so với cùng kỳ năm trước.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH VÀ SO VỚI CÙNG KỲ NĂM LIỀN KỀ (tiếp theo)

Về Chi phí

Tổng chi phí năm 2023 là 700,07 tỷ đồng, bằng 121,83% so với kế hoạch và bằng 94,31% so với năm trước. Tốc độ tăng của tổng chi phí năm 2023 so với kế hoạch, tương ứng với tốc độ tăng của tổng doanh thu năm 2023 (121,73%). Trong đó:

Chi phí hoạt động kinh doanh

431,84 tỷ đồng

Chi phí hoạt động kinh doanh là 431,84 tỷ đồng, bằng 133,27% so với kế hoạch và bằng 89,35% so với cùng kỳ năm trước. Để duy trì mức tăng trưởng về thị phần môi giới, doanh thu hoạt động môi giới và các hoạt động kinh doanh chủ chốt khác, Công ty đã đẩy mạnh việc đầu tư cơ sở vật chất và công nghệ, con người, liên tục đẩy mạnh các chương trình khuyến mại, ưu đãi nhằm thúc đẩy khách hàng giao dịch tại BVSC,... vì vậy tổng chi phí tăng so với kế hoạch.

Chi phí hoạt động tài chính

123,35 tỷ đồng

Chi phí hoạt động tài chính trong kỳ đạt 123,35 tỷ đồng, bằng 82,62% kế hoạch và bằng 85,84% so với cùng kỳ năm trước. Chi phí này giảm nhờ lãi suất các khoản vay ngắn hạn của Công ty giảm theo lãi suất điều hành của NHNN.

Năm 2023, phát sinh không đáng kể khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái nên không ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Chi phí quản lý

144,88 tỷ đồng

Chi phí quản lý phát sinh trong năm 2023 đạt 144,88 tỷ đồng, bằng 143,03% so với số kế hoạch và bằng 125,66% so với cùng kỳ năm trước. Khoản tăng chi phí này chủ yếu do đầu tư vào cơ sở vật chất, các khoản chi phí có tính chất phúc lợi nhằm gắn kết người lao động, ổn định nhân sự,... để hỗ trợ phát triển hoạt động kinh doanh năm 2023 và tiền đề cho 2024.



Lợi nhuận

Năm 2023 lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 195,72 tỷ đồng, tăng so với cả kế hoạch năm 2023 và với cùng kỳ năm trước, cụ thể bằng 125,69% so với kế hoạch và bằng 133,25% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

Lợi nhuận thực hiện sau thuế đạt 157,64 tỷ đồng, giảm 56,05 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước, bằng 108,72% so với kế hoạch và bằng 73,77% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu là do doanh thu hoạt động Tư vấn và Bảo lãnh phát hành giảm 25 tỷ đồng; và chi phí khối kinh doanh và chi phí quản lý tăng 37,4 tỷ đồng nhằm thúc đẩy hoạt động kinh doanh của Công ty trong bối cảnh thị trường nhiều biến động và khó khăn.

Lợi nhuận chưa thực hiện sau thuế đạt 38,09 tỷ đồng, bằng 355,28% so với kế hoạch. Lợi nhuận này tăng mạnh là do thị trường tăng điểm vào thời điểm cuối năm nên các cổ phiếu trong danh mục đầu tư của Công ty tăng khi được đánh giá lại.

Phân tích cơ cấu, tỷ trọng doanh thu

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu Doanh thu	Thực hiện 2022	Tỷ trọng	Thực hiện 2023	Tỷ trọng	% thay đổi
1. Doanh thu hoạt động	855,27	92,81%	870,49	93,05%	1,78%
1.1. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	320,15	34,74%	307,77	32,91%	-3,87%
1.2. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu (bao gồm lãi cho vay margin & ứng trước)	325,81	35,36%	330,27	35,30%	1,37%
1.3. Lãi từ các tài sản tài chính	163,21	17,71%	219,83	23,50%	34,69%
1.4. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn, bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	32,45	3,52%	2,21	0,24%	-93,20%
1.5. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	9,50	1,03%	7,20	0,77%	-24,27%
1.6. Doanh thu hoạt động khác	4,14	0,45%	3,23	0,35%	-21,83%
2. Doanh thu hoạt động tài chính	66,28	7,19%	64,99	6,95%	-1,94%
Tổng Doanh thu (1) + (2)	921,54	100,00%	935,48	100%	1,51%



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH VÀ SO VỚI CÙNG KỲ NĂM LIỀN KẾ (tiếp theo)

Doanh thu của Công ty đến từ các hoạt động nghiệp vụ chính như: môi giới chứng khoán, lãi từ các khoản cho vay và phải thu, lãi từ các tài sản tài chính, lưu ký, tư vấn và doanh thu khác. Trong đó, chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu là doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán, lãi các khoản cho vay và phải thu, lãi từ các tài sản tài chính.

Phân tích cơ cấu, tỷ trọng chi phí

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu Chi phí	Thực hiện 2022	Tỷ trọng	Thực hiện 2023	Tỷ trọng	% thay đổi
1. Chi phí hoạt động kinh doanh	(483,29)	65,11%	(431,84)	61,68%	-10,65%
2. Chi phí tài chính	(143,70)	19,36%	(123,35)	17,62%	-14,16%
3. Chi phí quản lý doanh nghiệp	(115,30)	15,53%	(144,88)	20,70%	25,66%
Tổng chi phí	(742,30)	100%	(700,07)	100%	-5,69%

Nguồn: BCTC kiểm toán 2023

Chi phí của Công ty bao gồm chi phí hoạt động kinh doanh, chi phí tài chính và chi phí quản lý doanh nghiệp, trong đó: Chi phí cho hoạt động kinh doanh và chi phí tài chính năm 2023 chiếm 79,30%; chi phí quản lý bằng 20,70%. Cơ cấu chi phí được phân bổ hợp lý, chủ yếu tập trung cho các mảng hoạt động nghiệp vụ kinh doanh chính của Công ty như môi giới, dịch vụ tài chính cho khách hàng, đầu tư tự doanh. Việc phân bổ, kiểm soát chi phí hợp lý đã góp phần vào hiệu quả kinh doanh của Công ty.



ĐÁNH GIÁ CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NĂM 2023

Môi giới & dịch vụ tài chính kèm theo

Kết quả hoạt động Môi giới & dịch vụ tài chính kèm theo năm 2023

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	KH năm 2023	% TH so với cùng kỳ	% TH so với KH 2023
Thị phần Môi giới CP&CCQ	2,13%	2,41%	2,08%	113%	116%
Doanh thu Môi giới	320,2	307,8	215,8	96%	143%
Doanh thu dịch vụ tài chính kèm theo gồm cho vay margin & ứng trước	325,8	330,3	311,0	101%	106%

Ghi chú: Thị phần Môi giới CP & CCQ tính chung trên cả 3 sàn. Trong đó, xếp hạng thứ 10 thị phần giao dịch tại Sàn Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).





BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

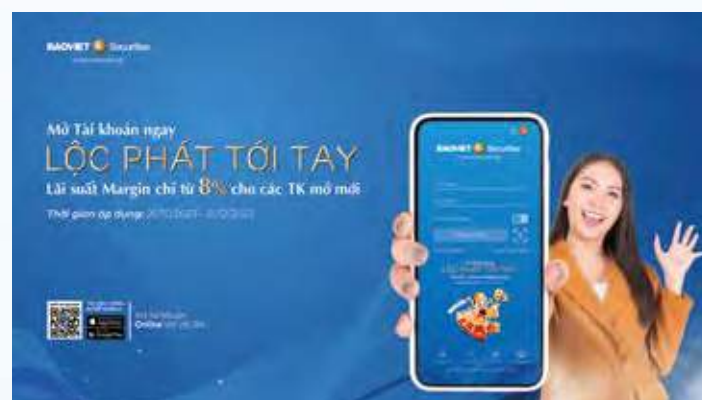
ĐÁNH GIÁ CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NĂM 2023 (tiếp theo)

Môi giới & dịch vụ tài chính kèm theo (tiếp theo)

Thị trường chứng khoán Việt Nam đối diện với nhiều biến động mạnh trong năm 2023 với nhiều cơn sóng tăng giảm xen kẽ và các cú sốc giảm điểm; tuy nhiên thanh khoản thị trường cũng được cải thiện rõ rệt từ giữa quý II/2023 so với thời điểm cuối năm 2022, cũng hỗ trợ tích cực cho các hoạt động cốt lõi và chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu của Công ty gồm hoạt động môi giới và cho vay và lãi tiền gửi. Bên cạnh đó, việc cạnh tranh giữa các CTCK ngày càng gay gắt, đặc biệt là về dịch vụ môi giới là những thách thức không nhỏ. Trong bối cảnh đó, Công ty đã tập trung triển khai nhiều chính sách để hoàn thành vượt mục tiêu kế hoạch thị phần và doanh thu đề ra. Cụ thể như sau:

Giải pháp về sản phẩm & dịch vụ:

- BVSC là một trong số ít CTCK đầu tiên tham gia thị trường giao dịch Trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ từ ngày 19/07/2023.
- Năm của gia tăng “trải nghiệm khách hàng” với việc thành lập Trung tâm CSKH và khai trương tổng đài nhận lệnh và CSKH 19001018; lần đầu tổ chức thành công chuỗi webinar “Thứ 4 pitstop” như một kênh tư vấn đầu tư trực tuyến; Công ty còn liên tục đẩy mạnh các chương trình khuyến mại xuyên suốt cả năm gồm “Mở liền tay, nhận ngay tiền mặt cùng BVSC” và hưởng biểu phí giao dịch ưu đãi 0,15%; “Mở tài khoản ngày – Lộc phát tới tay”; “Margin ưu đãi – Mức “lãi” liền tay”.



- Giải pháp về CNTT:** Hoàn tất nâng cấp toàn diện ứng dụng BVS@Mobile, xây dựng hệ thống thu chi hộ điện tử mới Fmoney, liên tục nâng cấp hoàn thiện và củng cố nền tảng giao dịch trực tuyến Bwise.
- Giải pháp về nguồn nhân lực:** Hoàn tất 02 khóa tuyển dụng và đào tạo toàn diện Next Gen 2023 tại Hà Nội và TP. HCM, đồng thời tăng cường đào tạo nghiệp vụ, kỹ năng phân tích, kỹ năng phát triển mạng lưới khách hàng qua kênh digital – đào tạo về kỹ năng xây dựng video marketing... BVSC tiếp tục phát động các chương trình thi đua nội bộ với nhiều phần thưởng hấp dẫn nhằm khuyến khích, tạo động lực cho CBNV như: “Chương trình Thi đua môi giới”; “Chương trình dự đoán chỉ số VN-Index”.
- Giải pháp về nguồn vốn:** Công ty tăng cường đàm phán với các Ngân hàng thương mại để gia tăng các khoản vay ngắn hạn cho Công ty, nhằm duy trì tối đa nguồn vốn ổn định phục vụ cho hoạt động margin, ứng trước đặc biệt trong bối cảnh thị trường tăng trưởng trở lại từ cuối tháng 5 năm 2023.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

ĐÁNH GIÁ CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NĂM 2023 (tiếp theo)

Tự doanh

Trong bối cảnh thị trường nhiều biến động, đặc biệt là giai đoạn nửa cuối năm 2023, BVSC tiếp tục duy trì quy mô đầu tư tự doanh ở mức thấp nên có thể chủ động quản trị rủi ro tốt đối với Danh mục, đảm bảo hiệu quả đầu tư, đóng góp vào kết quả kinh doanh chung của Công ty cũng như hạn chế được những ảnh hưởng khi thị trường diễn biến bất lợi. Các dịch vụ giao dịch redemption/creation CCQ ETF và giao dịch Rebalancing cho khách hàng tiếp tục được BVSC triển khai trong năm 2023. BVSC cũng đã trở thành thành viên lập quỹ của Quỹ ETF BVFVN DIAMOND của Công ty Quản lý quỹ Bảo Việt.

Lưu ký chứng khoán

Công ty luôn tuân thủ chặt chẽ quy định của Trung tâm lưu ký chứng khoán, đảm bảo sự chuẩn mực, cẩn trọng trong quá trình triển khai nghiệp vụ. Doanh thu hoạt động lưu ký đạt 7,2 tỷ đồng, đạt 102,8% so với kế hoạch, tương đương 75,73% so với cùng kỳ.



Tư vấn và bảo lãnh phát hành

Hoạt động tư vấn trong năm qua ảnh hưởng khá nhiều bởi các chính sách vẫn chưa được khơi thông, cụ thể:

- ▶ Hoạt động thoái vốn của các doanh nghiệp do Nhà nước; Cổ phần hóa DN Nhà nước không được triển khai mạnh do những vướng mắc trong khâu định giá liên quan đến đất đai chưa được tháo gỡ.
- ▶ Các hệ lụy của thị trường Trái phiếu doanh nghiệp vẫn còn diễn ra và phải tiếp tục xử lý, do đó những chính sách quản lý của Nhà nước tiếp tục theo xu hướng thắt chặt và những rủi ro của Trái phiếu doanh nghiệp còn nhiều khiến cho Nhà đầu tư cũng thận trọng hơn.
- ▶ Các quy định về phát hành trái phiếu, cổ phiếu tiếp tục được Nhà nước quản lý chặt chẽ hơn khiến cho việc tiến hành triển khai nghiệp vụ tư vấn cũng gặp nhiều khó khăn hơn.
- ▶ Một bằng lãi suất tại các thị trường tài chính lớn còn ở mức cao, thêm vào nữa là rủi ro biến động tỷ giá của VND còn ở mức cao nên khả năng thu hút dòng vốn FDI/FII gặp nhiều khó khăn do đó không triển khai được các hoạt động M&A.

Đây là những lý do chính khiến cho hoạt động tư vấn của Công ty gặp khó khăn, khi triển khai và không thu được kết quả tốt. Công ty vẫn thực hiện một số các thương vụ tư vấn truyền thống như tư vấn phát hành, tư vấn hợp nhất nhưng giá trị hợp đồng mang lại khá thấp, doanh thu chỉ đạt 2,2 tỷ đồng, hoàn thành 11,6% kế hoạch.

CÔNG TÁC QUẢN LÝ VÀ HỖ TRỢ

Công nghệ thông tin & Phát triển sản phẩm

Công ty bám sát định hướng tập trung phát triển sản phẩm trên nền tảng số của Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2025, tập trung nghiên cứu và cho ra mắt nhiều sản phẩm nhằm nâng cao chất lượng trải nghiệm của khách hàng gồm golive gói dịch vụ SMS, gói Định danh tài khoản (thường, margin, ủy thác...); nâng cấp tính năng hiển thị giá vốn trên tài khoản nhằm đảm bảo giá vốn hiển thị chính xác...

Trong năm 2023, Công ty tiếp tục đẩy mạnh áp dụng chuyển đổi số trong hoạt động kinh doanh và vận hành, một số dự án Công nghệ thông tin tiêu biểu được triển khai như dự án nâng cấp App Mobile, dự án website mới đưa vào sử dụng nhân dịp sinh nhật 24 năm, mở ra một hành trình đổi mới hướng tới một thương hiệu năng động, hiện đại trong thời kỳ 4.0, chuẩn bị sẵn sàng cơ sở hạ tầng, thiết bị, phương án triển khai... để thực hiện test kết nối với phần mềm KRX của các Sở và VSD.



- Các nỗ lực trên đã giúp BVSC được vinh danh các giải thưởng gồm: “**Sản phẩm công nghệ và chuyển đổi số tiêu biểu**” tại Diễn đàn cấp cao Cố vấn tài chính Việt Nam, The Next 100 Global Awards 2023 – Trading Platform (**Giải thưởng Top 100 Doanh nghiệp toàn cầu 2022 – Nền tảng giao dịch**) do tạp chí Global Banking & Finance Review bình chọn.

Nghiên cứu phân tích



- ▶ Nâng cao chất lượng tư vấn đầu tư và bám sát nhu cầu của nhà đầu tư với hơn 1.025 báo cáo phân tích gồm đa dạng các dòng sản phẩm khác nhau bao gồm báo cáo ngành và công ty, báo cáo vĩ mô và thị trường, báo cáo định kỳ hàng ngày, tháng, quý... Mức độ bao phủ của các báo cáo phân tích trên tổng vốn hóa thị trường là 50% tại HNX và 85% tại HSX.
- ▶ Triển khai tổ chức thành công 02 chuỗi webinar “Thứ 4 pit-stop” gồm nhiều chủ đề về thị trường, ngành như một kênh tư vấn đầu tư trực tuyến nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÔNG TÁC QUẢN LÝ VÀ HỖ TRỢ (tiếp theo)

Pháp chế, kiểm soát nội bộ

- Liên tục tiến hành rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện đồng bộ các quy chế, quy trình nội bộ và các biểu mẫu hợp đồng, thỏa thuận của Công ty nhằm tăng tính chủ động, kịp thời trong việc tuân thủ quy định pháp luật của Công ty như Quy trình nghiệp vụ lưu ký và giao dịch Trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ; Quy trình chi hệ điện tử; Điều khoản và điều kiện chung về bảo vệ dữ liệu cá nhân...
- Tiến hành các đợt tra soát nội bộ định kỳ, trong đó chú trọng tới việc triển khai sản phẩm dịch vụ mới, hoạt động công nghệ thông tin cũng như hệ thống quản lý giao dịch. Điển hình là Kiểm soát tuân thủ quy trình nghiệp vụ nhận ủy thác quản lý tiểu khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân, Kiểm soát tuân thủ theo quy trình, quy định về hoạt động CNTT, Kiểm soát tác nghiệp của Phòng QLGD trong quản lý rủi ro chứng khoán cho vay giao dịch ký quỹ trên phần mềm nghiệp vụ...
- Kiểm soát và lưu trữ hồ sơ, phiếu lệnh của khách hàng đảm bảo đầy đủ và hợp lệ; Thực hiện theo dõi, giám sát thường xuyên và liên tục đối với các rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh của Công ty; Theo dõi và xử lý tài sản bảo đảm trong hoạt động cho vay ký quỹ, trong năm 2023, không phát sinh trường hợp tài khoản khách hàng không thu hồi được đầy đủ dư nợ cho vay ký quỹ...

Truyền thông và phát triển thương hiệu

- 01 Đẩy mạnh Digital Marketing ra mắt sản phẩm dịch vụ, qua đó giúp tăng trưởng về doanh thu và tăng độ nhận diện với các khách hàng và nhà đầu tư mới.
- 02 BVSC đẩy mạnh truyền thông ra công chúng và triển khai nhiều hoạt động xây dựng và phát triển thương hiệu, tiếp tục củng cố vị thế của thương hiệu BVSC thông qua các chương trình bình chọn uy tín từ giới chuyên môn.
- 03 Tăng cường phát triển thương hiệu Chứng khoán Bảo Việt qua việc kết nối hợp tác cùng các tổ chức giáo dục như SAPP Academy, Đại học Tôn Đức Thắng, Đại học RMIT, Học viện Ngân hàng... Trong năm 2023, BVSC và SAPP Academy ký kết hợp tác chiến lược trên các phương diện hợp tác tuyển dụng, chuyên môn, phát triển thương hiệu nhà tuyển dụng.
- 04 Bản tin IR được ra mắt đều đặn hàng quý bằng tiếng Việt và tiếng Anh cung cấp thông tin toàn diện và cập nhật cho nhà đầu tư về tình hình hoạt động của Công ty, giúp tăng cường hơn nữa sự minh bạch thông tin và tính chủ động trong hoạt động quan hệ cổ đông.

Phát triển nguồn nhân lực

Tổng số nhân sự

692 người

Trụ sở chính

438 người

Chi nhánh tại TP. HCM

254 người

Tuyển dụng

Đảm bảo công tác tuyển dụng được triển khai phù hợp với định hướng kinh doanh của Công ty, trong năm 2023, BVSC tiếp tục tập trung chủ yếu tuyển dụng đội ngũ nhân viên tư vấn đầu tư tại khối môi giới, các vị trí khác được tuyển dụng để bù đắp nhân sự nghỉ việc và/hoặc thay thế nhân sự không đáp ứng được yêu cầu công việc. Tỷ lệ tuyển dụng năm 2023 đạt 15,46%, trong đó tỷ trọng tuyển mới đội ngũ môi giới chiếm 89%.

Năm 2023, BVSC tiếp tục được vinh danh TOP 100 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam năm thứ 3 liên tiếp, và lần đầu tiên được bình chọn là TOP 1 ngành dịch vụ tài chính, khối doanh nghiệp vừa. Bên cạnh đó, kết quả khảo sát cho thấy chỉ số sức hấp dẫn thương hiệu nhà tuyển dụng (EBA) của BVSC đạt 13,6%, cao hơn nhiều so với chỉ số chung toàn ngành (theo báo cáo khảo sát do Anphabe thực hiện).

Tỷ lệ tuyển dụng năm 2023

15,46%

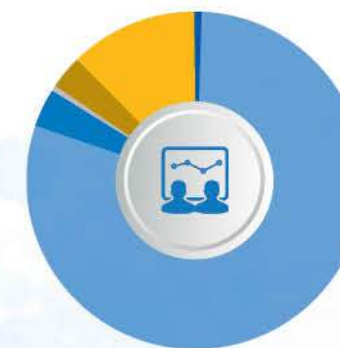
(số lượng tuyển mới/Tổng số nhân sự)

Chỉ số sức hấp dẫn thương hiệu nhà tuyển dụng

13,6%

(cao hơn so với chỉ số chung toàn ngành)

Cơ cấu lao động phân theo chức năng



- 0,6% Ban điều hành
- 79,6% Khối Môi giới và DVKH
- 3,6% Khối Tư vấn TCDN
- 0,6% Khối đầu tư
- 3,2% Khối Phân tích & TVĐT
- 12,4% Khối Hỗ trợ & Quản lý



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÔNG TÁC QUẢN LÝ VÀ HỖ TRỢ (tiếp theo)

Phát triển nguồn nhân lực (tiếp theo)

Đào tạo

Năm 2023, BVSC tiếp tục triển khai chương trình tuyển dụng và đào tạo Next Gen BVSC – mùa thứ 4 để tìm kiếm và đào tạo xây dựng đội ngũ nhân sự trẻ kế cận cho Công ty. Bên cạnh đó, nhằm phát triển năng lực của nhân viên, trong năm vừa qua, BVSC cũng đã xác định những năng lực cần trang bị cho nhân viên để từ đó triển khai các khóa đào tạo phù hợp, điển hình như: Bồi dưỡng nghiệp vụ đấu thầu, phân tích dữ liệu nhân sự, khóa đào tạo video marketing dành cho Môi giới... Ngoài ra, BVSC khuyến khích cán bộ tích cực chủ động tham gia các khóa đào tạo chứng chỉ chuyên môn như CFA, CMT... thông qua việc hỗ trợ các chi phí phát sinh có liên quan.

Trong năm, Công ty đã cử 107 lượt cán bộ tham gia đào tạo chứng chỉ nghiệp vụ chứng khoán của UBCKNN để xin cấp giấy phép hành nghề đảm bảo tuân thủ quy định của Luật. Tổng số cán bộ có chứng chỉ hành nghề chứng khoán tính đến thời điểm 31/12/2023 là 147 người, tăng 20% so với thời điểm cuối năm 2022.

Tổng số lượt cán bộ tham gia đào tạo: 485 lượt.

Tổng số giờ đào tạo: 16.739 giờ đào tạo, trong đó tổng số giờ đào tạo nội bộ 11.048 giờ đào tạo.

Tổng số lượt cán bộ tham gia đào tạo

485 lượt

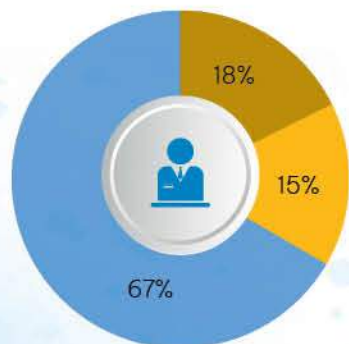
Tổng số giờ đào tạo

16.739 giờ đào tạo

Tổng số giờ đào tạo nội bộ

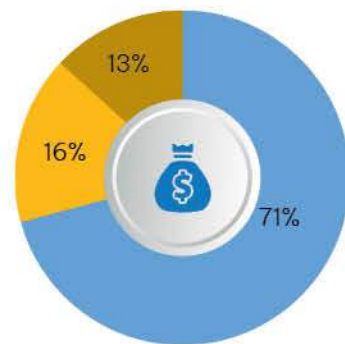
11.048 giờ đào tạo

Biểu đồ cơ cấu lao động có CCHNCK



- Quản lý quỹ
- Phân tích tài chính
- Môi giới

Cơ cấu chi phí đào tạo năm 2023



- Đào tạo nội bộ
- Đào tạo nghiệp vụ chứng khoán
- Đào tạo nghiệp vụ và kỹ năng khác

Đãi ngộ

Chính sách đãi ngộ dành cho người lao động của BVSC luôn hướng tới mục đích thúc đẩy nâng cao hiệu quả làm việc, xây dựng môi trường làm việc hạnh phúc, tạo sự gắn kết lâu dài giữa người lao động với Công ty. Các chính sách lương thưởng được BVSC xây dựng theo phương pháp 3P (Position – Vị trí; Person – Con người; Performance – Hiệu quả làm việc), đảm bảo sự công bằng, minh bạch, đồng thời thu nhập của người lao động được ổn định và cạnh tranh trên thị trường.

TIỀN LƯƠNG

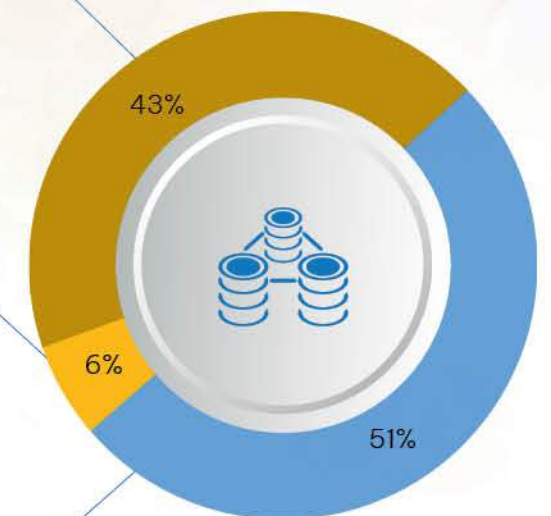
- ▶ Lương theo công việc
- ▶ Lương tháng thứ 13
- ▶ Lương làm thêm giờ lên đến 350%
- ▶ Lương cho những ngày chưa nghỉ phép hàng năm

PHÚC LỢI VÀ PHỤ CẤP

- ▶ Phúc lợi bằng tiền
- ▶ Ăn trưa
- ▶ Viếng thông
- ▶ Đi lại
- ▶ Công việc đặc thù

TIỀN THƯỞNG

- ▶ Thưởng HQLV
- ▶ Thưởng kinh doanh (áp dụng đối với khối kinh doanh)
- ▶ Thưởng theo các chương trình thi đua tháng, quý, năm



Bên cạnh những chính sách về lương thưởng cạnh tranh, BVSC xây dựng chính sách phúc lợi toàn diện hướng tới mục tiêu bảo vệ và chăm sóc sức khỏe thể chất và tinh thần cho người lao động.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÔNG TÁC QUẢN LÝ VÀ HỖ TRỢ (tiếp theo)

Phát triển nguồn nhân lực (tiếp theo)

Danh mục chính sách phúc lợi của Công ty dành cho người lao động trong năm 2023

Các gói phúc lợi có tính chất bảo vệ và chăm sóc sức khỏe	Phúc lợi bằng tiền	Phúc lợi khác
BHXX, BHYT, BHTN	Phúc lợi cho NLĐ dựa trên thâm niên công tác theo Chương trình Loyalty Reward hàng năm của Công ty	Chế độ nghỉ phép từ 12 – 16 ngày
Bảo hiểm sức khỏe toàn diện	Phúc lợi bằng tiền nhân dịp sinh nhật, ngày 8/3 và 20/10, ngày 30/4 và ngày Quốc khánh, các dịp Tết, các sự kiện đặc biệt của Công ty...	Chế độ nghỉ ngày sinh nhật được hưởng nguyên lương
Bảo hiểm các bệnh ung thư K – Care		Chế độ công tác phí, phương tiện di chuyển đi công tác
Bảo hiểm Nhân thọ		Chương trình Happy Friday hàng tháng
Chính sách ưu đãi phí mua bảo hiểm sức khỏe dành cho người nhà		
Khám sức khỏe định kỳ		



Những thay đổi về quy định, chính sách liên quan đến nhân sự

- Ra mắt Trung tâm Chăm sóc và Phát triển khách hàng online.
- Hoàn tất xây dựng và đưa vào áp dụng bộ chỉ tiêu đánh giá KPIs đối với chuyên viên tư vấn tài chính doanh nghiệp (CF & IB).
- Sửa đổi chính sách thưởng hiệu quả làm việc dựa trên kết quả đánh giá Bộ chỉ tiêu KPIs đối với Phòng Khách hàng Tổ chức Chi nhánh.

(Thông tin chi tiết về nội dung phát triển nguồn nhân lực vui lòng xem thêm tại Chương V Phát triển bền vững, từ trang 162 đến trang 187 của Báo cáo này).

Đẩy mạnh đầu tư cơ sở vật chất

Trong năm, Công ty đẩy mạnh vào việc đầu tư xây dựng và cải tạo cơ sở vật chất toàn diện bao gồm: hoàn tất đầu tư Dự án cải tạo Văn phòng Trụ sở chính Công ty, Văn phòng trụ sở Chi nhánh TP. HCM, Phòng Giao dịch Phan Đăng Lưu... đồng thời triển khai mua sắm mới tài sản cố định, công cụ dụng cụ cho cán bộ nhân viên. Đây đều là những hoạt động nằm trong kế hoạch tổng thể của Công ty, nhằm nâng cao chất lượng môi trường làm việc và năng suất lao động của cán bộ nhân viên, cũng như nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng.





BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Tăng/giảm	% tăng giảm
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng</i>				
Tổng giá trị tài sản	3.857,65	6.013,66	2.156,01	55,89%
Doanh thu thuần	921,54	935,48	13,94	1,51%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	179,25	235,41	56,16	31,33%
Lợi nhuận khác	1,75	(0,19)	(1,94)	-110,56%
Lợi nhuận trước thuế TNDN	181,00	235,22	54,22	29,96%
Trong đó: Lợi nhuận trước thuế thực hiện	258,26	192,28	(65,99)	-25,55%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	146,89	195,72	48,84	33,25%
Trong đó: Lợi nhuận sau thuế thực hiện	213,69	157,64	(56,05)	-26,23%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu – EPS (VNĐ)	2,782	2,052	(730)	-26,24%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (Cổ tức/Thu nhập ròng)	33,79%	36,64% (*)	2,85%	8,45%

(*) Tính theo mức chi trả dự kiến 08%/mệnh giá cổ phần

Nguồn: BCTC kiểm toán 2023



Tổng tài sản năm 2023 đạt

6.013,66 tỷ đồng

- Tổng tài sản năm 2023 đạt 6.013,66 tỷ đồng, tăng 2.156,01 tỷ đồng, tương đương mức tăng 55,89 % so với cùng kỳ năm trước.
- Tổng doanh thu đạt 935,48 tỷ đồng và tổng lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty năm 2023 đạt 195,72 tỷ đồng, tăng so với cùng kỳ năm trước và hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra. Các chỉ tiêu này đã được phân tích cụ thể trong trong mục *Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch so với cùng kỳ năm liền kề* nêu trên.

- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS): Lợi nhuận sau thuế thực hiện đạt 157,64 tỷ đồng, hoàn thành 108,72% kế hoạch. Tuy nhiên, LNST TH vẫn giảm 26,23% so với cùng kỳ và chỉ tiêu EPS cũng bị giảm tương ứng, tuy vậy vẫn ở mức 2.052 đồng/cổ phiếu.
- Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức: Theo Nghị quyết 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ được thông qua tại ĐHĐĐ ngày 21/04/2023, mức kế hoạch chi trả cổ tức năm 2023 dự kiến là 08%/mệnh giá cổ phần cho cổ đông hiện hữu. Nếu tính theo mức kế hoạch này, tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức năm 2023 là 36,64%, tăng 8,45% so với cùng kỳ năm trước. Mức chi trả cổ tức 2023 cụ thể sẽ được ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 quyết định. Với quy mô vốn của Công ty còn hạn chế như hiện nay, việc duy trì chính sách chi trả cổ tức bằng tiền ổn định là cam kết đảm bảo lợi ích bền vững cho cổ đông.

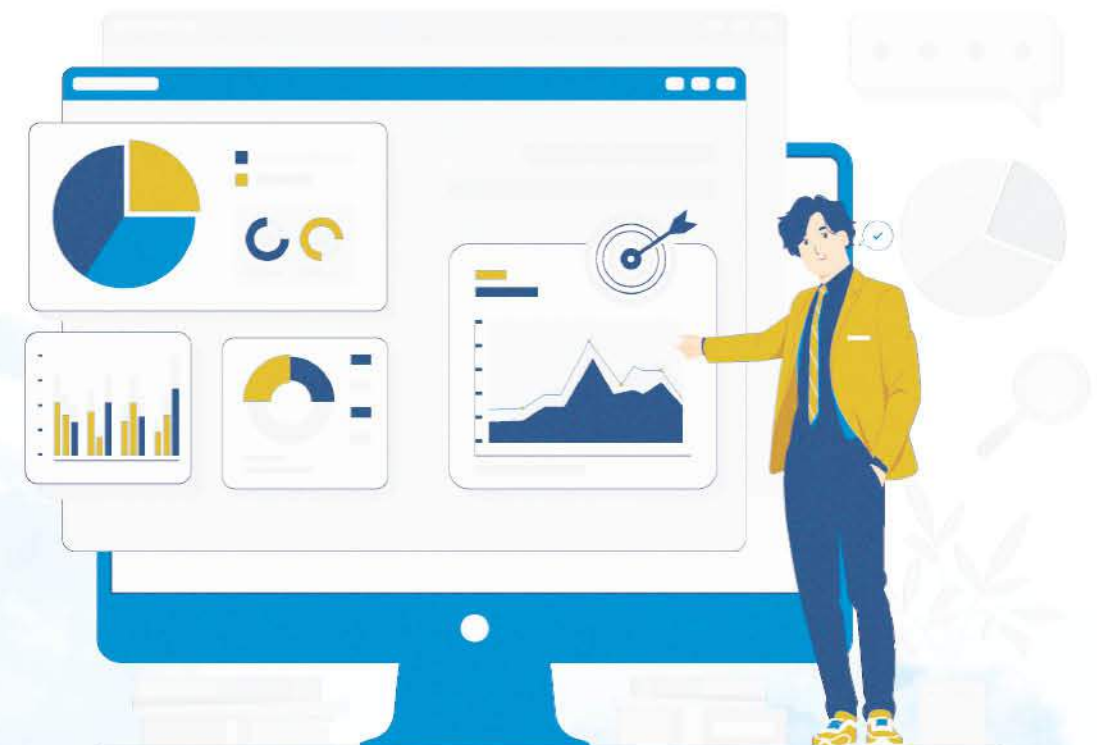


BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2022	Năm 2023	Tăng/giảm
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
▸ Khả năng thanh toán chung (tổng quát) (Tổng tài sản/Tổng nợ phải trả)	lần	2,30	1,63	-29,34%
▸ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	lần	2,20	1,55	-29,62%
▸ Hệ số thanh toán nhanh (Tiền và các khoản tương đương tiền + Đầu tư ngắn hạn)/Nợ ngắn hạn	lần	2,11	1,53	-27,36%
2. Chỉ tiêu về vốn				
2.1. Quy mô vốn				
▸ Vốn điều lệ	tỷ đồng	722,34	722,34	0,00%
▸ Vốn chủ sở hữu	tỷ đồng	2.180,94	2.314,78	6,14%
▸ Tổng tài sản có	tỷ đồng	3.857,65	6.013,66	55,89%
▸ Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng	%	654%	445%	-31,96%
2.2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
▸ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	76,88%	159,79%	107,85%
▸ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	43,46%	61,51%	41,51%
▸ Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	56,54%	38,49%	-31,92%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
▸ Vòng quay các khoản phải thu (Doanh thu thuần/các khoản phải thu bình quân)	lần	5,09	8,66	70,17%
▸ Vòng quay Vốn lưu động (Doanh thu thuần/ Vốn lưu động bình quân)	lần	0,45	0,47	2,73%
▸ Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	lần	0,195	0,1895	-1,51%

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2022	Năm 2023	Tăng/giảm
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
▸ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	15,94%	20,92%	31,26%
Trong đó LNTH sau thuế/DT thuần		23,19%	16,85%	-27,33%
▸ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu ROE	%	6,79%	8,71%	28,20%
Trong đó hệ số Lợi nhuận thực hiện sau thuế/Vốn chủ sở hữu ROE		9,88%	7,01%	-29,06%
▸ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản ROA	%	3,07%	3,97%	29,27%
Trong đó hệ số Lợi nhuận thực hiện sau thuế/Tổng tài sản ROA		4,46%	3,19%	-28,43%
▸ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	19,45%	25,16%	29,37%





BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phân tích các chỉ tiêu tài chính của Công ty



Về khả năng thanh toán

Để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động phục vụ cho hoạt động kinh doanh, Công ty đã mở rộng tìm kiếm các nguồn vốn vay ngắn hạn, vì vậy dư nợ vay ngắn hạn và nợ phải trả cuối năm 2023 tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước, làm cho các chỉ tiêu thanh toán của Công ty giảm so với năm trước.

Cụ thể: hệ số khả năng thanh toán tổng quát là 1,63 lần giảm 0,67 lần; hệ số thanh toán ngắn hạn là 1,55 lần giảm 0,62 lần; hệ số thanh toán nhanh là 1,53 lần giảm 0,58 lần so với cùng kỳ năm trước.

Các chỉ tiêu thanh toán của BVSC năm 2023 đều giảm so với năm 2022 nhưng vẫn ở mức cao so với hệ số thanh toán an toàn là 1 lần, thể hiện khả năng thanh toán các nghĩa vụ phải trả nợ của Công ty luôn được đảm bảo. Trong năm không phát sinh khoản nợ xấu, nợ quá hạn phải trả, không xảy ra bất kỳ sự kiện mất thanh khoản nào về dòng tiền hay nguồn vốn. Các nghĩa vụ thanh toán bù trừ cho VSD, nghĩa vụ thanh toán cho khách hàng giao dịch chứng khoán và đối tác/khách hàng khác của Công ty luôn được thực hiện chính xác và đầy đủ, đúng hạn theo như quy định cũng như cam kết giữa các bên.



Các chỉ tiêu về quy mô và cơ cấu vốn

- Năm 2023, Vốn điều lệ của Công ty không đổi ở mức 722,34 tỷ đồng do các yếu tố khách quan và chủ quan mà Công ty chưa thực hiện tăng vốn điều lệ; nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty đạt 2.314,78 tỷ đồng, tăng 133,84 tỷ đồng, tăng 6,14% so với cùng kỳ năm trước do lợi nhuận của năm 2023 chưa thực hiện phân phối.
- Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng của Công ty luôn đạt mức cao so với tỷ lệ quy định (180%) của UBCKNN. Năm 2023, tỷ lệ an toàn vốn khả dụng đạt 445% bằng 2,47 lần so với mức tỷ lệ an toàn cho phép và ở mức cao so với các công ty cùng ngành, thể hiện nguồn vốn của Công ty được vận hành an toàn, lành mạnh, kiểm soát tốt các rủi ro về đầu tư và các rủi ro thanh toán, hoạt động của Công ty.
- Về cơ cấu vốn: Năm 2023, nhu cầu về vốn vay và sử dụng đòn bẩy cho giao dịch chứng khoán của khách hàng tăng cao, Công ty chủ động tăng huy động vốn vay để đáp ứng cho các hoạt động kinh doanh chính. Theo đó, cơ cấu vốn của Công ty đã có sự chuyển dịch đáng kể, các khoản Nợ phải trả tăng mạnh làm cho các hệ số nợ đều tăng, cụ thể Hệ số Nợ/Tổng tài sản đạt 61,51% tăng 41,51% so với cùng kỳ năm trước; Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu là 159,79% tăng 107,85% so với cùng kỳ năm trước. Sự thay đổi linh hoạt này đảm bảo hiệu quả kinh doanh nhưng Công ty vẫn kiểm soát tốt các khoản vay và nợ phải trả.



Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Gồm các chỉ tiêu về vòng quay các khoản phải thu, vòng quay vốn lưu động, vòng quay tổng tài sản cho biết khả năng “vận động” Công ty trong năm tài chính 2023, cụ thể:

- Hệ số vòng quay các khoản phải thu của Công ty năm 2023 đạt 8,66 lần, tăng 3,57 lần tương đương 70,17% so với cùng kỳ năm trước. Chỉ tiêu này được tính dựa trên doanh thu và các khoản phải thu bình quân, trong năm qua, doanh thu hoạt động tăng, trong khi đó các khoản phải thu giảm mạnh vào thời điểm cuối năm làm cho hệ số vòng quay các khoản phải thu tăng lên thể hiện việc theo dõi và thu hồi công nợ phát sinh trong năm được kiểm soát tốt, đúng hạn, không có rủi ro.
- Vòng quay vốn lưu động đạt 0,47 lần, tăng 0,02 lần tương ứng mức tăng 2,73% so với cùng kỳ năm trước. Chỉ tiêu này được tính dựa trên doanh thu thuần và tài sản lưu động bình quân.

Trong năm 2023, doanh thu và tài sản lưu động (các khoản cho vay margin - ứng trước, các khoản đầu tư tiền gửi ngắn hạn) của Công ty đều tăng lên làm cho vòng quay vốn lưu động tăng so với cùng kỳ năm trước, thể hiện Công ty đang đáp ứng đủ nhu cầu vốn lưu động và đem lại hiệu quả kinh tế cho các hoạt động kinh doanh. Vòng quay Tổng tài sản của Công ty đạt 0,189 lần, giảm nhẹ so với chỉ số 0,195 lần tương ứng mức giảm 1,51% của cùng kỳ năm trước. Chỉ tiêu này phản ánh hiệu quả sử dụng tài sản để tạo ra doanh thu của Công ty. Mặc dù tổng tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2023 tăng mạnh do tăng khoản vay ngắn hạn và tăng các khoản đầu tư ngắn hạn, tuy nhiên nếu xét mức tổng tài sản bình quân thì không có nhiều biến động so với kỳ trước làm cho hệ số này gần như không thay đổi. Hệ số này thể hiện Công ty đang hoạt động ổn định, duy trì được thị phần, doanh số qua các năm.



Chỉ tiêu khả năng sinh lời

- Năm 2023, tổng lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN tăng 33,25% so với cùng kỳ năm trước nhưng lợi nhuận thực hiện sau thuế giảm 26,23% so với năm 2022, lợi nhuận chưa thực hiện cũng biến động ở mức giảm cao do tăng khoản chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính. Đây cũng là nguyên nhân dẫn đến sự biến động của chỉ số ROE và ROA so với cùng kỳ năm trước.
- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần của Công ty đạt 20,92% tăng 31,26% so với cùng kỳ năm trước, tuy nhiên Lợi nhuận thực hiện sau thuế/Doanh thu thuần đạt 16,85% giảm 27,33% so với cùng kỳ năm trước.
- Tỷ suất lợi nhuận ròng trên Vốn chủ sở hữu ROE đạt 8,71% tăng 28,20% so với cùng kỳ năm trước, trong đó, lợi nhuận ròng thực hiện/vốn chủ sở hữu đạt 7,01%, giảm 29,06% so với cùng kỳ do Lợi nhuận thực hiện sau thuế của Công ty giảm 26,23% so với cùng kỳ năm trước.
- Tỷ suất lợi nhuận ròng sau thuế trên tài sản ROA đạt 3,97% tăng 29,27% so với cùng kỳ năm trước, trong đó, lợi nhuận ròng thực hiện sau thuế/tổng tài sản đạt 3,19%, giảm 28,47% so với kỳ trước do lợi nhuận thực hiện sau thuế của Công ty giảm 26,23% so với cùng kỳ năm trước.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Tỷ trọng 2022	Năm 2023	Tỷ trọng 2023	Số tăng/giảm	Tỷ lệ % tăng/giảm
A. Tài sản ngắn hạn	3.652,01	94,67%	5.688,30	94,59%	2.036,29	55,76%
I. Tài sản tài chính	3.647,81	94,56%	5.684,92	94,53%	2.037,12	55,84%
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	149,53	3,88%	2,05	0,03%	(147,48)	-98,63%
2. Đầu tư tài sản tài chính	1.091,86	28,30%	2.409,21	40,06%	1.317,35	120,65%
3. Các khoản cho vay	2.254,80	58,45%	3.209,23	53,37%	954,43	42,33%
4. Các khoản phải thu ngắn hạn	151,62	3,93%	64,43	1,07%	(87,18)	-57,50%
II. Tài sản ngắn hạn khác	4,20	0,11%	3,37	0,06%	(0,83)	-19,76%
B. Tài sản dài hạn	205,64	5,33%	325,37	5,41%	119,73	58,22%
I. Tài sản tài chính dài hạn	158,92	4,12%	275,47	4,58%	116,55	73,34%
II. Tài sản cố định	17,10	0,44%	18,83	0,31%	1,74	10,16%
III. Tài sản dài hạn khác	29,63	0,77%	31,06	0,52%	1,44	4,85%
Tổng cộng tài sản:	3.857,65	100%	6.013,66	100%	2.156,01	55,89%

Nguồn: BCTC Kiểm toán 2023



Cơ cấu tài sản

- Tài sản năm 2023 của Công ty chủ yếu được hình thành bởi tài sản ngắn hạn, chiếm 94,59% tổng tài sản; tài sản dài hạn chỉ chiếm 5,41% tổng tài sản.
 - Tài sản ngắn hạn của Công ty chủ yếu là các khoản cho vay ngắn hạn chiếm 53,37% và đầu tư tài sản tài chính ngắn hạn chiếm 40,06% trong tổng tài sản.
 - Các khoản còn lại bao gồm các khoản tiền và tương đương tiền chiếm 0,03% trong tổng tài sản, các khoản phải thu ngắn hạn và tài sản ngắn hạn khác: chiếm 1,07% trong tổng tài sản.
- Tài sản dài hạn của Công ty chủ yếu đến từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn chiếm 4,58% và tài sản cố định, các khoản tài sản dài hạn khác chiếm 0,83% trong tổng tài sản.



Biến động của tài sản

Tổng tài sản năm 2023 của Công ty đạt 6,013,66 tỷ đồng, tăng 2,156,01 tỷ đồng, tương ứng mức tăng 55,89% chủ yếu tăng từ tài sản ngắn hạn 2,036,29 tỷ đồng và tài sản dài hạn tăng 119,73 tỷ đồng, cụ thể:

- Tài sản ngắn hạn chủ yếu tăng từ các khoản tài sản tài chính ngắn hạn 2,037,12 tỷ đồng, tương ứng mức tăng 55,84% so với cùng kỳ năm trước; trong đó chủ yếu tăng từ khoản cho vay ngắn hạn 954,43 tỷ đồng tương ứng mức tăng 42,33% so với cùng kỳ năm trước (cho vay margin, ứng trước); tăng từ khoản đầu tư tài sản tài chính ngắn hạn 1.317,35 tỷ đồng tương ứng mức tăng 120,65% so với cùng kỳ năm trước (chủ yếu tăng từ khoản đầu tư tiền gửi và trái phiếu doanh nghiệp ngắn hạn).
- Các khoản tiền và tương đương tiền giảm 147,48 tỷ đồng, tương ứng mức giảm 98,63% do Công ty chuyển dịch từ tiền sang các khoản đầu tư tài chính và cho vay margin – ứng trước.
- Tài sản dài hạn tăng 119,73 tỷ đồng, tương ứng mức tăng 58,22% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do khoản đầu tư chứng khoán dài hạn tăng 116,55 tỷ đồng, tương ứng mức tăng 73,34% do Công ty tăng khoản đầu tư trái phiếu.
- Phần lớn tài sản của Công ty là tài sản ngắn hạn có tính an toàn và thanh khoản cao, các khoản phải thu, cho vay được kiểm soát chặt chẽ theo đúng quy trình để hạn chế rủi ro. Tài sản được sử dụng linh hoạt và hiệu quả nên hiệu suất sử dụng tài sản đạt được khá tốt, góp phần đem lại hiệu quả kinh doanh cho Công ty.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)



NGUỒN VỐN, TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Tỷ trọng 2022	Năm 2023	Tỷ trọng 2023	Số tăng/giảm	Tỷ lệ % tăng/giảm
A. Nợ phải trả	1.676,71	43,46%	3.698,89	61,51%	2.022,18	120,60%
I. Nợ ngắn hạn	1.658,28	42,99%	3.669,81	61,02%	2.011,53	121,30%
II. Nợ dài hạn	18,43	0,48%	29,08	0,48%	10,65	57,76%
B. Vốn chủ sở hữu	2.180,94	56,54%	2.314,78	38,49%	133,84	6,14%
I. Vốn góp của chủ sở hữu (gồm cả thặng dư)	1.332,10	34,53%	1.332,10	22,15%	-	
I. Các quỹ và LN chưa phân phối	848,84	22,00%	982,68	16,34%	133,84	15,77%
Tổng cộng nguồn vốn	3.857,65	100%	6.013,66	100%	2.156,01	55,89%

Nguồn: BCTC Kiểm toán 2023

Cơ cấu nguồn vốn

Nguồn vốn của Công ty được hình thành chủ yếu từ Nợ phải trả chiếm 61,51% Tổng nguồn vốn, trong đó chủ yếu là vốn vay ngắn hạn chiếm đến 61,02% tổng nguồn vốn; phần còn lại là Nguồn vốn chủ sở hữu chiếm 38,49% gồm vốn góp của chủ sở hữu và các quỹ, lợi nhuận chưa phân phối.

Biến động nguồn vốn



Nợ phải trả: Năm 2023 nợ phải trả của Công ty là 3.698,89 tỷ đồng, tăng 2.022,18 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước, tương ứng mức tăng 120,60%, cụ thể:

Nợ ngắn hạn tăng 2.011,53 tỷ đồng, tương ứng mức tăng 121,30% chủ yếu tăng từ các khoản vay ngắn hạn 2.378,26 tỷ đồng, các khoản phải trả còn lại giảm 366,73 tỷ đồng.

Nợ dài hạn tăng 10,65 tỷ đồng, tương ứng mức tăng 57,76% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu tăng từ khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả cuối kỳ.



Vốn chủ sở hữu năm 2023 đạt 2.314,78 tỷ đồng, tăng 133,84 tỷ đồng, tương ứng mức tăng 6,14% so với cùng kỳ năm trước. Vốn chủ sở hữu tăng do được bổ sung chủ yếu từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2023, sau khi trừ các khoản phân phối lợi nhuận của năm trước như chi trả cổ tức cho cổ đông và trích lập các quỹ theo quy định.

Qua phân tích tình hình tài chính năm 2023 cho thấy Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch doanh thu và lợi nhuận đề ra. Lợi nhuận sau thuế thực hiện có sự sụt giảm so với cùng kỳ do ảnh hưởng một phần bởi sự sụt giảm thanh khoản thị trường (giảm 13% so với năm 2022) lẫn những rào cản thách thức ảnh hưởng đến hoạt động tư vấn. Bên cạnh đó, việc chưa thực hiện được kế hoạch tăng vốn và khả năng tiếp cận vốn vay của BVSC cũng không thuận lợi như các CTCK thuộc khối các Ngân hàng TMCP và không huy động được nguồn vốn nhàn rỗi từ các đơn vị thành viên do những quy định liên quan trong lĩnh vực Bảo hiểm là những ảnh hưởng không nhỏ đến khả năng tăng trưởng lợi nhuận của BVSC. Kết quả trên cho thấy Công ty rất nỗ lực trong hoạt động kinh doanh, đồng thời luôn chú trọng đến công tác kiểm soát rủi ro và bảo toàn vốn. Các báo cáo tài chính của Công ty luôn thể hiện tính minh bạch, hữu ích cho nhà đầu tư, các cơ quản lý và các đối tượng liên quan.





BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp theo Quy chế Camel

Khi đánh giá tình hình tài chính, Công ty tham khảo theo các tiêu chí của hệ thống đánh giá CAMEL (là hệ thống đánh giá tình trạng vững mạnh của một số tổ chức tài chính dựa trên 05 yếu tố Vốn – Chất lượng tài sản – Quản lý – Doanh thu – Mức thanh khoản do Cục Quản lý các tổ hợp tín dụng Hoa Kỳ xây dựng và Quỹ Tiền tệ quốc tế và Ngân hàng Thế giới khuyến nghị sử dụng. Đồng thời, ngày 09/10/2013, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cũng đã ban hành quyết định số 617/QĐ-UBCK để ban hành quy chế CAMEL hướng dẫn xếp loại các Công ty chứng khoán). Năm 2023, nhóm chỉ tiêu tài chính của BVSC đạt **85/100** điểm, qua đó cho thấy năng lực tài chính ổn định, vững vàng của BVSC trong bối cảnh thị trường tài chính trải qua không ít biến động trong năm 2023. Tình hình tài chính ổn định, vững mạnh là một trong những yếu tố giúp Công ty được xếp loại A theo quy chế CAMEL hướng dẫn xếp loại các Công ty chứng khoán của Ủy ban Chứng khoán.

(Tham khảo Phụ lục II Điểm yếu tố tài chính theo CAMEL tại trang 196 – 197 của Báo cáo này)



NHỮNG TIẾN BỘ TRONG NĂM

- Thị phần môi giới CP&CCQ trên cả 3 sàn đạt 2,41%, hoàn thành 116% KH và tăng 13% so với năm 2022, trong đó xếp hạng thứ 10 thị phần giao dịch tại Sàn Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)... Ngoài ra, năm 2023 Công ty hiện đang nằm trong Top 10 Công ty có thị phần giao dịch Trái phiếu Chính phủ – xếp vị trí thứ 8 (nhóm có thị phần dưới 5%).
- Đẩy mạnh tính chuyên nghiệp của công tác CSKH với việc thành lập Trung tâm CSKH & Phát triển KH online và khai trương tổng đài CSKH 19001018, đẩy mạnh kênh tư vấn đầu tư trực tuyến thông qua chuỗi webinar “Thứ 4 pitstop” đồng thời ra mắt website mới với giao diện năng động & hiện đại.
- Đẩy mạnh đầu tư cơ sở vật chất toàn diện, hiện đại gồm văn phòng Trụ sở chính mới và văn phòng Chi nhánh TP. HCM.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ TRONG NĂM

- Thành lập Trung tâm Chăm sóc và Phát triển khách hàng số: Để đáp ứng với xu thế dịch chuyển của việc chăm sóc khách hàng trong thời đại công nghệ số, mở ra một hành trình mới, hướng tới một thương hiệu năng động, chuyên nghiệp, BVSC đã chính thức thành lập Trung tâm Chăm sóc và Phát triển khách hàng số vào tháng 05/2023. Song song với việc đẩy mạnh và nâng cao các hoạt động hỗ trợ, tương tác với khách hàng thông qua các kênh digital của Công ty (Website, Email, Zalo Official Account, Facebook page, Workplace...), trung tâm tăng cường nghiên cứu và thiết kế các chương trình khuyến mại, quảng bá trên các kênh digital.
- Công ty đã thực hiện sửa đổi và ban hành một số chính sách quan trọng trong công tác quản lý, điển hình như Quy chế phân cấp quyền hạn và trách nhiệm đối với Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt tại TP. Hồ Chí Minh; Quy trình nghiệp vụ lưu ký và giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ; Xây dựng và đưa vào áp dụng bộ chỉ tiêu đánh giá KPIs đối với chuyên viên tư vấn tài chính doanh nghiệp (CF & IB)... nhằm đáp ứng những thay đổi trong thực tế hoạt động và nâng cao hiệu quả cũng như chất lượng trong công tác quản lý.



GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Ý kiến kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Công ty là chấp nhận toàn bộ. Do đó, không có giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán.

Vươn mình lên **MẠNH MẼ**
Bằng bản lĩnh **KIÊN CƯỜNG**





CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2021-2025

Chiến lược phát triển giai đoạn 2021- 2025 của BVSC được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 thông qua ngày 21/04/2022, cụ thể như sau:

MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC

Mục tiêu tổng thể

- BVSC** giữ vững vị thế Công ty chứng khoán (CTCK) hàng đầu trên thị trường, cung cấp dịch vụ chứng khoán đa dạng trên nền tảng số.

Mục tiêu cụ thể



Top 10 CTCK thị phần giao dịch cổ phiếu & chứng chỉ quỹ.



Top 05 CTCK có thị phần giao dịch Trái phiếu Chính phủ.



Nhà tư vấn tiêu biểu trên thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam trong lĩnh vực cổ phần hóa, M&A, thoái vốn.



Đến năm 2025, phần đầu đủ năng lực cung cấp 100% giao dịch online cho khách hàng, và cung cấp được dịch vụ tài chính tích hợp đa dạng trên nền tảng số cho hệ sinh thái Bảo Việt.

Mục tiêu tài chính

Doanh thu thực hiện tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2025 đạt 10%-15%/năm.

Lợi nhuận sau thuế tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2025 đạt 7%-8,5%/năm.

Lợi nhuận sau thuế thực hiện tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2025 đạt 6,5%/năm.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân giai đoạn 2021-2025 đạt 6,4%/năm.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ bình quân giai đoạn 2021-2025 đạt 18%/năm (trên quy mô vốn điều lệ 722 tỷ đồng).



ĐỊNH HƯỚNG TRIỂN KHAI CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2021-2025

Để thực thi chiến lược kinh doanh giai đoạn 2021-2025 hướng tới mục tiêu chiến lược nêu trên, BVSC hoạch định các giải pháp triển khai như sau:

01

► **Định hướng sản phẩm:** Tập trung phát triển sản phẩm tài chính trên nền tảng công nghệ. Phát triển các sản phẩm tài chính tích hợp dựa trên lợi thế về hệ sinh thái sản phẩm (bảo hiểm – ngân hàng – tài chính) trong Tập đoàn Bảo Việt.

02

► **Định hướng khách hàng:** Hướng tới khai thác tệp khách hàng trong hệ sinh thái toàn Tập đoàn Bảo Việt, cung cấp dịch vụ quản lý tài sản cho tầng lớp trung lưu.

03

► **Định hướng về công nghệ thông tin:** Đầu tư hệ thống công nghệ thông tin để có APP giao dịch thân thiện, nhiều tiện ích. Xây dựng sản phẩm tài chính trên nền công nghệ, áp dụng công nghệ e-KYC để mở được tài khoản online, tăng cường quản trị rủi ro khi hệ thống kết nối với các nhà cung cấp nền tảng số liệu, đặt lệnh độc lập (OPEN APIs); kết nối với các kênh thanh toán trực tuyến.

04

► **Định hướng về phát triển nguồn nhân lực:** Hình thành và phát triển nhóm dự án với đội ngũ có kiến thức, kinh nghiệm về quản lý danh mục, quản lý tài sản cá nhân. Tuyển dụng, xây dựng đội ngũ thiết kế sản phẩm giao dịch theo Robot, thuật toán. Xây dựng đội ngũ Sale, PR chuyên tiếp cận và mở rộng tệp khách hàng trẻ, thế hệ Gen Y & Z. Đầu tư mạnh mẽ cho các hoạt động đào tạo và huấn luyện phát triển con người ở cấp độ quản lý lãnh đạo và nhân viên.

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2021-2023

Năm 2023, Công ty đã thực hiện rà soát, đánh giá việc thực hiện Chiến lược phát triển giai đoạn 2021 – 2025 dựa trên kết quả hoạt động của các năm 2021-2023, kết quả cho thấy đến thời điểm hiện tại Công ty hoàn thành tốt các mục tiêu chiến lược đề ra. Cụ thể:

► Đối với các mục tiêu về tài chính:

- » Tăng trưởng doanh thu thực hiện: bình quân (BQ) giai đoạn 2021-2023 đạt 19%.
- » Tăng trưởng Lợi nhuận sau thuế (LNST): BQ giai đoạn 2021-2023 đã đạt 14%.
- » Tăng trưởng LNST thực hiện: BQ giai đoạn 2021-2023 đã đạt 14%.

» Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE): BQ giai đoạn 2021-2023 đã đạt 9%.

» Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ (ROCC): BQ giai đoạn 2021-2023 đạt 27%/năm.

► **Đối với các mục tiêu phi tài chính:** Công ty đã và đang bám sát các mục tiêu đề ra, cụ thể BVSC nằm trong Top 10 Thành viên giao dịch có thị phần môi giới CP&CCQ lớn nhất năm 2022 do VNX bình chọn tại Hội nghị thành viên năm 2023; Top 10 Công ty có thị phần giao dịch Trái phiếu Chính phủ, Tỷ lệ KH sử dụng dịch vụ trên nền tảng số ước đạt 98%; và BVSC được vinh danh “Nhà tư vấn M&A tiêu biểu giai đoạn 2009 – 2023” tại Diễn đàn M&A Việt Nam 2023.



DỰ BÁO NỀN KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2024

DỰ BÁO NỀN KINH TẾ

Cơ hội 2024

- Tỷ giá ổn định hơn, chính sách tiền tệ duy trì trạng thái nới lỏng, mặt bằng lãi suất cho vay vẫn có dư địa giảm thêm.
- Nhiều điều kiện thuận lợi tiếp tục thu hút dòng vốn FDI. Trong năm 2023, Việt Nam đã trở thành đối tác chiến lược toàn diện với 2 quốc gia lớn là Mỹ và Nhật Bản, nâng tổng số quốc gia Việt Nam có quan hệ đối tác chiến lược toàn diện lên 6 quốc gia, qua đó có nhiều điều kiện để thu hút dòng vốn FDI trong năm 2024 cũng như trong dài hạn.
- Đầu tư công tiếp tục được đẩy mạnh. Bước sang năm thứ 4 thực hiện kế hoạch giải ngân đầu tư công giai đoạn 2021-2025, nhiều dự án đầu tư công đã có thời gian chuẩn bị hồ sơ và giải phóng mặt bằng từ những năm trước, nên kỳ vọng sẽ có thêm điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện giải ngân trong năm nay.

Thách thức

- Áp lực lạm phát trong các tháng đầu năm. Áp lực lạm phát đã xuất hiện từ cuối năm 2023 khi giá của một số nhóm hàng hóa và dịch vụ đã tăng cao so với cùng kỳ, diễn biến tăng này sẽ còn duy trì trong ít nhất nửa đầu năm, đặc biệt ở nhóm lương thực.
- Tăng trưởng tiêu dùng vẫn gặp khó khăn trong năm 2024. Thu nhập của người lao động đã bị ảnh hưởng nặng nề từ năm 2023 khi các hoạt động sản xuất, xuất khẩu sụt giảm mạnh. Sự ảnh hưởng vẫn còn kéo dài sang tới năm 2024.

BVSC dự báo các chỉ tiêu vĩ mô năm 2024

Các chỉ tiêu chính	2023	2024	
		Mục tiêu của Chính phủ	BVSC dự báo
Tăng trưởng GDP (%)	5,05	6-6,5	6-6,5
Lạm phát bình quân (%)	3,25	4-4,5	4
Tăng trưởng tín dụng (%)	13,50	15	13-14
Biến động tỷ giá USD/VND (%)	2,69	N/A	±2-3

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2024

Cơ hội

- TTCK có thêm kỳ vọng từ dòng vốn nội: Với mặt bằng lãi suất thấp, việc thúc đẩy tăng trưởng tín dụng sẽ đẩy thêm dòng vốn vào nền kinh tế.
- Kết quả kinh doanh các doanh nghiệp niêm yết tích cực. Tăng trưởng lợi nhuận của các doanh nghiệp được dự báo sẽ có sự hồi phục mạnh trong năm 2024 từ nền thấp của năm 2023.
- Dòng tiền từ các nhà đầu tư nước ngoài sẽ tham gia mạnh mẽ thông qua các quỹ ETF. Trong năm 2024, kỳ vọng hệ thống KRX được đưa vào hoạt động, rút ngắn thời gian giao dịch, các cơ quan quản lý thúc đẩy quá trình nâng hạng là cơ sở để kỳ vọng hút thêm dòng tiền ngoại vào thị trường Việt Nam thời gian tới.

Thách thức

- Rủi ro lạm phát vòng 2 còn hiện hữu có thể khiến NHTW các nước lớn duy trì lãi suất cao ở thời gian lâu hơn kỳ vọng.
- Thanh khoản trong hệ thống ngân hàng không còn dư thừa như năm 2023, dòng tiền từ tín dụng sẽ lựa chọn kênh sản xuất kinh doanh.
- Trái phiếu doanh nghiệp trở lại là vấn đề nóng trước áp lực đáo hạn một lượng lớn trái phiếu doanh nghiệp trong năm 2024, đặc biệt là các doanh nghiệp trong lĩnh vực bất động sản.





KẾ HOẠCH VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM NĂM 2024

THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN VỚI BVSC TRONG NĂM 2024



Thuận lợi: Là Công ty chứng khoán uy tín, hoạt động ổn định và bền vững trên thị trường chứng khoán. BVSC có nguồn nhân lực lâu năm, giàu kinh nghiệm và am hiểu thị trường là những yếu tố thuận lợi.



Khó khăn: Quy mô vốn vẫn ở mức trung bình thấp, trong khi phương án tăng vốn vẫn chưa được thực hiện cùng với khả năng tiếp cận nguồn vốn vay bị hạn chế, khiến cho việc đáp ứng nhu cầu dịch vụ khách hàng, cụ thể là hoạt động cho vay margin và ứng trước của Công ty gặp nhiều khó khăn, làm giảm lợi thế cạnh tranh của Công ty là những thách thức trong mục tiêu duy trì thị phần và mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh trong năm 2024.

CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH DỰ KIẾN 2024

Dựa trên các dự báo về tình hình kinh tế vĩ mô và TTCK Việt Nam trong năm 2024, đánh giá những thuận lợi và khó khăn của BVSC, Công ty dự kiến các chỉ tiêu kinh doanh trình ĐHCĐ thường niên 2024 thông qua như sau:

Kế hoạch kinh doanh dự kiến 2024

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	% KH 2024 so với TH 2023
A	TỔNG DOANH THU	935,9	877	94%
I	Doanh thu thực hiện	869,9	828	95%
1	Tự doanh	87,6	105	119%
2	Lãi từ các khoản cho vay và lãi tiền gửi	461,4	381	83%
3	Môi giới	307,8	323	105%
4	Tư vấn, BLPH	2,2	11	499%
5	Lưu ký chứng khoán	7,2	6	76%
6	Doanh thu khác	3,7	3	82%
II	Doanh thu chưa thực hiện	66,0	49	74%
B	TỔNG CHI PHÍ	700,7	651	93%
I	Chi phí thực hiện	677,6	622	92%
II	Chi phí chưa thực hiện	23,1	29	126%
C	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	235,2	226	96%
	Trong đó: LN trước thuế thực hiện	192,3	206	107%
D	LỢI NHUẬN SAU THUẾ	195,7	181	92%
	Trong đó: LN sau thuế thực hiện	157,6	165	105%



Chỉ số VN-Index bình quân dao động quanh mức

1.300-1.350 điểm

Giá trị giao dịch bình quân/phiên đạt

17.600 tỷ đồng/phiên

Vốn chủ sở hữu bình quân

2.350 tỷ đồng

Một số yếu tố ảnh hưởng đến KHKD 2024

Doanh thu một số mảng hoạt động dự kiến tăng trưởng trong năm 2024 bao gồm hoạt động Môi giới, Tự doanh, Tư vấn & ĐLPH. Trong đó, Doanh thu môi giới dự kiến tăng nhẹ 5% trong điều kiện dự báo thanh khoản TTCK năm 2024 duy trì ở mức tương tự với năm 2023 (khoảng 17.600 tỷ đồng/phiên), tuy nhiên phí môi giới trên thị trường có xu thế giảm cũng là một thách thức đặt ra cho Công ty. Doanh thu hoạt động tự doanh dự kiến tăng 19% so với năm trước trong bối cảnh TTCK năm 2024 có xu hướng tăng trưởng với điểm số VN-Index dự kiến kết thúc năm tăng 170 - 220 điểm so với thời điểm kết thúc năm 2023. Doanh thu của mảng hoạt động tư vấn, bảo lãnh & đại lý phát hành đặt mục tiêu tăng trưởng khả quan, trong đó tập trung phát triển các mảng tư vấn mang lại giá trị cao như tư vấn thu xếp vốn, M&A - vốn là thế mạnh của BVSC. Ngược lại, doanh thu hoạt động cho vay margin và lãi tiền gửi kế hoạch dự kiến giảm do mặt bằng lãi suất dự kiến tiếp tục duy trì ở mức thấp trong năm 2024. Trong đó, hoạt động thu từ tiền gửi sẽ ảnh hưởng khá nhiều đến doanh thu.

Trong khi đó, các khoản chi phí dự kiến tăng bao gồm (1) Khấu hao và cải tạo, sửa chữa do từ năm 2024, do Công ty phải thực hiện hạch toán chi phí khấu hao và phân bổ chi phí cải tạo, sửa chữa phát sinh từ nhiều dự án cải tạo sửa chữa văn phòng gồm Trụ sở chính Công ty tại số 8 Lê Thái Tổ, văn phòng Chi nhánh TP. HCM và văn phòng của PGD Lê Hồng Phong. (2) Chi phí đầu tư công nghệ thông tin; (3) Chi phí marketing cũng tăng hơn so với năm 2023 dành cho các hoạt động hướng tới kỷ niệm 60 năm thành lập Tập đoàn Bảo Việt; các hoạt động tri ân khách hàng và gắn kết nội bộ nhằm hướng tới kỷ niệm 25 năm thành lập Công ty sẽ được đẩy mạnh.





KẾ HOẠCH VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM NĂM 2024 (tiếp theo)

CÁC GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI

Để triển khai kế hoạch năm 2024, Công ty sẽ bám sát diễn biến tình hình thị trường để triển khai đồng bộ và linh hoạt các giải pháp, cụ thể:



Hoạt động môi giới - dịch vụ tài chính

Về sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng:

- ▶ Đẩy mạnh công nghệ chuyển đổi số trong kinh doanh, nâng cao hiệu quả kinh doanh cũng như chất lượng trải nghiệm dịch vụ của khách hàng gồm nâng cấp hệ thống giao dịch Bwise, App Mobile, mở rộng nâng cấp và cải thiện dịch vụ thu hộ định danh với các ngân hàng khác, đảm bảo an ninh an toàn cho các khách hàng trong hoạt động đầu tư chứng khoán, chuyển tiền.
- ▶ Chính sách lãi suất, chính sách phí... có sự điều chỉnh thường xuyên và linh hoạt bám sát thị trường đảm bảo tính cạnh tranh cao dành cho khách hàng. Bên cạnh đó, tăng cường nghiên cứu và triển khai các chương trình tri ân và chăm sóc khách hàng.

Kênh phân phối:

- ▶ Tập trung phát triển khách hàng tổ chức, các nhóm khách hàng có giá trị giao dịch lớn, chú trọng khai thác khách hàng trong hệ sinh thái Bảo Việt.

Nguồn nhân lực:

- ▶ Triển khai chương trình Next Gen 2024 tại cả Hà Nội và TP. HCM và tăng cường công tác đào tạo nhân sự tư vấn đầu tư.
- ▶ Phát động các chương trình thi đua môi giới để khuyến khích, gia tăng động lực phát triển kinh doanh.



Hoạt động tư vấn và bảo lãnh, đại lý phát hành

- ▶ Công ty định hướng tập trung vào các hoạt động mang lại giá trị cao như tư vấn thu xếp vốn cho doanh nghiệp, tư vấn sáp nhập doanh nghiệp... đồng thời đẩy mạnh mảng hoạt động tư vấn đăng ký Công ty đại chúng, tư vấn IPO và niêm yết cho các tập đoàn, doanh nghiệp có nhu cầu huy động vốn và niêm yết/đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường chứng khoán; cũng như triển khai các hoạt động tư vấn phát hành trái phiếu, cổ phiếu có chọn lọc.
- ▶ Tăng cường công tác quản trị rủi ro, kiểm soát chất lượng trong các hoạt động tư vấn.



Hoạt động tự doanh

Trong năm 2024, Công ty tiếp tục sử dụng chiến lược đầu tư linh hoạt, tập trung đánh giá các cơ hội đầu tư dựa trên KQKD của các doanh nghiệp sau khi cập nhật KQKD năm 2023, đồng thời bám sát diễn biến của thị trường và biến động của các khoản đầu tư để có các quyết định điều chỉnh phù hợp.



Hoạt động lưu ký

Triển khai dịch vụ lưu ký tuân thủ chặt chẽ quy định pháp luật, dịch vụ chuyên nghiệp.



Nguồn vốn

Chủ động tìm kiếm gia tăng các nguồn vay ngắn hạn tại các Ngân hàng thương mại; đồng thời triển khai phương án phát hành Trái phiếu nhằm gia tăng nguồn vốn dài hạn cho Công ty.



Công nghệ thông tin (CNTT) & Phát triển sản phẩm

Bám sát định hướng chiến lược 2021-2025, BVSC xây dựng kế hoạch triển khai một số nội dung trọng tâm như sau: Triển khai hệ thống hạ tầng và tổ chức vận hành đối với hệ thống KRX trong trường hợp cơ quan quản lý chính thức đưa hệ thống KRX vào hoạt động trong năm 2024; Lập dự án xây dựng hạ tầng cho hệ thống DR phục hồi sau thảm họa, rà soát 24/7 an ninh - bảo mật...; Liên tục nghiên cứu và triển khai nâng cấp và bổ sung các tính năng mới nhằm nâng cao trải nghiệm khách...



Nghiên cứu Phân tích

Trong năm 2024, song song với việc duy trì và nâng cao các sản phẩm báo cáo tuần/tháng/bán niên và thường niên cũng như các hoạt động chăm sóc khách hàng tổ chức, BVSC tiếp tục đẩy mạnh triển khai các chuỗi Webinar hàng tuần nhằm mang thông tin đến gần hơn với khách hàng, cũng như tăng cường tương tác với khách hàng và nhà đầu tư gồm nhiều chủ đề về thị trường, ngành, các cơ hội đầu tư...



Công tác tổ chức nhân sự và chính sách tiền lương

- ▶ Triển khai chương trình Next Gen 2024 tại cả 2 miền nhằm xây dựng nguồn lực trung và dài hạn tại tất cả các vị trí trong Công ty.
- ▶ Tăng cường đào tạo, thiết kế phương pháp đánh giá hiệu quả làm việc theo JD công việc nhằm đảm bảo sự khách quan, công bằng và minh bạch.



Truyền thông & Phát triển thương hiệu & Quan hệ nhà đầu tư

- ▶ Tiếp tục đẩy mạnh các chiến dịch Digital Marketing quảng bá sản phẩm mới tới khách hàng, nhà đầu tư, tương tác đa kênh nhằm lắng nghe và hoàn thiện hệ sinh thái chăm sóc khách hàng.
- ▶ Duy trì đa dạng các kênh cung cấp thông tin cũng như đẩy mạnh kết nối, tương tác với cổ đông thông qua nền tảng trực tuyến như fanpage, website, zalo, email...
- ▶ Đẩy mạnh các hoạt động thi đua, truyền thông nội bộ và bên ngoài hướng tới kỷ niệm 25 năm thành lập Công ty và 60 năm thành lập Tập đoàn.
- ▶ Tổ chức ĐHCĐ thường niên 2024 và triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội. Phát hành Bản tin nhà đầu tư định kỳ hàng quý bằng tiếng Việt và tiếng Anh nhằm cung cấp thông tin toàn diện và cập nhật tới nhà đầu tư về tình hình hoạt động của Công ty, giúp tăng cường hơn nữa sự minh bạch thông tin và tính chủ động trong hoạt động quan hệ cổ đông.



Pháp chế & Kiểm soát tuân thủ

Tăng cường vai trò giám sát của Kiểm toán nội bộ và công tác quản trị rủi ro đối với các mảng hoạt động của Công ty, mở rộng phạm vi các đợt tra soát đối với các hoạt động kinh doanh của Công ty. Cập nhật và nghiên cứu các văn bản quy định mới của pháp luật đảm bảo thích ứng kịp thời với các thay đổi của các quy định pháp luật và nhu cầu quản trị của công ty.



Kết tụ những **TINH HOA**
Nâng tầm cao **VỊ THẾ**



CƠ CẤU TỔ CHỨC



(*) Phòng Quản lý Hoạt động thực hiện các chức năng quản trị nhân sự (HR), quan hệ nhà đầu tư (IR), truyền thông (PR), Kế hoạch tổng hợp và công tác hành chính.

(**) Trung tâm Chăm sóc và Phát triển khách hàng số (TT CSKH) thuộc Phòng Quản lý Giao dịch & Phát triển sản phẩm.

*** Các công ty con, công ty liên kết: không có



NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HĐQT)



Ông NGUYỄN HỒNG TUẤN

Chủ tịch HĐQT

(TV HĐQT không điều hành)

Ngày bổ nhiệm TV HĐQT BVSC lần đầu: 27/06/2017.

Ngày tái bổ nhiệm TV HĐQT BVSC: 22/06/2020.

Ngày tháng năm sinh: 31/03/1969.

Học vấn: Cử nhân chuyên ngành Tin dụng, Cử nhân Tiếng Anh, Cử nhân Luật, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.

Kinh nghiệm làm việc:

11/2018 – nay: Chủ tịch HĐQT BVSC.

06/2017 – 11/2018: Thành viên HĐQT BVSC.

03/2022 – nay: Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt.

05/2014 – nay: Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Bảo Việt.

12/2011 – 9/2017: Quyền TGD, TGD Ngân hàng TMCP Bảo Việt.

01/2009 – 12/2011: Phó TGD kiêm GD Sở GD, Giám đốc khối ngân hàng bán lẻ Ngân hàng TMCP Bảo Việt.

12/2006 – 12/2008: Trưởng ban Dự án Ngân hàng TMCP Bảo Việt, Thành viên Ban tru bị thành lập Ngân hàng TMCP Bảo Việt.

01/2006 – 11/2006: Phó Trưởng ban phụ trách Ban đầu tư Tập đoàn Bảo Việt.

4/1998 – 11/2005: Phó Trưởng phòng Phòng Đầu tư vốn, Phó GD Trung tâm Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt.

12/1994 – 4/1998: Cán bộ phòng Đầu tư vốn Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam (nay là Tập đoàn Bảo Việt).

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:

Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Bảo Việt.

Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt.



Ông NGUYỄN QUANG HƯNG

Thành viên HĐQT

(TV HĐQT không điều hành)

Ngày bổ nhiệm TV HĐQT BVSC lần đầu: 27/06/2017.

Ngày tái bổ nhiệm TV HĐQT BVSC: 22/06/2020.

Ngày tháng năm sinh: 02/04/1974.

Học vấn: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Tiếng Anh, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.

Kinh nghiệm làm việc:

06/2017 – nay: Thành viên HĐQT BVSC.

01/2015 – nay: Phó TGD Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt.

03/2014 – 12/2014: Giám đốc Ban Tái Bảo hiểm Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt.

03/2009 – 03/2014: Trưởng phòng Tái Bảo hiểm Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt.

04/2004 – 03/2009: Phó Phòng Tái Bảo hiểm Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt.

09/2001 – 05/2003: Chuyên viên Công ty môi giới tái bảo hiểm Aon Re Singapore.

08/1995 – 09/2001: Chuyên viên Phòng Tái Bảo hiểm Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt.

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:

Phó TGD Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt.



Ông NGUYỄN ANH TUẤN

Thành viên HĐQT

(TV HĐQT không điều hành)

Ngày bổ nhiệm TV HĐQT BVSC lần đầu: 12/05/2016.

Ngày tái bổ nhiệm TV HĐQT BVSC: 22/06/2020.

Ngày tháng năm sinh: 05/09/1977.

Học vấn: Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng.

Kinh nghiệm làm việc:

05/2016 – nay: Thành viên HĐQT BVSC.

11/2016 – 03/2020: Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động Tập đoàn Bảo Việt.

5/2016 – 11/2016: Quyền Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động Tập đoàn Bảo Việt.

04/2015 – 5/2016: Phó Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động Tập đoàn Bảo Việt.

09/2014 – 04/2015: Phó Trưởng ban – Ban Thư ký – Tổng hợp – Khối Quản lý Hoạt động Tập đoàn Bảo Việt.

12/2012 – 09/2014: Phó Trưởng ban – Ban Đầu tư Dự án – Khối Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt.

04/2011 – 12/2012: Phó Trưởng ban – Ban Đầu tư chiến lược – Khối đầu tư Tập đoàn Bảo Việt.

01/2006 – 04/2011: Chuyên viên chính Quản lý và thẩm định dự án đầu tư – Ban đầu tư chiến lược Tập đoàn Bảo Việt.

11/2001 – 01/2006: Chuyên viên Quản lý dự án – Phòng Quản lý Dự án – Trung tâm Đầu tư Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam (nay là Tập đoàn Bảo Việt).

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:

không có.



Ông LÊ XUÂN NAM

Thành viên HĐQT

(TV độc lập HĐQT)

Ngày bổ nhiệm TV HĐQT BVSC lần đầu: 22/06/2020.

Ngày tháng năm sinh: 19/05/1982.

Học vấn: Thạc sĩ Kinh tế Tài chính Ngân hàng.

Kinh nghiệm làm việc:

06/2020 – nay: Thành viên HĐQT BVSC.

2019 – nay: Kế toán trưởng Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ.

2016 – 2019: Trưởng phòng Tài chính Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ.

2011 – 2016: Phó phòng Tài chính Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ.

2016 – nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội.

2018 – nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Sài Gòn – Phú Quốc.

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:

Kế toán trưởng Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ.

Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội.

Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Sài Gòn – Phú Quốc.

***** Tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020, BVSC đã bầu HĐQT mới nhiệm kỳ 2020-2025 trong đó bầu ông Lê Xuân Nam là Thành viên độc lập HĐQT.**

Thành phần HĐQT và tỷ lệ nắm giữ cổ phần trên Vốn điều lệ tính đến ngày 22/03/2024

- Ông Nguyễn Hồng Tuấn: Chủ tịch HĐQT, đại diện quản lý và nắm giữ 35% vốn điều lệ của BVSC.
- Ông Nhữ Đình Hòa: Thành viên HĐQT điều hành, đại diện quản lý và nắm giữ 10,14% vốn điều lệ (trong đó, đại diện quản lý 10% là phần vốn của Tập đoàn Bảo Việt tại BVSC, sở hữu cá nhân 0,14%).
- Ông Nguyễn Anh Tuấn: Thành viên HĐQT không điều hành, đại diện quản lý và nắm giữ 10% vốn điều lệ.
- Ông Nguyễn Quang Hưng: Thành viên HĐQT không điều hành, sở hữu 0% cổ phần.
- Ông Lê Xuân Nam: Thành viên độc lập HĐQT, sở hữu 0% cổ phần.



NHÂN SỰ CHỦ CHỐT (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT (BKS)



Ông NGUYỄN XUÂN HÒA
Trưởng Ban Kiểm soát

Ngày bổ nhiệm Kiểm soát viên BVSC lần đầu: 15/04/2015.

Ngày tái bổ nhiệm Kiểm soát viên BVSC: 22/06/2020.

Ngày tháng năm sinh: 11/03/1977.

Học vấn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh thương mại.

Kinh nghiệm làm việc:

04/2015 - nay: Trưởng Ban Kiểm soát BVSC.

01/2008 - nay: Trưởng nhóm kế hoạch và thông tin Quản trị, Phó Trưởng ban, Trưởng ban - Ban Kế hoạch Tài chính; Phó Giám đốc Khối Quản lý Tài chính; Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Ban Tài chính - Tập đoàn Bảo Việt.

11/2001 - 01/2008: Kế toán viên, Phó Trưởng phòng Kế toán Hội sở - Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt.

08/1999 - 10/2001: Phụ trách Kế toán - Công ty Tin học Duy Hùng.

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:

Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Ban Tài chính Tập đoàn Bảo Việt.

Thành viên HĐQT - Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt.

Chủ tịch HĐQT - Công ty Bảo Việt Âu Lạc.



Ông HOÀNG GIANG BÌNH
Kiểm soát viên

Ngày bổ nhiệm Kiểm soát viên BVSC lần đầu: 15/04/2015.

Ngày tái bổ nhiệm Kiểm soát viên BVSC: 22/06/2020.

Ngày tháng năm sinh: 14/12/1986.

Học vấn: Thạc sĩ Kế toán - Tài chính.

Kinh nghiệm làm việc:

04/2015 - nay: Thành viên Ban Kiểm soát BVSC.

09/2015 - nay: Chuyên viên Ban Đầu tư - Tập đoàn Bảo Việt.

08/2012 - 09/2015: Chuyên viên Ban Đầu tư Dự án - Tập đoàn Bảo Việt.

12/2011 - 05/2012: Chuyên viên Chi nhánh Hoàn Kiếm - Ngân hàng TMCP Quân đội.

03/2009 - 09/2009: Chuyên viên Phòng Kế toán - Đài TH Việt Nam.

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:

Chuyên viên - Ban Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt.



Bà NGUYỄN THỊ THANH VÂN
Kiểm soát viên

Ngày bổ nhiệm Kiểm soát viên BVSC lần đầu: 15/04/2015.

Ngày tái bổ nhiệm Kiểm soát viên BVSC: 22/06/2020.

Ngày tháng năm sinh: 16/07/1982.

Học vấn: Cử nhân Tài chính Ngân hàng.

Kinh nghiệm làm việc:

04/2015 - nay: Thành viên Ban Kiểm soát BVSC.

01/2005 - nay: Kế toán viên, Phó Giám đốc phụ trách Ban Kế toán Tập đoàn Bảo Việt.

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:
Phó Giám đốc phụ trách Ban Kế toán Tập đoàn Bảo Việt.

BAN ĐIỀU HÀNH



Ông NHỮ ĐÌNH HÒA
Tổng Giám đốc

Ngày bổ nhiệm lần đầu: 02/2010.

Thời gian giữ chức vụ Tổng Giám đốc: 14 năm.

Học vấn: Thạc sĩ Kế toán, Cử nhân Quản trị kinh doanh.

Kinh nghiệm làm việc:

02/2010 - nay: Tổng Giám đốc BVSC.

Từ 2005 - 02/2010: Phó Tổng Giám đốc BVSC.

Từ 2000 - 2005: Trưởng phòng Giao dịch, Trưởng phòng Tư vấn và tự doanh chứng khoán BVSC.

Từ 1995 - 1999: Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam (nay là Tập đoàn Bảo Việt).

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:
không có.



Bà NGUYỄN THỊ THANH THỦY
Phó Tổng Giám đốc

Ngày bổ nhiệm đầu tiên: 15/07/2010.

Thời gian giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc: 13 năm 07 tháng.

Học vấn: Thạc sĩ Kinh tế.

Kinh nghiệm làm việc tại BVSC:

Từ 07/2010 - nay: Phó Tổng Giám đốc BVSC.

Từ 09/2009 - 07/2010: Trưởng phòng Tư vấn.

Từ 09/2006 - 08/2009: Trưởng phòng Giao dịch.

Từ 10/2003 - 08/2006: Phó Trưởng phòng Giao dịch.

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:
không có.



Bà NGUYỄN HỒNG THỦY
Kế toán trưởng

Ngày bổ nhiệm đầu tiên: 26/04/2022.

Thời gian giữ chức vụ Kế toán trưởng: 2 năm.

Học vấn: Cử nhân Tài chính Ngân hàng.

Kinh nghiệm làm việc tại BVSC:

04/2022 - nay: Kế toán trưởng.

Từ 01/2012 - 04/2022: Trưởng phòng Tài chính - Kế toán.

Từ 12/2009 - 01/2012: Phó Trưởng Phòng Tài chính - Kế toán.

Từ 05/2009 - 11/2009: Phó Trưởng Phòng Pháp chế, Kiểm soát nội bộ & quản trị rủi ro.

Các chức vụ hiện nay tại công ty khác:
không có.

*** Những thay đổi trong Ban Điều hành: năm 2023 Ban Điều hành không phát sinh thay đổi.

Thành phần BKS và tỷ lệ nắm giữ cổ phần trên Vốn điều lệ tính đến ngày 22/03/2024

- Ông Nguyễn Xuân Hòa: Trưởng Ban Kiểm soát, đại diện quản lý và nắm giữ 4,92% vốn điều lệ của BVSC.
- Ông Hoàng Giang Bình: Kiểm soát viên sở hữu 0% vốn điều lệ của BVSC.
- Bà Nguyễn Thị Thanh Vân: Kiểm soát viên sở hữu 0% vốn điều lệ của BVSC.

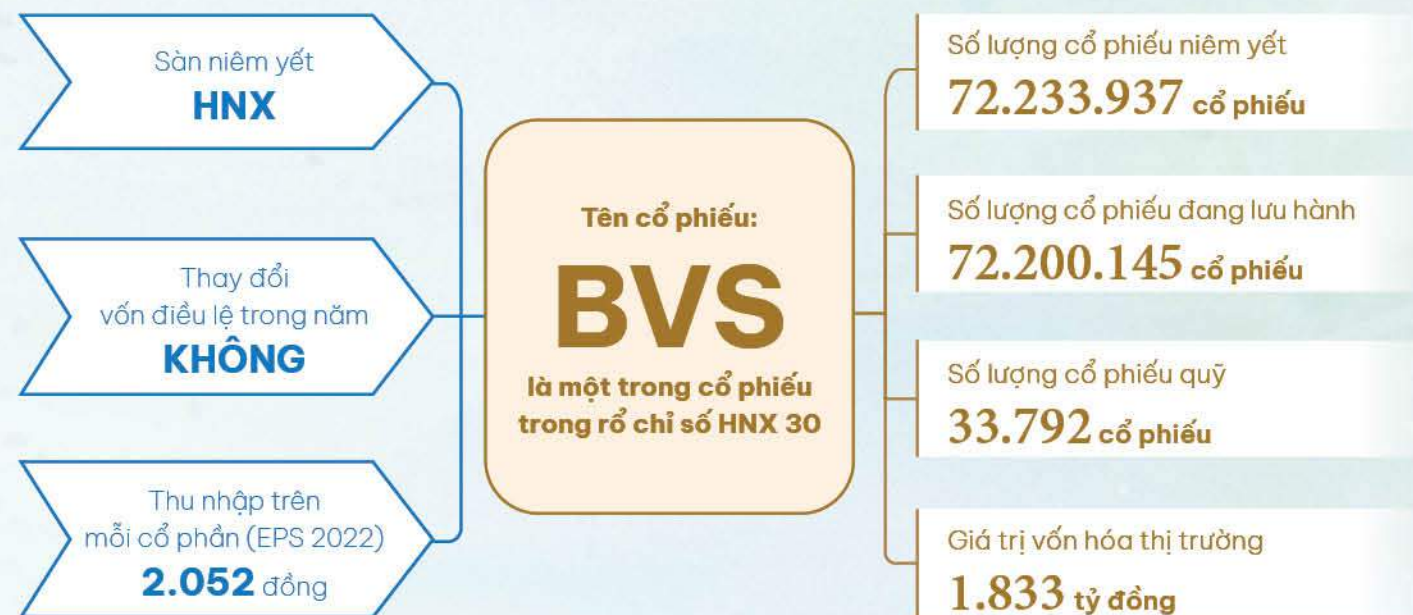
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Ban Điều hành tính đến ngày 22/03/2024

- Ông Nhữ Đình Hòa: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty - đại diện quản lý và nắm giữ 10,14% vốn điều lệ (trong đó, đại diện quản lý 10% là phần vốn của Tập đoàn Bảo Việt tại BVSC, sở hữu cá nhân 0,14% vốn điều lệ).
- Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy: Phó Tổng Giám đốc Công ty - nắm giữ 0,006% vốn điều lệ.



THÔNG TIN DÀNH CHO CỔ ĐÔNG

THÔNG TIN CỔ PHIẾU BVS TẠI NGÀY 31/12/2023



Cổ tức 2023:

Thanh toán cổ tức 10% trên mệnh giá cổ phần từ nguồn Lợi nhuận sau thuế năm 2022 vào ngày 20/10/2023 theo Nghị quyết số: 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần (BV):

32.465 đồng

Giá thị trường tại ngày 29/12/2023:

25.400 đồng/cổ phiếu

Giá cao nhất năm 2023:

30.900 đồng/cổ phiếu

Giá thấp nhất năm 2023:

16.400 đồng/cổ phiếu

Tổng khối lượng giao dịch năm 2023:

86.619.683 cổ phiếu

Tổng giá trị giao dịch năm 2023:

2.140.265.807.500 đồng

Khối lượng giao dịch bình quân năm 2022:

347.870 cổ phiếu/ngày

P/B:

0,78 lần

P/E:

9,94 lần

Nguồn: Fiinpro – Dữ liệu giao dịch doanh nghiệp

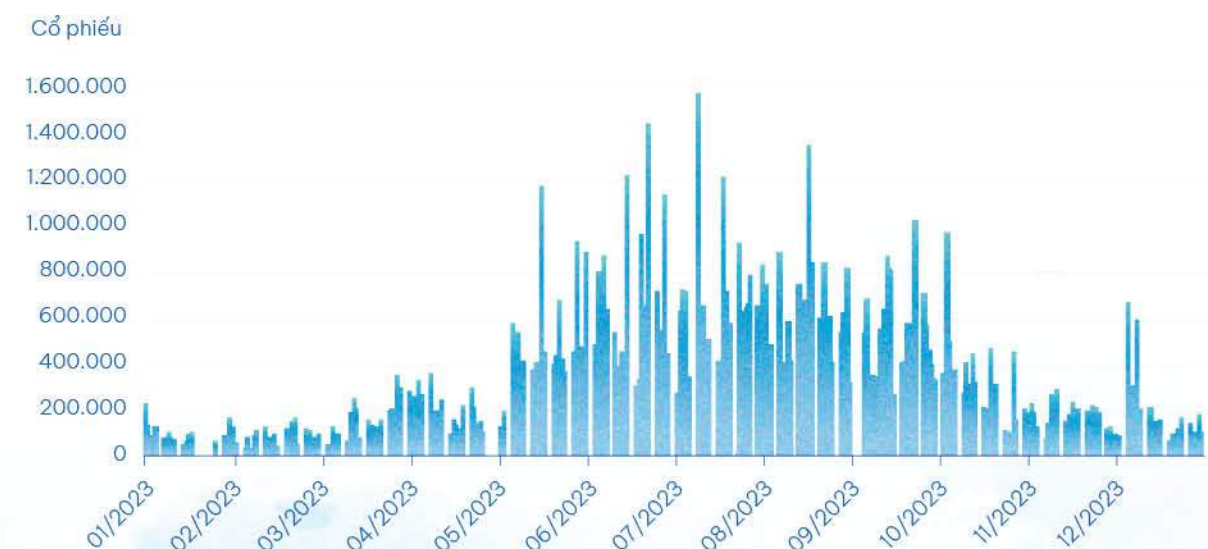
Trong năm 2023, Giá cổ phiếu của Công ty (mã chứng khoán BVS) có mức tăng trưởng tích cực, đóng cửa tại ngày 31/12/2023 là 25.400 đồng, tăng 23% so với thời điểm đóng cửa phiên ngày 31/12/2022. Đây là mức tăng trưởng mạnh hơn so với mức tăng trưởng của điểm số HNX-Index (12,7%). Bên cạnh đó, thanh khoản của cổ phiếu BVS cũng tăng trưởng so với cùng kỳ, KLGD bình quân/phiên tăng 39,7% và GTGD bình quân/phiên tăng 29,8% so với cùng kỳ.

Diễn biến giao dịch cổ phiếu BVS trên Thị trường chứng khoán (TTCK) trong năm 2023 thể hiện qua các biểu đồ như sau:

Biểu đồ 01: Giá đóng cửa của cổ phiếu BVS so với HNX-Index từ ngày 01/01/2023 - 31/12/2023



Biểu đồ 02: Khối lượng giao dịch của cổ phiếu BVS từ ngày 01/01/2023 - 31/12/2023

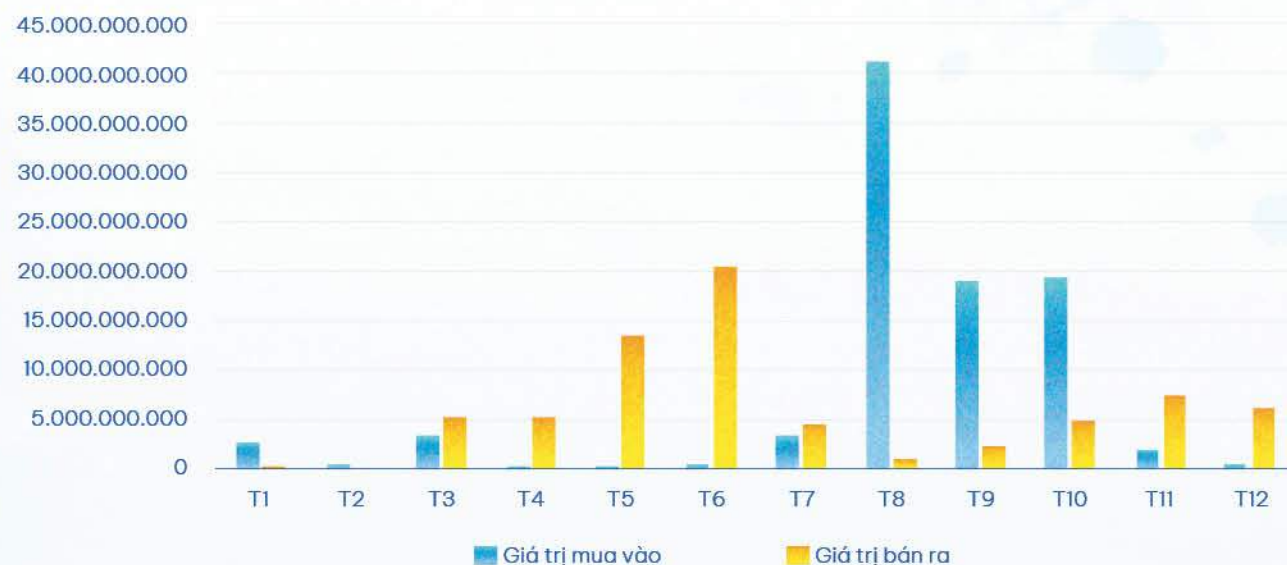




THÔNG TIN DÀNH CHO CỔ ĐÔNG (tiếp theo)

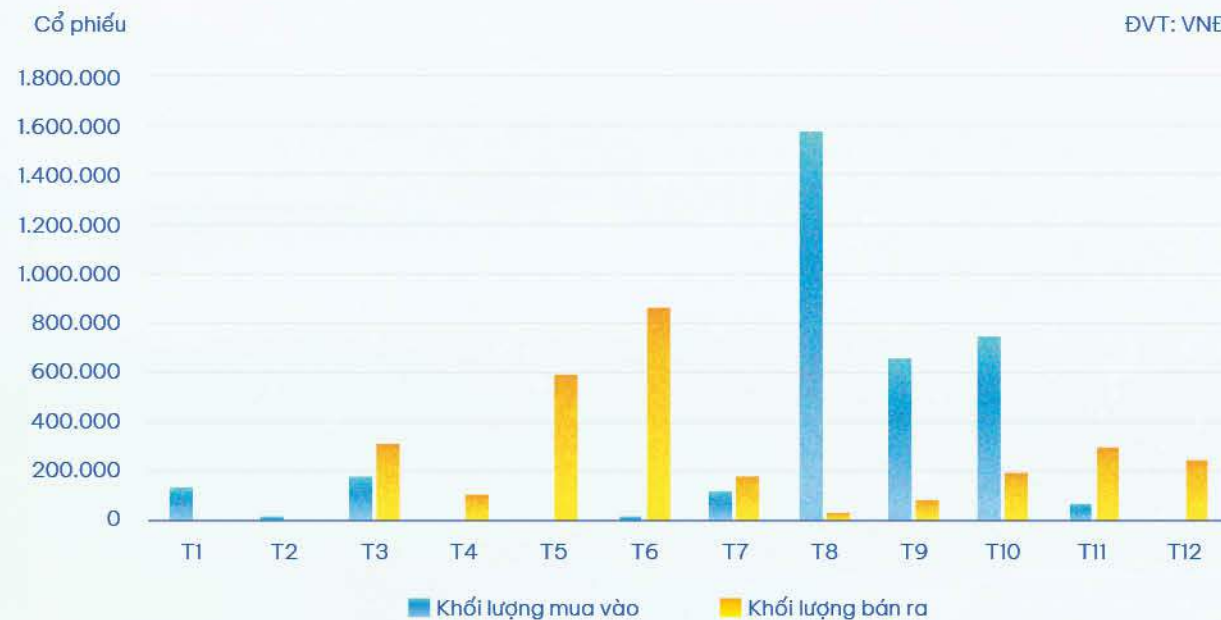
Biểu đồ 03: Giá trị giao dịch theo tháng của Nhà đầu tư nước ngoài

ĐVT: VNĐ



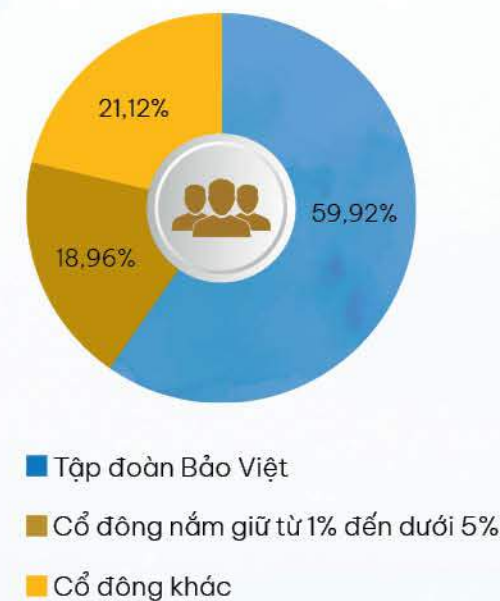
Biểu đồ 04: Khối lượng giao dịch theo tháng của Nhà đầu tư nước ngoài

ĐVT: VNĐ



Danh sách cổ đông chốt ngày 22/03/2024

Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ nắm giữ



Thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm 2023: Không có.

Giao dịch cổ phiếu quỹ thực hiện trong năm 2023: Không có.

Các chứng khoán khác: Không có.

Cơ cấu cổ đông theo địa lý

Cổ đông	Số lượng	Số cổ phần	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ
Trong nước				93,86%
Cá nhân	3.767	24.189.869	241.898.690.000	33,49%
Tổ chức	21	43.610.972	436.109.720.000	60,37%
Nước ngoài				6,14%
Cá nhân	136	1.018.516	10.185.160.000	1,41%
Tổ chức	19	3.414.580	34.145.800.000	4,73%
Tổng cộng	3.943	72.233.937	722.339.370.000	100%

Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu của cổ đông lớn, cổ đông nhỏ

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ %
Cổ đông nắm giữ dưới 1%	3.935	15.259.244	21,12%
Cổ đông nắm giữ từ 1% đến dưới 5%	7	13.693.500	18,96%
Cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên	1	43.281.193	59,92%
Tổng cộng	3.943	72.233.937	100%



THÔNG TIN DÀNH CHO CỔ ĐÔNG (tiếp theo)

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ CỔ ĐÔNG (IR) NĂM 2023

Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, đối xử công bằng với cổ đông

Là Công ty chứng khoán tiêu biểu trên thị trường, một doanh nghiệp niêm yết, và đặc biệt BVSC cũng là nhà tư vấn hàng đầu về tư vấn tài chính doanh nghiệp, do đó BVSC đặc biệt chú trọng việc đảm bảo thực hiện quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, đối xử bình đẳng với cổ đông của Công ty. Trên nền tảng nguyên tắc cốt lõi này, BVSC đảm bảo tất cả các cổ đông của Công ty, bao gồm cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông cá nhân và cổ đông tổ chức, cổ đông lớn và cổ đông nhỏ, cổ đông giữ chức vụ quản lý điều hành trong Công ty và cổ đông không điều hành, phải được đối xử bình đẳng, công bằng và minh bạch.

Quyền của cổ đông được Công ty quy định cụ thể tại Điều 19 của Điều lệ sửa đổi bổ sung lần thứ 14. Trong đó, quyền của cổ đông quy định cụ thể theo từng loại cổ phần sở hữu, gồm có: quyền của cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông (gọi là cổ đông phổ thông), quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết, quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức, quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại.

Hiện nay, tất cả các cổ đông tại BVSC là cổ đông phổ thông. Quyền của cổ đông được BVSC thực hiện đầy đủ, nghiêm túc trong suốt năm 2023 thông qua hoạt động IR và được thể hiện rõ nhất trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2023 và các công bố thông tin của BVSC tới các nhà đầu tư, các cổ đông.

ĐHĐCĐ thường niên 2023

Quyền tiếp cận thông tin của cổ đông

Ngày 21/04/2023, BVSC tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2023. Thư mời dự họp, chương trình nghị sự, các báo cáo, tài liệu dự kiến tại cuộc họp được BVSC gửi trực tiếp tới từng cổ đông qua đường thư có bảo đảm và công bố trên website Công ty 21 ngày trước ngày tổ chức Đại hội. Thư mời họp ĐHĐCĐ được Công ty công bố đồng thời cả bản tiếng Anh và tiếng Việt nhằm tạo thuận lợi cho các cổ đông nước ngoài. Tại phiên họp ĐHĐCĐ 2023, Công ty bố trí phiên dịch trực tiếp phục vụ cổ đông nước ngoài để cổ đông tiếp cận, nắm bắt tối đa thông tin tại phiên họp.

Toàn bộ biên bản và nghị quyết họp ĐHĐCĐ đều được đọc toàn văn công khai tại Đại hội trước khi lấy ý kiến biểu quyết thông qua. Biên bản và nghị quyết đại hội được công bố thông tin ngay sau khi kết thúc Đại hội và được công bố thông tin trên website Công ty.

Thành phần tham gia Đại hội

Các cổ đông sở hữu

43.554.538 cổ phiếu

chiếm **60,33%** số cổ phần
có quyền biểu quyết của Công ty

Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 có sự tham dự của: các cổ đông sở hữu 43.554.538 cổ phần, chiếm 60,33% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty; các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc tham dự đầy đủ. Ngoài ra, để đảm bảo quyền lợi của cổ đông, Công ty đã mời đại diện đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính trực tiếp tham dự Đại hội để trả lời các chất vấn của cổ đông (nếu có).

Thảo luận và chất vấn tại Đại hội

Tại ĐHĐCĐ 2023, cổ đông đã biểu quyết thông qua Đoàn chủ tịch có 03 Thành viên gồm Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc và 01 Thành viên HĐQT khác. Cũng tại Đại hội, cổ đông đã trực tiếp chất vấn Đoàn chủ tịch về các nội dung quan trọng liên quan đến kế hoạch kinh doanh năm 2023, Lợi thế cạnh tranh của BVSC trong bối cảnh cạnh tranh giữa các CTCK đang gia tăng, Công ty đã chuẩn bị như thế nào để kết nối dự án KRX... Các nội dung chất vấn trực tiếp tại Đại hội đều được Đoàn chủ tịch trực tiếp trả lời, nội dung chất vấn cũng được lưu giữ tại Biên bản đại hội và được lưu trữ trên trang điện tử của Công ty.

Biểu quyết tại Đại hội

Tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2023, các cổ đông tham dự đã trực tiếp biểu quyết các nội dung quan trọng liên quan tới hoạt động kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

Nội dung	ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 đã biểu quyết thông qua
Hoạt động kinh doanh	Thông qua kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 và kế hoạch kinh doanh năm 2023.
Các báo cáo	- Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2022 và định hướng hoạt động năm 2023 của HĐQT. - Thông qua Báo cáo hoạt động của BKS tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023. - Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán.
Phương án sử dụng lợi nhuận và chi trả thù lao cho HĐQT, BKS, Thư ký công ty	- Thông qua phương án sử dụng lợi nhuận năm 2022, kế hoạch sử dụng lợi nhuận năm 2023. - Thông qua chi trả thù lao cho HĐQT, BKS, Thư ký công ty năm 2022 và kế hoạch trả thù lao năm 2023.
Các nội dung khác	- Thông qua thay đổi Trụ sở chính của Công ty. - Thông qua lựa chọn Công ty kiểm toán để kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2024, 2025, 2026. - Thông qua việc sử dụng Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ.

Biên bản và nghị quyết ĐHĐCĐ 2023 ghi nhận chi tiết từng nội dung biểu quyết, số phiếu và tỷ lệ biểu quyết tán thành/không tán thành/không có ý kiến tương ứng với từng nội dung và được trình bày công khai tại Đại hội; cũng như công bố thông tin trong vòng 24h và lưu trữ trên trang tin điện tử của Công ty.



THÔNG TIN DÀNH CHO CỔ ĐÔNG (tiếp theo)

Bộ phận Quan hệ cổ đông (IR)

Năm 2023, Công ty tiếp tục được vinh danh là doanh nghiệp niêm yết đạt chuẩn công bố thông tin trong khuôn khổ chương trình IR Awards 2023 do Vietstock, Hiệp hội VAFE và báo FILI đồng tổ chức.

Hoạt động Quan hệ cổ đông của BVSC luôn hướng tới việc bảo vệ và thực thi tối đa các quyền của cổ đông. Trong đó, BVSC nhận diện tầm quan trọng của việc chủ động công khai, minh bạch trong thông tin và trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp trở thành chìa khóa để doanh nghiệp tạo dựng niềm tin đối với cổ đông và nhà đầu tư. Do đó, trong những năm trở lại đây Công ty ngày một hoàn thiện và chú trọng nâng cao các hoạt động quan hệ cổ đông, cụ thể như sau:

01

Tuân thủ nghiêm túc và đầy đủ các quy định về CBTT theo quy định pháp luật: Công ty đã xây dựng quy chế công bố thông tin chuẩn mực trên cơ sở tuân thủ quy định pháp luật về công bố thông tin áp dụng đối với công ty niêm yết và Quy chế công bố thông tin của các Sở giao dịch. Năm 2023, Công ty đã chính thức đưa vào vận hành website mới với giao diện và các công cụ tìm kiếm thuận tiện hơn, có chuyên mục riêng về Quan hệ cổ đông bao gồm các mục tài liệu căn bản như Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, Quy chế công bố thông tin, các báo cáo thường niên, báo cáo tài chính kiểm toán, thông tin về cổ đông và cổ phiếu... Bên cạnh đó, Công ty còn thiết kế chuyên mục “Công bố thông tin” để cập nhật thường xuyên và kịp thời thông tin liên quan tới hoạt động của Công ty. Thư mời, các tài liệu liên quan tới họp ĐHĐCĐ, thông báo đề cử ứng cử, dự thảo nghị quyết, biên bản họp ĐHĐCĐ... đều được Công ty cập nhật lên chuyên mục Thông tin họp ĐHĐCĐ trước mỗi kỳ họp, đảm bảo theo đúng thời hạn quy định pháp luật về công bố thông tin họp ĐHĐCĐ của công ty niêm yết.

Năm 2023, Công ty tiếp tục được vinh danh là doanh nghiệp niêm yết đạt chuẩn công bố thông tin trong khuôn khổ chương trình IR Awards 2023 do Vietstock, Hiệp hội VAFE và báo FILI đồng tổ chức.

02

Đa dạng các kênh thông tin kết nối đến cổ đông và nhà đầu tư:

Ngoài việc thiết lập hotline và hòm thư điện tử riêng để trả lời tất cả các thắc mắc từ cổ đông, nhà đầu tư và các bên quan tâm, năm 2023, Bộ phận IR đẩy mạnh thực hiện trao đổi thông tin qua fanpage, zalo Công ty. Mọi thắc mắc, yêu cầu thông tin về tình hình kinh doanh của Công ty gửi về đều được Bộ phận IR cập nhật ngay lập tức và phối hợp với các Bộ phận liên quan xử lý và phản hồi sau muộn nhất là 48h.

03

Chủ động hợp tác với cơ quan truyền thông, các kênh thông tin chuyên ngành kinh tế, tài chính, chứng khoán nhằm cung cấp thông tin rộng rãi đến các nhà đầu tư.

04

Phát hành đều đặn Bản tin Quan hệ nhà đầu tư định kỳ hàng quý bằng tiếng Việt và tiếng Anh nhằm giúp cổ đông cập nhật thông tin toàn diện về tình hình hoạt động kinh doanh cũng như diễn biến giao dịch của cổ phiếu BVS, và những hoạt động nổi bật khác của Công ty.

05

Lập báo cáo phát triển bền vững tích hợp với Báo cáo thường niên tại cả phiên bản tiếng Việt và tiếng Anh phục vụ các nhà đầu tư nước ngoài.

Lịch công bố thông tin (CBTT) định kỳ trong năm 2023

Ngày	Nội dung
18/01/2023	Báo cáo tài chính và Báo cáo tài chính riêng quý IV/2022
27/01/2023	Báo cáo danh sách CĐNN, CĐL tại thời điểm 31/12/2022
27/01/2023	Báo cáo quản trị Công ty niêm yết năm 2022
30/03/2023	Báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo Tỷ lệ ATTC năm 2022
19/04/2023	Báo cáo Tài chính quý I/2023
19/04/2023	Báo cáo thường niên năm 2022
19/07/2023	Báo cáo Tài chính quý II/2023
28/07/2023	Báo cáo quản trị Công ty niêm yết 06 tháng đầu năm 2023
14/08/2023	Báo cáo tài chính bán niên và Báo cáo Tỷ lệ ATTC bán niên 2023 (đã soát xét)
19/10/2023	Báo cáo Tài chính quý III/2023

Lịch CBTT khác trong năm 2023

Ngày	Nội dung
08/02/2023	CBTT quyết định đầu tư chứng chỉ tiền gửi
10/02/2023	CBTT quyết định đầu tư chứng chỉ tiền gửi
28/02/2023	CBTT Nghị quyết HĐQT về việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023
30/03/2023	CBTT Nghị quyết HĐQT về thời gian, địa điểm, chương trình và tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023
30/03/2023	CBTT thông báo mời họp và tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023
17/04/2023	Kế hoạch kinh doanh năm 2023
21/04/2023	CBTT Biên bản và nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2023
25/04/2023	CBTT Nghị quyết của HĐQT về việc kéo dài thời gian giữ chức vụ Kế toán trưởng công ty
09/05/2023	CBTT Nghị quyết HĐQT phê duyệt cho công ty được ký kết các hợp đồng, giao dịch với người có liên quan
19/07/2023	CBTT v/v sửa đổi Quyết định chấp thuận lập chi nhánh công ty chứng khoán
31/07/2023	CBTT Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh thay đổi lần thứ 6
07/09/2023	CBTT Nghị quyết HĐQT về việc phê duyệt chuyển địa điểm và đổi tên PGD Lê Hồng Phong
26/09/2023	CBTT Nghị quyết của HĐQT về việc thanh toán cổ tức bằng tiền năm 2022
26/09/2023	CBTT ngày ĐKCC để thực hiện quyền chi trả cổ tức cho năm tài chính 2022
24/10/2023	CBTT hoàn thành giao dịch sửa lỗi
21/09/2023	CBTT Quyết định sửa đổi Quyết định chấp thuận lập Phòng Giao dịch Phan Đăng Lưu

***Toàn bộ các nội dung công bố thông tin được đăng tải tại chuyên mục Quan hệ cổ đông trên website của Công ty; và qua các hệ thống CBTT tại các Sở Giao dịch và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.



THÔNG TIN DÀNH CHO CỔ ĐÔNG (tiếp theo)

Một số định hướng đối với hoạt động IR năm 2024

Trong năm 2024 BVSC đẩy mạnh hơn nữa tính chuyên nghiệp trong hoạt động Quan hệ nhà đầu tư với một số hoạt động chính, cụ thể như sau:

- Tuân thủ việc công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông; và công chúng theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán (TTCK). Các nội dung thông tin công bố sẽ được thực hiện song song bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt.
 - Chủ động đẩy mạnh truyền thông kết nối cổ đông và nhà đầu tư, nhằm đáp ứng nhu cầu trao đổi thông tin giữa doanh nghiệp và nhà đầu tư:
- thông qua tiếp xúc trực tiếp tại ĐHCĐ thường niên, tài liệu ĐHCĐ thường niên công bố song ngữ Anh – Việt, tăng cường hợp tác để đẩy mạnh các cơ hội xúc tiến đầu tư vào TTCK Việt Nam và BVSC.
- Phát hành bản tin IR đều đặn hàng quý (được trình bày cả bằng tiếng Việt và tiếng Anh); và duy trì các hoạt động truyền thông ra công chúng một cách chủ động để tăng tính minh bạch thông tin tới công chúng...

Để biết thêm thông tin, Quý cổ đông/Nhà đầu tư vui lòng liên hệ

Địa chỉ:	Trụ sở chính Công ty, Đơn nguyên B, Tòa nhà Bảo Việt, số 8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
Hotline:	(84-24) 3.928. 8080 (máy lẻ: 604)
Email:	info@bvsc.com.vn
Website:	www.bvsc.com.vn

HĐQT đã ban hành Nghị quyết phân công nhiệm vụ đối với từng thành viên trong việc thực hiện giám sát, theo dõi từng mảng hoạt động của Công ty, cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Hồng Tuấn

Chủ tịch HĐQT

Phụ trách chung, điều phối hoạt động của HĐQT, phụ trách lĩnh vực chính sách và chiến lược phát triển, nhân sự và lương thưởng; phụ trách lĩnh vực đầu tư tài chính, quản lý tài chính; thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và văn bản nội bộ của Công ty; đồng thời là Chủ nhiệm Ủy ban Quản trị công ty, bổ nhiệm và thù lao.

Ông Nhữ Đình Hòa

TV HĐQT kiêm TGD

Trực tiếp và là người đứng đầu phụ trách hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh của Công ty; phụ trách mảng kiểm soát nội bộ theo thẩm quyền của Tổng Giám đốc, đề xuất các kế hoạch kinh doanh, chiến lược kinh doanh của Công ty báo cáo HĐQT; thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và văn bản nội bộ của Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Lý do miễn nhiệm/bổ nhiệm
1	Ông Nguyễn Hồng Tuấn	Chủ tịch HĐQT (Thành viên HĐQT không điều hành)	Kể từ ngày 27/06/2017 là thành viên HĐQT Kể từ ngày 29/11/2018 – ngày 22/06/2020 là Chủ tịch HĐQT BVSC nhiệm kỳ 2015–2020 Kể từ ngày 22/06/2020 đến nay tiếp tục được bầu làm Chủ tịch HĐQT BVSC nhiệm kỳ 2021–2025	
2	Ông Nhữ Đình Hòa	Thành viên HĐQT điều hành	Kể từ ngày 03/04/2010	
3	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên HĐQT không điều hành	Kể từ ngày 12/05/2016	
4	Ông Nguyễn Quang Hưng	Thành viên HĐQT không điều hành	Kể từ ngày 27/06/2017	
5	Ông Lê Xuân Nam	Thành viên độc lập HĐQT	Kể từ ngày 22/06/2020	

Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết về Hội đồng Quản trị Công ty tại Chương IV Mục 2 phần “Nhân sự chủ chốt – Hội đồng Quản trị” từ trang 82 đến trang 83 của Báo cáo này.

Ông Nguyễn Anh Tuấn

TV HĐQT không điều hành

Phụ trách lĩnh vực đầu tư mua sắm tài sản cố định, công nghệ thông tin, truyền thông và thương hiệu của Công ty; hỗ trợ việc phối hợp giữa Công ty với Tập đoàn và các đơn vị thành viên của Tập đoàn Bảo Việt; thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên HĐQT theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và văn bản nội bộ của Công ty.

Ông Nguyễn Quang Hưng

TV HĐQT không điều hành

Phụ trách theo dõi cân đối tài sản nợ – có của Công ty; quản lý rủi ro; pháp chế; thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên HĐQT theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và văn bản nội bộ của Công ty; đồng thời là Chủ nhiệm Ủy ban Quản trị rủi ro & Alco.

Ông Lê Xuân Nam

TV độc lập HĐQT

Phụ trách lĩnh vực kiểm toán nội bộ và kiểm toán độc lập; thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên HĐQT theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và văn bản nội bộ của Công ty; đồng thời là Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm toán.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Cơ cấu HĐQT nhiệm kỳ 2020–2025 có 4/5 thành viên HĐQT không điều hành, trong đó có 01 thành viên độc lập HĐQT; đồng thời thông qua việc phân công nhiệm vụ phụ trách từng lĩnh vực hoạt động đối với mỗi thành viên, đã giúp các chỉ đạo của HĐQT luôn đảm bảo tính khách quan, kịp thời, bám sát tình hình hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo tối đa quyền và lợi ích của cổ đông và sự phát triển bền vững của Công ty.

THƯ KÝ CÔNG TY

Để giúp việc cho HĐQT, HĐQT đã bổ nhiệm Ban Thư ký Công ty bao gồm các nhân sự sau:

Họ và tên	Bằng cấp, chứng chỉ hành nghề	Kinh nghiệm tại BVSC	Ngày được bổ nhiệm
Bà Bùi Thị Mai Hiền	- Cử nhân Luật - Thạc sĩ Quản trị kinh doanh - Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ số 00197/QLQ do UBCKNN cấp - Chứng chỉ quản trị Công ty số 18/QTCT 229/QĐ-TTNC do UBCKNN cấp ngày 5/9/2013	19 năm làm việc tại BVSC	26/09/2013
Ông Vũ Duy Vương	- Cử nhân Luật kinh doanh - Chứng chỉ tốt nghiệp Đào tạo nghiệp vụ luật sư số: 15814/2012/LS ngày 25/04/2013 - Chứng chỉ quản trị Công ty số 40/QTCT 159/QĐ-TTNC do UBCKNN cấp ngày 03/06/2022	13 năm làm việc tại BVSC	10/09/2018



NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Để hỗ trợ công tác quản trị công ty, HĐQT bổ nhiệm ông Vũ Duy Vương Thư ký công ty, đồng thời là Người phụ trách quản trị công ty.

CÁC ỦY BAN TRỰC THUỘC HĐQT

Để hỗ trợ HĐQT thực hiện quản trị Công ty một cách hiệu quả hơn và tránh mọi xung đột lợi ích; vận dụng thông lệ tốt và các chuẩn mực tiên tiến về quản trị công ty như Bộ nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất dành cho công ty đại chúng tại Việt Nam, Bộ nguyên tắc quản trị công ty của G20/OECD mới nhất và Thẻ điểm Quản trị công ty của ASEAN, HĐQT BVSC đã thành lập 03 Ủy ban trực thuộc, cụ thể:

Ủy ban Quản trị công ty, bổ nhiệm & thù lao (QTCT, BN&TL)

Là Ủy ban chuyên trách trực thuộc HĐQT BVSC, có chức năng tham mưu, tư vấn cho HĐQT về tính hiệu quả của khung quản trị và chính sách về quản trị công ty cũng như giám sát các vấn đề quản trị công ty tại BVSC; hỗ trợ cho HĐQT trong việc hoạch định chiến lược phát triển nguồn nhân lực cấp cao, mô hình tổ chức bộ máy đáp ứng chuẩn mực về Quản trị công ty cũng như bắt kịp những thông lệ tốt trên thị trường.

Thành phần của Ủy ban gồm: 04 Thành viên

- Ông **Nguyễn Hồng Tuấn** Chủ tịch HĐQT – Chủ nhiệm Ủy ban.
- Ông **Nhữ Đình Hòa** TV HĐQT kiêm Tổng Giám đốc – Thành viên.
- Ông **Nguyễn Anh Tuấn** TV HĐQT không điều hành – Thành viên.
- Bà **Bùi Thị Mai Hiền** Giám đốc Quản lý Hoạt động – Thành viên.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

CÁC ỦY BAN TRỰC THUỘC HĐQT (tiếp theo)

• Ủy ban Quản trị rủi ro & Alco (QTRR&ALCO)

Là Ủy ban chuyên trách trực thuộc HĐQT BVSC, có chức năng tham mưu, tư vấn cho HĐQT trong việc ban hành các chiến lược, chính sách và hạn mức rủi ro, thực hiện đánh giá độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách, quy trình rủi ro cũng như kiểm tra và đánh giá tính hiệu quả của hệ thống Quản trị rủi ro trực thuộc Ban Tổng Giám đốc và giám sát tình hình kinh doanh, kết quả tài chính, quản lý và phát triển vốn và tài sản của Công ty.

Thành phần của Ủy ban gồm: 05 Thành viên

- Ông **Nguyễn Quang Hưng** TV HĐQT không điều hành – Chủ nhiệm Ủy ban.
- Ông **Nguyễn Hồng Tuấn** Chủ tịch HĐQT – Thành viên.
- Ông **Nhữ Đình Hòa** TV HĐQT kiêm Tổng Giám đốc – Thành viên.
- Bà **Nguyễn Thị Thanh Thủy** Phó Tổng Giám đốc – Thành viên.
- Ông **Lê Thịnh Vượng** Phó Trưởng Phòng PC, KSNB&QTRR – Thành viên.

• Ủy ban Kiểm toán

Là Ủy ban chuyên trách trực thuộc HĐQT BVSC, có chức năng tham mưu, tư vấn cho HĐQT khi thực hiện đánh giá về tính tuân thủ các quy định Pháp luật, Điều lệ, các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT, chính sách và quy định nội bộ của Công ty; Ủy ban có chức năng giám sát tính trung thực trong báo cáo tài chính và công bố chính thức liên quan đến tình hình tài chính của Công ty cũng như quản lý về mặt chuyên môn, nghiệp vụ đối với hoạt động của Bộ phận kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT.

Thành phần của Ủy ban: gồm 05 Thành viên

- Ông **Lê Xuân Nam** Thành viên độc lập HĐQT – Chủ nhiệm Ủy ban.
- Ông **Nguyễn Hồng Tuấn** Chủ tịch HĐQT – Thành viên.
- Ông **Nhữ Đình Hòa** TV HĐQT kiêm Tổng Giám đốc – Thành viên.
- Ông **Lê Thịnh Vượng** Phó Trưởng Phòng PC, KSNB&QTRR – Thành viên.
- Bà **Nguyễn Thị Hằng** Chuyên viên Kiểm toán nội bộ – Thành viên.

ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Tất cả các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký công ty, Người phụ trách quản trị công ty đã hoàn thành Chương trình đào tạo Quản trị công ty cho các công ty cổ phần đại chúng do Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo chứng khoán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức và đã được cấp Chứng chỉ hoàn thành khóa học.

Ngoài ra, các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, thành viên Ban Tổng Giám đốc, Thư ký và Người phụ trách quản trị công ty và các cán bộ quản lý khác thường xuyên cập nhật, nghiên cứu quy định mới của pháp luật về quản trị công ty; đồng thời cũng tích cực tham gia các khóa đào tạo, diễn đàn, hội thảo liên quan đến quản trị công ty do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, các Sở Giao dịch và Viện Thành viên Hội đồng Quản trị Việt Nam tổ chức.

Danh sách thành viên có Chứng chỉ quản trị công ty:

- **Anh Nguyễn Hồng Tuấn – Chủ tịch HĐQT:** Chứng chỉ quản trị công ty số 11QTCT 159/QĐ-TTNC ngày 03/06/2022.
- **Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy – Phó Tổng Giám đốc:** Chứng chỉ quản trị công ty số 35 QTCT 216/QĐ-TTNC do UBCKNN cấp ngày 26/10/2015.
- **Anh Nguyễn Anh Tuấn – Thành viên HĐQT:** Chứng chỉ quản trị công ty số 23QTCT 159/QĐ-TTNC ngày 03/06/2022.
- **Bà Bùi Thị Mai Hiền – Thư ký công ty:** Chứng chỉ quản trị công ty số 18/QTCT 229/QĐ-TTNC do UBCKNN cấp ngày 5/9/2013.
- **Anh Nguyễn Quang Hưng – Thành viên HĐQT:** Chứng chỉ quản trị công ty số 21QTCT 159/QĐ-TTNC ngày 03/06/2022.
- **Ông Vũ Duy Vương – Thư ký công ty kiêm Người quản trị Công ty:** Chứng chỉ quản trị công ty số 40/QTCT 159/QĐ-TTNC cấp ngày 03/06/2022.
- **Anh Lê Xuân Nam – Thành viên HĐQT:** Chứng chỉ quản trị công ty số 22QTCT 159/QĐ-TTNC ngày 03/06/2022.
- **Anh Nguyễn Xuân Hòa – Trưởng Ban Kiểm soát:** Chứng chỉ quản trị công ty số 13QTCT 159/QĐ-TTNC ngày 03/06/2022.
- **Chị Nguyễn Thị Thanh Vân – Kiểm soát viên:** Chứng chỉ quản trị công ty số 24QTCT 159/QĐ-TTNC ngày 03/06/2022.
- **Anh Hoàng Giang Bình – Kiểm soát viên:** Chứng chỉ quản trị công ty số 25QTCT 159/QĐ-TTNC ngày 03/06/2022.
- **Ông Nhữ Đình Hòa – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc:** Chứng chỉ quản trị công ty số 10/QĐ193-TTNC do UBCKNN ngày 31/07/2013.





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2023

Thực hiện những nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, cũng như được ĐHĐCĐ giao, HĐQT đã triển khai các hoạt động trong năm như sau:

Tổ chức họp ĐHĐCĐ

HĐQT phối hợp với Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc tổ chức thành công cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 vào ngày 21/04/2023 với những nội dung quan trọng được các cổ đông thông qua với tỷ lệ biểu quyết cao (*Chi tiết các vấn đề được thông qua xem thêm tại mục ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 từ trang 90 đến trang 91 của Báo cáo này*).

Quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền

HĐQT thông qua các chính sách và các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT vì lợi ích cao nhất của Công ty và cổ đông, cụ thể như sau:

- Tổ chức các cuộc họp của HĐQT để thảo luận thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT: năm 2023, HĐQT đã tổ chức (04) cuộc họp định kỳ mỗi quý 01 cuộc họp. Tất cả các cuộc họp này đều mời các Kiểm soát viên và thành viên Ban Tổng Giám đốc tham dự. Các thành viên HĐQT đã nghiêm túc tham dự trực tiếp các cuộc họp HĐQT và biểu quyết theo đúng quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT, cụ thể như sau:

Phiên họp	Nội dung cuộc họp	Số thành viên HĐQT tham dự	Tỷ lệ
Phiên họp lần thứ 1 ngày 30/03/2023	- Kết quả kinh doanh năm 2022 sau kiểm toán. - Kế hoạch kinh doanh năm 2023 để trình ĐHĐCĐ thường niên 2023 thông qua. - Ước kết quả hoạt động kinh doanh Quý I và Kế hoạch Quý II năm 2023. - Kế hoạch đầu tư năm 2023. - Rà soát quy hoạch nhân sự. - Thảo luận về các nội dung gồm: công tác tổ chức ĐHĐCĐ 2023; tình hình triển khai Dự án đầu tư cải tạo Văn phòng Trụ sở chính của Công ty; tình hình triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ 2022 & các Nghị quyết của HĐQT Quý I/2023.	05/05	100%

Phiên họp	Nội dung cuộc họp	Số thành viên HĐQT tham dự	Tỷ lệ
Phiên họp lần thứ 2 ngày 21/06/2023	- Ước kết quả hoạt động kinh doanh 06 tháng đầu năm và Kế hoạch 06 tháng cuối năm 2023. - Thảo luận và đánh giá: công tác triển khai Dự án đầu tư cải tạo Văn phòng Trụ sở chính, chuyển PGD Lê Hồng Phong; tình hình triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023; tình hình triển khai các Nghị quyết của HĐQT 06 tháng đầu năm 2023.	05/05	100%
Phiên họp lần thứ 3 ngày 26/09/2023	- Ước kết quả hoạt động kinh doanh 09 tháng đầu năm & Kế hoạch Quý IV/2023. - Kế hoạch phát hành trái phiếu. - Thảo luận và đánh giá: công tác triển khai Dự án đầu tư cải tạo Văn phòng Trụ sở chính, tình hình triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023; tình hình triển khai các Nghị quyết của HĐQT 09 tháng đầu năm 2023.	05/05	100%
Phiên họp lần thứ 4 ngày 20/12/2023	- Ước thực hiện kết quả kinh doanh năm 2023. - Xây dựng Kế hoạch kinh doanh năm 2024; Kế hoạch đầu tư & Kế hoạch đầu tư tài sản cố định & xây dựng cơ bản; Kế hoạch tiền lương năm 2024; Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2030. - Thảo luận và đánh giá: công tác triển khai Dự án đầu tư cải tạo Văn phòng Trụ sở chính, tình hình triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 & các Nghị quyết của HĐQT năm 2023; đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.	05/05	100%

Năm 2023, HĐQT tiến hành 24 lần lấy ý kiến bằng văn bản & ban hành 30 Nghị quyết quan trọng liên quan đến tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023, Kế hoạch kinh doanh 2023 và các kế hoạch tiền lương, tự doanh và kế hoạch mua sắm tài sản năm; Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2022; Bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Công ty tại TP. Hồ Chí Minh; Triển khai đầu tư Dự án cải tạo văn phòng trụ sở... và các nội dung khác thuộc thẩm quyền HĐQT.

Ngoài thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo phân công thông qua các kỳ họp HĐQT, cho ý kiến trả lời

đối với các vấn đề lấy ý kiến bằng văn bản của HĐQT, các thành viên HĐQT còn là thành viên các Ủy ban trực thuộc HĐQT, đồng thời tham gia các cuộc họp nội bộ của Công ty như: cuộc họp đánh giá rủi ro định kỳ của Hội đồng quản lý rủi ro; cuộc họp liên quan bổ nhiệm các lãnh đạo cấp trung của Công ty. Ngoài ra, các thành viên HĐQT còn trực tiếp tham gia đóng góp ý kiến về mặt chuyên môn, chia sẻ những kinh nghiệm quý báu trên thị trường, cũng như đưa ra những định hướng chỉ đạo nhằm giúp Công ty hoàn thiện hệ thống quản trị phù hợp với quy định hiện hành và theo thông lệ quốc tế.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ỦY BAN TRỰC THUỘC HĐQT

Năm 2023, các Ủy ban trực thuộc HĐQT đã triển khai các hoạt động sau đây để hỗ trợ và tham mưu cho HĐQT quản lý Công ty một cách hiệu quả:

Ủy ban QTCT, BN&TL

- Hoạt động của Ủy ban trong năm 2023:** Ủy ban QTCT, BN&TL đã triển khai các công việc tham mưu, hỗ trợ và báo cáo trình HĐQT 17 ý kiến thẩm định về các nội dung liên quan đến quỹ lương, về công tác bổ nhiệm các lãnh đạo cao cấp và lãnh đạo cấp trung của Công ty; đánh giá chính sách quản trị công ty và giám sát các vấn đề quản trị công ty; chiến lược phát triển nguồn nhân lực, chính sách lương & đãi ngộ của Công ty.
- Định hướng hoạt động năm 2024:** Ủy ban QTCT, BN&TL tiếp tục thực hiện chức năng tư vấn cho HĐQT và thực hiện các hoạt động liên quan: (i) Triển khai các thủ tục và tham mưu cho HĐQT về công tác quy hoạch, bổ nhiệm các nhân sự cao cấp và lãnh đạo cấp trung của Công ty; (ii) Kiến nghị HĐQT và đánh giá chính sách quản trị công ty và giám sát các vấn đề quản trị công ty; (iii) Tham mưu, tư vấn cho HĐQT những vấn đề mô hình tổ chức bộ máy, mô hình quản trị công ty, hoạch định chiến lược phát triển nguồn nhân lực, chính sách lương & đãi ngộ của Công ty; (iv) Giám sát việc quản lý kế hoạch thù lao và phúc lợi của công ty và (v) Thực hiện các công việc khác theo yêu cầu của HĐQT.

Ủy ban QTRR&ALCO

- Hoạt động của Ủy ban trong năm 2023:** Ủy ban QTRR&ALCO đã thẩm định Chính sách rủi ro và Hạn mức rủi ro năm 2023 báo cáo HĐQT phê chuẩn, tham dự và cho ý kiến tại 04 cuộc họp Hội đồng quản lý rủi ro của Công ty; cho ý kiến thẩm định đối với Kế hoạch mua sắm tài sản cố định và đầu tư xây dựng cơ bản năm 2023; kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống Quản trị rủi ro trực thuộc Ban Tổng Giám đốc.
- Định hướng hoạt động năm 2024:** Ủy ban QTRR&ALCO tiếp tục thực hiện chức năng tư vấn cho HĐQT và thực hiện các hoạt động liên quan: (i) Xây dựng Chính sách rủi ro và Hạn mức rủi ro năm 2024 trình HĐQT phê duyệt; (ii) Xem xét, đánh giá các hoạt động của Công ty về việc tuân thủ Chính sách rủi ro và Hạn mức rủi ro năm 2024; (iii) Xem xét, đánh giá các yếu tố tác động và đưa ra khuyến nghị về các giải pháp nhằm bảo đảm cơ cấu hợp lý của Tài sản Nợ, Tài sản Có, cân đối tốc độ tăng trưởng của tài sản trên bảng cân đối kế toán đảm bảo phù hợp thực tiễn hoạt động kinh doanh của Công ty; (iv) Thực hiện các công việc khác theo yêu cầu của HĐQT.



Ủy ban Kiểm toán

- Hoạt động của Ủy ban trong năm 2023:** Ủy ban Kiểm toán đã thẩm định Báo cáo Kiểm toán năm 2023 và Kế hoạch Kiểm toán năm 2024 do Bộ phận KTNB trình để báo cáo HĐQT phê duyệt; Chỉ đạo các hoạt động chuyên môn của Bộ phận KTNB và thực hiện các công việc khác theo chỉ đạo của HĐQT liên quan đến việc đánh giá về các hoạt động của Công ty đối với việc tuân thủ các chính sách và quy định nội bộ của Công ty.
- Định hướng hoạt động năm 2024:** Ủy ban Kiểm toán sẽ tiếp tục thực hiện chức năng tư vấn cho HĐQT và thực hiện các hoạt động: (i) Chỉ đạo công tác chuyên môn của Bộ phận KTNB đảm bảo hoàn thành kế hoạch năm 2024 đã được HĐQT phê duyệt; (ii) Giám sát tính trung thực lập báo cáo tài chính của Công ty; (iii) Tiếp tục nỗ lực hoàn thành tốt kế hoạch công tác năm 2024 nhằm phát huy hơn nữa vai trò của Ủy ban Kiểm toán trong việc tư vấn, đảm bảo hệ thống kiểm soát hiệu quả, ngăn ngừa rủi ro, nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp, góp phần tích cực trong việc đạt các mục tiêu kinh doanh năm 2024 của Công ty.

ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2023

Kết thúc năm 2023, Thành viên độc lập HĐQT gửi Báo cáo đánh giá về HĐQT với nội dung như sau:

- Mức độ tuân thủ và hiệu quả trong cơ cấu quản trị Công ty: Với cơ cấu 4/5 thành viên HĐQT không điều hành, trong đó có một thành viên độc lập, Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm Tổng Giám đốc, cơ cấu HĐQT BVSC đáp ứng tốt các tiêu chí tuân thủ quy định pháp luật áp dụng đối với công ty chứng khoán có cổ phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán. Ngoài ra, HĐQT đã ban hành Nghị quyết về phân công nhiệm vụ phụ trách từng mảng hoạt động của Công ty đối với từng thành viên HĐQT; HĐQT đã thành lập 03, Ủy ban: UBQTCT, BN&TL; UBKT; UBQTRR&ALCO nên các chỉ đạo của HĐQT luôn đảm bảo tính khách quan, kịp thời, minh bạch, bám sát tình hình hoạt động của Công ty, bảo vệ quyền và lợi ích của cổ đông.
- HĐQT đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ hàng quý, các phiên họp đều có sự tham gia của BKS, Ban Tổng Giám đốc. Các Nghị quyết của HĐQT được đưa ra trên cơ sở tỷ lệ đồng thuận cao nhất với tỷ lệ 100% các Thành viên HĐQT thông qua. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, HĐQT luôn tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- Việc ký kết, thực hiện các hợp đồng giữa Công ty với cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% vốn điều lệ của Công ty; giữa Công ty với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, thành viên Ban Tổng Giám đốc, Người quản lý khác và những người có liên quan của họ đều được thực hiện một cách trung thực, cẩn trọng; đồng thời đảm bảo theo đúng các quy định tại Điều lệ Công ty và Pháp luật.
- Các thành viên HĐQT tuân thủ đúng quy định của pháp luật hiện hành như không đồng thời làm thành viên HĐQT quá năm (05) tại công ty khác; điều này giúp thành viên HĐQT dành nhiều thời gian và tập trung sức lực, trí tuệ cho sự phát triển của Công ty.



BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

Cơ cấu Ban Kiểm soát gồm 03 Kiểm soát viên được bầu từ ĐHĐCĐ thường niên năm 2015; và được ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 tái bổ nhiệm nhiệm kỳ 2020–2025 với các thành viên như sau:

STT	Kiểm soát viên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Lý do miễn nhiệm/bổ nhiệm
1	Ông Nguyễn Xuân Hòa	Trưởng Ban Kiểm soát	Kể từ ngày 15/04/2015	
2	Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Kiểm soát viên	Kể từ ngày 15/04/2015	
3	Ông Hoàng Giang Bình	Kiểm soát viên	Kể từ ngày 15/04/2015	

Thông tin về các thành viên BKS nhiệm kỳ 2020 – 2025 vui lòng xem tại Chương IV Mục 2 phần “Nhân sự chủ chốt” tại trang 84 của Báo cáo này.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2023

Cuộc họp của Ban Kiểm soát

Năm 2023, Ban Kiểm soát tổ chức (04) cuộc họp. Trong các cuộc họp, các Kiểm soát viên đều tham gia đầy đủ, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao và cẩn trọng. Việc tổ chức các cuộc họp và ban hành văn bản của BKS đã thực hiện theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Quy chế hoạt động của BKS. Cụ thể như sau:

Phiên họp	Nội dung cuộc họp	Số thành viên BKS tham dự	Tỷ lệ
Phiên họp lần thứ 1 năm 2023 ngày 21/03/2023	- Kết quả kinh doanh năm 2022 sau kiểm toán và ước thực hiện kết quả kinh doanh Quý I/2023 của BVSC. - Thông qua nội dung Thông báo của BKS về thẩm định Báo cáo Tài chính năm 2022 của BVSC. - Thông qua Báo cáo hoạt động của BKS tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên 2023 để trình ĐHĐCĐ. - Kế hoạch công tác Quý II/2023 của BKS.	03/03	100%
Phiên họp lần thứ 2 năm 2023 ngày 22/06/2023	- Ghi nhận Ước kết quả hoạt động kinh doanh 06 tháng đầu năm và Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ trọng tâm 06 tháng cuối năm 2023. - Kế hoạch công tác Quý III/2023 của BKS.	03/03	100%
Phiên họp lần thứ 3 năm 2023 ngày 26/09/2023	- Ghi nhận Ước kết quả hoạt động kinh doanh 09 tháng đầu năm. - Kế hoạch công tác Quý IV/2023 của BKS.	03/03	100%
Phiên họp lần thứ 4 năm 2023 ngày 22/12/2023	- Ghi nhận Ước thực hiện kết quả kinh doanh năm 2023 của Công ty. - Thảo luận Kế hoạch hoạt động năm 2024 của BKS.	03/03	100%



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BKS

Năm 2023, BKS đã thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động của BKS và triển khai kế hoạch hoạt động của BKS năm 2023, kết quả giám sát như sau:

Giám sát tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh của Công ty

Thị trường chứng khoán (TTCK) năm 2023 diễn ra với các nhịp tăng, giảm đan xen trong năm với biên độ lớn cho thấy tính không ổn định của thị trường. Bên cạnh đó, sự cạnh tranh gay gắt của các công ty chứng khoán (CTCK) trên thị trường, đặc biệt cạnh tranh về phí môi giới & lãi suất đối với dịch vụ margin và ứng trước, trong khi đó BVSC với những điểm hạn chế về quy mô vốn và thiếu các sản phẩm phái sinh dẫn đến năng lực cạnh tranh so với các CTCK trên thị trường suy giảm. BKS đánh giá cao về việc Công ty đã chủ động, linh hoạt bám sát diễn biến thị trường để đề ra những giải pháp, quyết sách kịp thời, đúng đắn nhằm duy trì hoạt động kinh doanh ổn định, bền vững và hoàn thành vượt kế hoạch kinh doanh năm 2023 do Đại hội đồng cổ đông giao.

Giám sát việc thực hiện chế độ kế toán, báo cáo tài chính

- Các BCTC quý, bán niên và cả năm 2023 đã được Công ty trình bày đầy đủ, rõ ràng các thông tin về các sự kiện trong năm tài chính theo đúng Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam nói chung và đối với các công ty chứng khoán nói riêng. Các BCTC bán niên, cả năm 2023 đã được soát xét/kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán độc lập Ernst & Young Việt Nam (E&Y Việt Nam) và không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán độc lập.
- BKS thống nhất ý kiến với đơn vị kiểm toán độc lập là các BCTC năm 2023 của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023; cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn về kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán, các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC.



BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BKS (tiếp theo)

Giám sát công tác quản trị của HĐQT

- Để tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược phát triển giai đoạn 2021–2025 và Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2023, HĐQT đã luôn chủ động bám sát diễn biến thị trường chứng khoán trong nước cũng như thế giới và thực tiễn hoạt động kinh doanh của Công ty để ban hành các nghị quyết, quyết sách mang tính chiến lược, định hướng cho hoạt động của Ban Tổng Giám đốc với mục tiêu cao nhất hoàn thành Kế hoạch kinh doanh năm 2023 đã được ĐHĐCĐ giao.
- HĐQT đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ hàng quý. Ngoài ra, HĐQT còn tổ chức xin ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để kịp thời phê duyệt, ra quyết sách chỉ đạo hoạt động kinh doanh của Công ty bám sát với diễn biến khó lường của thị trường chứng khoán năm 2023, thực tiễn kinh doanh nhằm phát huy cao nhất hiệu quả hoạt động của Công ty.
- Trong các phiên họp HĐQT nói riêng và hoạt động của HĐQT nói chung, các thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, với phương châm tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định Pháp luật, Điều lệ công ty; bảo vệ tối đa quyền và lợi ích của Công ty nhằm đưa ra các quyết sách đúng đắn, kịp thời phục vụ hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.
- Các Nghị quyết và các quyết sách của HĐQT đã đạt được sự nhất trí cao của các thành viên HĐQT với mục tiêu vì sự phát triển bền vững của Công ty; đồng thời tuân thủ đúng các quy định tại Điều lệ và văn bản nội bộ của Công ty; quy định của Pháp luật có liên quan.

Qua quá trình giám sát, BKS nhận thấy HĐQT đã hoạt động đúng thẩm quyền và nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, văn bản nội bộ của Công ty và Pháp luật; HĐQT hoàn thành tốt nhiệm vụ quản lý Công ty. BKS không nhận thấy dấu hiệu bất thường hay vi phạm trong hoạt động quản trị, quản lý của HĐQT nói chung và các thành viên HĐQT nói riêng.

Giám sát công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc

- Các Thành viên Ban Tổng Giám đốc đều là những chuyên gia giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán và gắn bó với Công ty từ những ngày đầu thành lập, là những người tâm huyết và luôn nỗ lực tối đa với quyết tâm cao nhất trong việc triển khai thực hiện thành công các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT; đồng thời luôn tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định Pháp luật, Điều lệ công ty và văn bản nội bộ trong việc điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty; bảo vệ tối đa quyền và lợi ích của Công ty.

- Trong quá trình điều hành hoạt động kinh doanh, định kỳ hàng tháng, hàng quý Ban Tổng Giám đốc đã có các báo cáo về tình hình hoạt động kinh doanh trong tháng, trong quý và kế hoạch, định hướng dự kiến của tháng, của quý tiếp theo báo cáo HĐQT và BKS.
- Ban Tổng Giám đốc luôn thực hiện cung cấp kịp thời, đầy đủ các tài liệu theo yêu cầu của BKS để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát.

Qua quá trình giám sát, BKS nhận thấy: căn cứ vào diễn biến của TTCK và thực tiễn hoạt động của Công ty, Ban Tổng Giám đốc đã chủ động, linh hoạt bám sát diễn biến thị trường để triển khai đồng bộ nhiều giải pháp về nguồn nhân lực, công nghệ, sản phẩm, định hướng khách hàng, quản trị rủi ro với mục tiêu cao nhất hoàn thành Kế hoạch kinh doanh 2023; đồng thời duy trì hoạt động kinh doanh của Công ty phát triển ổn định và bền vững. BKS không nhận thấy dấu hiệu bất thường hay vi phạm trong quá trình điều hành Công ty của Ban Tổng Giám đốc.

Giám sát quá trình tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023

Qua giám sát, BKS thấy rằng việc tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên 2023 và thông qua các nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 đã tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của BVSC.

Giám sát tuân thủ quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty và thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ

Qua giám sát, BKS nhận thấy trong năm 2023, hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT. Công ty thực hiện nghiêm túc các quy định về công bố thông tin áp dụng đối với công ty chứng khoán có cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Công ty đã triển khai thực hiện đúng các Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2023, cụ thể: Triển khai hoạt động kinh doanh hoàn thành Kế hoạch kinh doanh 2023; Hoàn thành việc phân phối lợi nhuận năm 2022 và thanh toán cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 10% mệnh giá cổ phần; Hoàn thành việc chi thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS và Thư ký Công ty năm 2023; Triển khai lựa chọn Công ty kiểm toán để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024, 2025, 2026; Triển khai đầu tư Dự án cải tạo và chuyển văn phòng trụ sở Công ty và hoàn thành việc chuyển trụ sở Công ty vào tháng 02/2024.

Hoạt động khác của BKS

Trong năm, ngoài việc triển khai các hoạt động nêu trên BKS còn triển khai nhiều hoạt động khác như: Phối hợp với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc giám sát tổ chức thành công cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023; Tham gia soạn thảo và góp ý kiến đối với Quy chế quản lý tài chính của Công ty; Tham dự và thực hiện giám sát quá trình tổ chức các phiên họp HĐQT; BKS báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 về kết quả giám sát thực hiện hoạt động kinh doanh và tài chính năm 2022 của Công ty; Triển khai lựa chọn Công ty kiểm toán để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024, 2025, 2026...



BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BKS (tiếp theo)

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cổ đông

Trong quá trình thực thi quyền hạn và nhiệm vụ của mình, BKS luôn phối hợp với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cổ đông với mục tiêu vì lợi ích cao nhất của Công ty và cổ đông. Cụ thể công tác phối hợp giữa HĐQT, BKS và Ban Tổng Giám đốc đạt được như sau:

- ▶ HĐQT, BKS và Ban Tổng Giám đốc hoạt động độc lập, song luôn có sự phối hợp chặt chẽ trong hoạt động, đảm bảo thực thi quyền và nghĩa vụ của mình với tinh thần trách nhiệm cao, trung thực, minh bạch, vì lợi ích cao nhất của Công ty và cổ đông, cũng như tuân thủ các quy định tại Điều lệ, các văn bản nội bộ khác của Công ty đã ban hành và các quy định của Pháp luật.
- ▶ Trong quá trình thực thi các quyền hạn của mình, BKS đảm bảo không cản trở các hoạt động quản trị của HĐQT, điều hành của Ban Tổng Giám đốc và không gây gián đoạn hoạt động kinh doanh của Công ty.
- ▶ Đối với cổ đông: Năm 2023, Ban Kiểm soát không nhận được kiến nghị hoặc khiếu nại nào của Cổ đông theo quy định tại Điều lệ công ty và Pháp luật hiện hành.

Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và Kiểm soát viên

Đánh giá kết quả hoạt động của BKS

Trên cơ sở nhiệm vụ và quyền hạn của BKS được quy định tại Điều lệ của BVSC và Quy chế hoạt động của BKS, BKS tự đánh giá như sau:

- ▶ BKS đã thực hiện đầy đủ chức năng của mình trong việc giám sát HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đối với công tác quản trị, điều hành Công ty;
- ▶ BKS đã có các đề xuất, kiến nghị với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc để tăng cường công tác quản trị, hệ thống hóa quy trình, quy chế, kiểm soát nội bộ với mục tiêu giảm thiểu rủi ro kinh doanh của Công ty;
- ▶ BKS đã giám sát HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các Nghị quyết đã ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 thông qua;
- ▶ BKS đã hoạt động đúng quyền hạn, chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty. Các văn bản của BKS đã được ban hành đúng trình tự, thủ tục theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động của BKS và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.

Đánh giá kết quả hoạt động của các Kiểm soát viên

- ▶ Các Kiểm soát viên đã tham gia đầy đủ các phiên họp BKS, các phiên họp HĐQT, đã hoạt động tích cực trong công tác giám sát hoạt động của Công ty cũng như tham gia ý kiến đối với các vấn đề: Kế hoạch hoạt động của BKS giữa 2 kỳ ĐHĐCĐ thường niên 2023-2024; Giám sát quá trình kiểm toán các BCTC năm 2023 của BVSC; Xây dựng Quy chế quản lý tài chính của Công ty; Triển khai lựa chọn Công ty kiểm toán để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024, 2025, 2026. Đồng thời, các Kiểm soát viên phối hợp tốt với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các phòng/ban chức năng để hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công.
- ▶ Trong quá trình thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao, các Kiểm soát viên luôn thực hiện một cách trung thực, cẩn trọng; trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát giữa 2 kỳ ĐHĐCĐ thường niên 2024-2025

Trên cơ sở nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát được quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động của BKS và quy định của Pháp luật, BKS dự kiến kế hoạch hoạt động giữa 2 kỳ ĐHĐCĐ thường niên 2024 - 2025 như sau:

- ✓ Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ và quyền hạn của BKS theo quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và các quy định liên quan đến hoạt động của BKS.
- ✓ Tham dự đầy đủ các phiên họp thường kỳ của HĐQT, và các phiên họp khác do Công ty tổ chức để nắm bắt tình hình và thực hiện việc giám sát công tác quản trị và điều hành Công ty.
- ✓ Giám sát tình hình tài chính của Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của Thành viên HĐQT, Thành viên Ban Tổng Giám đốc và Người quản lý khác.
- ✓ Phối hợp với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc hoàn tất việc lựa chọn Công ty kiểm toán để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024, 2025, 2026.
- ✓ Giám sát việc thực hiện chế độ kế toán và công tác lập và kiểm toán/soát xét báo cáo tài chính; việc thực hiện kiến nghị tại Thư quản lý năm 2023 đối với Công ty của đơn vị Kiểm toán độc lập (nếu có).
- ✓ Tiếp tục nghiên cứu, cập nhật các cơ chế chính sách mới ban hành; giám sát, kiến nghị sửa đổi bổ sung những vấn đề còn chưa phù hợp tại Công ty nhằm đảm bảo tuân thủ đầy đủ, kịp thời các quy định của Pháp luật.
- ✓ Thẩm định báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty.





CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BKS VÀ BAN TGD

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO CỦA HĐQT, BAN TGD, BKS

Nguyên tắc chi trả lương, thưởng, thù lao

Đối với HĐQT và Ban Kiểm soát

- Chế độ lương thưởng, phụ cấp, phúc lợi áp dụng đối với Chủ tịch HĐQT chuyên trách được thực hiện theo Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐQT của HĐQT ban hành ngày 13/02/2019.
- Việc chi trả thù lao, các chi phí hoạt động và chế độ thưởng đối với các Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát được thực hiện theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ được ĐHĐCĐ thường niên 2023 thông qua vào ngày 21/04/2023; Quy định về chế độ thù lao, chi phí hoạt động, chế độ tiền thưởng đối với Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Thành viên Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký Công ty & Người phụ trách quản trị công ty; và Quy chế chi tiêu của Công ty.

Đối với Ban Tổng Giám đốc

- Việc chi trả lương, thưởng được thực hiện theo quy chế tiền lương hiện hành của Công ty và dựa trên kết quả kinh doanh hàng năm, cũng như đánh giá hiệu quả làm việc của từng cán bộ trong năm.

MỨC LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO ĐÃ THỰC HIỆN TRONG NĂM 2023

Đối với HĐQT và BKS

- Mức chi trả thù lao của HĐQT và BKS: Thực hiện theo phê duyệt của ĐHĐCĐ tại Điều 6 của Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ, mức chi cụ thể như sau:

STT	Chức danh	Mức thù lao
1	Thành viên HĐQT	8.000.000đ/người/tháng
2	Trưởng Ban Kiểm soát	8.000.000đ/người/tháng
3	Thành viên Ban Kiểm soát	6.000.000đ/người/tháng

- Chủ tịch HĐQT chuyên trách không thực hiện chi trả thù lao, mà thực hiện chế độ lương từ Quỹ tiền lương theo phê duyệt tại Nghị quyết số 02/2019/NQ - HĐQT của HĐQT ban hành ngày 13/02/2019.
- Tổng lương và thù lao của Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát là 1.829.753.426 đồng.

Đối với Ban Tổng Giám đốc

- Tổng lương của Ban Tổng Giám đốc trong năm 2023: 2.022.334.623 đồng.

Các khoản lợi ích khác của HĐQT, Ban TGD và BKS

Chế độ bảo hiểm

- Các thành viên HĐQT không điều hành và Kiểm soát viên: Hiện nay, các thành viên này đều là lãnh đạo, cán bộ làm việc chuyên trách tại các doanh nghiệp khác nên hưởng các chế độ bảo hiểm tại các doanh nghiệp này.
- Chủ tịch HĐQT, thành viên Ban Tổng Giám đốc: được tham gia các chế độ bảo hiểm theo chính sách của Công ty bao gồm:

Danh mục	Chủ tịch HĐQT/Thành viên HĐQT điều hành, Ban Tổng Giám đốc
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	Thực hiện theo quy định của Pháp luật và theo mức lương quy định tại thang bảng lương của Công ty.
Bảo hiểm sức khỏe toàn diện HealthCare	Áp dụng theo chương trình Platinum là chương trình cao nhất của gói phúc lợi bảo hiểm sức khỏe toàn diện dành cho người lao động tại BVSC có mức bồi thường tối đa là 5,25 tỷ đồng/người, được bảo lãnh toàn bộ chi phí khám chữa bệnh phát sinh trên phạm vi toàn cầu.
Bảo hiểm Nhân thọ	Được mua Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ “An hưởng điển viên” với mức phí 48 triệu đồng/người/năm.
Bảo hiểm các bệnh ung thư (K - care)	Áp dụng theo chương trình cao nhất với mức bảo hiểm tối đa là 1.17 tỷ đồng/người.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BKS VÀ BAN TGD (tiếp theo)

MỨC LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO ĐÃ THỰC HIỆN TRONG NĂM 2023 (tiếp theo)

Các khoản lợi ích khác của HĐQT, Ban TGD và BKS (tiếp theo)

Chế độ khám sức khỏe định kỳ hàng năm

- Thành viên HĐQT, Trưởng ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Công ty: được khám sức khỏe định kỳ hàng năm và được chi trả theo phát sinh thực tế tại bệnh viện, cơ sở y tế chất lượng cao tại Việt Nam.
- Thành viên Ban Kiểm soát được khám sức khỏe định kỳ theo chương trình khám sức khỏe định kỳ hàng năm dành cho người lao động của Công ty.

Chế độ đối với phương tiện đi lại

- Đối với chức danh Chủ tịch HĐQT chuyên trách, Ban Tổng Giám đốc Công ty: Công ty áp dụng chế độ khoán phụ cấp phương tiện đi lại thay thế chế độ xe đưa đón riêng theo mức từ 10.000.000 đồng/người/tháng đến 15.000.000 đồng/người/tháng.
- Trong trường hợp đi công tác ngoại tỉnh, các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc được bố trí xe ô tô theo kế hoạch công tác hoặc sử dụng thẻ taxi và/hoặc taxi công nghệ.

Chế độ sử dụng điện thoại

- Trang bị máy điện thoại: các Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc được trang bị điện thoại di động theo mức từ 15.000.000 đồng/người đến 30.000.000 đồng/người trong khoảng thời gian 2 năm/lần.
- Thanh toán cước phí viễn thông: Chủ tịch HĐQT chuyên trách, Ban Tổng Giám đốc Công ty được áp dụng chế độ khoán phụ cấp cước viễn thông theo mức từ 4.000.000 đồng/người đến 5.000.000 đồng/người. Đối với các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, chi phí cước viễn thông được thanh toán thực tế theo hóa đơn nhưng không vượt quá hạn mức quy định của Công ty.

Chế độ công tác phí

- Công tác phí trong nước: Áp dụng theo định mức quy định tại Quy định về chế độ thù lao, chi phí hoạt động, chế độ tiền thưởng đối với Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Thành viên Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký Công ty và Người phụ trách quản trị công ty; điều kiện và định mức áp dụng khác biệt giữa các cấp bậc, bao gồm chi phí vé máy bay, khách sạn, phụ cấp lưu trú và thanh toán dựa trên hóa đơn chứng từ.
- Công tác phí nước ngoài: Được thực hiện tham chiếu theo quy định của Bộ Tài chính.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Trong năm 2023 các cổ đông nội bộ của Công ty không phát sinh giao dịch cổ phiếu BVS.

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Trong năm, ngoại trừ việc thu phí giao dịch chứng khoán của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, thành viên Ban Tổng Giám đốc mở tài khoản giao dịch chứng khoán theo quy định của Công ty, Công ty không ký kết, thực hiện các hợp đồng giao dịch đối với những người này.

Đối với việc ký kết, thực hiện các hợp đồng/giao dịch với những người có liên quan của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, thành viên Ban Tổng Giám đốc; với công ty trong đó thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, thành viên Ban Tổng Giám đốc là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất

trước thời điểm giao dịch: trong năm 2023. Các hợp đồng, giao dịch này đều có giá trị nhỏ hơn 10% Tổng tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, do đó theo Điều 52.3 của Điều lệ Công ty hiện hành và Điều 167. *Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan của Luật Doanh nghiệp 2020*, các giao dịch này đều thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT Công ty. Việc ký kết, thực hiện các hợp đồng/giao dịch này đều được Công ty thực hiện theo đúng phê duyệt của HĐQT; được thực hiện một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty, không tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

(Chi tiết các giao dịch này, vui lòng tham khảo tại Phần Thuyết minh Báo cáo tài chính và xem tại Mục 2 và Tiểu mục 4.1, Mục 4 Phần VII Danh sách về người có liên quan của Công ty và giao dịch của người có liên quan của Công ty với chính Công ty tại Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2023 số 04/2024/BVSC-HĐQT ngày 29/01/2024 đã được BVSC công bố thông tin trên website của Công ty theo đường dẫn: <https://www.bvsc.com.vn/danhmuc/quan-he-nha-dau-tu/quan-tri-cong-ty/>)

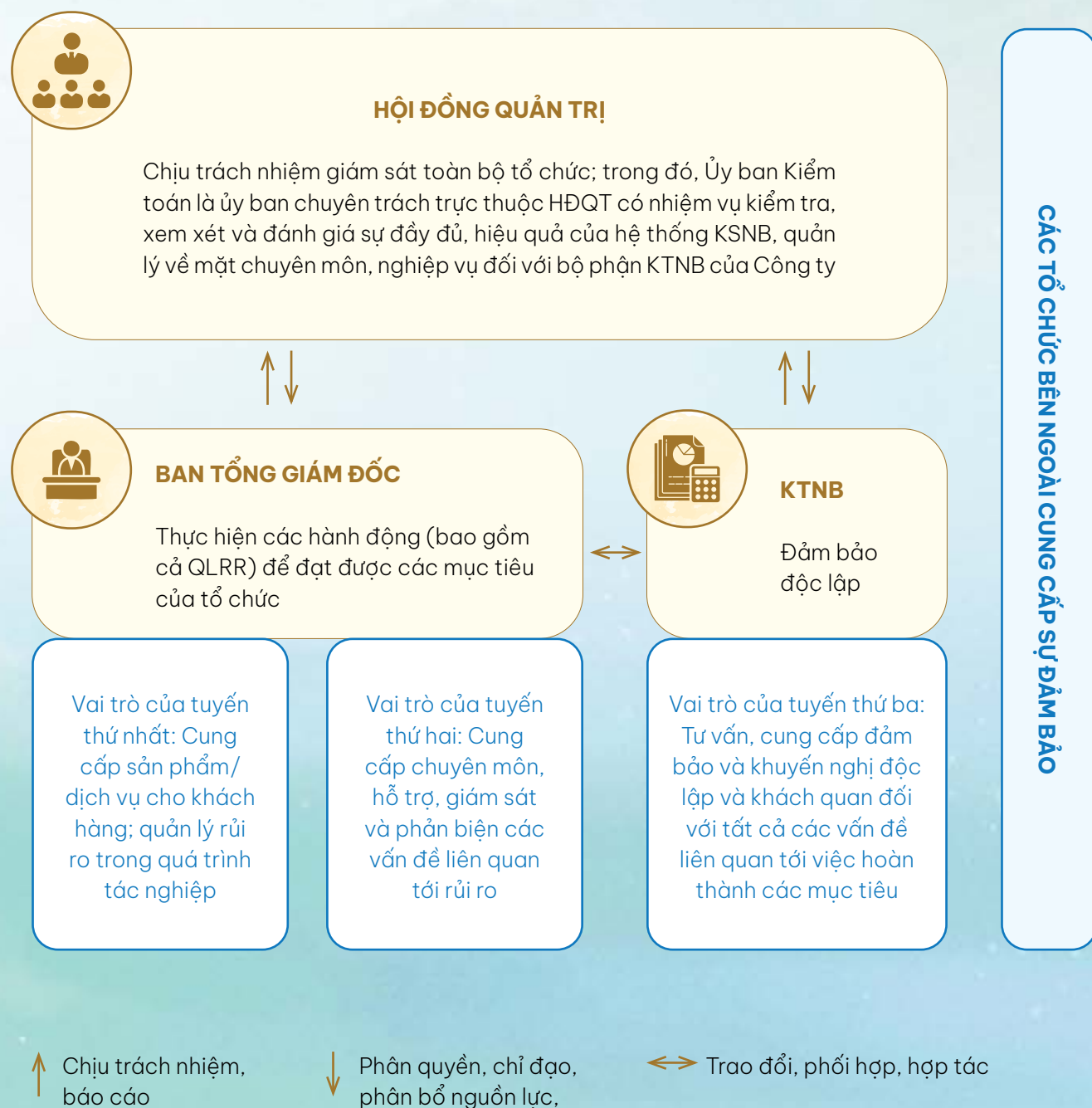




KIỂM TOÁN NỘI BỘ

MÔ HÌNH BA TUYẾN TRONG QUẢN TRỊ RỦI RO

BVSC áp dụng Mô hình Ba tuyến trong quản trị và quản lý rủi ro, trong đó, HĐQT và các tuyến thứ nhất, tuyến thứ hai, tuyến thứ ba thực hiện các vai trò khác nhau, đảm bảo cho công tác quản trị rủi ro được chú trọng và thực hiện xuyên suốt trong toàn bộ Công ty. BVSC hướng tới việc quản lý rủi ro một cách hài hòa, hợp lý, không chỉ đơn thuần là giảm thiểu rủi ro, phòng vệ lại các rủi ro. Tất cả các Phòng ban làm việc cùng nhau, phối hợp công việc để đảm bảo tính tin cậy, chặt chẽ và minh bạch của thông tin cần thiết cho quá trình đưa ra quyết định trên cơ sở rủi ro.



1

Tuyến thứ nhất

Có các vai trò gắn trực tiếp với việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ tới khách hàng là các Phòng ban chức năng/bộ phận kinh doanh trực tiếp, và bao gồm cả các vai trò có chức năng hỗ trợ như nhân sự, hành chính, công nghệ thông tin... Nhiệm vụ chính của tuyến thứ nhất là tác nghiệp, cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng; đồng thời, xác định, đánh giá, ngăn ngừa, báo cáo và theo dõi các rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh và các quy trình vận hành thông qua việc tự đánh giá, giám sát hiệu quả của các biện pháp quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ tại các Phòng ban, bộ phận.

2

Tuyến thứ hai

Có các vai trò với trọng tâm được đặt vào những mục tiêu cụ thể của quản lý rủi ro: đảm bảo tuân thủ pháp luật và các chuẩn mực đạo đức, kiểm soát nội bộ, an toàn công nghệ và thông tin, tính bền vững và đảm bảo chất lượng. Nhiệm vụ của tuyến này là kiểm soát tuân thủ; hỗ trợ, giám sát và cung cấp tư vấn, phản biện cho tuyến thứ nhất.

3

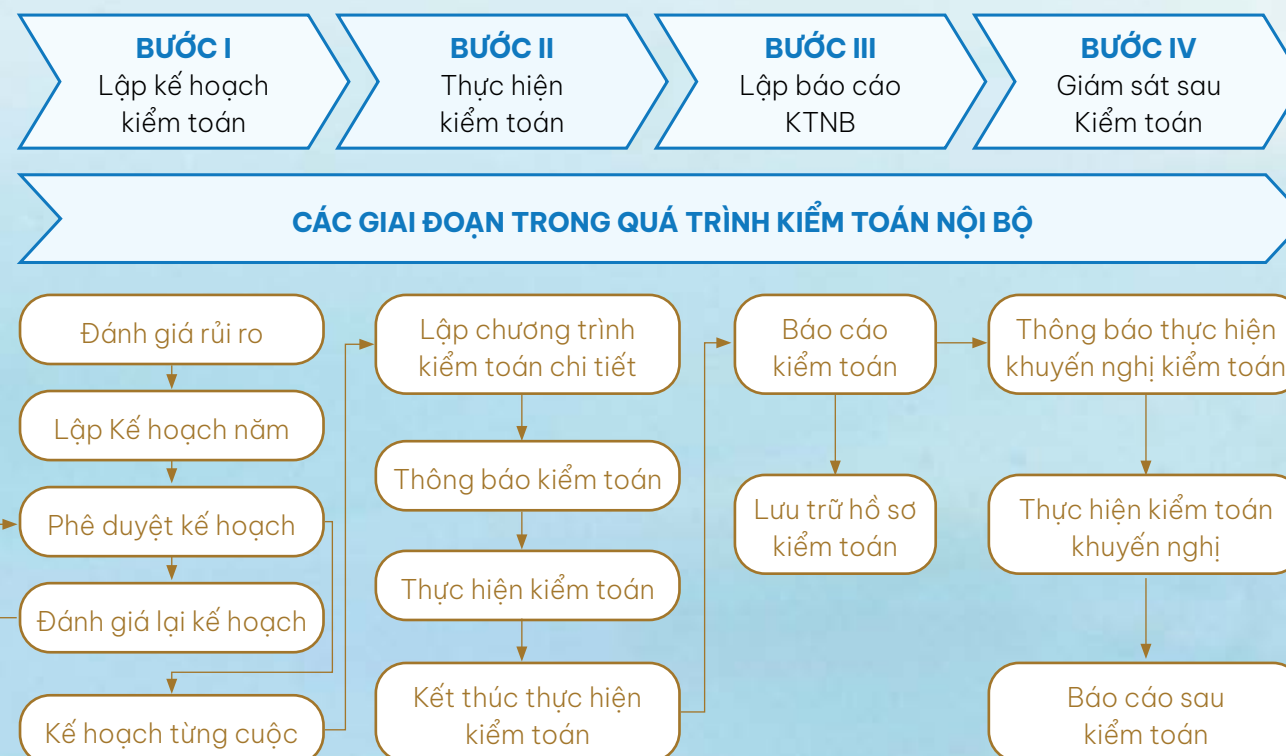
Tuyến thứ ba

Là bộ phận Kiểm toán nội bộ. Bộ phận có nhiệm vụ cung cấp các tư vấn và đảm bảo độc lập và khách quan về sự đầy đủ, hiệu quả của công tác quản trị doanh nghiệp và quản lý rủi ro. Kiểm toán nội bộ báo cáo tất cả các vấn đề liên quan tới việc hoàn thành các mục tiêu cho Ban Tổng Giám đốc, Ủy ban Kiểm toán và HĐQT để thúc đẩy việc cải thiện liên tục, nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị doanh nghiệp, quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ.

Chức năng, nhiệm vụ

Bộ phận KTNB thuộc tuyến thứ ba trong hệ thống quản trị rủi ro. Bộ phận Kiểm toán nội bộ cung cấp những đánh giá độc lập, khách quan về tính đầy đủ, tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và quản trị doanh nghiệp của các đối tượng kiểm toán cho Ủy ban Kiểm toán, HĐQT và Ban Tổng Giám đốc BVSC đảm bảo sự phù hợp và tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, của HĐQT, các quy trình, quy định nội bộ tại BVSC.

QUY TRÌNH KIỂM TOÁN NỘI BỘ





KIỂM TOÁN NỘI BỘ (tiếp theo)

QUY TRÌNH KIỂM TOÁN NỘI BỘ (tiếp theo)

Tóm lược 4 bước của quy trình kiểm toán nội bộ tại BVSC



HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ NĂM 2023

Trong năm 2023, bộ phận KTNB tiếp tục phối hợp với bộ phận KSNB Công ty thực hiện các kỳ kiểm toán định kỳ đối với một số hoạt động, nghiệp vụ trọng yếu trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Sự phối hợp giữa 02 bộ phận giúp tăng cường hiệu quả sử dụng các nguồn lực, tránh trùng lặp về nội dung và phạm vi công việc giữa các cuộc KTNB và KSNB, tiết kiệm thời gian làm việc của các phòng nghiệp vụ trong Công ty; đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng giữa 02 bộ phận.

Dưới sự chỉ đạo của Ủy ban Kiểm toán và HĐQT, trong năm 2023, bộ phận KTNB BVSC đã hoàn thành các cuộc kiểm toán theo kế hoạch đã đề ra. Cụ thể:

STT	Đối tượng kiểm toán	Nội dung
1	Phòng Phân tích	Kiểm toán tuân thủ quy trình nghiệp vụ nhận ủy thác quản lý tiểu khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân.
2	Phòng Đầu tư	Kiểm toán tuân thủ hoạt động đầu tư tự doanh năm 2022.
3	Phòng Công nghệ thông tin	Kiểm toán tuân thủ hoạt động công nghệ thông tin.
4	Phòng QLGD	Kiểm toán công tác quản lý rủi ro chứng khoán cho vay giao dịch ký quỹ trên phần mềm nghiệp vụ. Kiểm toán tuân thủ công tác gán/điều chuyển gán khách hàng giữa các môi giới.
5	Các Phòng ban liên quan tại Trụ sở và Chi nhánh	Kiểm toán thực trạng tình hình thực hiện khuyến nghị tại các báo cáo KTNB năm 2022.
6	Phòng QLHĐ	Kiểm toán tuân thủ đối với công tác khai báo và tính toán chi trả thu nhập cho đối tác Giới thiệu khách hàng và Tìm kiếm khách hàng.
7	Phòng Lưu ký và DVKH, Phòng TCKT	Kiểm toán tuân thủ công tác quản lý tiền/chứng khoán của khách hàng.
8	Phòng TCKT	Kiểm toán các giao dịch tiền có giá trị lớn phát sinh trên tài khoản ngân hàng của Công ty.
9	Các PGD và Phòng KHTC	Kiểm toán hoạt động ủy quyền và đăng ký sử dụng các dịch vụ tiện ích của nhà đầu tư.
Các báo cáo khác:		
10	▶ Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch KTNB năm 2023 và kế hoạch KTNB cho năm 2024. ▶ Báo cáo phòng chống rửa tiền năm 2023.	

Kết quả kiểm toán cho thấy: tổng quan chung, công tác tuân thủ theo pháp luật, quy trình, quy định nội bộ của Công ty được cán bộ nhân viên Công ty thực hiện tốt. Các sai sót trong quá trình tác nghiệp đều được các phòng nghiệp vụ chỉnh sửa sau khi có ý kiến của bộ phận KTNB, giúp cải thiện và nâng cao hơn chất lượng công việc sau các kỳ tra soát.

KẾ HOẠCH KIỂM TOÁN NỘI BỘ NĂM 2024

Ghi nhận từ kết quả các cuộc kiểm toán, kiểm soát nội bộ trong năm 2023; tham khảo báo cáo rủi ro hàng tháng cùng báo cáo quý tại các cuộc họp Hội đồng quản lý rủi ro BVSC, bộ phận KTNB nhận thấy các rủi ro tác động đến hoạt động kinh doanh của BVSC được đánh giá ở mức độ thấp và trung bình. Từ đánh giá này, bộ phận KTNB xây dựng kế hoạch KTNB năm 2024 là tiếp tục phối hợp với bộ phận KSNB triển khai các hoạt động kiểm toán định kỳ, tập trung vào các rủi ro hoạt động trong quá trình tác nghiệp của các phòng nghiệp vụ để đảm bảo nâng cao tính tuân thủ, hiệu quả hoạt động và kiểm soát rủi ro tại các quy trình, hoạt động kinh doanh của Công ty.



QUẢN TRỊ RỦI RO

Các rủi ro và biện pháp quản trị rủi ro BVSC, đánh giá hoạt động QTRR trong năm 2023 và định hướng năm 2024.

Với các vai trò nằm trong tuyến thứ hai của hệ thống kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro, bộ phận QTRR là nơi quản lý những rủi ro tổng thể, rủi ro tích tụ, đồng thời cũng là nơi hệ thống lại những vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty để nhận diện, đánh giá, đo lường rủi ro nhằm đưa ra các biện pháp quản trị phù hợp. Bộ phận QTRR chịu trách nhiệm tổng hợp các báo cáo, thông tin về rủi ro từ các phòng chức năng và bộ phận KSNB nhằm nhận diện, đánh giá, tổng hợp ý kiến và đưa ra đề xuất về những giải pháp cho các vấn đề liên quan để Ban Tổng Giám đốc quyết định, xử lý. Định kỳ, Công ty tiến hành nhóm họp nhằm đánh giá lại các vấn đề phát sinh trong kỳ, đánh giá tính hiệu quả của hoạt động QTRR; từ đó, đưa ra những giải pháp, cũng như kế hoạch hành động liên quan đến QTRR của toàn Công ty.



Để quản trị rủi ro tại BVSC, BVSC đã xây dựng chính sách rủi ro hàng năm phù hợp với khẩu vị rủi ro của Công ty. BVSC đã xác định khẩu vị rủi ro của Công ty là chấp nhận rủi ro ở mức thấp và trung bình. Mức trung bình mà BVSC chấp nhận là do hoạt động kinh doanh của Công ty chịu tác động bởi tính biến động đặc thù của thị trường chứng khoán. Các loại rủi ro BVSC nhận diện và chủ động quản trị gồm 6 rủi ro chính là: rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản, rủi ro hoạt động, rủi ro pháp lý và rủi ro danh tiếng.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Tại BVSC, rủi ro thị trường chủ yếu liên quan đến biến động về giá cổ phiếu và rủi ro lãi suất.

Rủi ro biến động về giá cổ phiếu

Danh mục đầu tư cổ phiếu chịu tác động từ rủi ro hệ thống của thị trường như các yếu tố vĩ mô, yếu tố từ bên ngoài như chiến tranh, dịch bệnh cũng như những yếu tố nội tại của doanh nghiệp. Khi thực hiện các quyết định đầu tư, bên cạnh việc tuân thủ chặt chẽ theo hạn mức rủi ro áp dụng với hoạt động đầu tư do HĐQT phê duyệt, Công ty chú trọng thực hiện phân tích các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế cũng như các yếu tố cơ bản và kỹ thuật của cổ phiếu được lựa chọn đầu tư.

Danh mục đầu tư sau giải ngân được BVSC theo dõi chặt chẽ và thường xuyên thông qua các công cụ đánh giá rủi ro như phân tích kịch bản (scenario analysis) và tính toán giá trị tổn thất chịu rủi ro (VAR – Value at risk). Bằng việc đưa ra các kịch bản điều kiện thị trường, theo những mức độ rủi ro thị trường khác nhau, những tác động tới danh mục đầu tư cổ phiếu cũng như kết quả kinh doanh của Công ty được đánh giá, lượng hóa một cách thường xuyên và chủ động.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro được nhận diện có ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động đầu tư tiền gửi có kỳ hạn và đầu tư trái phiếu của BVSC. Với đầu tư trái phiếu, rủi ro lãi suất được đánh giá ở mức độ thấp do trái phiếu của Công ty được nắm giữ tới khi đáo hạn. Với đầu tư tiền gửi, Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình lãi suất trên thị trường, cạnh tranh giữa các ngân hàng để có được các mức lãi suất có lợi, đem lại hiệu quả kinh doanh tốt. Kết quả: trong năm 2023, Công ty không gặp phải bất cứ sự kiện rủi ro lãi suất nào có ảnh hưởng tới kế hoạch kinh doanh cũng như kết quả đầu tư.

RỦI RO TÍN DỤNG

Tại BVSC, rủi ro tín dụng có khả năng gây thiệt hại/tổn thất trong các hoạt động: đầu tư tiền gửi có kỳ hạn, đầu tư trái phiếu và hoạt động giao dịch ký quỹ. Để phòng ngừa, BVSC đã nhận diện, đưa ra các biện pháp quản trị rủi ro đối với các hoạt động tiềm ẩn rủi ro tín dụng. Cụ thể:



Đối với hoạt động đầu tư tiền gửi có kỳ hạn

BVSC tuân thủ theo Hạn mức tiền gửi được HĐQT phê duyệt hàng năm. Bên cạnh đó, BVSC cũng lựa chọn các ngân hàng đối tác được xếp hạng tín dụng tốt theo đánh giá xếp hạng của Tập đoàn Bảo Việt. BVSC luôn chủ động thường xuyên đánh giá, phân tích ngân hàng, tình hình thị trường, mục tiêu cân bằng giữa rủi ro và hiệu quả, đảm bảo an toàn vốn trước khi thiết lập hợp đồng đầu tư tiền gửi.



Đối với hoạt động đầu tư trái phiếu

Đối với cả Trái phiếu Chính phủ và Trái phiếu doanh nghiệp, BVSC thực hiện quản trị rủi ro trên nguyên tắc tuân thủ các hạn mức đầu tư do HĐQT phê duyệt. Mỗi quyết định đầu tư đều được đưa ra sau quá trình thực hiện đánh giá cẩn trọng và kỹ lưỡng về mức độ tín nhiệm và rủi ro về khả năng thanh toán của tổ chức phát hành. Đối với Trái phiếu doanh nghiệp, ngoài đánh giá về khả năng và tín nhiệm về tài chính, Trái phiếu doanh nghiệp cần được đảm bảo bằng tài sản bảo đảm và BVSC đã có chính sách cụ thể về việc xử lý tài sản đảm bảo trong trường hợp phải đối diện với rủi ro tín dụng của tổ chức phát hành.





QUẢN TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

RỦI RO TÍN DỤNG (tiếp theo)



Đối với hoạt động cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ

Công ty tiếp tục duy trì các biện pháp quản trị mà tính hiệu quả đã được kiểm chứng sau một thời gian dài áp dụng. Đó là:

- Ban hành Hạn mức rủi ro hàng năm, trong đó có các chỉ tiêu liên quan đến giao dịch ký quỹ: tổng dư nợ gốc cho vay giao dịch ký quỹ, dư nợ tối đa trên 01 khách hàng, tổng giá trị giải ngân/1 mã cổ phiếu và số lượng cho vay ký quỹ/tổng số chứng khoán niêm yết. Bộ phận QTRR giám sát chặt chẽ đảm bảo việc tuân thủ theo đúng hạn mức rủi ro đã ban hành.
- Đánh giá tín nhiệm và xếp loại khách hàng để cấp hạn mức ký quỹ phù hợp với khả năng tài chính, tài sản ký quỹ của khách hàng. Định kỳ thực hiện rà soát các tài khoản có dấu hiệu rủi ro tích tụ là các tài khoản có dư nợ ký quỹ lớn và tài sản bảo đảm tập trung vào một hoặc một vài mã chứng khoán.
- Lựa chọn Danh mục chứng khoán được vay ký quỹ tuân thủ Quyết định 87/2017/QĐ-UBCK ngày 25/01/2017 của UBCKNN về giao dịch ký quỹ và danh sách các cổ phiếu được giao dịch ký quỹ theo thông báo của các Sở Giao dịch chứng khoán. Định kỳ rà soát Danh mục chứng khoán được vay ký quỹ căn cứ trên các tiêu chí như thanh khoản của cổ phiếu, biến động giá cổ phiếu, hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của doanh nghiệp.
- Thường xuyên cập nhật diễn biến giá và thông tin cổ phiếu để sớm nhận diện và đưa ra biện pháp xử lý sớm đối với các mã có dấu hiệu mất thanh khoản, giảm giá kéo dài; các mã bị hai Sở loại khỏi danh mục cho vay ký quỹ.
- Xây dựng bộ tỷ lệ ký quỹ an toàn, từ đó, tuân thủ công tác theo dõi gọi bổ sung ký quỹ để sớm cảnh báo tới khách hàng về tình trạng món vay và thực hiện công tác xử lý tài sản đảm bảo nhằm bảo toàn vốn cho Công ty trong quá trình cho vay ký quỹ.

Trong năm 2023, các hoạt động đầu tư tiền gửi, đầu tư trái phiếu và cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ của Công ty không phát sinh sự kiện rủi ro tín dụng.



RỦI RO THANH KHOẢN

Công ty thực hiện quản lý tách bạch tiền và tài sản của nhà đầu tư với tiền và tài sản của Công ty để đảm bảo việc thực hiện các nghĩa vụ đối với khách hàng. Đối với dòng tiền phục vụ hoạt động kinh doanh, công tác quản trị rủi ro thanh khoản được thực hiện hàng ngày thông qua việc cân đối dòng tiền thu chi, duy trì kênh tương tác và phối hợp chặt chẽ trong công tác báo nguồn, đăng ký kế hoạch sử dụng nguồn cũng như gửi các cảnh báo thị trường để cân đối dòng tiền đạt hiệu quả nhất, giảm thiểu nguy cơ mất thanh khoản.

Đồng thời, Công ty luôn duy trì một lượng tiền mặt, các khoản tương đương tiền đảm bảo đáp ứng đủ cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về dòng tiền.

Các đệm thanh khoản được củng cố thông qua việc đầu tư vào các tài sản tài chính có tính thanh khoản tốt và việc không ngừng tìm kiếm các nguồn tài trợ vốn từ bên thứ ba để gia tăng khả năng đối phó với các tình huống căng thẳng thanh khoản.

Trong năm 2023, BVSC luôn thực hiện đầy đủ chính xác các nghĩa vụ thanh toán cho Trung tâm lưu ký chứng khoán, các Sở Giao dịch, các đối tác và khách hàng giao dịch chứng khoán. Nếu tiêu chí tỷ lệ An toàn tài chính là một phong vũ biểu cho khả năng thanh khoản của công ty chứng khoán thì tại BVSC, trong năm 2023, tỷ lệ này hàng tháng luôn ở quanh mức 500%, vượt xa tỷ lệ quy định 180% của UBCKNN.

RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Tại BVSC, rủi ro hoạt động được đánh giá ở mức độ thấp và được quản trị theo 04 loại rủi ro bao gồm rủi ro báo cáo và kiểm soát tài chính; rủi ro con người; rủi ro quy trình/thủ tục và rủi ro hệ thống công nghệ thông tin.

Rủi ro báo cáo và kiểm soát tài chính

Đây là rủi ro phát sinh từ lập báo cáo tài chính sai và chậm trễ trong việc gửi báo cáo tới Ban Lãnh đạo Công ty, cơ quan quản lý Nhà nước hay công bố thông tin ra bên ngoài... Là một công ty niêm yết, BVSC có ý thức trách nhiệm và hành động để các báo cáo tài chính luôn được công bố kịp thời, đảm bảo tính chính xác và minh bạch trong thông tin cung cấp.

Ngoài việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập là một trong bốn công ty kiểm toán lớn, uy tín hàng đầu tại Việt Nam, Công ty còn đưa ra quy định về thời gian lập báo cáo, tổ chức kiểm tra, kiểm toán nội bộ công tác tài chính kế toán, đảm bảo tính tuân thủ với các quy định pháp luật, quy chế nội bộ cũng như các chế độ tài chính - kế toán tại BVSC. Công ty đã áp dụng công nghệ thông tin, sử dụng và phát huy hiệu quả hệ thống phần mềm lõi chứng khoán, phần mềm kế toán để lập các báo cáo, hạn chế sai sót thủ công và đảm bảo tính kịp thời.

Rủi ro con người

Rủi ro này được BVSC kiểm soát tốt do Công ty đã có một quá trình hoạt động lâu dài và xây dựng được một quy trình đồng bộ từ khâu tuyển chọn - đào tạo - huấn luyện đến kiểm soát và đánh giá chất lượng công việc. Bên cạnh đó, Công ty đã xây dựng và ban hành Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp tuân thủ theo chuẩn mực quy định tại Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp mẫu do Hiệp hội kinh doanh chứng khoán ban hành. Đối với cán bộ làm việc tại BVSC, ngoài việc phải đáp ứng yêu cầu cao về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng làm việc, việc tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp luôn là một ưu tiên hàng đầu.



QUẢN TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

RỦI RO HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

Rủi ro quy trình/thủ tục

Rủi ro quy trình/thủ tục là một trong những rủi ro mà Công ty phải thường xuyên đối mặt trong quá trình hoạt động. Nhận diện được mức độ trọng yếu của rủi ro này nên khi bắt đầu triển khai bất kỳ một hoạt động mới nào, BVSC luôn ban hành các quy trình, hướng dẫn tác nghiệp cụ thể, chi tiết, xây dựng hệ thống công nghệ hỗ trợ và đào tạo nhân sự vận hành theo đúng quy trình đề ra. Song song với hoạt động của khối nghiệp vụ, bộ phận KTNB phối hợp với bộ phận KSNB của Công ty định kỳ tổ chức các đợt rà soát, kiểm tra tuân thủ nhằm đảm bảo tính đúng đắn, sự phù hợp và hiệu quả của quy trình so với thực tiễn công việc, từ đó có thể hoàn thiện, cải tiến quy trình, nâng cao hiệu quả trong quá trình tác nghiệp.

Rủi ro hệ thống công nghệ

Rủi ro hệ thống công nghệ là một trong những rủi ro lớn mà các công ty chứng khoán nói chung đều phải đối diện. Tại BVSC, rủi ro này được đánh giá ở mức độ trung bình thấp bởi rủi ro đã được quản trị qua những chính sách cụ thể như quy trình vận hành hệ thống và xử lý sự cố. Ở cấp độ người sử dụng phần mềm nghiệp vụ, Công ty ban hành các chính sách phân quyền sử dụng để đảm bảo sự phù hợp với nhiệm vụ, phạm vi công việc của từng phòng, cá nhân sử dụng. Định kỳ hàng năm, Công ty thực hiện kiểm tra, rà soát tuân thủ đối với hoạt động công nghệ thông tin nhằm hạn chế các rủi ro phát sinh trong quá trình vận hành và sử dụng hệ thống.

Thêm vào đó, BVSC còn xây dựng hệ thống dự phòng, đảm bảo tính liên tục và thông suốt 24h/7 ngày của hệ thống. Hệ thống máy chủ và cơ sở dữ liệu của BVSC được đặt tại Trung tâm dữ liệu CMC Tower đạt chuẩn TIER 3 của quốc tế. Ngoài ra, định kỳ Công ty thực hiện đánh giá các sự kiện đã xảy ra để phân tích, dự đoán các rủi ro tiềm ẩn, từ đó, có phương án quản trị những rủi ro được nhận diện.

RỦI RO PHÁP LÝ

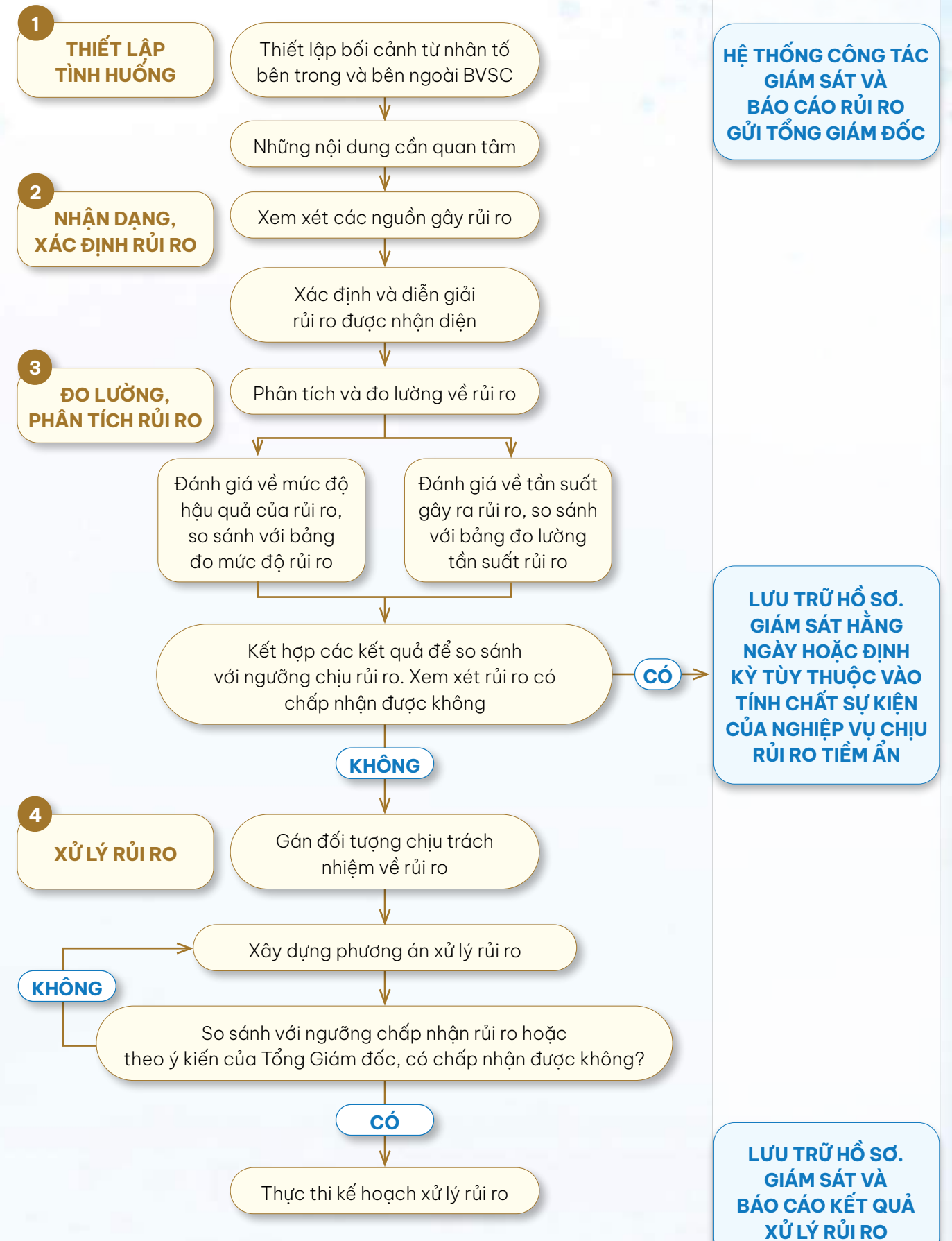
Rủi ro pháp lý tại BVSC được đánh giá ở mức độ trung bình thấp. Công tác kiểm soát rủi ro pháp lý được thực hiện đồng bộ từ việc cơ cấu tổ chức khoa học, phân quyền và trách nhiệm rõ ràng từ vị trí từ lãnh đạo cấp cao tới các vị trí cấp trung và cấp nhân viên. Công ty đã thành lập Phòng Pháp chế với nhân sự có bằng cấp luật sư thực hiện chức năng tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý cho Ban Tổng Giám đốc và các Phòng ban nghiệp vụ.

Mọi quy trình hướng dẫn tác nghiệp nội bộ trong Công ty hay các hợp đồng/thỏa thuận với khách hàng, đối tác đều được Phòng Pháp chế xem xét để đảm bảo tuân thủ pháp luật hiện hành và giảm thiểu rủi ro pháp lý khi thực hiện. Ngoài ra, Phòng Pháp chế còn thực hiện công tác cập nhật văn bản pháp luật thường xuyên với mục đích đảm bảo kiến thức pháp luật được truyền tải tới từng thành viên trong Công ty, để mọi thành viên có nhận thức và ý thức hơn về trách nhiệm tuân thủ pháp luật trong các hoạt động thường ngày.

RỦI RO DANH TIẾNG

Công ty luôn chủ động trong việc phòng ngừa rủi ro này thông qua việc không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, hoàn thiện bộ máy tổ chức, môi trường làm việc chuyên nghiệp, xây dựng mối quan hệ tốt với khách hàng, cổ đông và đối tác. Các phản hồi từ khách hàng, cổ đông và đối tác luôn là nguồn thông tin quý báu để BVSC tiếp tục nâng cao chất lượng chăm sóc khách hàng, thắt chặt hơn mối quan hệ với cổ đông, đối tác để giữ vững vị trí là một công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, năng động và chuyên nghiệp. Đồng thời, Công ty cũng luôn chú trọng xây dựng chiến lược phát triển bền vững như một cách thức phòng ngừa những rủi ro tiềm ẩn cho danh tiếng của Công ty.

QUY TRÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO





QUẢN TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

QUY TRÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

Tóm lược 4 bước của Quy trình quản trị rủi ro

► Thiết lập tình huống

Được xây dựng nhằm xác định các thông số cơ bản cho việc quản trị rủi ro, thiết lập phạm vi cũng như tiêu chuẩn phục vụ cho quá trình đánh giá, đo lường rủi ro. Các tình huống được thiết lập thông qua các nguồn dữ liệu khác nhau, ví dụ như: khi có thay đổi chiến lược kinh doanh, thay đổi chính sách của cơ quan quản lý, khi xây dựng nghiệp vụ/sản phẩm dịch vụ mới hoặc dựa trên các khuyến nghị của kiểm toán độc lập, kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ hay các cơ quan quản lý Nhà nước...

► Nhận diện, xác định rủi ro

Là hoạt động nhận diện và ghi lại rủi ro, trong đó phải nêu được tối thiểu 03 nội dung chính: Nguồn gốc rủi ro; Diễn giải rủi ro và Đối tượng bị tác động bởi rủi ro.

► Đo lường, phân tích rủi ro

Được thực hiện thông qua các phương pháp định tính hoặc định lượng, hoặc kết hợp cả hai phương pháp nhằm xác định tần suất xảy ra và mức độ

ảnh hưởng của rủi ro. Tần suất và mức độ ảnh hưởng của rủi ro là cơ sở để xác định cấp độ của rủi ro. Hạn mức rủi ro được HĐQT phê duyệt hàng năm là một tiêu chí để kết hợp đánh giá về cấp độ rủi ro của sự kiện.

► Xử lý rủi ro

Việc xử lý rủi ro được thực hiện theo các phương án chính gồm: Chấp nhận rủi ro; Tránh rủi ro; Giảm thiểu rủi ro hoặc Chia sẻ rủi ro. Việc áp dụng biện pháp nào phụ thuộc vào mức độ của sự kiện rủi ro đã được đo lường ở bước trên, cũng như cân nhắc giữa chi phí và hiệu quả của các biện pháp xử lý rủi ro đó.

Công tác giám sát hạn mức rủi ro và báo cáo rủi ro được thực hiện hàng ngày hoặc định kỳ tháng, quý tùy thuộc vào tính chất của mỗi loại sự kiện rủi ro. Mục tiêu của giám sát và báo cáo nhằm đảm bảo trạng thái của rủi ro luôn nằm trong ngưỡng chấp nhận. Nếu như có sự kiện rơi vào ngưỡng cảnh báo, bộ phận QTRR sẽ phối hợp với phòng nghiệp vụ hoặc chủ sở hữu rủi ro đưa ra kế hoạch hành động để đưa trạng thái rủi ro về ngưỡng an toàn.

HOẠT ĐỘNG QTRR TRONG NĂM 2023

Với nền tảng hệ thống chính sách, quy trình QTRR đã được chuẩn hóa và cập nhật lại hàng năm, công tác QTRR tại BVSC trong năm 2023 tiếp tục được thực hiện nghiêm túc, mang lại hiệu quả tốt trong việc nhận diện, phòng ngừa rủi ro tại các Phòng ban chức năng của Công ty. Kết quả nhận diện, đánh giá đo lường, biện pháp phòng ngừa và xử lý rủi ro được thông báo đến các trưởng bộ phận có liên quan để xử lý kịp thời, nhằm giảm thiểu các rủi ro tiềm ẩn. Các hoạt động được triển khai bao gồm:

Quản trị rủi ro tín dụng của hoạt động cho vay ký quỹ trong điều kiện thị trường chứng khoán diễn biến tiêu cực

Trong các đợt sụt giảm của thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2023, bên cạnh các biện pháp quản trị vẫn được thực hiện thường xuyên và liên tục, rủi ro tín dụng trong hoạt động cho vay ký quỹ được BVSC tăng cường quản trị thông qua các biện pháp:

- Các Phòng ban liên quan (Phòng Đầu tư, Bộ phận QTRR, các Phòng Giao dịch) theo dõi hàng ngày diễn biến thị trường và cập nhật các tin tức để tiến hành rà soát và cảnh báo sớm các mã có dấu hiệu rủi ro; từ đó, trao đổi và thảo luận giữa các Phòng ban có liên quan để có phương án giải quyết phù hợp.

Phòng Giao dịch liên hệ và làm việc với khách hàng để đưa ra phương án phù hợp gọi ký quỹ bổ sung/xử lý tài sản nhằm đảm bảo tỷ lệ ký quỹ an toàn đối với tài khoản khách hàng.

- Phương án xử lý đối với các trường hợp mã chứng khoán có rủi ro cao (giảm sàn liên tục nhiều phiên, mất thanh khoản, có tin tức xấu...) được trình lên Ban Tổng Giám đốc để được xem xét và phê duyệt đảm bảo việc xử lý được thực hiện nhanh chóng, kịp thời.

Tổ chức các cuộc họp Hội đồng QLRR

Định kỳ các quý, Công ty tổ chức họp Hội đồng QLRR của BVSC gồm có Ban Tổng Giám đốc, Ban Giám đốc Chi nhánh, các Lãnh đạo Phòng, Bộ phận QTRR và có sự tham gia tư vấn, phản biện đến từ Ủy ban QLRR & ALCO của BVSC. Các cuộc họp nhằm mục đích rà soát, đánh giá hiệu quả toàn bộ hoạt động QLRR đang được tiến hành tại Công ty, đưa ra các khuôn khổ, hành động, biện pháp cần được thực hiện để đảm bảo quản lý rủi ro một cách hài hòa, hợp lý. Nội dung các kỳ họp Hội đồng QLRR cụ thể như sau:

Kỳ họp lần 1 (01/03/2023)

- Báo cáo kết quả và cập nhật tiến độ thực hiện các giải pháp quản trị rủi ro theo kết luận của Hội đồng tại kỳ họp lần 4 năm 2022.
- Đánh giá mức độ của các rủi ro chính đã ảnh hưởng tới hoạt động Công ty trong quý IV/2022 và nhận diện xu hướng rủi ro trong quý I/2023.
- Thảo luận để đưa ra giải pháp quản trị rủi ro cần thực hiện trong quý I/2023.

Kỳ họp lần 2 (30/05/2023)

- Báo cáo kết quả và cập nhật tiến độ thực hiện các giải pháp quản trị rủi ro theo kết luận của Hội đồng tại kỳ họp lần 1 năm 2023.
- Đánh giá mức độ của các rủi ro chính đã ảnh hưởng tới hoạt động Công ty trong quý I/2023 và nhận diện xu hướng rủi ro trong quý II/2023.
- Thảo luận để đưa ra giải pháp quản trị rủi ro cần thực hiện trong quý II/2023.

Kỳ họp lần 3 (31/08/2023)

- Báo cáo kết quả và cập nhật tiến độ thực hiện các giải pháp quản trị rủi ro theo kết luận của Hội đồng tại kỳ họp lần 2 năm 2023.
- Đánh giá mức độ của các rủi ro chính đã ảnh hưởng tới hoạt động Công ty trong quý II/2023 và nhận diện xu hướng rủi ro trong quý III/2023.
- Thảo luận để đưa ra giải pháp quản trị rủi ro cần thực hiện trong quý III/2023.
- Lập kế hoạch thực hiện Nhận diện và đăng ký rủi ro tại các phòng nghiệp vụ trong Công ty trong quý III/2023.

Kỳ họp lần 4 (30/11/2023)

- Báo cáo kết quả và cập nhật tiến độ thực hiện các giải pháp quản trị rủi ro theo kết luận của Hội đồng tại kỳ họp lần 3 năm 2023.
- Đánh giá mức độ của các rủi ro chính đã ảnh hưởng tới hoạt động Công ty trong quý III/2023 và nhận diện xu hướng rủi ro trong quý IV/2023.
- Thảo luận để đưa ra giải pháp quản trị rủi ro cần thực hiện trong quý IV/2023.
- Báo cáo kết quả Nhận diện và đăng ký rủi ro năm 2023 tại các phòng nghiệp vụ của Công ty.

QUẢN TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

HOẠT ĐỘNG QTRR TRONG NĂM 2023 (tiếp theo)

Tổ chức các cuộc họp về Cân đối giữa Tài sản Nợ - Có (ALCO)

Nhằm mục đích đánh giá và đưa ra giải pháp giúp tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn, cơ cấu tài sản - nguồn vốn phục vụ hoạt động kinh doanh, BVSC đã tổ chức 02 cuộc họp về Cân đối giữa Tài sản Nợ - Có trong kỳ với sự chủ trì của Ủy ban QTRR & ALCO và sự tham gia đóng góp ý kiến của Lãnh đạo các phòng ban trong Công ty. Nội dung các kỳ họp ALCO như sau:

- Đánh giá chung về thị trường chứng khoán và thị phần.
- Đánh giá về chiến lược đầu tư của Công ty; Đánh giá tình hình tài chính Công ty thông qua đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh, các biến động chính trên bảng cân đối kế toán, tình hình các khoản cho vay - phải thu, tình hình, nhu cầu sử dụng vốn và cơ cấu tài sản - nguồn vốn.
- Thảo luận các giải pháp phân bổ cơ cấu tài sản cũng như tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn.

Thực hiện các báo cáo QTRR

Hoạt động	Mô tả
Báo cáo Tháng	- Báo cáo rủi ro hàng tháng được gửi tới Ban Tổng Giám đốc để báo cáo về 06 loại rủi ro được nhận diện, đo lường, đánh giá trong tháng. Đồng thời báo cáo còn cập nhật tiến độ thực hiện các biện pháp quản trị đã được Hội đồng QLRR chỉ đạo trong các kỳ họp trước đó, đảm bảo các rủi ro được theo dõi, xử lý phù hợp và kịp thời. - Báo cáo chuyên biệt hàng tháng về rủi ro tích tụ trong dịch vụ ký quỹ. Báo cáo đưa ra các thông tin đánh giá về tính chất tập trung của những khách hàng có số dư nợ cho vay ký quỹ cao và tài sản đảm bảo tập trung vào chỉ một hoặc một vài mã chứng khoán. Đây cũng là một cơ sở, dữ liệu đầu vào phục vụ cho việc đánh giá và điều chỉnh danh mục cho vay ký quỹ.
Báo cáo Quý	Báo cáo hàng quý phản ánh toàn diện về các rủi ro trọng yếu diễn ra trong quý. Báo cáo Quý được trình bày trước Hội đồng QLRR của BVSC để trao đổi, phân tích và đưa ra các biện pháp quản trị kịp thời và hiệu quả.
Báo cáo Bán niên	Báo cáo QTRR 6 tháng đầu và 6 tháng cuối năm 2023 được gửi tới UBCKNN. Báo cáo nêu chi tiết: Cơ cấu tổ chức của bộ máy quản trị rủi ro tại BVSC; Văn bản, quy trình, quy chế về quản trị rủi ro của BVSC; Công tác kiểm tra, giám sát của BVSC về quản trị rủi ro; Đánh giá về tính độc lập, tránh các xung đột lợi ích trong hoạt động của Công ty.
Báo cáo năm	Công ty đã tiến hành rà soát hoạt động quản trị rủi ro trong năm 2023 để ban hành chính sách rủi ro năm 2024 và gửi báo cáo tới UBCKNN. Chính sách rủi ro của BVSC tóm lược các định hướng triển khai của BVSC trong công tác quản trị rủi ro, bao gồm: - Mục tiêu của chính sách rủi ro, khẩu vị rủi ro của BVSC. - Cơ cấu tổ chức của hệ thống quản trị rủi ro. - Chính sách quản trị các loại rủi ro được BVSC nhận diện và theo dõi.

Xây dựng văn hóa QTRR

Hoạt động	Mô tả
Đào tạo văn hóa tuân thủ và các quy tắc đạo đức nghề nghiệp tại BVSC	Để phát huy văn hóa tuân thủ trong Công ty cũng như ý thức, trách nhiệm nghề nghiệp của đội ngũ nhân sự kế cận, Công ty đã xây dựng chuyên đề về văn hóa tuân thủ, các quy tắc đạo đức nghề nghiệp tại BVSC và thực hiện đào tạo cho toàn bộ học viên chương trình tuyển dụng Next Gen của Công ty.

Nhận diện, đánh giá và rà soát rủi ro

Hoạt động	Mô tả
Đăng ký rủi ro và cập nhật hồ sơ rủi ro	Các phòng nghiệp vụ phối hợp với bộ phận QTRR thực hiện rà soát, đánh giá mức độ rủi ro và cập nhật sự kiện rủi ro định kỳ; từ đó, cập nhật hồ sơ rủi ro và đưa ra các biện pháp quản trị cũng như phương án xử lý rủi ro. Công tác đăng ký và rà soát rủi ro được thực hiện định kỳ hàng năm giúp BVSC nhận diện và giảm thiểu các rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh.

Rà soát, cập nhật hạn mức rủi ro

Hoạt động	Mô tả
Cập nhật hạn mức rủi ro năm 2024	Hạn mức rủi ro năm 2024 được cập nhật phù hợp với tình hình thị trường chứng khoán Việt Nam, những thực tế phát sinh của năm 2023 và những thay đổi trong định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2024.

BVSC không xảy ra sự kiện rủi ro trọng yếu trong năm 2023

Năm 2023, trong bối cảnh thị trường chứng khoán Việt Nam trải qua nhiều biến động, hoạt động quản trị rủi ro của BVSC vẫn được thực hiện một cách hiệu quả với kết quả cụ thể như sau:

- Hoạt động cung cấp dịch vụ cho vay ký quỹ tại BVSC không phát sinh sự kiện rủi ro. Diễn biến thị trường của các mã chứng khoán được cho vay ký quỹ, tình trạng tài khoản khách hàng được theo dõi chặt chẽ, từ đó, công tác gọi bổ sung và xử lý tài sản đảm bảo được thực hiện kịp thời. Không phát sinh trường hợp khách hàng có dư nợ cho vay ký quỹ không được thu hồi đầy đủ trong năm 2023.
- Rủi ro thanh khoản của Công ty được giám sát chặt chẽ, đảm bảo không để xảy ra sự kiện rủi ro về thanh khoản. Các hạn mức rủi ro được đảm bảo tuân thủ. Văn hóa quản trị rủi ro tiếp tục được duy trì và phát huy, góp phần vào sự phát triển bền vững của Công ty.
- Các sản phẩm và dịch vụ mới triển khai như mở tài khoản trực tuyến eKYC, mở tiểu khoản giao dịch ký quỹ trực tuyến được triển khai thông suốt, hiệu quả, không phát sinh rủi ro trong quá trình vận hành, đem tới cho khách hàng dịch vụ với chất lượng cao.



QUẢN TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG QUẢN TRỊ RỦI RO NĂM 2024

Năm 2024, dự báo Thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn sẽ phải đối mặt với những thách thức từ bên trong cũng như bên ngoài như chiến tranh, bất ổn địa chính trị trên thế giới, tăng trưởng chậm lại của kinh tế toàn cầu, rủi ro từ thị trường trái phiếu doanh nghiệp... Đồng thời, sự thay đổi của môi trường pháp lý trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán cũng sẽ yếu tố tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của BVSC. Theo đó, công tác quản trị rủi ro cần tiếp tục được chú trọng thực hiện trên cơ sở một số định hướng như sau:

- ▶ Tăng cường rà soát an toàn bảo mật hệ thống giao dịch chứng khoán trực tuyến nói riêng và hệ thống công nghệ thông tin nói chung tại BVSC để đảm bảo an ninh an toàn cho các khách hàng trong hoạt động đầu tư chứng khoán, chuyển tiền, cũng như bảo vệ chính BVSC; trong đó, chú trọng các hoạt động sao lưu dự phòng và phục hồi từ dữ liệu đã sao lưu, các quy trình quản trị và vận hành hệ thống, công tác bảo mật đối với hệ thống máy chủ, website, các dịch vụ trực tuyến, thiết bị người dùng, các kênh kết nối mạng với BVSC.
- ▶ Thực hiện rà soát, sửa đổi quy chế, quy trình nghiệp vụ đảm bảo phù hợp với các quy định mới của pháp luật về chứng khoán liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Công ty. Triển khai đào tạo, phổ biến cho các Phòng ban các quy định mới của pháp luật, các quy trình, sản phẩm, dịch vụ mới do Công ty ban hành để nâng cao tính tuân thủ, nhận thức về rủi ro pháp lý cũng như góp phần củng cố văn hóa quản trị rủi ro của Công ty.
- ▶ Theo dõi và quản lý thường xuyên, liên tục các loại rủi ro để đưa ra nhận định, đánh giá về xu hướng rủi ro và kịp thời có những biện pháp quản trị rủi ro cũng như có những điều chỉnh trong hoạt động kinh doanh, đặc biệt trong bối cảnh có thể phát sinh những cú sốc từ bên trong cũng như bên ngoài. Đối với rủi ro danh tiếng liên quan đến hoạt động tư vấn phát hành trái phiếu, xuất phát từ việc các tổ chức phát hành trả gốc, lãi không kịp thời, BVSC chuẩn bị các kịch bản ứng phó, xây dựng các phương án để cùng với các bên liên quan phối hợp xử lý. Trong trường hợp xảy ra sự kiện rủi ro, chuẩn bị phương án truyền thông trong nội bộ cũng như qua các phương tiện truyền thông để thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời tới khách hàng, nhà đầu tư, cổ đông và bảo vệ danh tiếng cho Công ty.
- ▶ Tăng cường quản trị rủi ro và kiểm soát đối với các sản phẩm, dịch vụ mới ngay từ khâu xây dựng, phát triển sản phẩm, dịch vụ, đặc biệt đối với các sản phẩm, dịch vụ được triển khai và vận hành trên nền tảng số, để đảm bảo hài hòa giữa mục tiêu kinh doanh và quản trị rủi ro một cách hiệu quả. Chuẩn hóa quy trình và tổ chức đào tạo nhân sự khi triển khai sản phẩm, dịch vụ mới để giảm thiểu các rủi ro, sai sót phát sinh trong quá trình vận hành.
- ▶ Cập nhật và mở rộng các chương trình đào tạo về quy trình, nghiệp vụ, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp cho đối tượng nhân sự mới tuyển dụng tại các chương trình Next Gen để nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ nhân sự mới tuyển dụng của BVSC, phát triển văn hóa tuân thủ và quản trị rủi ro trong Công ty.
- ▶ Triển khai Chính sách rủi ro và Hạn mức rủi ro đã được HĐQT phê duyệt cho năm hoạt động 2024. Thực hiện các hoạt động định kỳ thường xuyên phục vụ công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc, công tác quản trị của Ủy ban QTRR & ALCO và Hội đồng Quản trị.



THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ THỰC HIỆN QUẢN TRỊ CÔNG TY TRONG NĂM 2023

- ▶ BVSC chủ động nâng cao tính minh bạch và nâng cao chất lượng quản trị công ty nhằm góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty và mang lại giá trị gia tăng cho cổ đông. Do đó, việc thực hiện các quy định về quản trị công ty luôn được BVSC chú trọng thực hiện nghiêm túc và đầy đủ, cụ thể như sau: Tuân thủ nghiêm túc quy định trình tự, thủ tục về triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán 2019 (Nghị định 155/2020/NĐ-CP), Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty; bố trí địa điểm, thời gian hợp lý để các cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023. Báo cáo hoạt động của HĐQT và Báo cáo hoạt động của BKS tại ĐHĐCĐ đã được BVSC trình bày theo đúng các nội dung quy định tại Điều 280 và Điều 290 của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.
- ▶ Để hỗ trợ cho HĐQT thực hiện quản trị Công ty một cách hiệu quả hơn và tránh mọi xung đột lợi ích, năm 2020 HĐQT thành lập 03 Ủy ban trực thuộc gồm: Ủy ban QTCT, BN&TL; Ủy ban QTRR&ALCO và Ủy ban Kiểm toán.
- ▶ BVSC thực hiện công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và công chúng; cũng như tuân thủ tốt quy định về lập báo cáo Báo cáo thường niên đảm bảo theo đúng quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC và Quy chế công bố thông tin của Công ty.
- ▶ Trong năm, Công ty thực hiện thanh toán cổ tức bằng tiền cho cổ đông với tỷ lệ 10% mệnh cổ phần đảm bảo tuân thủ thời hạn và trình tự thanh toán cổ tức theo quy định của pháp luật áp dụng đối với công ty niêm yết (cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023).
- ▶ Các Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Thành viên Ban Tổng Giám đốc luôn thực hiện các quyền và nhiệm vụ theo đúng quy định tại Điều lệ công ty, văn bản nội bộ của Công ty và Pháp luật. Trong quá trình thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao, các Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Thành viên Ban Tổng Giám đốc luôn thực hiện một cách trung thực, cẩn trọng; trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; công khai các lợi ích liên quan; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
- ▶ Việc thực hiện các giao dịch giữa Công ty với các cổ đông nội bộ, hoặc với các bên liên quan đều được thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty; được thực hiện một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty và cổ đông, đồng thời cũng quan tâm đến lợi ích của các bên có quyền lợi liên quan của Công ty.
- ▶ Cơ cấu HĐQT luôn đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên điều hành và không điều hành: BVSC luôn duy trì tỷ lệ 4/5 thành viên HĐQT là thành viên không điều hành (cao hơn so với tỷ lệ quy định tại Khoản 2, Điều 276 của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP); có 01 Thành viên là thành viên độc lập HĐQT. Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc. Các thành viên không đồng thời làm thành viên HĐQT quá năm (05) tại công ty khác; điều này giúp thành viên HĐQT dành nhiều thời gian và tập trung sức lực, trí tuệ cho sự phát triển của Công ty.
- ▶ Ban Kiểm soát gồm 01 Trưởng Ban Kiểm soát và 02 Kiểm soát viên. Các Kiểm soát viên đều làm việc theo chế độ chuyên trách, không kiêm nhiệm các chức danh quản lý hay kiêm nhiệm các công việc khác tại BVSC.



THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY (tiếp theo)

MỘT SỐ ĐIỂM CẦN PHẢI TIẾP TỤC CẢI THIỆN ĐỂ NÂNG CAO VIỆC THỰC HIỆN QUẢN TRỊ CÔNG TY

Là một công ty niêm yết, BVSC luôn ý thức rằng xây dựng hệ thống quản trị công ty hiệu quả là xây dựng khuôn khổ quản trị tốt dựa trên bốn trụ cột là công bằng, trách nhiệm, trách nhiệm giải trình và minh bạch. Để hệ thống quản trị công ty của từng bước tiệm cận các chuẩn mực về quản trị công ty của khu vực và trên thế giới, BVSC tự đánh giá và đặt mục tiêu cải thiện các yếu tố quản trị công ty như sau:

- ▶ Tiếp tục duy trì việc tuân thủ các quy định về công bố và minh bạch thông tin theo yêu cầu tại Thông tư 96/2020/TT-BTC về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Thông tư 116/2020/TT-BTC về quản trị công ty đại chúng, Quy chế công bố thông tin của Công ty và các chuẩn mực tại Thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN và Nguyên tắc 8 tăng cường hoạt động công bố thông tin của Công ty quy định tại Bộ nguyên tắc Quản trị Công ty theo thông lệ tốt nhất dành cho công ty đại chúng tại Việt Nam; triển khai công bố thông tin bằng tiếng Anh.
- ▶ Nghiên cứu và triển khai các giải pháp công nghệ tổ chức ĐHĐCĐ cho phép cổ đông tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
- ▶ Nghiên cứu xây dựng/quy định một số chính sách liên quan đến phê duyệt của HĐQT đối với giao dịch với người có liên quan để đảm bảo quyền và lợi ích của Công ty, cụ thể: Quy định về rà soát và phê duyệt giao dịch bên liên quan trọng yếu; Quy định yêu cầu thành viên HĐQT không tham gia họp HĐQT trong các cuộc họp về các hoạt động, giao dịch mà thành viên đó có xung đột lợi ích.
- ▶ Tiếp tục kiện toàn và tăng cường vai trò của Kiểm toán nội bộ, Quản trị rủi ro và Kiểm soát nội bộ trong khung quản trị nội bộ của Công ty với mục tiêu (i) đảm bảo hệ thống quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ hoạt động hiệu quả và chính xác, (ii) góp phần quan trọng trong nâng cao thực hành quản trị doanh nghiệp và (iii) là các tuyến phòng thủ bảo vệ nguồn vốn đầu tư và kiến tạo các giá trị bền vững cho cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan.

*** ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ CÔNG TY THEO QUY CHẾ CAMEL

Khi thực hiện phân tích các tiêu chí dưới góc độ quản trị Công ty tham khảo theo các tiêu chí của hệ thống đánh giá CAMEL (là hệ thống đánh giá tình trạng vững mạnh của một tổ chức tài chính dựa trên 05 yếu tố Vốn – Chất lượng tài sản – Quản lý – Doanh thu – Mức thanh khoản do Cục Quản lý các tổ hợp tín dụng Hoa Kỳ xây dựng và được Quỹ Tiền tệ quốc tế và Ngân hàng Thế giới khuyến nghị sử dụng. Đồng thời, ngày 09/10/2013, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cũng đã ban hành quyết định số 617/QĐ-UBCK để ban hành quy chế CAMEL hướng dẫn xếp loại các Công ty Chứng khoán).

Theo hệ thống đánh giá này, trong năm 2023, BVSC đạt tổng điểm về quản trị là 90,9/100 điểm, tăng điểm so với năm 2022. Sự cải thiện đến từ các yếu tố liên quan tới sự tăng trưởng doanh thu trung bình trong 3 kỳ báo cáo (6 tháng) gần nhất cũng như tính ổn định của các vị trí lãnh đạo chủ chốt trong Công ty.

(Tham khảo Phụ lục I – Các tiêu chí quản trị theo CAMEL tại trang 194 – 195 của Báo cáo này)

*** ĐÁNH GIÁ THEO THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY ASEAN VÀ THEO BỘ NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ CÔNG TY THEO THÔNG LỆ TỐT NHẤT DÀNH CHO CÔNG TY ĐẠI CHÚNG TẠI VIỆT NAM DO UBCKNN PHỐI HỢP VỚI IFC BAN HÀNH

BVSC luôn kiên định việc thực hiện tốt công tác quản trị doanh nghiệp là một trong những yếu tố quan trọng nhất đảm bảo sự phát triển bền vững cho Công ty, giúp mang lại niềm tin và lợi ích tốt nhất của cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan khác. Do đó, song song với việc tuân thủ chặt chẽ quy định của pháp luật về quản trị công ty, công tác quản trị tại BVSC được từng bước hoàn thiện theo những thông lệ quản trị công ty tốt nhất trong khu vực như “Thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN”, hay “Bộ nguyên tắc Quản trị Công ty theo thông lệ tốt nhất dành cho công ty đại chúng tại Việt Nam” do UBCKNN và Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) phát hành tháng 8/2019.

Từ năm 2016, với mong muốn hoàn thiện hệ thống quản trị công ty theo chuẩn mực thị trường khu vực và quốc tế, BVSC đã thực hiện tự đánh giá về hệ thống quản trị của mình tham chiếu theo các tiêu chí tại Thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN với 5 nhóm chuẩn mực đạt được như sau: Quyền của cổ đông đạt 19/21 tiêu chí cấp 1; Đối xử bình đẳng với cổ đông đạt 15/15 tiêu chí cấp 1; Vai trò với các bên liên quan đạt 11/13 tiêu chí cấp 1; Công bố thông tin minh bạch đạt 31/32 tiêu chí cấp 1; và Trách nhiệm của HĐQT đạt 58/65 tiêu chí cấp 1.

Tham chiếu Bộ nguyên tắc Quản trị Công ty theo thông lệ tốt nhất dành cho các công ty đại chúng tại Việt Nam, hệ thống quản trị của BVSC đạt được: Trách nhiệm của HĐQT đạt 22/22 tiêu chí của 6 nguyên tắc; Môi trường kiểm soát đạt 6/6 tiêu chí của Nguyên tắc 7; Công bố thông tin minh bạch đạt 4/4 tiêu chí của Nguyên tắc 8; Các quyền của cổ đông đạt 5/5 tiêu chí của Nguyên tắc 9; Quan hệ với các bên có quyền lợi liên quan đạt 2/2 tiêu chí của Nguyên tắc 10.

Từ năm 2020 để mô hình quản trị của BVSC tiệm cận theo những thông lệ tốt nhất trên thị trường, góp phần hiệu quả trong việc gia tăng giá trị công ty cho cổ đông, BVSC thành lập 03 ủy ban trực thuộc HĐQT trên cơ sở hướng dẫn và khuyến nghị của Bộ nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ

tốt nhất dành cho công ty đại chúng tại Việt Nam; việc thành lập 03 ủy ban này thể hiện BVSC cải thiện thực hiện chuẩn mực trách nhiệm của HĐQT theo quy định Thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN. Cụ thể các Ủy ban trực thuộc HĐQT bao gồm Ủy ban QTCT, BN&TL (tiêu chí E 2.8 và E.2.13 Thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN); Ủy ban QTRR&ALCO và Ủy ban Kiểm toán (tiêu chí E 2.18 Thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN); đồng thời thực hiện bầu 01 Thành viên độc lập có chuyên môn về kế toán là Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm toán (tiêu chí E 2.20 và 2.22 Thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN)...

Ngoài ra để bảo đảm đối xử công bằng với mọi cổ đông, kể cả cổ đông thiểu số và nước ngoài trong việc thực quyền tham gia một cách hiệu quả và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ, từ năm 2021 BVSC thực hiện sửa đổi Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công bố sung thêm quy định về: Trình tự họp Đại hội đồng cổ đông thông qua hình thức hội nghị trực tuyến; quy định cổ đông tham gia biểu quyết tại ĐHĐCĐ thông qua bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác, hoặc gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử theo như khuyến nghị tại tiêu chí 9.2 của Nguyên tắc 9 của Bộ nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất dành cho công ty đại chúng tại Việt Nam và Tiêu chí A.3.9 Thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN.

Lan tỏa luồng **SINH KHÍ**
Bằng nhiệt huyết **TẬN TÂM**





THÔNG DIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Kính gửi Quý cổ đông, khách hàng và các đối tác,

Năm 2023 đã khép lại với kết quả BVSC đã hoàn thành tốt cả 3 mục tiêu quan trọng, trong đó Thị phần môi giới cổ phiếu và chứng chỉ quỹ đạt 2,41%, hoàn thành 116% kế hoạch, tăng 13% so với năm 2022, Doanh thu thực hiện và Lợi nhuận sau thuế thực hiện đạt lần lượt là 869,9 tỷ đồng và 157,6 tỷ đồng, hoàn thành 120,8% và 108,7% so với kế hoạch. Trong năm 2023, giá cổ phiếu của Công ty (mã chứng khoán BVS) tăng 23% so với đóng cửa năm 2022 và tăng trưởng cao hơn so với mức tăng trưởng của chỉ số HNX-Index (12,7%). Trong bối cảnh một năm, dù chỉ số chứng khoán VN-Index và HNX-Index đóng cửa đều có sự tăng trưởng so với năm 2022, tuy nhiên diễn biến trong năm dao động với biên độ lớn cho thấy tính không ổn định của thị trường, cùng với đó thanh khoản bình quân cả năm giảm 13% so với cùng kỳ, kết quả trên một lần nữa tái khẳng định khả năng thích ứng, tính ổn định và bền vững trong hoạt động của BVSC.

Kinh doanh có hiệu quả là yếu tố thuận lợi để BVSC triển khai các nhiệm vụ cụ thể trong công tác an sinh xã hội trong sứ mệnh hướng tới phát triển bền vững. Năm 2023 đánh dấu bước chuyển đổi quan trọng trong định hướng triển khai công tác an sinh xã hội, theo đó BVSC dành sự ưu tiên nguồn lực để tập trung giải quyết các vấn đề gốc rễ ảnh hưởng tới chất lượng cuộc sống của bà con vùng cao, đó là nước sạch, là vệ sinh thông qua việc tài trợ các công trình xây mới và/hoặc cải tạo nhà vệ sinh tại các trường học Nam - Bắc, phủ xanh cảnh quan, lắp đặt đường ống dẫn nước và hỗ trợ các dịch vụ y tế khám sàng lọc giúp phát hiện sớm nguy cơ, cũng như phòng ngừa bệnh tật.

Chúng tôi tin tưởng rằng những nỗ lực dù nhỏ, nếu được gieo trồng đều đặn mỗi ngày sẽ nảy mầm, sẽ lớn dần và vươn mình mạnh mẽ, tựa như vẻ đẹp của hoa hướng dương tỏa sáng dưới mặt trời. Bằng nhiệt huyết tận tâm, chúng tôi mong muốn lan tỏa nguồn năng lượng của sự bình an đến với cộng đồng. Đó cũng là cam kết của chúng tôi khi theo đuổi chiến lược phát triển bền vững.

Trân trọng,

Tổng Giám đốc **Nhữ Đình Hòa**

Những nỗ lực dù nhỏ, nếu được gieo trồng đều đặn mỗi ngày sẽ nảy mầm, sẽ lớn dần và vươn mình mạnh mẽ, tựa như vẻ đẹp của hoa hướng dương tỏa sáng dưới mặt trời. Bằng nhiệt huyết tận tâm, chúng tôi mong muốn lan tỏa nguồn năng lượng của sự bình an đến với cộng đồng. Đó cũng là cam kết của chúng tôi khi theo đuổi chiến lược phát triển bền vững.





GẮN KẾT MỤC TIÊU TOÀN CẦU VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (SDGS) VÀ GRI STANDARDS TRONG QUẢN TRỊ VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU

Mục tiêu phát triển bền vững (Sustainable Development Goals – SDGs), còn được gọi là Mục tiêu toàn cầu, là mục tiêu phổ quát được thiết kế nhằm chấm dứt đói nghèo, bảo vệ hành tinh và đảm bảo rằng tất cả mọi người được hưởng hòa bình và thịnh vượng vào năm 2030 ở mỗi quốc gia thành viên Liên Hợp Quốc (LHQ). 17 Mục tiêu phát triển bền vững (SDG) dựa trên sáu chủ đề bao gồm: nhân phẩm, con người, hành tinh, quan hệ đối tác, công lý và thịnh vượng.





BVSC ĐÃ VÀ ĐANG THAM GIA ĐÓNG GÓP VÀO CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trên cơ sở đối chiếu các chỉ tiêu GRI Standards với các Mục tiêu Phát triển bền vững toàn cầu (SDGs), BVSC đã tiến hành xác định các vấn đề trọng yếu, đồng thời xây dựng chiến lược và kế hoạch hành động dựa trên quá trình đánh giá, phân tích chiến lược phát triển chung của Công ty. Từ đó, tiến hành lựa chọn các mục tiêu đưa vào định hướng hành động nhằm đảm bảo phát triển bền vững là một trong những chiến lược cốt lõi của doanh nghiệp, cụ thể:



CHỈ SỐ GRI	MỤC TIÊU HÀNH ĐỘNG	THÀNH TỰU ĐẠT ĐƯỢC
	Giữ vững vị thế công ty chứng khoán hàng đầu trên thị trường, với mục tiêu tăng trưởng kinh tế ổn định gắn liền với lợi ích lâu bền cho khách hàng, cổ đông, người lao động và cộng đồng.	Công ty giữ vững ổn định tạo ra hiệu quả kinh tế: - Tổng doanh thu: 935,9 tỷ đồng - Lợi nhuận sau thuế thực hiện: 157,6 tỷ đồng Trong năm 2023, Công ty cũng tập trung nâng cao chất lượng trải nghiệm dịch vụ của khách hàng thông qua thành lập Trung tâm Chăm sóc và Phát triển khách hàng Online, tăng cường tư vấn khách hàng trực tuyến qua chuỗi Webina” Thứ 4 Pit-stop”; đồng thời cũng chú trọng xây dựng các chính sách phúc lợi, chế độ lương dành cho người lao động tạo ra môi trường làm việc an toàn và hạnh phúc.



CHỈ SỐ GRI	MỤC TIÊU HÀNH ĐỘNG	THÀNH TỰU ĐẠT ĐƯỢC
	- Hoạt động Công ty luôn gắn liền với bảo vệ môi trường. - Sử dụng năng lượng hiệu quả và tiết kiệm trong quá trình hoạt động thường ngày. - Phát huy sáng kiến cải tiến, tiết kiệm hiệu quả, chống lãng phí. - Thực hiện mua sắm, nâng cấp thiết bị, công nghệ tiết kiệm năng lượng hiệu quả, chống lãng phí.	- Tổng lượng điện tiêu thụ trong cả năm 2023 giảm 7% so với năm trước. - Tổng lượng giấy sử dụng giảm 3% so với năm 2022. - Không ghi nhận trường hợp vi phạm pháp luật về môi trường. - Ban hành chính sách 5S về xây dựng văn phòng sạch đẹp, gọn gàng theo chuẩn 5S, bao gồm: Sàng lọc – Sắp xếp – Sạch sẽ – Săn sóc – Sẵn sàng giúp nâng cao ý thức của cán bộ trong việc giữ gìn vệ sinh khu vực văn phòng, bảo vệ môi trường.
	Kiểm soát tối đa lượng khí thải ra ngoài môi trường.	- BVSC luôn trang bị, sử dụng những phương tiện vận chuyển hiện đại, đảm bảo tiêu chuẩn về khí thải và đăng kiểm theo quy định của Nhà nước. - Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp đúng lịch trình các thiết bị theo hướng dẫn của nhà cung cấp, để đảm bảo hiệu suất cao, tiết kiệm năng lượng. - Luôn khuyến khích các CBNV sử dụng các phương tiện công cộng để di chuyển, nhằm giảm tải lượng khí CO₂ ra ngoài môi trường. - Thực hiện theo dõi tiêu thụ điện năng và xăng dầu định kỳ hàng tháng.



BVSC ĐÃ VÀ ĐANG THAM GIA ĐÓNG GÓP VÀO CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tiếp theo)



XÃ HỘI

SDGs

1 XOÁ NGHÈO



2 KHÔNG CÒN NẠN ĐÓI



3 SỨC KHỎE VÀ CÓ CUỘC SỐNG TỐT



4 GIÁO DỤC CÓ CHẤT LƯỢNG TỐT



5 BÌNH ĐẲNG GIỚI



8 CÔNG VIỆC TỐT VÀ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ



10 GIẢM BẤT BÌNH ĐẲNG



16 HOÀ BÌNH, CÔNG LÝ VÀ CÁC THỂ CHẾ MẠNH MẼ



CHỈ SỐ GRI

CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

GRI 413

CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

VIỆC LÀM

GRI 401

VIỆC LÀM

AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

GRI 403

AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

GRI 404

GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG

GRI 405

SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG

MỤC TIÊU HÀNH ĐỘNG

- Tổ chức các chương trình từ thiện đến các địa bàn, các hộ gia đình nghèo, gặp khó khăn, hoặc các tỉnh gặp thiên tai, bão lũ...
- Thực hiện quyên góp các nhu yếu phẩm cần thiết đến các hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình chính sách trên toàn quốc.

Mở rộng cơ hội việc làm cho người lao động, xây dựng và phát triển đội ngũ nhân sự kế cận trẻ; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người lao động, tạo nên môi trường làm việc hạnh phúc.

Cải thiện môi trường làm việc tốt, an toàn; sức khỏe của người lao động được bảo vệ và an tâm về tài chính trước những rủi ro không may xảy ra liên quan đến sức khỏe.

Đào tạo nguồn nhân lực có chuyên môn và kỹ năng tốt, có khả năng thích nghi với sự thay đổi.

Xây dựng môi trường làm việc đa dạng và bình đẳng, người lao động được tôn trọng, được phát huy tối đa năng lực của bản thân.

THÀNH TỰU ĐẠT ĐƯỢC

- Năm 2023, BVSC đã thực hiện ủng hộ, kêu gọi quyên góp cho cộng đồng qua các chương trình từ thiện, xây dựng cơ sở vật chất cho trường học, hộ gia đình khó khăn, chương trình đền ơn đáp nghĩa, chung tay kêu gọi ủng hộ đồng bào vùng thiên tai lũ lụt hơn 600 triệu đồng.

- Tỷ lệ tuyển dụng mới trong năm: 15,46%
- Thu nhập bình quân của người lao động: 33,7 triệu đồng/người/tháng
- 100% cán bộ được hưởng các chế độ phúc lợi theo chính sách đã ban hành

- 100% cán bộ tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.
- Triển khai các chương trình bảo hiểm bổ sung cho người lao động:
 - Bảo hiểm sức khỏe toàn diện: 1,97 tỷ đồng
 - Bảo hiểm các bệnh ung thư: 280 triệu đồng
 - Bảo hiểm nhân thọ: 3,05 tỷ đồng
 - Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động.
- Triển khai đẩy mạnh đầu tư cải tạo cơ sở vật chất, mua sắm mới các thiết bị công cụ dụng cụ nhằm cải thiện chất lượng môi trường làm việc.

- Tổng số giờ đào tạo: 16,739 giờ
- Tổng số lượt cán bộ tham gia đào tạo: 485 lượt
- Tổng chi phí đào tạo: 1,9 tỷ đồng

- Không phân biệt giới tính, tôn giáo, dân tộc thiểu số trong tất cả các chính sách nhân sự của Công ty
- Lao động nữ chiếm 49% trên tổng số nhân sự
- 44% lãnh đạo quản lý là nữ
- Dân tộc thiểu số: 05 người



BVSC ĐÃ VÀ ĐANG THAM GIA ĐÓNG GÓP VÀO CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tiếp theo)

HỒ SƠ TỔ CHỨC



102-1 Tên tổ chức	Tên tổ chức báo cáo	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt
102-2 Các hoạt động, thương hiệu, sản phẩm và dịch vụ	Mô tả hoạt động của tổ chức	Chi tiết xem tại xem Chương I từ trang 8 – 23 của Báo cáo này
102-3 Địa điểm của Trụ sở chính	Địa chỉ	Tòa nhà Bảo Việt, số 8 Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
102-4 Các địa điểm hoạt động	Tổng số quốc gia Các nước có hoạt động đáng kể	01 Việt Nam
102-5 Quyền sở hữu và hình thức pháp lý	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt có cổ đông sáng lập là Giấy phép hoạt động kinh doanh số	Công ty Bảo hiểm Việt Nam (nay là Tập đoàn Bảo Việt) 01/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26/11/1999
102-6 Các thị trường phục vụ	Vị trí địa lý nơi các sản phẩm và dịch vụ được cung cấp Các ngành phục vụ Các loại hình khách hàng và người thụ hưởng	Công ty cung cấp sản phẩm dịch vụ tài chính cho tất cả các khách hàng có nhu cầu sử dụng dịch vụ trên toàn cầu Kinh doanh chứng khoán Khách hàng trực tiếp



102-8 Thông tin về nhân viên và người lao động khác

	Lâu dài	Tạm thời
Nam giới	143	209
Nữ giới	148	192
Toàn bộ	291	401
Tên khu vực	Lâu dài	Tạm thời
Hà Nội	164	237
TP. Hồ Chí Minh	127	164
Toàn bộ	291	401

102-13 Quyền hội viên trong các hiệp hội

BVSC là hội viên của Hiệp hội kinh doanh chứng khoán; Hiệp hội các nhà đầu tư tài chính và Hiệp hội kinh doanh trái phiếu.



QUẢN TRỊ

102-18 Cơ cấu quản trị

Chi tiết xem tại Chương IV – Quản trị Công ty từ trang 80 đến trang 85 của Báo cáo này

102-40 Danh sách các nhóm liên quan



Mức độ quan tâm của các bên liên quan

Mức độ ảnh hưởng đến BVSC

102-41 Thỏa ước thương lượng tập thể

Tỷ lệ phần trăm tổng nhân viên tham gia các thỏa ước thương lượng tập thể: 100%.

102-42 Nhận diện và lựa chọn các bên liên quan

Chúng tôi xác định các bên liên quan dựa trên ảnh hưởng có thể có từ hoạt động của BVSC đến họ hoặc những cá nhân/tổ chức có mối quan tâm, sức ảnh hưởng đến hoạt động hiện tại của BVSC. Chúng tôi xây dựng và phát triển mối quan hệ đáp ứng lợi ích lâu dài giữa các bên; Mối quan hệ này được duy trì dựa trên sự tin cậy, tính minh bạch và đề cao các chuẩn mực đạo đức của doanh nghiệp. Chúng tôi tiếp cận với các bên liên quan thông qua nhiều nguồn thông tin khác nhau một cách phù hợp nhằm lắng nghe ý kiến và mối quan tâm của từng bên đối với hoạt động của BVSC, đặc biệt là các vấn đề về quản trị công ty, phát triển nguồn lực, tăng trưởng kinh tế, đóng góp cho xã hội và môi trường.

102-43 Phương pháp tiếp cận đối với gắn kết các bên liên quan

Công ty nhận diện các bên liên quan và thực hiện phương pháp tiếp cận để biết các vấn đề được các bên liên quan như sau:

Đối với cổ đông/nhà đầu tư

- ▶ Đại hội cổ đông.
- ▶ Bộ phận quan hệ cổ đông (email/hotline).
- ▶ Bản tin nhà đầu tư
- ▶ Gặp gỡ trực tiếp/trực tuyến nhà đầu tư.
- ▶ Sàn giao dịch và các xuất bản báo chí.
- ▶ Các chương trình giao lưu, hợp tác, giới thiệu nhà đầu tư.
- ▶ Website, Fanpage, Zalo công ty.

Đối với khách hàng

- ▶ Đội ngũ nhân viên môi giới/tư vấn.
- ▶ Tiếp xúc trực tiếp/trực tuyến từ sàn giao dịch.
- ▶ Hội nghị tri ân khách hàng.
- ▶ Tổng đài chăm sóc KH/Email/Fanpage/Zalo.
- ▶ Hội thảo phân tích và khuyến nghị đầu tư.
- ▶ Các kênh liên lạc khác (Website, email, điện thoại, mạng xã hội).

Đối với các cơ quan quản lý

- ▶ Thực hiện chế độ báo cáo và công bố thông tin định kỳ, bất thường và theo yêu cầu của các cơ quan quản lý.
- ▶ Thông qua hội nghị, Hội thảo, đào tạo do các cơ quan quản lý tổ chức.
- ▶ Tiếp xúc trực tiếp/trực tuyến.
- ▶ Các kênh liên lạc khác (Website, email, điện thoại).

Đối với các Hiệp hội

- ▶ Sinh hoạt thường kỳ.
- ▶ Thông qua các hội thảo, diễn đàn, sự kiện.
- ▶ Thông qua các thảo luận, đóng góp ý kiến trong các chương trình sinh hoạt định kỳ.

Đối với cơ quan báo chí

- ▶ Tổ chức họp báo (trực tiếp/trực tuyến).
- ▶ Các chương trình gặp mặt phóng viên báo chí thường niên.
- ▶ Tiếp xúc trực tiếp qua phỏng vấn/giao lưu kết nối.

Đối với người lao động

- ▶ Đối thoại định kỳ hàng quý và Hội nghị người lao động định kỳ hàng năm.
- ▶ Các hội nghị sơ kết/tổng kết.
- ▶ Thông qua vai trò của người quản lý trực tiếp.
- ▶ Thông qua vai trò của Chi bộ, Công đoàn, Đoàn thanh niên và Bộ phận nhân sự.
- ▶ Chương trình tập huấn văn hóa doanh nghiệp.
- ▶ Tọa đàm và các chương trình đào tạo nội bộ.
- ▶ Thông qua kênh truyền thông nội bộ Workplace, Email, Fanpage, Zalo.

Cộng đồng đại chúng

- ▶ Thông qua chính quyền địa phương/cơ quan sở tại.
- ▶ Các ấn phẩm, sản phẩm mới ra mắt của Công ty
- ▶ Thông qua các kênh truyền thông, mạng xã hội (Website, Fanpage, Zalo...)



QUẢN TRỊ (tiếp theo)

102-44 Các chủ đề và mối quan ngại chính được nêu lên

Nhóm/bên quan tâm	Các chủ đề được quan tâm	Hành động của BVSC
Cổ đông Nhà đầu tư	» Hiệu quả hoạt động của Công ty. » Minh bạch thông tin. » Nâng cao năng lực quản trị Công ty, giá trị Công ty tăng trưởng. » Chính sách chi trả cổ tức.	» Hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh năm 2023 đã được ĐHĐCĐ thông qua. » Chủ động công bố thông tin minh bạch và đối xử bình đẳng với các cổ đông và nhà đầu tư. » Hoàn thiện hệ thống quản trị Công ty, đẩy mạnh và chuyên nghiệp hóa hoạt động IR. » Duy trì chính sách chi trả cổ tức đều đặn bằng tiền hàng năm. » Đẩy mạnh đa dạng các kênh kết nối với các nhà đầu tư tiềm năng.
Cơ quan quản lý	» Tuân thủ pháp luật và thực hiện tốt nghĩa vụ thuế với Nhà nước. » Tích cực đóng góp xây dựng phát triển TTCK Việt Nam. » Tuân thủ chặt chẽ các Chính sách, Điều luật, Quy định, Ban hành được đề ra bởi các cơ quan chức năng.	» Tuân thủ tốt các quy định pháp luật. » Đóng góp tích cực vào ngân sách Nhà nước. » Tham gia các diễn đàn, đóng góp ý kiến xây dựng khung pháp lý cho sự phát triển của thị trường. » Trở thành thành viên tích cực của các Sở giao dịch. » Thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin đầy đủ, minh bạch và đúng hạn.
Các Hiệp hội	» Trở thành viên của các Hiệp hội và tích cực tham gia vào hoạt động của Hiệp hội. » Đóng góp nghĩa vụ tài chính cho các Hiệp hội.	» Là thành viên và tích cực tham gia vào hoạt động của các Hiệp hội bao gồm Hiệp hội kinh doanh trái phiếu, Hiệp hội kinh doanh chứng khoán Việt Nam, Hiệp hội các nhà đầu tư tài chính Việt Nam. » Thực hiện tốt nghĩa vụ tài chính theo quy định của Hiệp hội.
Khách hàng	» Chất lượng dịch vụ tốt và giá thành cạnh tranh. » Địa điểm giao dịch thuận lợi. » Giao dịch thuận tiện, an toàn và bảo mật. » Nhân viên thân thiện, cởi mở và tận tâm. » Sản phẩm đa dạng, được chăm sóc và hỗ trợ kịp thời.	» Thành lập Trung tâm CSKH và khai trương tổng đài CSKH. » Nâng cao trình độ đội ngũ nhân sự và chất lượng báo cáo, khuyến nghị đầu tư. » Chính sách phí giao dịch, lãi suất margin và ứng trước cạnh tranh và linh hoạt. » Đầu tư cơ sở vật chất, mở rộng mạng lưới giao dịch. » Đầu tư xây dựng nâng cấp toàn diện nền tảng giao dịch trực tuyến Bwise và App Mobile với nhiều tiện ích đi kèm. » Triển khai nhiều chương trình khuyến mại và sự kiện tri ân nhằm tăng cường sự gắn kết với khách hàng. » Thực hiện các chuỗi webinar tư vấn đầu tư trực tuyến tới khách hàng mang tên “Thứ 4 Pit-stop”.
Cơ quan báo chí	» Khả năng tiếp cận thông tin về hoạt động Công ty kịp thời và thuận lợi. » Phối hợp với các cơ quan báo chí trong công tác truyền thông về thị trường.	» Chủ động gửi thông cáo báo chí về kết quả kinh doanh định kỳ mỗi quý/bán niên/thường niên cho cơ quan báo chí. » Thông tin minh bạch, kịp thời về các sự kiện/hoạt động phát sinh trong năm. » Cung cấp các phân tích, đánh giá, xu hướng thị trường để giúp báo chí có những thông tin giá trị, khách quan. » Cử chuyên gia trả lời phỏng vấn, giải đáp những câu hỏi, thắc mắc của báo chí một cách kịp thời, nhanh chóng.

Nhóm/bên quan tâm	Các chủ đề được quan tâm	Hành động của BVSC
Người lao động	» Đảm bảo việc làm, ổn định và phát triển đội ngũ nhân sự. » Chăm lo sức khỏe và đời sống cho người lao động, đảm bảo điều kiện làm việc tốt, an toàn vệ sinh lao động. » Cơ hội được đào tạo, phát triển bản thân. » Tạo cơ hội phát triển bình đẳng, công bằng, những đóng góp thành tích được ghi nhận. » Thu nhập ổn định và có tính cạnh tranh. » Môi trường làm việc chuyên nghiệp. » Nâng cấp gói phúc lợi bảo hiểm sức khỏe toàn diện cho cán bộ (Bảo hiểm Healthcare).	» Mở rộng hoạt động kinh doanh tạo cơ hội việc làm ổn định cho người lao động. Tỷ lệ tuyển dụng mới tăng trên 15%. » Kinh doanh hiệu quả, thu nhập bình quân của NLĐ tăng 7% so với 2022. » Xây dựng các chính sách lương thưởng cạnh tranh, phù hợp với xu hướng thị trường và đảm bảo công bằng, gắn với hiệu quả làm việc. » Chế độ phúc lợi được đảm bảo, trang bị cho người lao động các chính sách bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm các bệnh ung thư... bên cạnh bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Nhà nước. » Đầu tư ngân sách cho hoạt động đào tạo, khuyến khích và tạo điều kiện cho người lao động được học tập nâng cao trình độ chuyên môn, xây dựng các chương trình đào tạo phù hợp với từng vị trí nghiệp vụ. » Đầu tư ngân sách và tạo điều kiện để công đoàn, đoàn thanh niên phát huy vai trò nhằm xây dựng môi trường làm việc thân thiện, cởi mở. » Đầu tư cải tạo cơ sở vật chất gồm Trụ sở chính, Trụ sở Chi nhánh và Phòng Giao dịch Phan Đăng Lưu,... mua sắm mới các thiết bị công cụ, dụng cụ cho NLĐ. » Xây dựng và phát động văn hóa 5S.
Cộng đồng xã hội	» Điều kiện sống cơ bản của người dân vùng sâu vùng xa được đảm bảo. » Đầu tư cho giáo dục, thể hệ tương lai. » Địa phương bị thiệt hại do thiên tai lũ lụt cần được hỗ trợ để khắc phục hậu quả. » Thực hiện tốt quy định về bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng. » Các bệnh nhân có hoàn cảnh khó khăn, hộ nghèo cần được động viên và chia sẻ.	» Triển khai các chương trình an sinh xã hội thường niên, đầu tư cho thế hệ trẻ, tri ân người có công và xóa đói giảm nghèo. » Hỗ trợ cộng đồng địa phương thông qua đóng góp xây dựng và ủng hộ các điều kiện sống cơ bản, chăm sóc sức khỏe cho bà con vùng sâu vùng xa. » Phối hợp tích cực với Tập đoàn Bảo Việt trong các chương trình do Tập đoàn phát động. » Tuân thủ quy định chính quyền sở tại về bảo vệ môi trường. » Thực hiện các giải pháp trong sản xuất kinh doanh nhằm tiết kiệm năng lượng điện, nước. » Trực tiếp chia sẻ với các hoàn cảnh khó khăn tại các bệnh viện và cơ sở y tế khám chữa bệnh.
Đối tác, nhà cung cấp	» Quy trình đánh giá xét chọn đảm bảo công bằng. » Việc ký kết và triển khai hợp đồng tuân thủ pháp luật, đảm bảo tiến độ thanh toán.	» Xây dựng quy trình đánh giá lựa chọn nhà cung cấp. » Hợp đồng được Phòng pháp chế rà soát đảm bảo tuân thủ pháp luật trước khi ký kết. » Tiến hành kiểm soát nội bộ về quy trình thực hiện Hợp đồng với các nhà cung cấp. » Thường xuyên đánh giá lại khả năng của Đối tác trong việc cung ứng sản phẩm, dịch vụ và năng lực đáp ứng nhu cầu của Công ty.



THÔNG LỆ BÁO CÁO

102-45 Các đơn vị được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt.

Tất cả các đơn vị của Công ty CP Chứng Khoán Bảo Việt để được đề cập trong Báo cáo tài chính của công ty và Báo cáo phát triển bền vững này.

102-46 Xác định nội dung báo cáo và phạm vi chủ đề

Công ty xác định nội dung báo cáo và phạm vi chủ đề của Báo cáo sau khi được Tổ chức sáng kiến báo cáo toàn cầu đào tạo về việc lập báo cáo theo tiêu chuẩn GRI phối hợp cùng các phòng ban nghiệp vụ liên quan trong công ty.

Báo cáo Phát triển bền vững của BVSC xác định nội dung báo cáo bằng việc tuân thủ các nguyên tắc báo cáo theo tiêu chuẩn GRI:

Nguyên tắc để xác định nội dung báo cáo

• Bối cảnh phát triển bền vững:

Năm 2023, thế giới bước vào chu kỳ tăng trưởng kinh tế thấp và chậm lại; đồng thời xu hướng chuyển đổi toàn cầu về chuyển đổi xanh, năng lượng sạch, kinh tế tuần hoàn ngày càng xuất hiện thường xuyên tại các hội nghị quốc tế, trong cam kết và hành động của các quốc gia. Không nằm ngoài sự quan tâm đó, trên hành trình thực hiện các cam kết về phát triển bền vững, Việt Nam tiếp tục nhấn mạnh cam kết và khẳng định mục tiêu tăng trưởng theo hướng xanh hóa trong “Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn 2050” với mục tiêu tổng quát góp phần thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nhằm đạt được thịnh vượng về kinh tế, bền vững về môi trường và công bằng về xã hội; hướng tới nền kinh tế xanh, trung hòa carbon và đóng góp vào mục tiêu hạn chế sự gia tăng nhiệt độ toàn cầu.

Tại BVSC, bằng sự cam kết mạnh mẽ, bền bỉ và kiên trì theo đuổi chiến lược phát triển bền vững trong nhiều năm qua, Công ty luôn nỗ lực duy trì ổn định và tăng trưởng trong kinh doanh vừa là nền tảng cho việc đóng góp các giải pháp cho an sinh xã hội, hướng đến các dự án xanh, thân thiện với môi trường và đồng thời cùng chung tay với các đối tác, khách hàng, cộng đồng... kiến dựng một xã hội phát triển bền vững.

• Tính trọng yếu: Để xác định nội dung báo cáo, Công ty tuân thủ nguyên tắc về tính trọng yếu. Từ đó, Công ty lập ma trận để xác định các bên liên quan trọng yếu chịu tác động trực tiếp (tác động tích cực hoặc tiêu cực) từ các hoạt động của Công ty; và xác định các vấn đề trọng yếu được các bên liên quan quan tâm để trình bày trong báo cáo.

• Tính đầy đủ: Thông tin đưa ra trong báo cáo được sử dụng số liệu đầy đủ với phạm vi chủ đề rõ ràng và phạm vi thời gian rõ ràng.

Nguyên tắc xác định chất lượng báo cáo

- **Tính chính xác:** Mọi thông tin cung cấp trong báo cáo đều được đo lường và tính toán cụ thể. Hạn chế mọi sự ước tính trong phạm vi báo cáo này.
- **Tính cân đối:** Báo cáo được cân nhắc công bố thông tin minh bạch cả những chỉ tiêu tích cực và tiêu cực (nếu có).
- **Tính rõ ràng:** Báo cáo được diễn giải và sử dụng ngôn từ dễ hiểu, hạn chế sử dụng các thuật ngữ chuyên môn.
- **Khả năng so sánh:** Các số liệu trong báo cáo hầu hết đều có so sánh với cùng kỳ trước đó.
- **Tính kịp thời:** Báo cáo được lập vào tháng 3/2024 để công bố số liệu trong phạm vi từ 1/1/2023 đến 31/12/2023 để đảm bảo tính kịp thời, cập nhật nhất có thể.

102-48 Trình bày lại thông tin

Không có

102-50 Kỳ báo cáo

Các thông tin trong báo cáo này được lập dựa trên các dữ liệu từ ngày 1/1/2023 đến 31/12/2023.

Ngày báo cáo gần nhất: ngày 19/04/2023.

102-51 Ngày của báo cáo gần nhất

Ngày phát hành Báo cáo phát triển bền vững tích hợp cùng Báo cáo thường niên.

102-52 Chu kỳ báo cáo

Thường niên

102-53 Đầu mối liên hệ cho các thắc mắc về báo cáo

Họ và tên: **Bùi Thị Mai Hiền.**

Email: hienbtm@bvsc.com.vn

Chức vụ: Giám đốc Hoạt động, Thư ký công ty.

Điện thoại: 0243 928 8080 – 600

102-54 Tuyên bố lập báo cáo tuân theo Tiêu chuẩn GRI

Báo cáo này đã được thực hiện theo Tiêu chuẩn GRI: Core Option (Lựa chọn báo cáo các vấn đề cốt lõi)





THÔNG LỆ BÁO CÁO (tiếp theo)

102-55 Mục lục GRI

Thông tin tham khảo

Báo cáo này công bố các thông tin liên quan đến GRI 102: Công bố Thông tin theo Tiêu chuẩn Chung 2016, GRI 103: Phương pháp quản trị 2016, GRI 201: Hiệu quả Hoạt động Kinh tế 2016, GRI 302: Năng lượng 2016, GRI 305: Phát thải 2016, GRI 401: Việc làm 2016, GRI 403: An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp 2016, GRI 404: Giáo dục và Đào tạo 2016, GRI 405: Sự đa dạng và Cơ hội Bình đẳng 2016, GRI 413: Cộng đồng địa phương.

Phần đã loại trừ: Không có

Công bố thông tin theo tiêu chuẩn Chung 2016

	Chiến lược	Hồ sơ tổ chức	Sự tham gia của các bên liên quan
	Trang số: 136	Trang số: 142	Trang số: 145
	Quản trị	Nhóm tiêu chuẩn từng chủ đề	Thông lệ báo cáo
	Trang số: 144	Trang số: 146	Trang số: 148

Kinh tế

		Phương pháp quản trị		Hiệu quả hoạt động kinh tế
		Trang số: 152		Trang số: 154

Môi trường

		Phương pháp quản trị		Năng lượng 2016
		Trang số: 156		Trang số: 159
		Phát thải 2016		
		Trang số: 159		

Xã hội

		Phương pháp quản trị		Việc làm
		Trang số: 162		Trang số: 167
		Phương pháp quản trị		An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp
		Trang số: 170		Trang số: 176
		Phương pháp quản trị		Giáo dục và Đào tạo
		Trang số: 177		Trang số: 181
		Phương pháp quản trị		Sự đa dạng và Cơ hội Bình đẳng 2016
		Trang số: 183		Trang số: 186
		Phương pháp quản trị		Cộng đồng địa phương
		Trang số: 188		Trang số: 189





CHỦ ĐỀ KINH TẾ



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ

Phương pháp quản trị

103-1 Giải thích về chủ đề trọng yếu và các Phạm vi chủ đề

BVSC là một công ty niêm yết, vì vậy, chúng tôi xác định chiến lược phát triển bền vững chỉ có thể thực hiện khi mục tiêu kinh tế được đảm bảo, bởi khi xây dựng được nguồn lực tài chính vững chắc cho doanh nghiệp, chúng tôi mới có thể đem lại lợi ích và thực hiện nghĩa vụ trách nhiệm của mình cho các bên liên quan.

i. Nơi phát sinh tác động

BVSC xác định hiệu quả kinh tế thông qua các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận, tổng tài sản. Việc đạt mức tăng trưởng tốt qua các năm chính là điều kiện để BVSC tiếp tục phát triển và triển khai các hoạt động của mình đối với các bên liên quan.

ii. Sự liên quan của tổ chức đến các tác động đó

Công ty liên quan trực tiếp đến các tác động vì sự tăng trưởng lợi nhuận của công ty mang lại lợi ích và đảm bảo các quyền lợi tài chính cho cổ đông/nhà đầu tư, gia tăng dịch vụ và lợi ích cho khách hàng, gia tăng chế độ lương và phúc lợi cho người lao động, đóng góp cho ngân sách Nhà nước, phát triển cộng đồng thông qua các chương trình an sinh xã hội.

Không có giới hạn cụ thể nào về phạm vi chủ đề

103-2 Phương pháp quản trị và các hợp phần

BVSC quản trị các chỉ tiêu về hiệu quả kinh tế dựa trên các chỉ tiêu tài chính & phi tài chính:

- Các chỉ tiêu tài chính: Tổng tài sản, tỷ lệ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận hàng năm, tăng trưởng EPS, tỷ lệ an toàn vốn khả dụng...
- Các chỉ tiêu phi tài chính: thị phần, chất lượng nguồn nhân lực, chất lượng đội ngũ quản lý...

Đảm bảo Công ty luôn hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

ii. Cam kết

Đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch do ĐHĐCĐ thông qua.

Chính sách hiệu quả kinh tế.

iii. Mục tiêu và chỉ tiêu

Kế hoạch hiệu quả kinh tế trong năm 2023:

Tổng doanh thu và
thu nhập khác

768,5 tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế
thực hiện

145 tỷ đồng

iv. Trách nhiệm

Người chịu trách nhiệm cuối cùng đối với việc quản trị các vấn đề về chỉ tiêu Hiệu quả kinh tế của Công ty là Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

v. Nguồn lực

Công ty có nguồn lực thực hiện phát triển kinh doanh trực tiếp là các bộ phận kinh doanh như: Khối Môi giới, Khối Tư vấn, Khối Đầu tư. Ngoài ra, Công ty còn có nguồn lực hỗ trợ kinh doanh để thực hiện các công việc thúc đẩy hoạt động kinh doanh cho công ty là các phòng ban liên quan khác.

vii. Các biện pháp hành động cụ thể, như các quy trình, dự án, chương trình và sáng kiến

Nâng cao “trải nghiệm khách hàng” với việc thành lập Trung tâm Chăm sóc và Phát triển khách hàng số và khai trương tổng đài nhận lệnh và CSKH 19001018; lần đầu tiên triển khai chuỗi webinar “Thứ 4 pit-stop” như một kênh tư vấn đầu tư trực tuyến, hoàn tất dự án nâng cấp app Mobile toàn diện kết hợp với chương trình khuyến mại xuyên suốt cả năm gồm “Mở liền tay, nhận ngay tiền mặt cùng BVSC” và hưởng biểu phí giao dịch ưu đãi 0,15%; “Mở tài khoản ngày – Lộc phát tới tay”; “Margin ưu đãi – Múc “lãi” liền tay”, giúp gia tăng kết nối với khách hàng và nâng cao chất lượng dịch vụ.

Đẩy mạnh vào việc đầu tư xây dựng và cải tạo cơ sở vật chất toàn diện bao gồm hoàn tất dự án cải tạo Trụ sở chính Công ty, trụ sở Chi nhánh TP. HCM, phòng giao dịch Phan Đăng Lưu... đồng thời triển khai mua sắm mới tài sản cố định, công cụ, dụng cụ cho cán bộ nhân viên. Bên cạnh đó, Công ty cũng triển khai các dự án nâng cấp hệ thống CNTT bao gồm thay thế hệ thống firewall internet, thay thế thiết bị định tuyến và chuyển mạch, nâng cấp hệ thống lưu trữ... tạo nền tảng thúc đẩy hoạt động chuyển đổi số của Công ty, bảo đảm an ninh, an toàn trong hoạt động công nghệ thông tin.

(Chi tiết vui lòng xem tại Chương II từ trang 26 đến trang 67 của Báo cáo này)

103-3 Đánh giá về Phương pháp quản trị

i. Cơ chế đánh giá hiệu quả của Phương pháp quản trị

Đánh giá hàng tháng/hàng quý đối với các chỉ tiêu đã đặt ra.

Các phòng/ban kinh doanh chịu trách nhiệm về việc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch của mình và lập báo cáo để ban điều hành kiểm soát. Trong các cuộc họp giữa các phòng/ban kinh doanh với ban điều hành đều có sự tham gia của các bộ phận kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và kiểm toán nội bộ.

ii. Kết quả đánh giá Phương pháp quản trị

Thực hiện Phương pháp quản trị đạt hiệu quả giúp Công ty kiểm soát được các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động.

iii. Bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến các Phương pháp quản trị

Không có điều chỉnh nào trong kỳ báo cáo.



CHỦ ĐỀ KINH TẾ (tiếp theo)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (tiếp theo)



GRI 201: Hiệu quả Hoạt động Kinh tế (tiếp theo)

201-1 Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và phân bổ

i. Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra:

935.904.256.522 VNĐ

ii. Chi phí hoạt động vận hành:

521.345.731.764 VNĐ

iii. Lương và phúc lợi của nhân viên:

293.599.545.752 VNĐ

iv. Các khoản thanh toán cho nhà cung cấp vốn và cổ đông:

181.110.703.766 VNĐ

v. Tổng số phải nộp cho Chính phủ:

197.039.354.233 VNĐ

vi. Đầu tư cho cộng đồng:

639.000.000 VNĐ

vii. Giá trị kinh tế chưa phân phối: 'Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra' trừ đi 'Giá trị kinh tế được phân bổ':

35.720.861.074 VNĐ

Mặc dù giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra năm 2023 chỉ tăng nhẹ so với cùng kỳ, tuy nhiên Công ty luôn chú trọng đảm bảo tăng cường lợi ích phân bổ cho các bên liên quan, trong đó đặc biệt là người lao động, cộng đồng cũng như đảm bảo các khoản thanh toán cho nhà cung cấp và lợi ích của cổ đông thông qua thanh toán cổ tức bằng tiền đúng theo quy định cho nhà đầu tư.

Giải thích, bao gồm phân tích các khoản phải nộp cho chính phủ theo quốc gia (nếu có)

BVSC luôn chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ nộp thuế và các khoản phải nộp cho ngân sách Nhà nước. Năm 2023, BVSC vẫn duy trì mức nộp ngân sách Nhà nước đạt hơn 197 tỷ đồng (bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế giá trị gia tăng và các loại thuế khác).

201-3 Các nghĩa vụ theo chế độ phúc lợi đã quy định và các chế độ hưu trí khác nghĩa vụ pháp lý của chế độ phúc lợi được đáp ứng: Có

Giá trị ước tính:

12.541.543.394 VNĐ

Bao gồm chi phí các loại bảo hiểm: BHXH, BHYT, BHTN, Bảo hiểm sức khỏe toàn diện, Bảo hiểm Nhân thọ, Bảo hiểm các bệnh ung thư.

Có quỹ riêng không? Không. Tuy nhiên, hàng năm Công ty có Bảo hiểm Nhân thọ cho người lao động để bảo vệ rủi ro tính mạng cho người lao động và đồng thời gia tăng tài chính khi nghỉ hưu.

Tỷ lệ đóng bảo hiểm của người lao động và Công ty: Công ty thực hiện tham gia đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật, cụ thể:

► Người lao động đóng: **10,5%**

► Người sử dụng lao động đóng: **21,5%**

Bên cạnh đó, Công ty duy trì gói phúc lợi bảo hiểm ưu việt dành cho toàn bộ cán bộ nhân viên trong Công ty bao gồm: bảo hiểm sức khỏe toàn diện Healthcare, bảo hiểm các bệnh ung thư K-care và Bảo hiểm Nhân thọ. Việc triển khai và duy trì gói phúc lợi bảo hiểm ưu việt trong những năm qua đã thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Ban Lãnh đạo Công ty dành cho người lao động nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống, an tâm về tài chính trước những rủi ro không mong muốn xảy ra, cũng như gia tăng tài chính khi nghỉ hưu.



CHỦ ĐỀ MÔI TRƯỜNG



NĂNG LƯỢNG – NƯỚC – ĐIỆN – VẬT LIỆU

Phương pháp quản trị

103-1 Giải thích về chủ đề trọng yếu và các Phạm vi chủ đề

Với đặc thù là doanh nghiệp trong ngành cung cấp dịch vụ tài chính, các hoạt động kinh doanh của BVSC không gây tác động trực tiếp và đáng kể đến môi trường, tuy nhiên BVSC luôn cố gắng gắn kết mục tiêu môi trường trong hoạt động của Công ty, chú trọng thực hiện tiết kiệm điện, nước, giấy và các vật liệu văn phòng; khuyến khích cán bộ trồng và chăm sóc cây xanh tại nơi làm việc, cũng như có ý thức giữ gìn môi trường làm việc xanh-sạch-đẹp.

i. Nơi phát sinh tác động

Số năng lượng, nước, điện và vật liệu Công ty sử dụng trong quá trình hoạt động cũng như việc tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường.

ii. Sự liên quan của tổ chức đến các tác động đó

Việc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp phải sử dụng các năng lượng: điện, nước, giấy và có xả ra một lượng rác thải sinh hoạt ra môi trường. Vì vậy đây là tác động trực tiếp từ doanh nghiệp.

Không có giới hạn cụ thể nào về phạm vi chủ đề.

103-2 Phương pháp quản trị và các hợp phần

Doanh nghiệp quản lý số năng lượng tiêu hao thông qua hóa đơn hàng tháng, trên hóa đơn có chỉ số năng lượng tiêu hao và số chi phí phải trả cho điện năng, nước, giấy tiêu thụ.

Trong quá trình hoạt động, Công ty nhận thức việc doanh nghiệp quản trị để điều chỉnh và sử dụng năng lượng một cách hiệu quả và hợp lý sẽ góp phần giảm thiểu tác động đến môi trường.

i. Trách nhiệm

Các vấn đề liên quan đến việc sử dụng năng lượng trong Công ty được người đứng đầu bộ phận hành chính – kế hoạch ghi nhận và báo cáo lên Ban điều hành Công ty.

v. Nguồn lực

Bộ phận hành chính.

vii. Các biện pháp hành động cụ thể, như các quy trình, dự án, chương trình và sáng kiến

Công ty phát động phong trào “**Văn hóa 5S tại BVSC**” trong nội bộ để tăng nhận thức giữ gìn vệ sinh nơi công sở tới từng cán bộ nhân viên. Các tiêu chí trong 5S bao gồm: Sàng lọc, Sắp xếp, Sạch sẽ, Sẵn sàng, Sẵn sàng được xây dựng cẩn thận theo đúng văn hóa của Công ty và được triển khai sâu rộng tới các cán bộ nhằm mục tiêu tạo môi trường làm việc ngăn nắp, sạch sẽ, thông thoáng, đồng thời giảm thiểu các lãng phí thời gian làm việc để tìm kiếm hồ sơ, tài liệu, lãng phí vật tư, nâng cao tinh thần trách nhiệm, tạo sự thoải mái trong quá trình làm việc qua đó tăng năng suất lao động.

Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục thực hiện đẩy mạnh phong trào “**BVSC – Chung tay tiết kiệm**” để từ những hành động nhỏ nhất, mỗi CBNV cùng nhau nâng cao ý thức tiết kiệm, giảm thiểu các chi phí không cần thiết cho Công ty.

Nhiều biện pháp cụ thể đã được Công ty thường xuyên áp dụng để góp phần giảm tải việc sử dụng năng lượng như:

⚡ Đối với điện:

- ▶ Tăng cường công tác truyền thông nội bộ nhằm nâng cao ý thức tiết kiệm năng lượng của mỗi CBNV. Tắt đèn và các thiết bị dùng điện không cần thiết khi ra khỏi văn phòng hoặc khi không sử dụng.
- ▶ Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị, mua mới và nâng cấp các thiết bị có khả năng tiết kiệm điện cao trong quá trình sử dụng. Thường xuyên kiểm tra tình hình bố trí và sử dụng các trang thiết bị điện trong quá trình vận hành.
- ▶ Kiểm tra, lắp đặt hệ thống chiếu sáng chung một cách hợp lý, tận dụng ánh sáng và không khí mát tự nhiên. Tắt bớt các bóng đèn ở khu vực hành lang hoặc khu vực không có người sử dụng; đối với các thiết bị chiếu sáng ngoài trời, điều khiển tắt bật theo các chế độ tự động (theo thời gian, theo độ sáng của môi trường...).
- ▶ Đẩy mạnh phong trào sáng kiến/ý tưởng về tiết kiệm điện trong toàn thể CBNV.
- ▶ Duy trì nhiệt độ của hệ thống điều hòa trên 26 độ trong những ngày mùa hè, cài đặt chế độ tự động tắt toàn bộ hệ thống điều hòa và chiếu sáng sau 17:30 hàng ngày.

💧 Đối với nước:

- ▶ Tuyên truyền và tăng cường nâng cao nhận thức của nhân viên về việc tiết kiệm nguồn nước, sử dụng nước tiết kiệm và hiệu quả.
- ▶ Chủ động lắp đặt các bình uống nước chung tại phòng làm việc và phòng họp, khuyến khích các nhân viên sử dụng cốc cá nhân để uống nước giúp giảm thiểu chai nhựa.
- ▶ Thường xuyên tổ chức kiểm tra rò rỉ nước, tránh thất thoát nước đối với cả nước vệ sinh; tái sử dụng nước sạch cho mục đích tưới cây, không sử dụng nước bồn cầu vào mục đích xả rác.



CHỦ ĐỀ MÔI TRƯỜNG (tiếp theo)

NĂNG LƯỢNG – NƯỚC – ĐIỆN – VẬT LIỆU (tiếp theo)

Đối với giấy:

- Truyền thông nâng cao nhận thức của cán bộ trong việc in ấn tài liệu nhằm giảm thiểu lượng giấy in, tái sử dụng các giấy 1 mặt cho các chương trình tái chế, kế hoạch nhỏ...
- Sử dụng các phần mềm để lưu trữ văn bản, tiết kiệm lượng giấy in cũng như không gian để lưu trữ giấy.

103-3 Đánh giá về Phương pháp quản trị

i. Cơ chế đánh giá hiệu quả của Phương pháp quản trị

Bộ phận hành chính của Công ty là đơn vị đầu mối, chịu trách nhiệm quản lý việc sử dụng năng lượng. Việc đánh giá được diễn ra thường niên trong nội bộ doanh nghiệp và tổ chức các kỳ họp khi có những biến động lớn.

ii. Kết quả đánh giá Phương pháp quản trị

Việc thực hiện quản trị/đánh giá của bộ phận hành chính/kế hoạch vẫn được tiến hành dưới sự kiểm soát của Ban Tổng Giám đốc Công ty và thực hiện tốt, góp phần quản lý tốt việc tiêu thụ năng lượng của Công ty.

iii. Bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến các Phương pháp quản trị

Không có điều chỉnh nào liên quan đến các Phương pháp quản trị.



GRI 302: Năng lượng

302-1 Tiêu thụ năng lượng trong tổ chức

Điện và nước:

BVSC tiến hành theo dõi và kiểm soát chặt chẽ việc tiêu thụ điện năng định kỳ hàng tháng. Sau 1 loạt các giải pháp tiết kiệm điện được thực hiện xuyên suốt trong năm, năm 2023 ghi nhận tổng số điện năng mà Công ty sử dụng cho toàn Trụ sở, Chi nhánh và 8 Phòng giao dịch là giảm 7% so với năm trước (Tổng lượng điện tiêu thụ: 369,259 kWh).

Mặc dù Công ty không cần chi trả chi phí sử dụng nước hàng năm do đã bao gồm trong chi phí thuê văn phòng nhưng việc tiết kiệm nước vẫn được truyền thông tích cực trong Công ty.

Bộ phận hành chính liên tục kiểm tra việc sử dụng nước thường xuyên để đảm bảo nước không bị rò rỉ, thông báo đến kỹ thuật tòa nhà sửa chữa kịp thời đường ống và van nước. Đặc biệt, dán thông báo, truyền thông sử dụng tiết kiệm nước tại khu vực sử dụng nước chung.

Giấy:

Các biện pháp tuyên truyền, đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động kinh doanh và quản lý vận hành đã trở nên rất có hiệu quả. Năm 2023, tổng lượng giấy tiêu thụ là 1.385gr giấy cho cả 2 miền, giảm 3% so với năm 2022. Các CBNV Công ty tại Hội sở, Chi nhánh và các Phòng giao dịch đều đồng nhất tích cực chuyển đổi mô hình trao đổi công việc sang hình thức họp và trình chiếu trực tuyến giúp hạn chế tối đa lượng giấy và mực in. Ngoài ra, BVSC còn tích cực khuyến khích cán bộ tái sử dụng giấy 1 mặt cho những hoạt động tái chế, in ấn tài liệu không quan trọng, kế hoạch nhỏ...



GRI 305: Phát thải

Khí nhà kính là những khí có khả năng hấp thụ các bức xạ sóng dài (hồng ngoại) được phản xạ từ bề mặt Trái Đất khi được chiếu sáng bằng ánh sáng mặt trời, sau đó phân tán nhiệt lại cho Trái Đất, gây nên hiệu ứng nhà kính. Các khí nhà kính chủ yếu bao gồm: hơi nước, CO₂, CH₄, N₂O, O₃, các khí CFC... Theo đó, sự gia tăng tiêu thụ nhiên liệu hóa thạch của con người đang làm cho nồng độ khí CO₂ của khí quyển tăng lên.

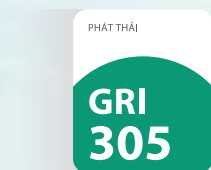
Phương pháp quản trị: BVSC giảm thiểu tác động đối với môi trường thông qua truyền thông nâng cao nhận thức về việc giảm phát thải của nhân viên Công ty trên toàn hệ thống.

Hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài chính, BVSC không sản sinh nhiều lượng khí thải nhà kính cũng như gây ra các tác động đáng kể đến môi trường. Tuy nhiên, Công ty vẫn thực hiện kiểm soát chặt chẽ lượng khí thải, chất thải, nước thải... ra ngoài môi trường. Tăng cường quản lý, tuyên truyền các chính sách tiết kiệm đến cán bộ nhân viên.



CHỦ ĐỀ MÔI TRƯỜNG (tiếp theo)

NĂNG LƯỢNG – NƯỚC – ĐIỆN – VẬT LIỆU (tiếp theo)



GRI 305: Phát thải (tiếp theo)

Đối với phương tiện vận chuyển:

- BVSC luôn trang bị những phương tiện vận chuyển hiện đại, đảm bảo tiêu chuẩn khí thải và đăng kiểm theo quy định của Nhà nước. Bên cạnh đó, Công ty luôn tiến hành thực hiện bảo dưỡng/sửa chữa định kỳ các phương tiện vận chuyển để đảm bảo an toàn, tiết kiệm nhiên liệu. Hàng năm, BVSC cũng thực hiện rà soát và đánh giá chất lượng phương tiện trên toàn hệ thống để kịp thời thay thế các phương tiện cũ không đạt tiêu chuẩn.
- Công ty luôn khuyến khích, vận động các CBNV sử dụng phương tiện công cộng, giúp giảm thiểu lượng khí CO₂ ra ngoài môi trường.
- Duy trì, áp dụng các cuộc họp trực tuyến, trao đổi công việc trên nền tảng sử dụng hệ thống công nghệ thông tin, nhằm giảm việc di chuyển, giảm phát thải ra môi trường.

Đối với khí thải từ hệ thống điều hòa không khí, hệ thống chiếu sáng, máy phát điện:

- Hệ thống điều hòa, chiếu sáng hiện đại, tiết kiệm năng lượng và được thiết kế để tự động ngắt sau giờ làm việc, chỉ duy trì tại những khu vực cần thiết. Hệ thống điều hòa không khí được điều chỉnh tự động, nhiệt độ dao động từ 24–26°C, giảm thiểu năng lượng tiêu thụ.
- Công ty thực hiện định kỳ bảo dưỡng các thiết bị để tối ưu hiệu suất, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu phát sinh khí thải và kịp thời sửa chữa, thay thế khi thiết bị cũ, hư hỏng. Công ty chỉ sử dụng máy phát điện trong trường hợp phát sinh sự cố mất điện lưới quốc gia.



Dựa theo công thức thống kê từ Giao thức báo cáo Khí nhà kính (GHG Protocol) – công cụ kiểm đếm được sử dụng rộng rãi trên thế giới để định lượng, nắm bắt và quản lý phát thải Khí nhà kính do Viện Tài nguyên Thế giới (WRI) và Hội đồng Doanh nghiệp thế giới về phát triển bền vững (WBCSD), ghi nhận khối lượng khí CO₂ BVSC thải ra ngoài môi trường trong năm 2023 chỉ xấp xỉ 194 tấn (giảm xấp xỉ 5% so với năm trước). Số liệu này tính trên tổng lượng xăng (lít) và điện (kWh) mà BVSC đã tiêu thụ trong năm.



Để giảm thiểu lượng khí CO₂ thải ra ngoài không khí trong quá trình hoạt động, trong từng tòa nhà, tùy điều kiện cho phép khi bố trí mặt bằng, Công ty đều bố trí xen kẽ các không gian xanh để tạo không khí trong lành. Ngoài ra, Công ty còn tích cực tham gia các hoạt động trồng cây, gây rừng được tổ chức hàng năm cùng Tập đoàn Bảo Việt giúp phủ xanh bề mặt Trái Đất.

Trong năm 2023, BVSC không vi phạm các quy định về môi trường. Công ty luôn tuân thủ các quy định của Pháp luật và tích cực triển khai các định hướng của Chính phủ trong việc bảo vệ môi trường, đồng thời khuyến khích các cán bộ nhân viên nâng cao nhận thức và tham gia các hoạt động chung tay bảo vệ môi trường.

Mặc dù không kinh doanh trong lĩnh vực trực tiếp tác động tới môi trường, tuy nhiên, BVSC hiểu rằng trách nhiệm của mỗi tổ chức, mỗi công dân đều phải chung tay gìn giữ và bảo vệ môi trường như một sự chuyển giao các giá trị bền vững cho thế hệ tương lai. Trong phạm vi hoạt động của mình, BVSC nỗ lực lồng ghép các chương trình hành động nhằm tiết kiệm tài nguyên và năng lượng như một cách tiết kiệm chi phí để nâng cao hiệu quả kinh doanh, tuy nhiên điều quan trọng hơn là thông qua đó nâng cao nhận thức của mỗi cán bộ nhân viên về ý thức bảo vệ môi trường và tài nguyên cho đất nước.





CHỦ ĐỀ XÃ HỘI



VIỆC LÀM

Phương pháp quản trị

103-1 Giải thích về chủ đề trọng yếu và các Phạm vi chủ đề

Chất lượng nguồn nhân lực luôn là yếu tố quan trọng mang lại giá trị sản phẩm dịch vụ tư vấn tài chính cho khách hàng của Công ty, tạo nên sự thành công và giữ vững uy tín để từ đó giúp Công ty phát triển bền vững.

Việc tăng trưởng và phát triển trong hoạt động kinh doanh cũng như nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty sẽ giúp tăng quy mô việc làm, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người lao động, tạo nên môi trường làm việc hạnh phúc.

i. Nơi phát sinh tác động

Xác định việc làm là một yếu tố quan trọng tác động trực tiếp tới hoạt động kinh doanh của Công ty, BVSC luôn chú trọng trong việc xây dựng môi trường làm việc tốt, đảm bảo chế độ lương thưởng phúc lợi tốt, có lộ trình phát triển nghề nghiệp rõ ràng để từ đó tạo sự an tâm cho người lao động nhằm duy trì ổn định nhân sự, giữ chân lao động giỏi, cũng như thu hút đội ngũ lao động có chất lượng trên thị trường.

ii. Sự liên quan của tổ chức đến các tác động đó. Ví dụ, liệu tổ chức có gây ra hoặc góp phần vào những tác động hay trực tiếp liên quan đến các tác động thông qua các mối quan hệ kinh doanh của mình

Dựa trên định hướng chiến lược kinh doanh của Công ty, Công ty thực hiện các chính sách liên quan đến việc làm bao gồm chính sách tuyển dụng, đào tạo và chính sách lương thưởng, phúc lợi của người lao động nhằm xây dựng môi trường làm việc an toàn và hạnh phúc.

Không có giới hạn về phạm vi chủ đề trong báo cáo này.



103-2 Phương pháp quản trị và các hợp phần

- Dựa trên định hướng chiến lược kinh doanh của Công ty và kế hoạch kinh doanh hàng năm, BVSC xây dựng kế hoạch về quy mô việc làm cũng như kế hoạch tuyển dụng lao động chi tiết; phù hợp với tình hình thực tế nhằm đáp ứng kịp thời và hiệu quả về nguồn lực lao động cho các phòng ban nghiệp vụ cũng như tối ưu hóa về nguồn nhân lực của Công ty.
- BVSC xây dựng các chính sách lương thưởng, phúc lợi cạnh tranh để có thể hỗ trợ cho việc thu hút nhân sự tốt, giữ chân người giỏi và ổn định nhân sự Công ty.

i. Mục đích của Phương pháp quản trị

- Tối ưu hóa nguồn nhân sự, đảm bảo lực lượng nhân sự phù hợp và hiệu quả, hạn chế việc dư thừa lao động.
- Nâng cao khả năng cạnh tranh của Công ty trong việc thu hút nhân sự giỏi trên thị trường thông qua các gói chính sách lương thưởng, phúc lợi phù hợp cho từng nhóm lao động.

ii. Chính sách

Chính sách tuyển dụng:

Căn cứ kế hoạch nhân sự năm, Công ty xây dựng các tiêu chí lựa chọn ứng viên cụ thể, rõ ràng gắn với mô tả công việc của vị trí đó. Việc đánh giá lựa chọn ứng viên phải đảm bảo sự công bằng, chính xác, phù hợp qua các vòng thi tuyển và phỏng vấn của Hội đồng tuyển dụng.

Chính sách lương thưởng:

- Chính sách lương thưởng được BVSC xây dựng theo phương pháp 3P (Position – Vị trí; Person – Con người; Performance – Hiệu quả làm việc), luôn đảm bảo sự công bằng, minh bạch, đồng thời thu nhập của người lao động được ổn định và cạnh tranh trên thị trường.
- Chính sách thưởng được xây dựng cho các vị trí khác nhau nhưng đều được dựa trên đánh giá hiệu quả làm việc. Đối với các bộ phận kinh doanh, hiệu quả làm việc được xác định dựa theo bộ chỉ tiêu KPIs Công ty giao cho từng đối tượng. Đối với các bộ phận hỗ trợ và quản lý, việc đánh giá hiệu quả làm việc của từng cá nhân được thực hiện theo phương pháp đánh giá mục tiêu.

Chính sách phúc lợi:

- Chính sách phúc lợi được xây dựng nhằm đáp ứng nhu cầu của người lao động, đảm bảo tính bền vững và phù hợp với định hướng lâu dài của Công ty, giúp người lao động cảm thấy hạnh phúc, thể hiện sự quan tâm của Công ty tới người lao động.
- Chính sách phúc lợi được quy định rõ ràng theo nhóm lao động và cấp bậc, kết hợp với chính sách lương thưởng tạo nên các gói đãi ngộ cho người lao động, từ đó khuyến khích động viên và giữ chân người lao động, nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường.
- Chính sách phúc lợi được thực hiện thông qua các hình thức như chi tiền mặt, các sản phẩm bảo hiểm, khám sức khỏe định kỳ, chế độ nghỉ phép, nghỉ ngày sinh nhật có hưởng lương, chế độ công tác, và các chế độ phúc lợi khác...





CHỦ ĐỀ XÃ HỘI (tiếp theo)

VIỆC LÀM (tiếp theo)

PHƯƠNG PHÁP

QUẢN TRỊ

GRI
103

103-2 Phương pháp quản trị và các hợp phần (tiếp theo)

iii. Cam kết

BVSC cam kết luôn đảm bảo tuân thủ theo quy định của Luật Lao động tại Việt Nam và gia tăng thêm các quyền lợi bổ sung khác cho người lao động.

iv. Mục tiêu và chỉ tiêu

Tỷ lệ tuyển dụng mới

15%-20%

trong đó tỷ trọng tuyển dụng môi giới chiếm 85%.

Cán bộ được hưởng các chế độ phúc lợi theo chính sách đã ban hành

100%

v. Trách nhiệm

Bên liên quan	Trách nhiệm
Ban Điều hành	Thực hiện phê duyệt kế hoạch, định hướng về các chính sách liên quan đến việc làm và người lao động.
Bộ phận nhân sự	Trực tiếp thực hiện và/hoặc phối hợp với các phòng ban nghiệp vụ thực hiện các chính sách liên quan đến việc làm và người lao động.
Bộ phận kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro	Thực hiện công tác kiểm soát và đánh giá rủi ro nhân sự.
Ban chấp hành công đoàn	Thực hiện bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của người lao động.



vi. Nguồn lực

Nguồn lực	Nội dung
Nguồn lực tài chính	- Chi phí tuyển dụng: 223,6 triệu đồng. - Chi phí chi trả lương thưởng và phụ cấp cho người lao động: 269 tỷ đồng. - Chi phí chi trả các chính sách phúc lợi cho người lao động: 23,7 tỷ đồng.
Nguồn lực về con người	Đội ngũ cán bộ chuyên trách về công tác nhân sự để đảm bảo triển khai các hoạt động liên quan đến công tác tuyển dụng, lương thưởng phúc lợi cho người lao động.
Nguồn lực về công nghệ	Phần mềm nhân sự được dùng để tập trung dữ liệu và hỗ trợ Bộ phận nhân sự trong công tác liên quan đến tuyển dụng, lương thưởng phúc lợi cho người lao động.
Nguồn lực khác	Uy tín và thương hiệu nhà tuyển dụng của Công ty trên thị trường.



vi. Cơ chế Tiếp nhận và Giải quyết Khiếu nại

Bộ phận Nhân sự là đơn vị trực tiếp tiếp nhận và giải quyết khiếu nại trong các vấn đề phát sinh liên quan đến người lao động tại Công ty.



vii. Các biện pháp hành động cụ thể, như các quy trình, dự án, chương trình và sáng kiến

Đối với công tác tuyển dụng:

Bám sát kế hoạch định biên nhân sự, Công ty xây dựng các tiêu chí lựa chọn ứng viên cụ thể, rõ ràng gắn với mô tả công việc của từng vị trí; đồng thời lên kế hoạch triển khai các đợt tuyển dụng trong năm, đáp ứng kịp thời nhu cầu nhân sự của các phòng ban. Việc đánh giá và lựa chọn ứng viên luôn đảm bảo sự công bằng, chính xác, phù hợp qua các vòng thi tuyển và phỏng vấn của Hội đồng tuyển dụng.

Đặc biệt, trong năm, BVSC đã tiếp tục triển khai chương trình Next Gen để tuyển dụng đội ngũ nhân sự trẻ là các bạn sinh viên sắp ra trường chưa có nhiều kinh nghiệm để thực hiện đào tạo và huấn luyện nhằm xây dựng & phát triển đội ngũ kế cận có chất lượng tốt trong tương lai. Tại chương trình Next Gen 2023, BVSC tiếp tục mở rộng việc triển khai tuyển dụng với nhiều vị trí khác nhau trong Công ty, bao gồm: tư vấn đầu tư, phân tích, công nghệ thông tin, tư vấn tài chính doanh nghiệp, nhân sự, quản trị rủi ro.

Đối với chính sách trả lương, thưởng:

Công ty đảm bảo việc chi trả đầy đủ lương hàng tháng, lương tháng 13, thưởng hiệu quả làm việc cho người lao động. Đối với khối kinh doanh, thưởng hiệu quả làm việc được xác định theo các chính sách thưởng kinh doanh đã ban hành. Các chính sách thưởng kinh doanh được thường xuyên rà soát điều chỉnh để phù hợp với xu hướng và đảm bảo cạnh tranh với thị trường. Trong năm 2023, Công ty tiếp tục áp dụng triển khai bộ chỉ tiêu KPIs áp dụng đối với Môi giới và Trưởng nhóm Môi giới, giúp kiện toàn công tác đánh giá và chi thưởng hiệu quả làm việc một cách công bằng hơn. Và đồng thời, Công ty đã xây dựng và triển khai áp dụng bộ chỉ tiêu đánh giá KPIs đối với vị trí chuyên viên tư vấn tài chính doanh nghiệp (CF & IB). Đối với khối quản lý và hỗ trợ, thưởng hiệu quả làm việc được xác định dựa trên kết quả đánh giá hiệu quả làm việc của cán bộ theo phương pháp đánh giá mục tiêu.



CHỦ ĐỀ XÃ HỘI (tiếp theo)

VIỆC LÀM (tiếp theo)



103-2 Phương pháp quản trị và các hợp phần (tiếp theo)

Đối với chính sách phúc lợi:

Gói phúc lợi bảo hiểm toàn diện & chăm sóc sức khỏe cho người lao động được BVSC tiếp tục triển khai trong năm 2023. Theo đó, bên cạnh việc được tham gia đầy đủ chế độ bảo hiểm xã hội theo đúng quy định của Nhà nước; người lao động được Công ty mua bổ sung 03 loại bảo hiểm bao gồm: bảo hiểm sức khỏe toàn diện, bảo hiểm các bệnh ung thư, và bảo hiểm nhân thọ. Ngoài ra, Công ty tổ chức triển khai khám sức khỏe định kỳ cho người lao động tại các bệnh viện có chất lượng dịch vụ tốt tại Hà Nội và TP.HCM, trong đó có bổ sung thêm danh mục khám tầm soát một số bệnh ung thư. Tổng chi phí toàn bộ gói bảo hiểm và chăm sóc sức khỏe toàn diện dành cho người lao động tại BVSC năm 2023 lên đến ~ 13 tỷ đồng.

Công ty đảm bảo chế độ nghỉ phép cho người lao động theo đúng quy định của Luật và đồng thời tiếp tục triển khai chế độ nghỉ ngày sinh nhật My Birthday – My Choice với chính sách người lao động có thể lựa chọn nghỉ 01 ngày bất kỳ trong tháng sinh nhật của mình mà vẫn được hưởng nguyên lương. Công ty tiếp tục thực hiện chi các khoản phúc lợi bằng tiền cho người lao động trong các dịp đặc biệt, cũng như triển khai nhiều hoạt động trải nghiệm gắn kết người lao động như tổ chức các hoạt động teambuilding, các CLB chạy bộ, yoga và chương trình Happy Friday hàng tháng.

(Chi tiết tham khảo tại Chương II từ trang 26 đến 67 của Báo cáo này)

103-3 Đánh giá về Phương pháp quản trị

i. Cơ chế đánh giá hiệu quả của Phương pháp quản trị

- Hàng năm, Bộ phận Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro thường xuyên thực hiện công tác rà soát đánh giá về các chỉ số biến động nhân sự để kiểm tra và cảnh báo các ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.
- Bộ phận nhân sự thường xuyên trao đổi, tìm hiểu, lấy ý kiến phản hồi từ các phòng ban nghiệp vụ và Ban chấp hành Công đoàn về tình hình nhân sự của phòng, cũng như những ý kiến về các chính sách lương, thưởng, phúc lợi dành cho người lao động và đánh giá những tác động của chính sách tới hiệu quả công việc để từ đó xem xét có những điều chỉnh kịp thời những điểm còn hạn chế, tháo gỡ những khúc mắc của người lao động để người lao động yên tâm công tác.

ii. Kết quả đánh giá Phương pháp quản trị

Với Phương pháp quản trị này, Công ty có thể kiểm soát tốt yếu tố con người giúp ổn định nguồn lực nhân sự, thu hút được các ứng viên phù hợp trên thị trường, đảm bảo sự cạnh tranh, giữ chân được những nhân sự giỏi.

iii. Bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến các Phương pháp quản trị

Công ty thường xuyên thực hiện rà soát lại các chính sách nhân sự đang áp dụng để kịp thời cập nhật, sửa đổi phù hợp theo quy định của pháp luật cũng như xu hướng của thị trường, đảm bảo theo đúng mục tiêu và định hướng phát triển của Công ty.



GRI 401: Việc làm

401-1 Số lượng nhân viên thuê mới và tỷ lệ thôi việc

Tổng số lượng và tỷ lệ nhân viên tuyển dụng mới trong kỳ báo cáo, theo nhóm tuổi, theo giới tính và khu vực

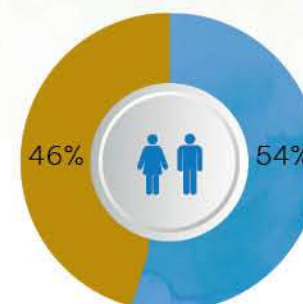


Tổng số nhân sự tuyển dụng mới trong năm

107 người

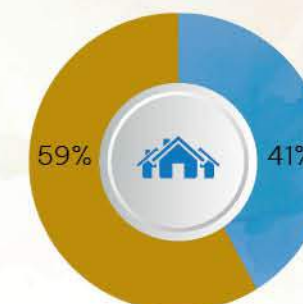


Cơ cấu nhân sự tuyển mới theo giới tính



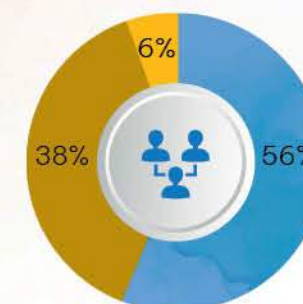
■ Nam giới
■ Nữ giới

Cơ cấu nhân sự tuyển mới theo khu vực



■ Hà Nội
■ Hồ Chí Minh

Cơ cấu nhân sự tuyển mới theo nhóm tuổi



■ <30
■ 30-50
■ >50



Năm 2023, tỷ lệ tuyển dụng đạt ở mức cao

15,46%



Đội ngũ môi giới với tỷ trọng

89%

Năm 2023, tỷ lệ tuyển dụng đạt ở mức cao 15,46%, tăng 3% so với tỷ lệ năm ngoái, trong đó chủ yếu tập trung tuyển dụng đội ngũ môi giới với tỷ trọng 89% để bù đắp, thay thế những nhân sự có kết quả kinh doanh không hiệu quả. Công tác tuyển dụng này là phù hợp với định hướng tiếp tục đẩy mạnh hoạt động môi giới của Công ty. Việc tuyển dụng hướng tới đồng thời 2 đối tượng bao gồm 1) Tuyển dụng đội ngũ nhân sự trẻ để đào tạo và xây dựng đội ngũ kế thừa hướng tới mục tiêu phát triển bền vững trong tương lai thông qua chương trình Next Gen; 2) Tuyển dụng đội ngũ nhân sự có kinh nghiệm trên thị trường. Theo đó, lao động tuyển mới tập trung vào cả 2 độ tuổi dưới 30 tuổi và từ 30 – 50 tuổi, đồng thời khá cân bằng theo giới tính.



CHỦ ĐỀ XÃ HỘI (tiếp theo)

VIỆC LÀM

GRI 401

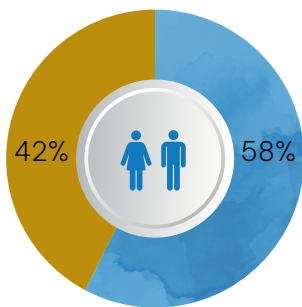
GRI 401: Việc làm (tiếp theo)

401-1 Số lượng nhân viên thuê mới và tỷ lệ thôi việc (tiếp theo)

Tổng số lượng và tỷ lệ thôi việc trong kỳ báo cáo, theo nhóm tuổi, theo giới tính và khu vực

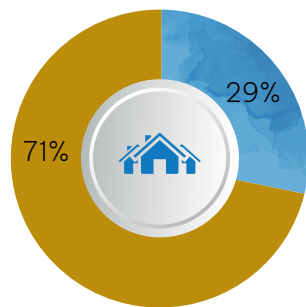
Tổng số nhân sự nghỉ việc trong năm 114 người.

Cơ cấu nhân sự nghỉ việc theo giới tính



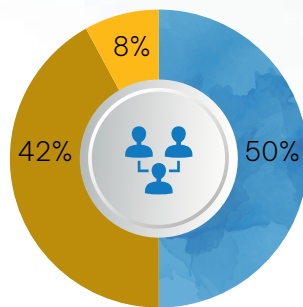
■ Nam giới
■ Nữ giới

Cơ cấu nhân sự nghỉ việc theo khu vực



■ Hà Nội
■ Hồ Chí Minh

Cơ cấu nhân sự nghỉ việc theo nhóm tuổi



■ <30
■ 30-50
■ >50

Năm 2023, tỷ lệ nghỉ việc của BVSC là 16,47% và cũng chủ yếu tập trung ở đội ngũ môi giới. Trong năm, BVSC đẩy mạnh rà soát đánh giá chất lượng đội ngũ môi giới để chủ động tái cơ cấu nâng cao chất lượng nguồn nhân sự.



PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

GRI 103

401-2 Phúc lợi cung cấp cho nhân viên toàn thời gian, không dành cho nhân viên tạm thời hoặc bán thời gian

	Hà Nội	TP. Hồ Chí Minh
Bảo hiểm nhân thọ	Có	Có
Chăm sóc sức khỏe	Có	Có
Bảo hiểm các bệnh ung thư	Có	Có
Nghỉ thai sản	Có	Có
Trợ cấp hưu trí	Có	Có
Quyền sở hữu cổ phiếu	Không	Không
Các phúc lợi khác	Có	Có
Giải thích các phần khác	Các khoản phúc lợi chi bằng tiền	Các khoản phúc lợi chi bằng tiền

Hiện tại, Công ty đang thực hiện hoạt động kinh doanh tại 2 thành phố lớn nhất của Việt Nam là Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh, nơi có kinh tế phát triển, đông dân, tập trung nhiều lực lượng lao động có chất lượng.

401-3 Nghỉ thai sản

	Nam giới	Nữ giới
Tổng số nhân viên được hưởng nghỉ thai sản	143	148
Tổng số nhân viên đã nghỉ thai sản	5	5
Tổng số nhân viên đã quay lại làm việc trong kỳ báo cáo sau khi kết thúc nghỉ thai sản	5	5
Tổng số nhân viên đã quay lại làm việc sau khi kết thúc nghỉ thai sản mà vẫn được tuyển dụng 12 tháng sau khi quay lại làm việc	5	5
Tỷ lệ quay lại làm việc của nhân viên đã nghỉ thai sản	100%	100%
Tỷ lệ giữ chân nhân viên đã nghỉ thai sản	100%	100%



CHỦ ĐỀ XÃ HỘI (tiếp theo)

AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

GRI 103

GRI 103: Phương pháp quản trị

103-1 Giải thích về chủ đề trọng yếu và các Phạm vi chủ đề

- ▶ An toàn và sức khỏe là một trong những vấn đề quan trọng không chỉ để đảm bảo sức khỏe cho người lao động mà còn đóng góp tích cực vào nâng cao hiệu quả công việc, cải thiện chất lượng cuộc sống của người lao động, giúp người lao động an tâm công tác cũng như gia tăng giá trị thương hiệu nhà tuyển dụng trên thị trường.
- ▶ Chính sách phúc lợi tập trung vào vấn đề an toàn và sức khỏe nghề nghiệp đã thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Ban Lãnh đạo đối với người lao động, nâng cao khả năng cạnh tranh thu hút nhân sự trên thị trường lao động cũng như gia tăng sự gắn kết của người lao động với Công ty.

i. Nơi phát sinh tác động

Là một công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán, các nguy cơ về tai nạn lao động hoặc các bệnh nghề nghiệp liên quan đến môi trường làm việc là gần như không có phát sinh. Tuy nhiên, người lao động vẫn có thể sẽ gặp phải các tác động tiềm ẩn đến sức khỏe và tinh thần như căng thẳng tâm lý, stress công việc, các bệnh thường gặp của nhân viên văn phòng như đau lưng, mắt, cổ,... và các vấn đề sức khỏe tinh thần khác. Do đó, Công ty vẫn thường xuyên chú trọng đến việc xây dựng môi trường làm việc an toàn, lành mạnh, hạnh phúc và đưa ra những biện pháp hỗ trợ sức khỏe tinh thần cho người lao động.

ii. Sự liên quan của tổ chức đến các tác động đó. Ví dụ, liệu tổ chức có gây ra hoặc góp phần vào những tác động hay trực tiếp liên quan đến các tác động thông qua các mối quan hệ kinh doanh của mình

Chính sách về an toàn và sức khỏe là một phần trong gói chính sách phúc lợi dành cho người lao động, tạo nên sự an tâm, quyền lợi thiết thực cho người lao động, qua đó tăng động lực làm việc và sự gắn bó của người lao động với Công ty.

Không có giới hạn cụ thể nào về phạm vi chủ đề này tại Công ty.

103-2 Phương pháp quản trị và các hợp phần

Các chính sách bảo hiểm dành cho người lao động được Công ty xây dựng cụ thể, rõ ràng phân theo từng nhóm lao động và theo cấp bậc, giúp cho người lao động cảm thấy sự an tâm, đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

Mục đích của Phương pháp quản trị:

- ▶ Đảm bảo sự rõ ràng minh bạch để người lao động có thể an tâm về các quyền lợi mà người lao động được hưởng.
- ▶ Hạn chế tối đa những thông tin sai lệch về chính sách của Công ty.

i. Chính sách

- ▶ **Chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp:** Công ty thực hiện xây dựng thang bảng lương theo từng chức danh công việc cụ thể và được dùng làm căn cứ để đóng các loại bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định của Nhà nước.
- ▶ **Chính sách bảo hiểm bổ sung khác:** Bên cạnh việc đảm bảo tuân thủ các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Nhà nước, Công ty đã thực hiện xây dựng và triển khai áp dụng các chính sách bảo hiểm sức khỏe toàn diện (áp dụng từ năm 2010), chính sách bảo hiểm nhân thọ (áp dụng từ năm 2015), chính sách bảo hiểm các bệnh ung thư (áp dụng từ năm 2017) dành cho toàn bộ người lao động tại Công ty, được xây dựng cụ thể cho từng loại đối tượng và từng cấp bậc nhân viên, do Tổng Giám đốc ban hành. Đây là những chính sách bảo hiểm bổ sung cho người lao động, thực hiện gia tăng quyền lợi cho người lao động ngoài quy định của Pháp luật.
- ▶ **Tổ chức khám sức khỏe định kỳ:** Hàng năm, Công ty thực hiện tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động tại các Bệnh viện/Phòng khám quốc tế lớn, có uy tín trên thị trường, đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của Pháp luật. Hơn thế nữa, Công ty còn thiết kế danh mục khám sức khỏe định kỳ cho người lao động với nhiều hạng mục trên mức quy định của Luật như tầm soát bệnh ung thư để người lao động có phương hướng điều trị kịp thời trong trường hợp không may phát hiện ra bệnh.
- ▶ **Điều kiện cơ sở vật chất làm việc:** Môi trường làm việc trong điều kiện cơ sở vật chất khang trang, trang thiết bị hiện đại, không gian làm việc được thiết kế khoa học, đảm bảo tuân thủ các biện pháp an toàn lao động, an toàn phòng cháy chữa cháy đã giúp tăng cường sức khỏe thể chất và tinh thần cho người lao động.
- ▶ **Tổ chức triển khai các hoạt động trải nghiệm gắn kết người lao động:** Trong năm, Công ty thường xuyên phối hợp với Công đoàn và Đoàn thanh niên triển khai các hoạt động trải nghiệm gắn kết người lao động như chương trình Happy Friday, tổ chức sinh nhật tháng cho người lao động...
- ▶ **Tổ chức các phong trào, hoạt động thể thao, văn nghệ...:** Công ty luôn hỗ trợ, tạo điều kiện trong việc thành lập các Câu lạc bộ thể thao, văn nghệ để người lao động có thể tham gia giải trí, cũng như rèn luyện sức khỏe, thư giãn sau thời gian làm việc như CLB Chạy bộ, Yoga, Bóng đá, Nhiếp ảnh, Ban văn nghệ BVSC.





CHỦ ĐỀ XÃ HỘI (tiếp theo)

AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP (tiếp theo)

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

GRI 103

GRI 103: Phương pháp quản trị (tiếp theo)

103-2 Phương pháp quản trị và các hợp phần (tiếp theo)

- Các văn bản ban hành chính thức bao gồm:
 - Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp:** Theo đúng của quy định của Pháp luật hiện hành.
 - Bảo hiểm sức khỏe toàn diện:** Quy chế về chính sách bảo hiểm sức khỏe ban hành kèm theo Quyết định số 43/2022/QĐ – BVSC ngày 16/06/2022 của Tổng Giám đốc Công ty.
 - Bảo hiểm nhân thọ:** Quy chế về chính sách bảo hiểm nhân thọ ban hành kèm theo Quyết định số 161/2015/QĐ – BVSC ngày 31/12/2015 của Tổng Giám đốc Công ty và Quy định về chính sách bảo hiểm nhân thọ cho các cán bộ quản lý tại Công ty ban hành kèm theo Quyết định số 51A/2021/QĐ – BVSC ngày 20/07/2021 của Tổng Giám đốc Công ty.
 - Bảo hiểm các bệnh ung thư:** Quy định về chính sách bảo hiểm các bệnh ung thư được Tổng Giám đốc ký phê duyệt tại Tờ trình ngày 17/08/2017.
 - Tổ chức khám sức khỏe định kỳ:** Quy định tại Thỏa ước lao động tập thể của Công ty với đại diện người lao động.

ii. Cam kết

- Cán bộ được làm việc trong môi trường tốt, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động.
- Cán bộ được bảo vệ sức khỏe và an tâm về tài chính trước những rủi ro không may xảy ra về sức khỏe.

iii. Mục tiêu và chỉ tiêu

- 100% cán bộ tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.
- Triển khai các chương trình bảo hiểm bổ sung cho người lao động mà Công ty đã xây dựng.
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ 1 lần/năm.



PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

GRI 103

iv. Trách nhiệm

Bên liên quan	Trách nhiệm
Ban điều hành	Thực hiện phê duyệt các chính sách và ngân sách bảo hiểm dành cho người lao động.
Bộ phận nhân sự	- Nghiên cứu xây dựng chính sách đề xuất Ban điều hành cho áp dụng triển khai. - Trực tiếp thực hiện triển khai các chính sách bảo hiểm cho người lao động. - Triển khai các công việc phát sinh có liên quan đến bảo vệ người lao động.
Ban chấp hành công đoàn	Đề xuất và phối hợp xây dựng các chính sách bảo hiểm dành cho người lao động và theo dõi giám sát việc thực hiện để bảo vệ quyền lợi và lợi ích của người lao động. Tổ chức, duy trì các hoạt động thể thao để nâng cao rèn luyện sức khỏe cho người lao động.

v. Nguồn lực

Nguồn lực	Nội dung
Nguồn lực tài chính	- Chi phí đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp: 6,47 tỷ đồng (phần chi phí Công ty đóng cho NLĐ). - Chi phí mua bảo hiểm bổ sung bao gồm bảo hiểm sức khỏe toàn diện, bảo hiểm các bệnh ung thư và bảo hiểm nhân thọ: 5,31 tỷ đồng. - Chi phí khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho người lao động: 770 triệu đồng. - Chi phí duy trì hoạt động của các CLB duy trì hoạt động thể thao thường xuyên của Công ty.
Nguồn lực về con người	Đội ngũ cán bộ phụ trách về công tác nhân sự, đội ngũ cán bộ công đoàn, đảm bảo triển khai các hoạt động liên quan đến chính sách bảo hiểm cho người lao động.



CHỦ ĐỀ XÃ HỘI (tiếp theo)

AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP (tiếp theo)

PHƯƠNG PHÁP

QUẢN TRỊ

GRI
103

GRI 103: Phương pháp quản trị (tiếp theo)

103-2 Phương pháp quản trị và các hợp phần (tiếp theo)

vi. Cơ chế Tiếp nhận và Giải quyết Khiếu nại

Bộ phận nhân sự là đầu mối tiếp nhận các thông tin, khiếu nại về nội dung của các chương trình bảo hiểm, đồng thời cũng là đầu mối hỗ trợ kết nối giữa người lao động và các đơn vị bảo hiểm khi giải quyết các vụ việc thanh toán bảo hiểm liên quan.

vii. Các biện pháp hành động cụ thể, như các quy trình, dự án, chương trình và sáng kiến

Năm 2023, Công ty thực hiện tham gia đầy đủ BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động theo đúng quy định của Nhà nước, mọi quyền lợi liên quan đến chế độ bảo hiểm của người lao động được đảm bảo thanh toán đầy đủ, nhanh chóng và kịp thời. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục tái tục các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe toàn diện, bảo hiểm các bệnh ung thư và bảo hiểm nhân thọ dành cho người lao động theo chính sách đã ban hành.

Trong năm, Công ty đã triển khai khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ người lao động tại Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hồng Ngọc (Hà Nội) và tại Phòng khám Careplus (TP. HCM), nơi đáp ứng tốt các điều kiện về khám chữa bệnh theo tiêu chuẩn của Bộ Y Tế cũng như chất lượng dịch vụ. Ngoài ra, Công ty còn bổ sung thêm danh mục khám sức khỏe một số xét nghiệm tầm soát bệnh ung thư phổ biến nhằm gia tăng thêm quyền lợi của người lao động.

Các văn phòng làm việc của BVSC đều nằm trong các tòa nhà văn phòng hạng A tại Hà Nội & TP. HCM với những điều kiện cơ sở vật chất văn phòng làm việc khang trang, hiện đại, cũng như đảm bảo tiêu chuẩn an toàn lao động. Trong năm 2023, BVSC đã triển khai xây dựng cải tạo cơ sở vật chất văn phòng làm việc mới tại Tòa nhà Trụ sở chính – số 8 Lê Thái Tổ; Văn phòng Chi nhánh – 233 Đồng Khởi, và Phòng Giao dịch Phan Đăng Lưu giúp tạo ra một không gian làm việc mới tích cực, góp phần tăng cường sức khỏe thể chất và tinh thần cho người lao động.

Lấy ý tưởng từ cuộc thi Confession ấn tượng được tổ chức nhân dịp kỷ niệm 23 năm thành lập Công ty, Công đoàn BVSC đã lựa chọn ra những ý tưởng thiết thực và đưa vào áp dụng triển khai một hoạt động ý nghĩa mang tên “Happy Friday” – là hoạt động định kỳ được tổ chức vào thứ 6 cuối cùng của tháng. Đây là thời gian để các thành viên trong đại gia đình BVSC có thời gian nghỉ ngơi thư giãn, cùng gấp gổ gắn kết với nhau, cùng nhau hát lên những bài hát Chúc mừng sinh nhật, cùng ăn bánh, uống trà và chia sẻ về công việc, cuộc sống.

Bên cạnh việc duy trì thường xuyên hoạt động của các CLB Bóng đá, Yoga, Ban văn nghệ,... năm 2023, CLB Chạy bộ của BVSC với gần 100 thành viên đã được chính thức thành lập. Các thành viên CLB thường xuyên tham gia hoạt động chạy bộ thử thách hàng tháng để cùng nhau rèn luyện nâng cao thể lực, và cùng nhau tham gia các hoạt động chạy bộ chung do CLB tổ chức chào mừng các sự kiện lớn của Công ty.

103-3 Đánh giá về Phương pháp quản trị

i. Cơ chế đánh giá hiệu quả của Phương pháp quản trị

- ▶ Công ty thực hiện các khảo sát mức độ hài lòng của nhân viên đối với các chính sách phúc lợi dành cho người lao động, trong đó có các chính sách liên quan đến bảo hiểm.
- ▶ Thông qua báo cáo kết quả khảo sát về chính sách phúc lợi của các doanh nghiệp trên thị trường, Công ty thực hiện so sánh với các chính sách hiện nay đang áp dụng tại BVSC.

ii. Kết quả đánh giá Phương pháp quản trị

Thông qua kết quả khảo sát, Công ty nhận được những phản hồi tích cực từ phía người lao động về các chính sách bảo hiểm mà Công ty đang áp dụng cho người lao động. Ngoài ra, theo kết quả báo cáo khảo sát nguồn nhân lực hạnh phúc do Anphabe tổ chức, 92% cán bộ tại BVSC hài lòng về các chính sách phúc lợi mà BVSC đang cung cấp và 78% cán bộ cho rằng phúc lợi mà họ đang nhận được có tính cạnh tranh so với các nơi làm việc tương tự. Theo đó, có thể thấy, hiệu quả của Phương pháp quản trị này là tốt.

iii. Bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến các Phương pháp quản trị

Công ty sẽ nghiên cứu bổ sung thêm các chính sách bảo hiểm cho người thân của người lao động, góp phần gia tăng phúc lợi cho người lao động.





CHỦ ĐỀ XÃ HỘI (tiếp theo)

AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP (tiếp theo)

AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE
NGHỀ NGHIỆPGRI
403

GRI 403: An toàn và Sức khỏe nghề nghiệp

- 403-1 Đại diện của người lao động trong các liên ủy ban an toàn và sức khỏe nghề nghiệp chính thức giữa ban lãnh đạo và người lao động

Ban chấp hành công đoàn là đại diện của người lao động tham gia vào việc đề xuất và phối hợp xây dựng các chính sách bảo hiểm dành cho người lao động, đồng thời theo dõi giám sát việc thực hiện để bảo vệ quyền lợi và lợi ích của người lao động. Ngoài ra, Ban chấp hành công đoàn cũng là đơn vị đầu mối, phối hợp với Đoàn thành niên cùng Bộ phận truyền thông của Công ty để xuất và tổ chức triển khai các hoạt động thể thao, văn nghệ cũng như nhiều chương trình khác giúp nâng cao tinh thần và rèn luyện sức khỏe cho người lao động.

Mạng lưới an toàn vệ sinh viên được thành lập với các thành viên là cán bộ làm việc tại tất cả các phòng ban trong Công ty, được đào tạo kiến thức về an toàn vệ sinh tại doanh nghiệp theo đúng quy định. Việc thành lập mạng lưới an toàn vệ sinh hỗ trợ hiệu quả Công ty trong công tác truyền thông, cũng như triển khai các hoạt động liên quan đến an toàn vệ sinh lao động và chính sách bảo hiểm của Công ty.

Tỷ lệ phần trăm người lao động mà công việc hoặc nơi làm việc của họ do tổ chức kiểm soát, được đại diện trong các liên ủy ban an toàn và sức khỏe nghề nghiệp chính thức giữa ban lãnh đạo và người lao động:

100%



- 403-4 Các chủ đề về sức khỏe và an toàn được đề cập trong thỏa thuận chính thức với công đoàn

Tại BVSC, công tác an toàn và sức khỏe được thực hiện đảm bảo tuân thủ theo quy định của Pháp luật.

Bên cạnh đó, Công ty có đề cập đến các vấn đề về an toàn sức khỏe tại các văn bản cụ thể bao gồm: Thỏa ước lao động tập thể; các văn bản quy định/hướng dẫn vệ sinh tại nơi làm việc; Các quy chế, quy định về bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm các bệnh ung thư.

Các chủ đề về an toàn sức khỏe được quy định tại nhiều văn bản khác nhau, do đó, khó có thể xác định tỷ lệ phần trăm.

GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

PHƯƠNG PHÁP
QUẢN TRỊ
GRI
103

GRI 103: Phương pháp quản trị

- 103-1 Giải thích về chủ đề trọng yếu và các Phạm vi chủ đề

Đào tạo là yếu tố quan trọng giúp người lao động bổ sung kiến thức mới, hoàn thiện các kỹ năng, từ đó cải thiện hiệu quả làm việc của người lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ của Công ty, mang lại hiệu quả kinh doanh cho Công ty.

i. Nơi phát sinh tác động

Hoạt động đào tạo được thực hiện tại toàn bộ các phòng ban nghiệp vụ trong Công ty, nơi các cán bộ nhân viên cần được đào tạo và phát triển các kiến thức, kỹ năng để đáp ứng yêu cầu công việc, thích nghi với sự thay đổi.

ii. Sự liên quan của tổ chức đến các tác động đó. Ví dụ, liệu tổ chức có gây ra hoặc góp phần vào những tác động hay trực tiếp liên quan đến các tác động thông qua các mối quan hệ kinh doanh của mình.

Công ty xây dựng các khung chương trình đào tạo, các chính sách đào tạo dành cho người lao động giúp nâng cao trình độ, kỹ năng của bản thân.

Không có giới hạn về phạm vi chủ đề này.

- 103-2 Phương pháp quản trị và các hợp phần

Các khung chương trình đào tạo được xây dựng cho từng nhóm lao động và theo cấp bậc nhân viên khác nhau. Công ty đưa ra các quy định cụ thể gắn việc đào tạo với lộ trình thăng tiến, các chính sách nâng lương, khen thưởng nhằm khuyến khích người lao động đảm bảo hoàn thành chương trình đào tạo theo vị trí công việc của mình.

Bên cạnh đó, Công ty khuyến khích cán bộ tham gia các khóa đào tạo giúp nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng từ đó nâng cao chất lượng dịch vụ của Công ty.

Mục đích của Phương pháp quản trị:

- Nhằm đảm bảo khả năng thích ứng nhanh với công việc và với sự thay đổi từ môi trường kinh doanh, quy định pháp luật.
- Nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng xử lý công việc nhằm đáp ứng yêu cầu công việc đối với từng vị trí cụ thể, từ đó nâng cao chất lượng dịch vụ đảm bảo sự cạnh tranh trên thị trường.
- Xây dựng nguồn lực dự phòng cho các kế hoạch triển khai và mở rộng kinh doanh của Công ty.



CHỦ ĐỀ XÃ HỘI (tiếp theo)

GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (tiếp theo)

PHƯƠNG PHÁP

QUẢN TRỊ

GRI
103

GRI 103: Phương pháp quản trị (tiếp theo)

103-2 Phương pháp quản trị và các hợp phần (tiếp theo)

i. Chính sách

- ▶ **Chương trình đào tạo định hướng:** Đào tạo về tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi, lịch sử và các thành tích của Công ty, từ đó cán bộ hiểu được văn hóa của doanh nghiệp, giá trị mục tiêu để gắn kết cá nhân người lao động với kế hoạch phát triển của Công ty. Ngoài ra, cán bộ còn được phổ biến các nội quy, quy định, chính sách nội bộ của Công ty, quy tắc đạo đức nghề nghiệp để cán bộ có thể nhanh chóng hòa nhập với môi trường làm việc mới, tạo nên sự thành công của sự gắn bó với Công ty trong tương lai.
- ▶ **Chương trình đào tạo chuyên môn nghiệp vụ:** Khung chương trình đào tạo chuyên môn nghiệp vụ được xây dựng cho từng khối nghiệp vụ cụ thể:
 - » Đối với khối môi giới: Đào tạo các chứng chỉ chuyên môn chứng khoán do UBCKNN tổ chức để xin cấp chứng chỉ hành nghề; Đào tạo nội bộ theo chương trình đào tạo được xây dựng dành riêng cho đội ngũ môi giới.
 - » Đối với khối hỗ trợ và quản lý: Đào tạo các chứng chỉ chuyên môn chứng khoán do UBCKNN tổ chức để xin cấp chứng chỉ hành nghề (tùy thuộc vào các vị trí theo yêu cầu của Pháp luật); tài trợ chi phí cho cán bộ tham gia đào tạo chứng chỉ chuyên môn như CFA, ACCA, CMT, SHRM...; các khóa đào tạo nghiệp vụ khác theo yêu cầu của từng vị trí chuyên môn.
 - » Bên cạnh chương trình đào tạo dành cho lao động chính thức, Công ty còn triển khai Chương trình Next Gen thiết kế dành riêng để tuyển dụng và đào tạo các bạn sinh viên sắp ra trường cho vị trí môi giới (Broker) và các vị trí khác (Non-Broker) trong Công ty nhằm xây dựng thế hệ nhân sự mới có chất lượng tốt trong tương lai.
- ▶ **Chương trình đào tạo kỹ năng:** Đào tạo các kỹ năng mềm nâng cao hiệu quả làm việc và khả năng thích nghi với sự thay đổi trong công việc; kỹ năng quản lý & lãnh đạo dành cho cấp quản lý.

ii. Cam kết

- ▶ Đảm bảo thực hiện theo các chương trình đào tạo và các quy định có liên quan của Công ty đã ban hành.

iii. Mục tiêu và chỉ tiêu

Số giờ đào tạo tối thiểu của mỗi nhân viên kinh doanh

60-80 giờ/năm

Số giờ đào tạo tối thiểu của mỗi nhân viên quản lý và hỗ trợ

12-15 giờ/năm

iv. Trách nhiệm

Bên liên quan	Trách nhiệm
Ban điều hành	Thực hiện phê duyệt các kế hoạch đào tạo, chương trình đào tạo.
Bộ phận nhân sự	▶ Chịu trách nhiệm thực hiện/phối hợp triển khai các chương trình đào tạo theo kế hoạch. ▶ Là đầu mối thực hiện đề xuất các chương trình đào tạo phát sinh (nếu có). ▶ Trực tiếp xây dựng/phối hợp với các Phòng ban nghiệp vụ hoặc đối tác để xây dựng & tổ chức các chương trình đào tạo.
Phòng ban nghiệp vụ	Phối hợp với Bộ phận nhân sự và/hoặc các đối tác để xây dựng các chương trình đào tạo nội bộ cho cán bộ.
Phòng Quản lý giao dịch	Tiến hành triển khai và chịu trách nhiệm các hoạt động đào tạo nội bộ liên quan đến nghiệp vụ môi giới chứng khoán.

v. Nguồn lực

Bên liên quan	Trách nhiệm
Nguồn lực tài chính	▶ Chi phí đào tạo năm 2023: 1,9 tỷ đồng.
Nguồn lực con người	▶ Số lượng giảng viên nội bộ: 11 người. ▶ Số lượng cán bộ phụ trách đào tạo: 07 người.
Nguồn lực công nghệ	▶ Đào tạo từ xa thông qua hệ thống trực tuyến kết nối giữa Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh. ▶ Đào tạo thông qua hệ thống trực tuyến Elearn. ▶ Hệ thống phần mềm nhân sự để quản lý việc triển khai hoạt động đào tạo đối với từng nhân sự.



vi. Cơ chế Tiếp nhận và Giải quyết Khiếu nại

Bộ phận nhân sự là đầu mối trực tiếp tiếp nhận và giải quyết khiếu nại của người lao động liên quan đến vấn đề đào tạo.



CHỦ ĐỀ XÃ HỘI (tiếp theo)

GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (tiếp theo)

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

GRI 103

GRI 103: Phương pháp quản trị (tiếp theo)

103-2 Phương pháp quản trị và các hợp phần (tiếp theo)

vii. Các biện pháp hành động cụ thể, như các quy trình, dự án, chương trình và sáng kiến

Năm 2023, các chương trình đào tạo vẫn chủ yếu tập trung cho khối mỗi giới nhằm nâng cao chất lượng nhân sự, phù hợp với định hướng kinh doanh của Công ty. Bên cạnh việc triển khai đào tạo chứng chỉ chuyên môn chứng khoán do UBCKNN tổ chức để xin cấp chứng chỉ hành nghề theo đúng quy định, Công ty tổ chức triển khai các khóa đào tạo về quy trình, nghiệp vụ, hệ thống giao dịch, quy định về sản phẩm dịch vụ mới... dành cho đội ngũ môi giới. Các khóa đào tạo này được tổ chức hoàn toàn qua hình thức đào tạo trực tuyến trên cổng đào tạo elearn.baoviet.vn giúp cán bộ có thể chủ động bố trí thời gian phù hợp và hiệu quả. Bên cạnh đó, BVSC triển khai các chương trình đào tạo bổ sung kỹ năng cho môi giới như đào tạo xây dựng các kênh online & video marketing... giúp môi giới nâng cao kỹ năng tiếp cận và tư vấn cho khách hàng.

103-3 Đánh giá về Phương pháp quản trị

i. Cơ chế đánh giá hiệu quả của Phương pháp quản trị

- Thông qua phần mềm quản lý nhân sự, Công ty có thể kiểm soát được các cán bộ chưa tham gia các khóa đào tạo được quy định cho từng vị trí, thực hiện thông báo khuyến nghị cán bộ tham gia, từ đó thúc đẩy cán bộ tham gia công tác đào tạo.
- Thông qua hệ thống Elearn để đánh giá tính chủ động tương tác và tự học của người lao động.
- Việc tham gia đào tạo đảm bảo theo quy định bắt buộc sẽ là một trong những yếu tố xem xét khi đánh giá nhân sự cho công tác bổ nhiệm cán bộ, đánh giá hiệu quả làm việc hàng năm, từ đó nâng cao ý thức tham gia đào tạo của cán bộ.

ii. Kết quả đánh giá Phương pháp quản trị

Theo kết quả đánh giá việc chủ động tham gia các khóa đào tạo và kết quả kiểm tra cuối khóa, Công ty nhận thấy trình độ chuyên môn của cán bộ nhân viên đạt yêu cầu công việc và có sự cải thiện qua các năm. Theo đó, có thể thấy, hiệu quả của Phương pháp quản trị này là tốt.

Trong năm 2023, Công ty tiếp tục triển khai thành công 02 khóa đào tạo Next Gen tại Hà Nội và TP. HCM. Nội dung đào tạo của 02 chương trình này được các giảng viên nội bộ cập nhật chỉnh sửa cho phù hợp với những thay đổi quy định, quy trình mới và mục tiêu của chương trình. Công ty thường xuyên cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo nghiệp vụ chuyên môn và các hội thảo liên quan đến nghiệp vụ của các Phòng ban. Đặc biệt, BVSC có chương trình khuyến khích cán bộ tích cực chủ động tham gia các khóa đào tạo chứng chỉ chuyên môn như CFA, CMT... thông qua việc hỗ trợ các chi phí phát sinh có liên quan. Trong năm 2023 BVSC đã chính thức ký Thỏa thuận hợp tác toàn diện (MOU) với SAPP Academy trên phương diện hợp tác tuyển dụng, chuyên môn, phát triển thương hiệu & những thế mạnh khác của hai bên trong những năm qua nhằm mục tiêu nâng cao chất lượng nhân sự ngành Tài chính.

iii. Bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến các Phương pháp quản trị

Công ty sẽ tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện các chương trình đào tạo, xây dựng thêm nhiều khung chương trình đào tạo cho nhiều vị trí trong Công ty.

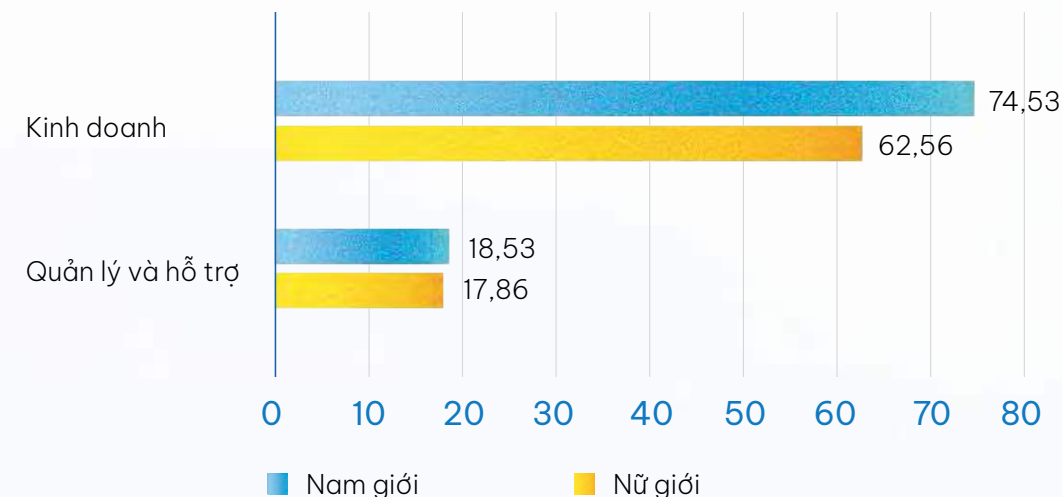
GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

GRI 404

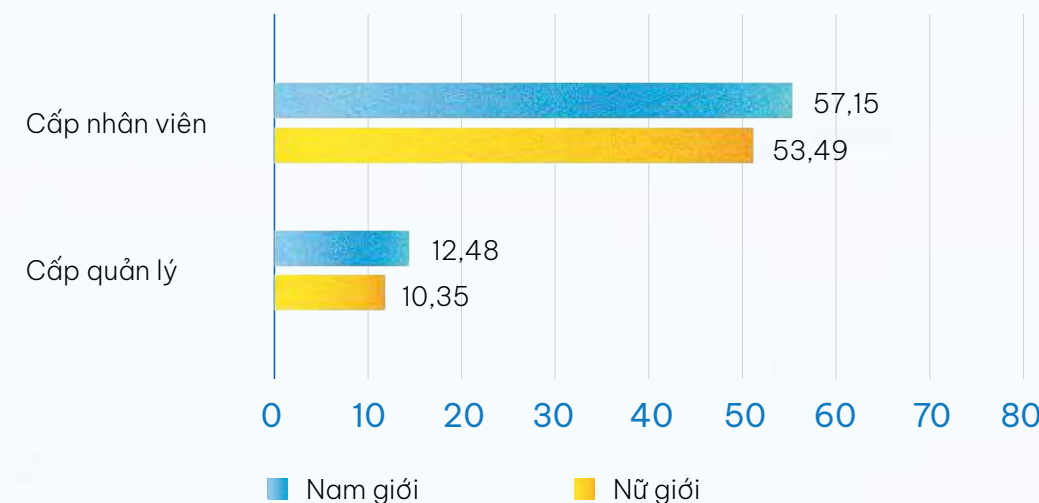
GRI 404: Giáo dục và Đào tạo

404-1 Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho mỗi nhân viên

Số giờ đào tạo trung bình mà nhân viên của tổ chức đã tham gia trong kỳ báo cáo, theo chức năng của nhân viên



Số giờ đào tạo trung bình mà nhân viên của tổ chức đã tham gia trong kỳ báo cáo, theo cấp nhân viên



Tổng số giờ đào tạo trong năm 2023

16.739 giờ

Tổng số giờ đào tạo trong năm 2023 là 16.739 giờ, trong đó có 11.111 giờ đào tạo nội bộ và on job training. Nội dung đào tạo được tập trung vào các kiến thức, kỹ năng phù hợp với nhu cầu công việc nâng cao kiến thức chuyên môn, cập nhật các xu hướng mới, nâng cao khả năng thích nghi với sự thay đổi.



CHỦ ĐỀ XÃ HỘI (tiếp theo)

GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (tiếp theo)

GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

GRI 404

GRI 404: Giáo dục và Đào tạo (tiếp theo)

404-2 Các chương trình nâng cao kỹ năng cho nhân viên và chương trình hỗ trợ chuyển tiếp

Đối với khối môi giới:

- Đối với lao động mới tuyển, chưa có kinh nghiệm: Đào tạo thông qua Chương trình Next Gen cho nhiều vị trí trong Công ty (Broker & Non – Broker) gồm 24 chuyên đề chia làm 3 giai đoạn Đào tạo – Huấn luyện – Thực chiến, tuân thủ mô hình khung năng lực ASK (Kiến thức – Kỹ năng – Thái độ) kết hợp với hoạt động huấn luyện kèm cặp 1-1 qua công việc. Năm 2023, Công ty đã triển khai thành công khóa đào tạo của chương trình Next Gen tại HN và TP. HCM, tuyển dụng được 21 CBNV có chất lượng ký hợp đồng chính thức với Công ty.
- Đối với lao động đang làm việc: Thực hiện các chuyên đề đào tạo về sản phẩm dịch vụ mới, các quy trình, quy định mới ban hành, hướng dẫn sử dụng hệ thống mới... hoặc bổ sung các kỹ năng mới cho NLĐ. Năm 2023 Công ty đã tổ chức khóa đào tạo Video Marketing nhằm trang bị thêm kỹ năng để tiếp cận tìm kiếm khách hàng, mở rộng tệp khách hàng của mình... đối với đội ngũ môi giới.

Đối với các Phòng ban nghiệp vụ khác:

- Công ty khuyến khích, tạo điều kiện cũng như hỗ trợ chi phí để cán bộ tham gia các khóa đào tạo và cấp chứng chỉ nghề nghiệp phù hợp với lĩnh vực chuyên môn nghiệp vụ của mình như CFA, ACCA, CPA, CMT, SHRM...
- Trong năm 2023, Công ty đã tổ chức hoặc cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo nghiệp vụ theo yêu cầu công việc của từng vị trí cụ thể như khóa đào tạo kiểm toán nội bộ ứng dụng, bồi dưỡng nghiệp vụ đấu thầu, phân tích dữ liệu nhân sự,...
- Đối với cấp quản lý: Công ty cử cán bộ tham gia các buổi hội thảo cập nhật quy định và/hoặc xu hướng mới trên thị trường, huấn luyện kỹ năng lãnh đạo, các chương trình đào tạo dành cho cấp quản lý...

404-3 Tỷ lệ phần trăm nhân viên được đánh giá định kỳ hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp

Phân loại nhân viên	% Nam giới	% Nữ giới
Cấp nhân viên	100	100
Cấp quản lý	100	100

SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

GRI 103

GRI 103: Phương pháp quản trị

103-1 Giải thích về chủ đề trọng yếu và các Phạm vi chủ đề

- Bình đẳng giới là một trong những quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân Việt Nam được quy định cụ thể trong các văn bản Pháp luật. BVSC là doanh nghiệp Việt Nam nên việc tuân theo các quy định pháp luật Việt Nam là điều tất yếu.
- Việc tạo ra môi trường làm việc đa dạng và bình đẳng sẽ giúp cho cán bộ nhân viên cảm nhận được sự tôn trọng, được phát huy năng lực của bản thân để đóng góp cho sự phát triển chung của Công ty; đồng thời cũng giúp cho Công ty tìm kiếm và thu hút nhân sự đa dạng từ các nguồn khác nhau.
- Phạm vi của chủ đề này bao gồm các chính sách, biện pháp để đảm bảo công tác tuyển dụng, đào tạo và phát triển nhân viên, đánh giá hiệu quả làm việc, đãi ngộ đều dựa trên năng lực, kỹ năng của người lao động.

i. Nơi phát sinh tác động

Chính sách tuyển dụng, đào tạo và phát triển nhân viên, đánh giá hiệu quả làm việc, chính sách đãi ngộ sẽ tác động đến sự đa dạng và cơ hội bình đẳng tại BVSC.

ii. Sự liên quan của tổ chức đến các tác động đó. Ví dụ, liệu tổ chức có gây ra hoặc góp phần vào những tác động hay trực tiếp liên quan đến các tác động thông qua các mối quan hệ kinh doanh của mình

Sự đa dạng và cơ hội bình đẳng tại BVSC được thể hiện trong mọi hoạt động hàng ngày của doanh nghiệp, được xây dựng và hình thành thành văn hóa doanh nghiệp và trở thành điều tất yếu trong hoạt động kinh doanh.

Không có bất kỳ giới hạn cụ thể về phạm vi chủ đề này.





CHỦ ĐỀ XÃ HỘI (tiếp theo)

SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG (tiếp theo)

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

GRI 103

GRI 103: Phương pháp quản trị

103-2 Phương pháp quản trị và các hợp phần

- Trong tất cả các chính sách về nhân sự của Công ty đều được xây dựng không có sự khác biệt, hạn chế theo giới tính, theo dân tộc.

i. Chính sách

- Đối với chính sách tuyển dụng: Từ việc xây dựng kế hoạch, quảng bá tuyển dụng đến phỏng vấn lựa chọn ứng viên, BVSC đều tạo cơ hội cho tất cả những người có năng lực phù hợp, không phân biệt giới tính, tôn giáo, dân tộc thiểu số.
- Đối với chính sách đào tạo và phát triển nhân sự, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ: Tất cả cán bộ đều có cơ hội được tham gia đào tạo và phát triển bản thân phù hợp với vị trí công việc, cũng như yêu cầu công việc để có thể nâng cao kiến thức và hoàn thiện các kỹ năng của bản thân. Công tác quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ đều được thực hiện dựa trên năng lực của cá nhân, không phân biệt giới tính, tôn giáo, dân tộc thiểu số.
- Đối với các chính sách lương thưởng, phúc lợi dành cho người lao động: Việc chi trả lương thưởng, phúc lợi cho người lao động được tuân thủ theo đúng quy định tài chính sách đã ban hành, không có sự phân biệt giới tính, tôn giáo, dân tộc thiểu số. Không những đảm bảo theo quy định của Nhà nước về chế độ thai sản, chế độ nghỉ 30 phút/ngày đối với lao động nữ trong thời gian kinh nguyệt; Công ty còn áp dụng triển khai các chính sách riêng dành cho lao động nữ như: lao động nữ còn được hưởng quyền lợi thai sản theo chương trình bảo hiểm sức khỏe, nghỉ mỗi ngày 10 phút trong 5 ngày liên tục của mỗi tháng trong thời gian kinh nguyệt, được tôn vinh trong những ngày lễ dành cho phụ nữ 8/3 & 20/10...
- Ngoài ra, Công ty luôn xây dựng môi trường làm việc thoải mái, an toàn, nơi người lao động đều được tôn trọng, đối xử bình đẳng.

ii. Cam kết

Đảm bảo duy trì sự đa dạng và cơ hội bình đẳng cho tất cả người lao động trong Công ty.

iii. Mục tiêu và chỉ tiêu

Phấn đấu tăng tỷ lệ nữ trong đội ngũ lãnh đạo cấp cao của Công ty.



iv. Trách nhiệm, Nguồn lực, Cơ chế Tiếp nhận và Giải quyết khiếu nại, Các biện pháp hành động cụ thể, như các quy trình, dự án, chương trình và sáng kiến

Sự đa dạng và cơ hội bình đẳng cho người lao động được Ban Lãnh đạo Công ty luôn coi trọng và trở thành văn hóa của doanh nghiệp. Mặc dù hiện nay, BVSC chưa ban hành chính sách riêng cụ thể về sự đa dạng và cơ hội bình đẳng nhưng quan điểm về sự đa dạng và cơ hội bình đẳng được thể hiện xuyên suốt trong tất cả các chính sách liên quan đến người lao động trong Công ty.

103-3 Đánh giá về Phương pháp quản trị

i. Cơ chế đánh giá hiệu quả của Phương pháp quản trị

Thông qua các báo cáo về tỷ lệ nam nữ trong cơ cấu lao động của Công ty dựa trên các báo cáo nhân sự định kỳ hàng năm của Công ty.

ii. Kết quả đánh giá Phương pháp quản trị

Với các số liệu báo cáo về tình hình nhân sự tại Công ty, có thể thấy Công ty đã thực hiện tốt Phương pháp quản trị về sự đa dạng và cơ hội bình đẳng.

iii. Bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến các Phương pháp quản trị

Không có điều chỉnh nào liên quan đến Phương pháp quản trị này.



CHỦ ĐỀ XÃ HỘI (tiếp theo)

SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG (tiếp theo)

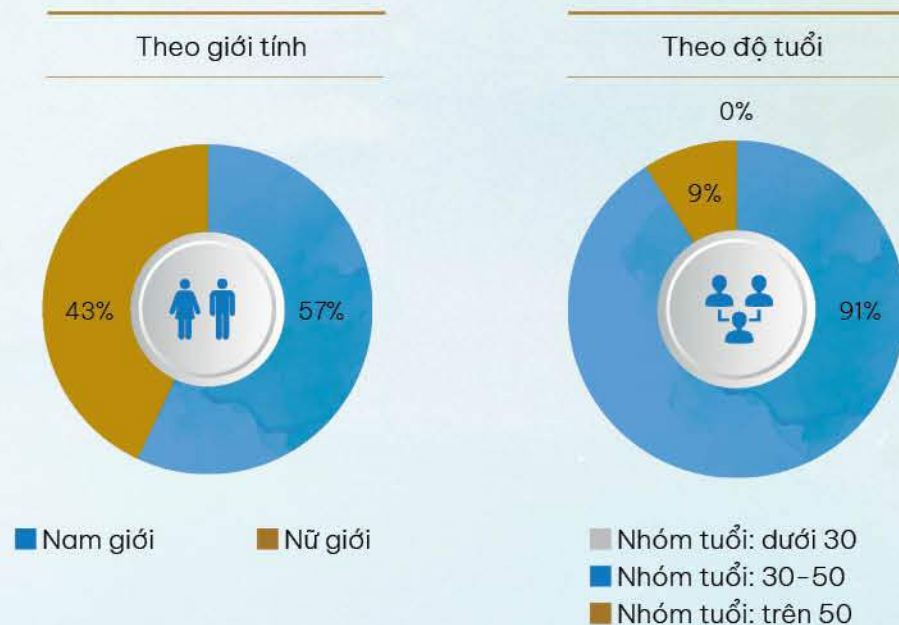
SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG

GRI 405

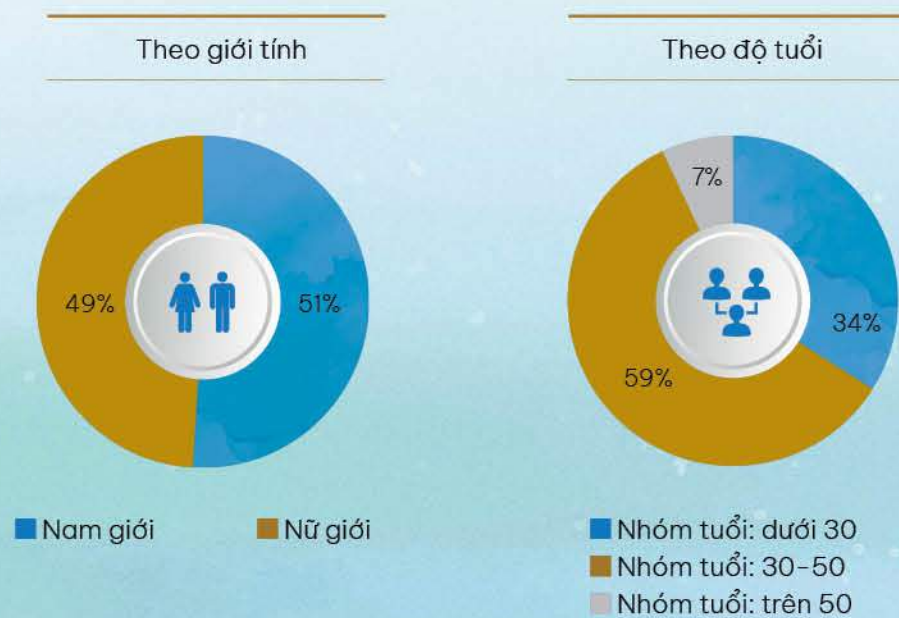
GRI 405: Sự đa dạng và Cơ hội Bình đẳng

405-1 Sự đa dạng của cấp quản lý và nhân viên

Tỷ lệ phần trăm các cá nhân trong cấp quản lý của tổ chức:



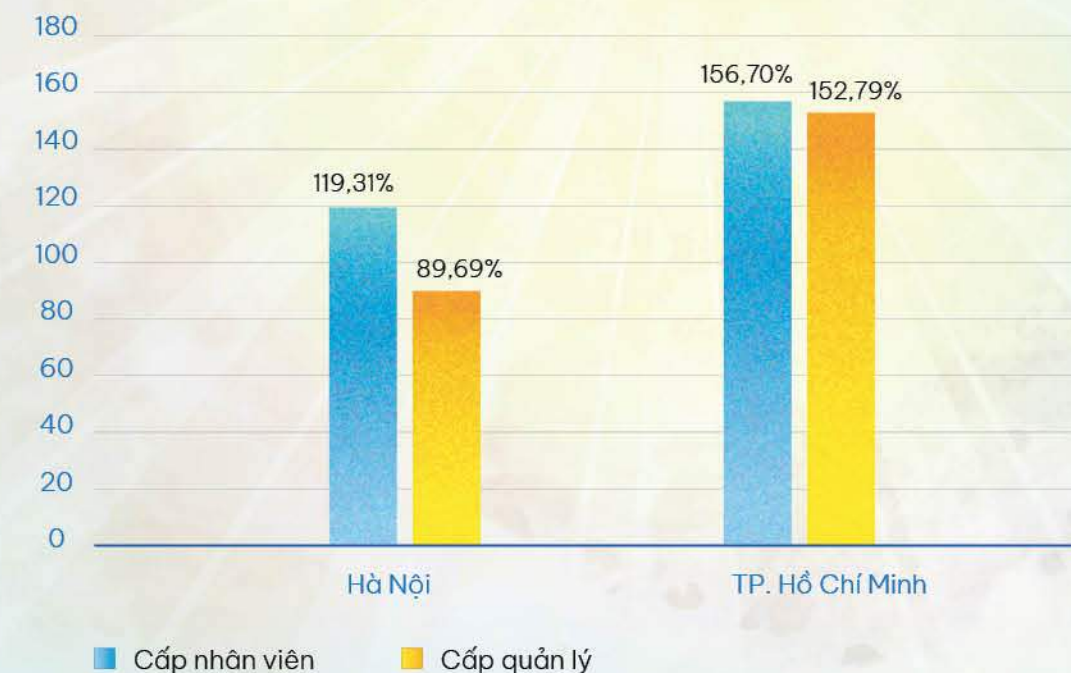
Tỷ lệ phần trăm nhân viên theo phân loại nhân viên:



Các chỉ số đa dạng khác nếu có liên quan, (chẳng hạn như nhóm thiểu số hoặc nhóm dễ bị tổn thương).

Số lượng cán bộ là dân tộc thiểu số: 05 người.

405-2 Tỷ lệ lương cơ bản và thù lao của phụ nữ so với nam giới (%)



Bình đẳng giới tại BVSC được thể hiện khá rõ nét thông qua cơ cấu nhân sự theo giới tính, tỷ lệ nam và nữ khá cân bằng ở cả nhóm cán bộ cấp quản lý và nhân viên. Về phần thu nhập, chính sách chi trả lương thưởng và các chế độ cho người lao động không có sự phân biệt về giới tính. Theo số liệu thống kê, tỷ lệ thu nhập của phụ nữ so với nam giới tại Hà Nội và TP. HCM có sự khác nhau. Tuy nhiên, sự khác nhau này chỉ yếu là do ảnh hưởng bởi thu nhập từ đội ngũ môi giới được chi trả dựa theo doanh thu tạo ra.

Dựa trên số liệu cơ cấu nhân sự theo độ tuổi, cán bộ quản lý cấp cao và cấp trung tại BVSC chủ yếu nằm ở nhóm tuổi 30 – 50 tuổi (chiếm đến 93%), nhóm tuổi trên 50 tuổi (chiếm 7%). Sự chiếm ưu thế của nhóm tuổi 30 – 50 tuổi giúp Công ty có thể phát huy được tối đa kiến thức, kinh nghiệm để đưa ra những quyết định chính xác nhưng đồng thời vẫn có đủ sự linh hoạt để có thể thích ứng với sự thay đổi của công nghệ, của thị trường.

Đội ngũ nhân viên có sự đa dạng hơn về độ tuổi. Năm 2023, BVSC tiếp tục đẩy mạnh việc tuyển dụng Gen Z nhằm bổ sung lực lượng nhân sự trẻ, năng động và sẵn sàng tiếp thu những thay đổi mới, học hỏi nhanh giúp đảm bảo sự đa dạng và bền vững của lực lượng lao động. Hiện nay, tại BVSC có sự chuyển dịch nhỏ từ nhóm dưới 30 tuổi lên nhóm từ 30 – 50 tuổi khi người lao động gần bó lâu dài tại Công ty. Ngoài ra, BVSC còn có sự đa dạng về dân tộc (BVSC có 05 cán bộ là dân tộc thiểu số).

Sự đa dạng trong cơ cấu nhân lực và bình đẳng giới giúp cho Công ty phát huy được những lợi thế về kiến thức, kinh nghiệm lẫn động lực sáng tạo của người lao động ở nhiều lứa tuổi khác nhau, điều này sẽ góp phần tạo động lực phát triển bền vững.



CHỦ ĐỀ XÃ HỘI (tiếp theo)

CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

GRI 103

GRI 103: Phương pháp quản trị

103-1 Giải thích về chủ đề trọng yếu và các Phạm vi chủ đề

Những năm vừa qua, cùng với việc đẩy mạnh và phát triển hoạt động kinh doanh, công tác An sinh xã hội luôn được BVSC quan tâm, coi đó là mục tiêu, là nhiệm vụ quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững, đồng thời là trách nhiệm đối với cộng đồng xã hội.

i. Nơi phát sinh tác động

Công tác An sinh xã hội được BVSC chia thành 3 nhóm đối tượng chính:

- ▶ **Đầu tư vào thế hệ tương lai.**
- ▶ **Tri ân gia đình có công với cách mạng.**
- ▶ **Xóa đói giảm nghèo, khắc phục thiên tai, dịch bệnh và hỗ trợ y tế.**

ii. Sự liên quan của tổ chức đến các tác động đó

Công ty thường trực tiếp tổ chức các hoạt động an sinh xã hội hoặc kết hợp với Tập đoàn Bảo Việt để thực hiện các hoạt động thiện nguyện ý nghĩa.

Không có phạm vi giới hạn trong chủ đề này.

103-2 Phương pháp quản trị và các hợp phần

Công ty quản lý việc thực hiện các chương trình An sinh xã hội thông qua Công đoàn của Công ty, dưới sự chỉ đạo của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành. Các chương trình được lên kế hoạch thực hiện và dự trù kinh phí, sau khi thực hiện, toàn bộ kết quả chương trình, chi phí thực tế đều được công khai minh bạch trong cuộc họp tổng kết.

Việc thực hiện chương trình theo Phương pháp quản trị nhằm mục đích tối ưu hóa các chương trình an sinh xã hội, đảm bảo đúng đối tượng cần được chia sẻ.

103-3 Đánh giá về Phương pháp quản trị

i. Cơ chế đánh giá hiệu quả của Phương pháp quản trị

Công ty chưa có cơ chế đánh giá hiệu quả của Phương pháp quản trị một cách chính thống. Tuy nhiên, đối với tất cả chương trình An sinh xã hội hàng năm của Công ty đều được lên kế hoạch, thực hiện tổ chức và tổng kết đánh giá sau mỗi chương trình. Ngoài ra, Công ty ghi nhận tính hiệu quả của các chương trình triển khai thông qua các phản hồi từ các tổ chức đoàn thể cấp trên và thông qua mạng xã hội.

iii. Bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến các Phương pháp quản trị

Không có bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến Phương pháp điều chỉnh trong chủ đề này.

ii. Kết quả đánh giá Phương pháp quản trị

Việc thực hiện rà soát sau tất cả những chương trình An sinh xã hội hàng năm cũng như ghi nhận những phản hồi từ bên ngoài của Công ty đang thực hiện tốt. Tuy nhiên, Công ty sẽ lên kế hoạch để thiết lập cơ chế đánh giá hiệu quả của Phương pháp quản trị và ban hành trong thời gian tới.

CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

GRI 413

GRI 413: Cộng đồng địa phương

Các chương trình an sinh xã hội

Chương trình “Mang hơi ấm đến vùng cao 2022”

Nắm bắt tình hình thực tế vì việc thiếu điều kiện cơ sở vật chất lẫn nhận thức về chăm sóc vệ sinh cá nhân, sự khan hiếm nguồn nước sạch là nguyên nhân dẫn đến các vấn đề nghiêm trọng về mặt sức khỏe. Năm 2023, chương trình “Mang hơi ấm đến vùng cao” đã dịch chuyển sang việc tài trợ các công trình thiết yếu như xây dựng nhà vệ sinh đạt chuẩn và trang bị đường dẫn nước sạch bên cạnh các hoạt động truyền thống gồm trao quà tặng và một số nhu yếu phẩm cho các em học sinh.

Điểm trường Phiêng Pán nằm trên địa bàn xã vùng III biên giới đặc biệt khó khăn của huyện Hà Quảng. Những năm về trước, cơ sở vật chất của Phiêng Pán vô cùng khó khăn. Dân cư không tập trung, diện tích đất canh tác ít, đường giao thông từ xã đến các xóm còn nhiều khó khăn. Đó là những thiếu thốn lớn đối với bà con Cản Nông, Hà Quảng, Cao Bằng. BVSC đã thực hiện trao tặng đồ dùng, nhu yếu phẩm; xây dựng bàn giao công trình Nhà vệ sinh, đường dẫn nước sạch cho điểm trường Phiêng Pán và phối hợp với đoàn y bác sỹ của Bệnh viện Tim Hà Nội tổ chức hoạt động khám sàng lọc cho trẻ em, người dân trên địa bàn.

Tổng số tiền ủng hộ xây dựng cơ sở vật chất và trao quà cho các em học sinh tại điểm trường là gần 420.000.000 VNĐ, đồng thời, BVSC phối hợp cùng Bệnh viện Tim Hà Nội triển khai hoạt động khám sàng lọc cho tổng cộng 1.230 học sinh, cũng như tiếp tục tài trợ chi phí chữa trị cho một số bệnh nhi được chỉ định phẫu thuật can thiệp.

Đây là một nỗ lực không hề nhỏ của toàn thể Công ty và những tấm lòng lớn đến từ những chiếc lá lành là các CBNV, người thân, đối tác, bạn bè đã san sẻ lòng yêu thương tới những chiếc lá chưa lành trên vùng cao.

Tổng số tiền ủng hộ xây dựng cơ sở vật chất và trao quà cho các em học sinh tại điểm trường là gần

420.000.000 VNĐ





CHỦ ĐỀ XÃ HỘI (tiếp theo)

CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG (tiếp theo)

Các chương trình an sinh xã hội (tiếp theo)

Tài trợ bệnh nhi mắc bệnh tim bẩm sinh tại xã Hà Quảng, Cao Bằng

Sau hoạt động khám sàng lọc cho bà con và trẻ em của Bệnh Viện Tim Hà Nội trong hành trình “Mang hơi ấm đến vùng cao 2023” tại xã Hà Quảng, Cao Bằng vừa qua, một số em nhỏ được phát hiện mắc bệnh lý tim mạch, một số được chỉ định phẫu thuật và can thiệp tại Bệnh viện và tiếp tục nhận được sự quan tâm từ Ban Lãnh đạo Công ty bằng việc tài trợ chi phí điều trị cũng như tặng quà.



Chương trình “Sẻ chia tri thức – Xây dựng tương lai”

Chương trình “Sẻ chia tri thức, xây dựng tương lai” mùa thứ 5 tại Trường Tiểu học Tân Hưng B, ấp Lồng Hồ, xã Tân Hưng, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước. Công ty đã hỗ trợ kinh phí xây dựng, nâng cấp lại 2 khu nhà vệ sinh ở điểm chính và điểm lẻ bị xuống cấp, hư hỏng nặng. Chương trình sử dụng nguồn Quỹ Công đoàn cùng với sự đóng góp của tập thể CBNV Công ty cho các hạng mục: Tài trợ kinh phí nâng cấp nhà vệ sinh; Tài trợ học phí năm 2023 – 2024 cho 8 em học sinh thuộc diện cận nghèo và trao tặng 315 suất quà, dụng cụ học tập cho các em học sinh với tổng số tiền tài trợ là **gần 84 triệu đồng**.



Chương trình “Trường em thay áo mới”

Công trình “Trường em thay áo mới” với sự hợp tác giữa BVSC, Quỹ Hy vọng, Đoàn Thanh niên cũng như chính quyền địa phương thể hiện nỗ lực chung cho sứ mệnh phát triển giáo dục một cách bền vững vì một tương lai mang đến tri thức cho mọi em nhỏ. Tại điểm trường Tiểu học Thạnh Quới, xã Thạnh Quới huyện Vĩnh Thạnh, TP. Cần Thơ, trong vòng 02 tháng, cơ sở trường học đã được sơn lại, làm sân chơi, sơn lại nhà vệ sinh, tô điểm hàng rào, vẽ nội dung môi trường xanh... nhằm cải thiện không gian học tập và môi trường phát triển cho các em học sinh. Bên cạnh đó, BVSC cũng tiến hành trao 5 suất học bổng cho các em trong dự án “Em Nuôi Chung tay vì cộng đồng” và 14 học bổng cho các em có hoàn cảnh khó khăn. Ngoài ra, tất cả các em học sinh khác đều được nhận một bộ quà tặng với đầy đủ dụng cụ học tập để chuẩn bị cho năm học mới. Số tiền tài trợ cho hoạt động này là **hơn 75 triệu đồng**, đến từ Quỹ công đoàn cũng như kêu gọi từ cán bộ nhân viên trong Công ty.





CHỦ ĐỀ XÃ HỘI (tiếp theo)

CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG (tiếp theo)

Các chương trình an sinh xã hội (tiếp theo)

Hỗ trợ kinh phí xây dựng Nhà Khăn quàng đỏ cho học sinh nghèo vượt khó tại huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang

Chương trình xây dựng Nhà Khăn quàng đỏ là một hoạt động phi lợi nhuận mang ý nghĩa nhân văn, thể hiện truyền thống tương thân tương ái, lá lành đùm lá rách của dân tộc, là cầu nối của những tấm lòng hảo tâm trao gửi yêu thương đến các em học sinh nghèo có khó khăn về nhà ở. Ngày 13/1, Huyện đoàn, Hội đồng Đội huyện An Biên tổ chức lễ bàn giao Nhà Khăn quàng đỏ cho em Danh Sà Oanh, học sinh Trường Tiểu học thị trấn Thứ Ba 3 và em Danh Chanh Tha, học sinh Trường Trung học cơ sở thị trấn Thứ Ba 1. Hai em là đối viên nghèo vượt khó, có hoàn cảnh khó khăn về nhà ở trên địa bàn thị trấn Thứ Ba (An Biên). Mỗi căn nhà được quỹ hỗ trợ Nhà Khăn quàng đỏ tặng 25 triệu đồng do CTCP Chứng khoán Bảo Việt tài trợ. Với mái nhà mới khang trang hơn, hy vọng hai em học sinh sẽ có điều kiện để học tập tốt, thực hiện những ước mơ của bản thân và trở thành con ngoan, trò giỏi, xây dựng quê hương, cộng đồng.



Trao tặng học bổng cho các con em thuộc gia đình chính sách có hoàn cảnh khó khăn thuộc địa bàn tỉnh Quảng Trị

BVSC thường xuyên triển khai các hoạt động xã hội hướng tới đối tượng thiếu nhi, học sinh là con em các gia đình chính sách có hoàn cảnh khó khăn. Trong năm 2023, BCH Công đoàn đã phối hợp với Báo Đầu thầu tham gia đóng góp vào quỹ trao tặng học bổng cho học sinh ở Quảng Trị với tổng giá trị là 10.000.000 đồng.



Hành trình về nguồn năm 2023 của Chi bộ BVSC: Hành trình theo chân Bác thời niên thiếu tại Huế & triển khai các hoạt động đền ơn đáp nghĩa

Thực hiện Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị v/v tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Trong hai ngày 12 & 13/8/2023, Chi bộ Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (Chi bộ BVSC) đã triển khai chương trình về nguồn tại tỉnh Thừa Thiên – Huế với chủ đề “**Hành trình theo chân Bác thời niên thiếu tại Huế**”. Tại đây, đoàn đã làm lễ dâng hương tưởng nhớ Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng như tham quan các điểm di tích và được nghe thuyết minh về thời niên thiếu của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong thời gian 10 năm Người sống và học tập tại Huế. Cũng trong khuôn khổ chương trình, Chi bộ BVSC đã có chuyến thăm và tặng quà tri ân thương bệnh binh, thân nhân liệt sĩ và người có công với cách mạng

tại Trung tâm Điều dưỡng, chăm sóc người có công tại TP. Huế. Đoàn cũng thăm hỏi và tặng quà 02 mẹ Việt Nam Anh Hùng tại xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên – Huế.

Nhân dịp kỷ niệm 73 năm ngày Thương binh – Liệt sĩ 27/07/2023, Công ty đã tổ chức các hoạt động ý nghĩa nhằm tri ân các thế hệ cha anh đã cống hiến và hy sinh vì độc lập dân tộc. Ban Lãnh đạo Công ty đã trực tiếp đến thăm hỏi và tặng quà các gia đình cán bộ, nhân viên Công ty thuộc diện gia đình có công với Cách mạng.



PHỤ LỤC I: ĐIỂM YẾU TỔ CHẤT LƯỢNG QUẢN TRỊ THEO CAMEL

STT	Tên chỉ tiêu	Giá trị	Điểm số 2022	Điểm số 2023	Trọng số
1	Số năm làm lãnh đạo (thuộc Ban Giám đốc/Tổng Giám đốc) trong lĩnh vực tài chính/chứng khoán của Chủ tịch HĐQT	Trên 5 năm	100	100	4%
2	Số năm làm lãnh đạo (thuộc Ban Giám đốc/Tổng Giám đốc) trong lĩnh vực tài chính/chứng khoán của Giám đốc/Tổng Giám đốc	Trên 5 năm	100	100	6%
3	Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính/chứng khoán của Chủ tịch HĐQT	Trên 7 năm	100	100	4%
4	Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán của Giám đốc/Tổng Giám đốc	Trên 7 năm	100	100	6%
5	Tính ổn định của các vị trí lãnh đạo chủ chốt (Giám đốc (CEO, CFO), Phó Giám đốc, Trưởng các bộ phận nghiệp vụ) trong 3 năm gần đây. Tính bằng tổng số thay đổi nhân sự các vị trí này (rời khỏi công ty)/tổng số các vị trí này	5%-10%	0	60	4%
6	Sự đầy đủ các Quy trình nghiệp vụ theo quy định của pháp luật chứng khoán và quy chế của Sở giao dịch, Trung tâm lưu ký chứng khoán	Đã ban hành đầy đủ, đáp ứng tốt nhu cầu thực tế	100	100	5%
7	Chính sách quản lý rủi ro đối với tất cả các hoạt động	Đã thành lập bộ phận QTRR độc lập, các chính sách được ban hành đầy đủ, đáp ứng tốt yêu cầu thực tế	100	100	5%
8	Đánh giá năng lực hoạt động của bộ phận kiểm tra, kiểm soát nội bộ	Đã được thiết lập, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu để hoạt động hiệu quả	100	100	5%
9	Đánh giá chất lượng kiểm soát các khoản tiền gửi của nhà đầu tư để giao dịch chứng khoán	Công ty có quy trình quản lý tiền gửi của nhà đầu tư và các khoản tiền gửi của nhà đầu tư được kiểm soát và quản lý chặt chẽ	100	100	5%

STT	Tên chỉ tiêu	Giá trị	Điểm số 2022	Điểm số 2023	Trọng số
10	Mức độ minh bạch của thông tin tài chính	Thông tin tài chính được công bố công khai, đầy đủ và kịp thời trên các phương tiện thông tin đại chúng và không có các sửa chữa trọng yếu sau ngày công bố	100	100	6%
11	Số năm hoạt động	Lớn hơn 7 năm	100	100	6%
12	Tỷ trọng doanh số giao dịch cổ phiếu thực hiện qua công ty (trên hai sở)/Tổng doanh số giao dịch của thị trường (tổng cộng doanh số giao dịch của hai sở)	Từ 2% đến dưới 5%	80	80	8%
13	Tính hiện đại của hệ thống công nghệ thông tin	Hệ thống giao dịch trực tuyến, hệ thống thông tin quản lý nội bộ MIS	80	80	5%
14	Quy mô vốn chủ sở hữu của công ty so với mặt bằng chung	Nhóm còn lại	50	50	5%
15	Tính ổn định và khả năng tăng trưởng (hoặc giảm) vốn chủ sở hữu trong 2 năm tới. (Có kế hoạch tăng vốn, có lợi nhuận hoặc có lỗ)	Có kế hoạch và triển vọng tăng vốn rõ ràng, tính khả thi cao	100	100	4%
16	Tính ổn định, bền vững của tăng trưởng, thể hiện qua tỷ lệ tăng trưởng doanh thu trung bình trong 3 kỳ báo cáo (6 tháng) gần nhất	5%-10%	0	60	6%
17	Sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán của Trung tâm lưu ký chứng khoán do thiếu tiền thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	Không sử dụng	100	100	5%
18	Tình hình tuân thủ (vi phạm) các quy định pháp luật trong lĩnh vực chứng khoán và TTCK trong 6 tháng gần nhất	Không có vi phạm	100	100	6%
19	Số lượng nghiệp vụ được cấp phép của công ty	4 nghiệp vụ	100	100	5%
Tổng điểm số			84,9	90,9	



PHỤ LỤC II - ĐIỂM YẾU TỔ TÀI CHÍNH THEO CAMEL

STT	Chỉ tiêu Tài chính theo Camel	Tỷ lệ		Áp điểm		Trọng số
		Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	
1	C1 = VCSH/TTS	56,5%	38,5%	80	20	10%
2	C2 = VCSH/VPĐ	872,4%	925,9%	100	100	10%
3	C3 = TL vốn khả dụng	654,0%	445,0%	100	100	10%
4	A1 = Tỷ lệ giá trị TTS sau khi điều chỉnh RR/TTS (không bao gồm TSCĐ)	91,61%	91,72%	100	100	5%
5	A2 = Tỷ lệ dự phòng/(Đầu tư ngắn hạn + đầu tư dài hạn + khoản phải thu)	2,5%	1,7%	80	80	10%
6	A3 = Tỷ lệ các khoản phải thu/TTS	3,9%	1,1%	100	100	10%
7	E1 = LNST/Tổng doanh thu	15,9%	20,9%	70	100	10%
8	E2 = LNST/VCSH bình quân	6,8%	8,7%	70	70	10%
9	L1 = Tỷ lệ TSNH/Nợ NH	220,2%	155,0%	100	100	15%
10	L2 = Tỷ lệ tiền và tương đương tiền/Nợ ngắn hạn	33,2%	20,0%	100	80	10%
				90	85	

ĐIỂM XẾP LOẠI

Điểm thành phần	Năm 2022	Năm 2023	Trọng số
Điểm cho yếu tố tài chính	90	85	70%
Điểm cho yếu tố quản trị	84,9	90,9	30%
Tổng điểm	88,47	86,77	

ĐIỂM THEO CÁC YẾU TỔ CỦA CAMEL

Điểm các yếu tố	Năm 2022	Năm 2023
C (Mức độ đủ vốn)	93,3	73,3
A (Chất lượng tài sản)	92,0	92,0
M (Quản trị)	84,9	90,9
E (Khả năng sinh lời)	70,0	85,0
L (Chất lượng thanh khoản)	100,0	92,0



Kết hợp cả 02 yếu tố tài chính và quản trị, Công ty được **xếp loại A** do tổng điểm xếp loại của Công ty đạt **86,77 điểm**, đáp ứng tiêu chí tổng điểm từ 80 điểm trở lên và không có điểm yếu tố nào của CAMEL dưới 65 điểm.

Ghi chú: **XẾP LOẠI A**: Tổng điểm xếp loại của Công ty từ 80 điểm trở lên và không có điểm yếu tố nào của CAMEL dưới 65.

Vườn cao đón **NẮNG MAI**
Khởi nguồn sáng **THỊNH VƯỢNG**





THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (“BVSC” hoặc “Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép thành lập số 4640/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 10 năm 1999, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 01/GPHĐKD ngày 26 tháng 11 năm 1999 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Quyết định số 09/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01 tháng 3 năm 2024 điều chỉnh Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 01/GPHĐKD.

BVSC là công ty chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty bao gồm cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tự doanh và bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của Bộ Tài chính.

Công ty có Trụ sở chính tại tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội và Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt – số 233 Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng vốn điều lệ của Công ty là 722.339.370.000 VND, vốn chủ sở hữu là 2.314.776.715.581 VND.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hồng Tuấn	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Ông Nhữ Đình Hòa	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Quang Hưng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Ông Lê Xuân Nam	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Xuân Hòa	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Ông Hoàng Giang Bình	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nhữ Đình Hòa	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2022

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là ông Nhữ Đình Hòa, chức danh Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (“Công ty”) trình bày báo cáo này và phê duyệt báo cáo tài chính của Công ty (bao gồm Trụ sở chính Công ty và chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- » lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- » thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- » nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- » lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

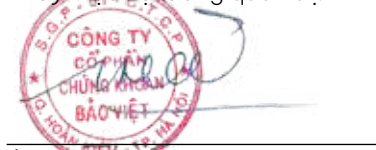
Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ Kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị:



Ông Nguyễn Hồng Tuấn
Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2024



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số tham chiếu: 12816353/E-66971068

**Kính gửi: Các cổ đông
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (“Công ty”), được lập ngày 28 tháng 03 năm 2024 và được trình bày từ trang 204 đến trang 274, bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

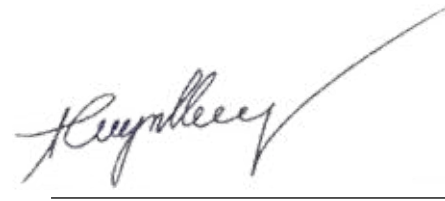
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Đặng Phương Hà
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 2400-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2024



Huỳnh Nhật Hưng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 5040-2024-004-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ngày 31 tháng 12 năm 2023

B01-CTCK

		Đơn vị tính: VND		
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		5.688.297.541.268	3.652.011.176.555
110	I. Tài sản tài chính		5.684.924.131.113	3.647.806.810.797
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	2.052.691.669	149.529.318.217
111.1	1.1 Tiền		2.052.691.669	149.529.318.217
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	7.1	732.923.202.409	400.962.056.427
113	3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	7.3	1.605.722.510.956	628.037.300.819
114	4. Các khoản cho vay	7.4	3.209.226.686.823	2.254.798.696.008
115	5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	7.2	149.585.337.067	136.894.154.506
116	6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	7.6	(79.020.181.829)	(74.031.210.006)
117	7. Các khoản phải thu	8	37.205.282.824	30.999.425.008
117.1	7.1 Phải thu bán các tài sản tài chính		2.571.494.400	-
117.2	7.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		34.633.788.424	30.999.425.008
117.4	7.2.1. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		34.633.788.424	30.999.425.008
118	8. Trả trước cho người bán	8	23.593.387.159	4.232.401.524
119	9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	8	9.337.005.117	119.411.739.932
122	10. Các khoản phải thu khác	8	12.926.987.489	13.045.316.061
129	11. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	8	(18.628.778.571)	(16.072.387.699)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác	9	3.373.410.155	4.204.365.758
131	1. Tạm ứng		292.400.000	485.200.000
132	2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ		34.509.000	959.561.833
133	3. Chi phí trả trước ngắn hạn		2.995.070.869	2.731.925.974
134	4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		22.820.908	-
135	5. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		28.609.378	27.677.951
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		325.366.889.398	205.639.663.521
210	I. Tài sản tài chính dài hạn		275.469.505.832	158.916.403.455
212	1. Các khoản đầu tư		278.410.889.832	161.857.787.455
212.1	1.1 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	7.3	102.040.989.518	-
212.4	1.2 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	7.2	176.369.900.314	161.857.787.455
213	2. Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn	7.6	(2.941.384.000)	(2.941.384.000)
220	II. Tài sản cố định		18.834.225.848	17.097.900.297
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	13.909.361.182	13.146.335.742
222	1.1 Nguyên giá		48.778.169.938	44.434.192.335
223a	1.2 Giá trị hao mòn lũy kế		(34.868.808.756)	(31.287.856.593)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	4.924.864.666	3.951.564.555
228	2.1 Nguyên giá		22.526.241.090	20.505.031.090
229a	2.2 Giá trị hao mòn lũy kế		(17.601.376.424)	(16.553.466.535)
250	III. Tài sản dài hạn khác		31.063.157.718	29.625.359.769
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		2.555.962.800	2.057.714.330
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	12	7.516.914.387	6.701.936.540
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	13	20.990.280.531	20.865.708.899
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		6.013.664.430.666	3.857.650.840.076

		Đơn vị tính: VND		
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		3.698.887.715.085	1.676.711.034.031
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		3.669.810.437.178	1.658.279.740.016
311	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		3.358.260.821.143	980.000.000.000
312	1.1 Vay ngắn hạn	14	3.358.260.821.143	980.000.000.000
318	2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	15	6.198.777.730	5.908.362.982
320	3. Phải trả người bán ngắn hạn	16	2.997.412.058	3.376.948.519
321	4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		19.787.000.000	19.531.500.000
322	5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	18.950.681.396	21.919.359.899
323	6. Phải trả người lao động		121.001.044.068	93.578.140.134
324	7. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		1.619.076.205	1.416.505.119
325	8. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	22.590.478.124	14.592.319.837
327	9. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		49.051.861	359.457.407
329	10. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	19	59.480.267.862	491.727.571.277
330	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn		44.000.000.000	16.700.000.000
331	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		14.875.826.731	9.169.574.842
340	II. Nợ phải trả dài hạn		29.077.277.907	18.431.294.015
356	1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	27.2	29.077.277.907	18.431.294.015
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.314.776.715.581	2.180.939.806.045
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	2.314.776.715.581	2.180.939.806.045
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.332.095.854.220	1.332.095.854.220
411.1	1.1. Vốn góp của chủ sở hữu		722.339.370.000	722.339.370.000
411.1a	1.1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		722.339.370.000	722.339.370.000
411.2	1.2. Thặng dư vốn cổ phần		610.253.166.720	610.253.166.720
411.5	1.3. Cổ phiếu quỹ		(496.682.500)	(496.682.500)
412	2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	28	82.371.389.459	59.236.315.172
414	3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	20	59.379.106.210	59.379.106.210
415	4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	20	59.379.106.210	59.379.106.210
416	5. Quỹ đầu tư phát triển	20	64.107.298.271	-
417	6. Lợi nhuận chưa phân phối		717.443.961.211	670.849.424.233
417.1	6.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		690.054.732.703	681.546.584.393
417.2	6.2. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế chưa thực hiện		27.389.228.508	(10.697.160.160)
440	TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		6.013.664.430.666	3.857.650.840.076

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

ngày 31 tháng 12 năm 2023

B01-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN (CTCK) VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
002	1. Chứng chỉ có giá nhận giữ hộ		-	129.328.625.000
004	2. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		390.400.000	390.400.000
006	3. Cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)		72.200.145	72.200.145
007	4. Cổ phiếu quỹ (cổ phiếu)		33.792	33.792
008	5. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán ("VSD") của CTCK (VND)	21.1	581.055.440.000	143.089.350.000
009	6. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK (VND)	21.2	535.780.000	3.004.290.000
010	7. Tài sản tài chính chờ về của CTCK (VND)	21.3	964.000.000	964.000.000
012	8. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK (VND)	21.4	176.585.180.000	176.585.180.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư (VND)	21.5	25.493.440.265.000	24.449.106.297.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng (VND)		20.597.246.345.000	19.735.655.567.000
021.2	b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng (VND)		250.593.860.000	137.872.000.000
021.3	c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố (VND)		4.245.857.430.000	4.102.437.630.000
021.4	d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ (VND)		96.724.200.000	91.138.630.000
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán (VND)		303.018.430.000	382.002.470.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư (VND)	21.6	263.761.150.000	436.435.060.000
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng (VND)		141.147.710.000	18.026.560.000
022.2	b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng (VND)		122.613.440.000	418.408.500.000
023	3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư (VND)		296.612.165.200	241.299.703.000
024b	4. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư (VND)		1.061.028.300.000	1.091.028.300.000
026	5. Tiền gửi của khách hàng (VND)		1.089.386.805.836	1.021.781.924.960
027	a. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (VND)	21.7	340.173.685.859	455.008.406.883
028	b. Tiền gửi giao dịch chứng khoán cho khách hàng (VND)	21.7	703.169.849.306	555.024.350.334
030	c. Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán (VND)		46.043.270.671	11.749.167.743

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)				
031	6. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (VND)	21.8	1.046.582.237.539	1.010.080.512.903
031.1	a. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (VND)		1.037.162.759.290	1.000.447.654.521
031.2	b. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (VND)		9.419.478.249	9.632.858.382
032	7. Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán (VND)		35.148.112.639	1.947.662.639
033	8. Phải thu của khách hàng về lỗi giao dịch các tài sản tài chính	21.7	2.716.986.461	-
035	9. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu (VND)		10.373.442.119	9.753.749.418



Bà Vũ Thị Thùy Linh

Người lập

Phó phòng Tài chính Kế toán

Bà Nguyễn Hồng Thủy

Người phê duyệt

Kế Toán Trưởng

Ông Nhữ Đình Hòa

Người phê duyệt

Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B02-CTCK

Đơn vị tính: VND				
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		140.549.398.660	107.752.985.461
01.1	1.1. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	22.1	30.423.208.943	33.301.518.303
01.2	1.2. Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	22.2	66.003.993.616	25.398.264.472
01.3	1.3. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	22.3	44.122.196.101	49.053.202.686
02	2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	22.3	68.220.441.026	50.642.025.591
03	3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	22.3	330.266.727.544	325.812.286.324
04	4. Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	22.3	11.057.027.000	4.815.207.000
06	5. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	22.4	307.765.343.020	320.154.341.569
07	6. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	22.4	2.479.950	23.476.070.167
08	7. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	22.4	400.000.000	200.000.000
09	8. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	22.4	7.196.120.899	9.501.824.770
10	9. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	22.4	1.802.550.000	8.774.610.453
11	10. Thu nhập hoạt động khác	22.4	3.233.748.107	4.136.704.167
20	Cộng doanh thu hoạt động		870.493.836.206	855.266.055.502
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
21	1. Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		(81.423.663.295)	(159.431.264.233)
21.1	1.1. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	22.1	(58.368.273.667)	(56.775.770.359)
21.2	1.2. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	22.2	(23.055.389.628)	(102.655.493.874)
24	2. Hoàn nhập/(Chi phí) dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	23	(4.988.971.823)	(9.903.307.217)
26	3. Chi phí hoạt động tự doanh		(3.158.378.993)	(3.552.724.401)
27	4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		(298.255.357.736)	(263.684.519.800)
28	5. Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		-	(17.550.000)
30	6. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		(17.451.328.264)	(17.930.838.586)
31	7. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính		(10.349.920.976)	(14.795.922.712)
32	8. Chi phí các dịch vụ khác		(16.210.168.604)	(13.972.886.366)
40	Cộng chi phí hoạt động		(431.837.789.691)	(483.289.013.315)
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
41	1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		-	8.968
42	2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định		64.989.249.921	66.278.248.752
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		64.989.249.921	66.278.257.720

Đơn vị tính: VND				
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
51	1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		(12.363)	(8.995.173.322)
52	2. Chi phí lãi vay	24	(123.350.587.766)	(134.707.639.269)
60	Cộng chi phí tài chính		(123.350.600.129)	(143.702.812.591)
62	V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	25	(144.884.850.844)	(115.303.233.805)
70	VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		235.409.845.463	179.249.253.511
VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
71	1. Thu nhập khác	26	421.170.395	2.299.928.912
72	2. Chi phí khác	26	(606.452.680)	(545.427.150)
80	Cộng kết quả hoạt động khác		(185.282.285)	1.754.501.762
90	VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		235.224.563.178	181.003.755.273
91	1. Lợi nhuận đã thực hiện		192.275.959.190	258.260.984.675
92	2. Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện		42.948.603.988	(77.257.229.402)
100	IX. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)	27	(39.501.123.275)	(34.115.869.042)
100.1	1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(34.638.907.955)	(44.569.990.437)
100.2	2. (Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại	27.2	(4.862.215.320)	10.454.121.395
200	X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		195.723.439.903	146.887.886.231
Trong đó:				
Lợi nhuận thực hiện sau thuế			157.637.051.235	213.690.994.238
300	XI. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	28	23.135.074.287	(38.860.737.345)
301	Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán		23.135.074.287	(38.860.737.345)
400	Tổng thu nhập toàn diện		23.135.074.287	(38.860.737.345)
500	XII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG			
501	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	30.2	2.052	2.782

Bà Vũ Thị Thùy Linh

Người lập

Phó phòng Tài chính Kế toán

Bà Nguyễn Hồng Thủy

Người phê duyệt

Kế Toán Trưởng

Ông Nhữ Đình Hòa

Người phê duyệt

Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2024

S.G.P - 01 - C.T.C

CÔNG TY

CỔ PHẦN

CHỨNG KHOÁN

BẢO VIỆT

O. HOÀN KIẾM - TP. HÀ NỘI

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B03-CTCK

Đơn vị tính: VND			
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	
		Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền chi mua các tài sản tài chính	(120.260.663.946.436)	(113.345.723.733.130)
02	2. Tiền thu từ bán các tài sản tài chính	118.639.504.412.691	115.104.289.115.149
04	3. Cổ tức đã nhận	37.334.818.832	12.017.721.211
05	4. Tiền lãi đã thu	397.004.135.245	423.915.558.186
06	5. Tiền chi trả lãi vay cho hoạt động của CTCK	(76.729.142.327)	(97.276.334.001)
07	6. Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho CTCK	(65.751.054.613)	(61.675.103.841)
08	7. Tiền chi trả cho người lao động	(219.653.149.037)	(266.380.845.889)
09	8. Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động CTCK	(199.482.723.279)	(233.039.482.433)
11	9. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	13.395.267.514.580	7.578.278.520.262
12	10. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(13.257.499.189.610)	(7.281.774.280.894)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh	(1.610.668.323.954)	1.832.631.134.620
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	(7.770.258.066)	(3.648.437.536)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	250.900.000	-
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư	(7.519.358.066)	(3.648.437.536)

Đơn vị tính: VND			
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	
		Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền vay gốc	16.820.908.753.611	11.550.161.276.864
33.2	1.1. Tiền vay khác	16.820.908.753.611	11.550.161.276.864
34	2. Tiền chi trả nợ gốc vay	(15.279.188.584.869)	(13.239.434.299.083)
34.3	2.1. Tiền chi trả gốc vay khác	(15.279.188.584.869)	(13.239.434.299.083)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(71.009.113.270)	(56.740.816.880)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) từ hoạt động tài chính	1.470.711.055.472	(1.746.013.839.099)
50	IV. (GIẢM)/TĂNG TIỀN THUẦN TRONG NĂM	(147.476.626.548)	82.968.857.985
60	V. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	5	149.529.318.217
61	Tiền	149.529.318.217	66.560.460.232
70	VI. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	5	2.052.691.669
71	Tiền	2.052.691.669	149.529.318.217

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B03-CTCK

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: VND				
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		95.626.482.483.751	109.959.873.384.658
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(91.922.938.059.971)	(94.322.729.367.344)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		18.567.332.622.706	20.608.784.302.550
09	4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(5.196.283.345)	(4.501.189.900)
12	5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		2.670.539.173.989	7.165.571.954.953
13	6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(2.669.509.634.580)	(7.195.230.471.300)
	7. Thu khác từ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng		121.532.704.929.125	116.620.590.635.956
	8. Chi khác từ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng		(143.731.810.350.799)	(153.330.650.527.434)
20	Tăng/(giảm) tiền thuần trong năm		67.604.880.876	(498.291.277.861)
	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng			
30				
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	21.7	1.021.781.924.960	1.520.073.202.821
32	• Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		455.008.406.883	589.359.627.581
34	• Tiền gửi giao dịch chứng khoán cho khách hàng		555.024.350.334	926.900.195.324
35	• Tiền gửi của Tổ chức phát hành		11.749.167.743	3.813.379.916

Chương VI : BÁO CÁO TÀI CHÍNH

213

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG (TIẾP THEO)

Đơn vị tính: VND				
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng			
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	21.7	1.089.386.805.836	1.021.781.924.960
42	• Tiền gửi của đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		340.173.685.859	455.008.406.883
43	• Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		703.169.849.306	555.024.350.334
45	• Tiền gửi của Tổ chức phát hành		46.043.270.671	11.749.167.743

Bà Vũ Thị Thùy Linh
Người lập
Phó phòng Tài chính Kế toán

Bà Nguyễn Hồng Thủy
Người phê duyệt
Kế Toán Trưởng

Ông Nhữ Đình Hòa
Người phê duyệt
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

B04-CTCK

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu năm		Số tăng/(giảm)				Số cuối năm	
		Ngày 01/01/2022	Ngày 01/01/2023	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022		Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023		Ngày 31/12/2022	Ngày 31/12/2023
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	20	1.332.095.854.220	1.332.095.854.220	-	-	-	-	1.332.095.854.220	1.332.095.854.220
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		722.339.370.000	722.339.370.000	-	-	-	-	722.339.370.000	722.339.370.000
1.2 Thặng dư vốn cổ phần		610.253.166.720	610.253.166.720	-	-	-	-	610.253.166.720	610.253.166.720
1.3 Cổ phiếu quỹ		(496.682.500)	(496.682.500)	-	-	-	-	(496.682.500)	(496.682.500)
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		59.379.106.210	59.379.106.210	-	-	-	-	59.379.106.210	59.379.106.210
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		59.379.106.210	59.379.106.210	-	-	-	-	59.379.106.210	59.379.106.210
4. Quỹ đầu tư phát triển		-	-	-	-	64.107.298.271	-	-	64.107.298.271
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý	28	98.097.052.517	59.236.315.172	6.804.264.620	(45.665.001.965)	41.815.096.967	(18.680.022.680)	59.236.315.172	82.371.389.459
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	8.968	(8.968)	12.363	(12.363)	-	-
7. Lợi nhuận chưa phân phối		595.500.543.952	670.849.424.233	213.690.994.238	(138.342.113.957)	195.723.439.903	(149.128.902.925)	670.849.424.233	717.443.961.211
7.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		539.394.596.105	681.546.584.393	213.690.994.238	(71.539.005.950)	157.637.051.235	(149.128.902.925)	681.546.584.393	690.054.732.703
7.2 (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế chưa thực hiện		56.105.947.847	(10.697.160.160)	-	(66.803.108.007)	38.086.388.668	-	(10.697.160.160)	27.389.228.508
TỔNG CỘNG		2.144.451.663.109	2.180.939.806.045	220.495.267.826	(184.007.124.890)	301.645.847.504	(167.808.937.968)	2.180.939.806.045	2.314.776.715.581

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu kỳ		Số tăng/(giảm)				Số cuối kỳ	
		Ngày 01/01/2022	Ngày 01/01/2023	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022		Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023		Ngày 31/12/2022	Ngày 31/12/2023
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
II. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC									
Lãi từ đánh giá lại các TSTC sẵn sàng để bán	28	98.097.052.517	59.236.315.172	6.804.264.620	(45.665.001.965)	41.815.096.967	(18.680.022.680)	59.236.315.172	82.371.389.459
TỔNG CỘNG		98.097.052.517	59.236.315.172	6.804.264.620	(45.665.001.965)	41.815.096.967	(18.680.022.680)	59.236.315.172	82.371.389.459



Bà Vũ Thị Thùy Linh
Người lập
Phó phòng Tài chính Kế toán



Bà Nguyễn Hồng Thủy
Người phê duyệt
Kế Toán Trưởng



Ông Nhữ Đình Hòa
Người phê duyệt
Tổng Giám đốc



Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 03 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập số 4640/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 10 năm 1999, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 01/GPHĐKD ngày 26 tháng 11 năm 1999 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Quyết định số 09/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01 tháng 3 năm 2024 điều chỉnh Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 01/GPHĐKD.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty bao gồm cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tự doanh và bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của Bộ Tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có Trụ sở chính tại tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội và Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt – số 233 Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có các phòng giao dịch sau:

Tên phòng giao dịch	Địa chỉ
1. Phòng Giao dịch Trụ sở (Hà Nội)	Tầng 1 – Tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
2. Phòng giao dịch số 1 (Hà Nội)	94 Bà Triệu, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
3. Phòng giao dịch Thanh Xuân (Hà Nội)	Tầng 10, Tòa nhà văn phòng Hapulico, 01 Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân, Hà Nội
4. Phòng giao dịch Thành Công (Hà Nội)	Tầng 10, Tòa nhà Sky City 88 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội
5. Phòng giao dịch Chi nhánh (TP. Hồ Chí Minh)	11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
6. Phòng giao dịch Cao Thắng (TP. Hồ Chí Minh)	Tầng 2, tòa nhà Đô Thành, số 81 Cao Thắng, Phường 3, Quận 3, TP Hồ Chí Minh
7. Phòng giao dịch 233 Đồng Khởi (TP. Hồ Chí Minh)	Tầng G, Tòa nhà Bảo Việt, 233 Đồng Khởi, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
8. Phòng giao dịch 24A Phan Đăng Lưu (TP. Hồ Chí Minh)	Tầng G, Tòa nhà 24A Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng vốn điều lệ của Công ty là 722.339.370.000 VND, vốn chủ sở hữu là 2.314.776.715.581 VND, tổng tài sản là 6.013.664.430.666 VND.

Mục tiêu đầu tư

Là công ty chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam với hoạt động chính bao gồm môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán; tư vấn tài chính; đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán. Công ty hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành. Một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

- » Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm Trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- » Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- » Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được phép mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu.
- » Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác thực hiện các nghiệp vụ sau:
 - a. Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
 - b. Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
 - c. Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - d. Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
 - e. Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
 - f. Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
 - g. Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ quy định tại điểm c,d,e đã nêu ở trên.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“đồng” hoặc “VND”) phù hợp với Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- » Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- » Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- » Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- » Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- » Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Công ty cũng lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm và báo cáo tài chính quý cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc lần lượt tại ngày 31 tháng 3, 30 tháng 6, 30 tháng 9 và 31 tháng 12 hàng năm.

2.4 Báo cáo tài chính

Công ty thực hiện lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 để nộp cho các cơ quan chức năng theo yêu cầu của Thông tư số 96/2020/TT-BTC – Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của Công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

4.3 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
- » Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - » Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - » Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
- » Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau; hoặc
 - » Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty;
 - » Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL”. Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL”.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

4.4 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- » Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- » Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- » Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi (-) các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các tài sản tài chính HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Các khoản đầu tư được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

4.5 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- » Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- » Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- » Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Cho vay margin

Cho vay margin là việc nhà đầu tư mua cổ phiếu có sử dụng hạn mức tín dụng do Công ty cấp. Nó được đảm bảo bằng khoản ứng trước bằng tiền hoặc thế chấp bằng chính cổ phiếu được mua. Cho vay margin được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay margin tiếp tục được ghi nhận theo giá gốc và định kỳ được đánh giá suy giảm giá trị (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

4.6 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- a) Các khoản cho vay và phải thu;
- b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính AFS được ghi nhận theo giá trị hợp lý, trừ trường hợp không thể xác định được giá trị hợp lý một cách đáng tin cậy. Trường hợp này, tài sản tài chính AFS sẽ tiếp tục được hạch toán theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

4.6 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) (tiếp theo)

Chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính AFS theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được thể hiện trên khoản mục “Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS” thuộc phần Thu nhập toàn diện khác trên báo cáo kết quả hoạt động.

Tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính, Công ty cũng đánh giá liệu có hay không bằng chứng khách quan rằng tài sản tài chính AFS bị suy giảm giá trị. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

- » Trong trường hợp các công cụ vốn được phân loại là sẵn sàng để bán, bằng chứng khách quan bao gồm sự giảm giá trị hợp lý đáng kể hoặc kéo dài của khoản đầu tư dưới giá trị ghi sổ. “Đáng kể” dùng để đánh giá so với giá gốc của khoản đầu tư và “kéo dài” được dùng để chỉ giai đoạn mà giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá gốc và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.
- » Trong trường hợp các công cụ nợ được phân loại sẵn sàng để bán, việc đánh giá suy giảm giá trị được thực hiện dựa trên các tiêu chí giống với các tiêu chí đánh giá các khoản đầu tư HTM. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.

4.7 Xác định giá trị hợp lý

Giá trị thị trường/hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau:

- » Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- » Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp Nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (UpCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch trên hệ thống liên kế gần nhất trước ngày lập dự phòng.
- » Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- » Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất nhưng không quá một tháng tính đến thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

Cho mục đích xác định thu nhập chịu thuế TNDN, cơ sở tính thuế của các tài sản tài chính của Công ty được xác định bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng giảm giá. Theo đó, giá trị thị trường của chứng khoán cho mục đích trích lập dự phòng được xác định theo quy định của Thông tư 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 8 năm 2019 (“Thông tư 48”) và Thông tư 24/2022/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 4 năm 2022 (“Thông tư 24”) sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 48.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

4.8 Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- » Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- » Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản; hoặc
 - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

4.9 Phân loại lại tài sản tài chính

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS hiện đang theo dõi trên khoản mục “Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý” sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS khi bán.

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- » Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- » Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào Khoản mục “Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý” thuộc Vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

4.10 Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản đầu tư đem đi thế chấp

Trong kỳ, Công ty có các khoản đầu tư được đem đi thế chấp/cầm cố để thực hiện các nghĩa vụ tài chính của Công ty.

Theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng thế chấp/cầm cố, trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, Công ty không được sử dụng các tài sản thế chấp/cầm cố để bán, chuyển nhượng, tham gia vào các hợp đồng bán và cam kết mua lại, hợp đồng hoán đổi với bất kỳ bên thứ ba nào khác.

Trong trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ phải trả, bên nhận thế chấp/cầm cố sẽ được sử dụng tài sản thế chấp/cầm cố để thanh toán các nghĩa vụ của Công ty sau khoảng thời gian xác định trong hợp đồng thế chấp/cầm cố kể từ ngày nghĩa vụ thanh toán của Công ty bắt đầu quá hạn.

Các tài sản được đem đi thế chấp/cầm cố được theo dõi trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc phù hợp với loại tài sản mà tài sản đó được phân loại.

4.11 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí quản lý doanh nghiệp” trong năm.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

4.12 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao/hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động giữa khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giá tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

4.13 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	03 – 08 năm
Phương tiện vận tải	06 – 08 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
Phần mềm máy tính	03 – 05 năm
Tài sản khác	03 – 05 năm

4.14 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

4.15 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ một (01) đến năm (05) năm vào báo cáo kết quả hoạt động:

- » Chi phí cải tạo văn phòng;
- » Chi phí thuê văn phòng; và
- » Chi phí vật dụng văn phòng.

4.16 Các hợp đồng bán và cam kết mua lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tình hình tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được xem như là chi phí lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

4.17 Trái phiếu phát hành

Trái phiếu do Công ty phát hành được ghi nhận ban đầu theo mệnh giá. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản trái phiếu phát hành được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

4.18 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu chuyển đổi, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

4.19 Lợi ích của nhân viên

4.19.1 Trợ cấp nghỉ hưu

- » Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty đóng góp vào trợ cấp hưu trí này bằng việc đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% (17% trong giai đoạn 12 tháng từ ngày 01 tháng 7 năm 2021 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2022 theo quy định tại Nghị quyết số 68 ngày 01 tháng 7 năm 2021) lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

4.19.2 Bảo hiểm thất nghiệp, trợ cấp thôi việc và mất việc

- » Theo Điều 57 Luật Việc làm số 38/2013/QH13 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp. Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công hàng tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp.
- » Trợ cấp thôi việc: Theo Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và Nghị định số 145/2020/NĐ-CP của Chính phủ – Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động, Công ty có trách nhiệm chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc cho người lao động tự nguyện thôi việc và đáp ứng đầy đủ các yếu tố theo quy định của pháp luật. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.
- » Trợ cấp mất việc làm: Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp mất việc làm cho các nhân viên mất việc do thay đổi cơ cấu, công nghệ hoặc sáp nhập, hợp nhất, chia tách doanh nghiệp. Trong trường hợp này, Công ty sẽ có nghĩa vụ trả trợ cấp mất việc với tổng số tiền tương đương một tháng lương cho mỗi năm làm việc nhưng không được thấp hơn hai tháng tiền lương.

4.20 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc giai đoạn tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- » Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- » Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

4.21 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

4.22 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định (“TSCĐ”), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 – Doanh thu và thu nhập khác.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

4.23 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

4.24 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền vào cuối ngày giao dịch trước để tính giá vốn chứng khoán tự doanh và phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn trái phiếu.

4.25 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc có thể thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc giai đoạn tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc giai đoạn tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

4.25 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

4.26 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

- » Lợi nhuận chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào lãi/lỗ của Báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.
- » Lợi nhuận đã thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Các quỹ

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 114/2021/TT-BTC để bãi bỏ Thông tư số 146/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Theo đó:

- » Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định hiện hành;
- » Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty theo quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

4.27 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.28 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Công ty chưa tính và trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu do không có sự kiện tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu.

4.29 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4.30 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 9 năm 2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 và do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền	2.052.691.669	149.529.318.217
Tiền mặt tại quỹ	62.415.438	116.351.818
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	1.990.276.231	149.412.966.399
TỔNG CỘNG	2.052.691.669	149.529.318.217

6. GIÁ TRỊ VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (đơn vị)	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (VND)
1. Cửa Công ty		
Cổ phiếu	125.481.047	3.104.261.007.476
Trái phiếu	51.737.228	6.276.782.392.387
Chứng khoán khác	7.622.040	114.363.346.931
TỔNG CỘNG	184.840.315	9.495.406.746.794
2. Cửa nhà đầu tư		
Cổ phiếu	10.663.045.692	211.643.372.406.037
Trái phiếu	95.396.519	11.714.703.541.005
Chứng khoán khác	104.986.193	273.350.832.920
TỔNG CỘNG	10.863.428.404	223.631.426.779.962

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

7.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	195.203.695.970	225.213.953.530	163.779.150.920	160.838.365.450
Cổ phiếu chưa niêm yết	1.534.743.168	1.182.451.715	1.527.198.988	1.100.572.496
Chứng chỉ quỹ	57.725.055.759	63.940.748.700	55.802.210.678	52.094.677.700
Trái phiếu niêm yết	50.983.100.000	50.983.100.000	-	-
Trái phiếu chưa niêm yết	391.602.948.464	391.602.948.464	186.928.440.781	186.928.440.781
TỔNG CỘNG	697.049.543.361	732.923.202.409	408.037.001.367	400.962.056.427

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

7.2 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý/Giá trị thuần VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý/Giá trị thuần VND
NGẮN HẠN						
Ghi nhận theo giá trị hợp lý	16.576.432.682	65.607.010.000	65.607.010.000	16.576.432.682	51.200.280.000	51.200.280.000
Chúng chỉ quỹ	16.576.432.682	65.607.010.000	65.607.010.000	16.576.432.682	51.200.280.000	51.200.280.000
Ghi nhận theo giá gốc	83.978.327.067	83.978.327.067	30.923.483.472	85.693.874.506	85.693.874.506	35.563.939.239
Đầu tư tự doanh khác	13.623.117.619	13.623.117.619	-	15.338.915.258	15.338.915.258	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	70.355.209.448	70.355.209.448	30.923.483.472	70.354.959.248	70.354.959.248	35.563.939.239
TỔNG CỘNG	100.554.759.749	149.585.337.067	96.530.493.472	102.270.307.188	136.894.154.506	86.764.219.239

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý/Giá trị thuần (*) VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý/Giá trị thuần (*) VND
DÀI HẠN						
Ghi nhận theo giá trị hợp lý	108.285.757.806	162.219.417.314	162.219.417.314	108.285.757.806	147.707.304.455	147.707.304.455
Cổ phiếu niêm yết	15.285.757.806	21.883.151.450	21.883.151.450	15.285.757.806	19.918.579.250	19.918.579.250
Chúng chỉ quỹ chưa niêm yết	93.000.000.000	140.336.265.864	140.336.265.864	93.000.000.000	127.788.725.205	127.788.725.205
Ghi nhận theo giá gốc	14.150.483.000	14.150.483.000	11.209.099.000	14.150.483.000	14.150.483.000	11.209.099.000
Cổ phiếu chưa niêm yết	14.150.483.000	14.150.483.000	11.209.099.000	14.150.483.000	14.150.483.000	11.209.099.000
TỔNG CỘNG	122.436.240.806	176.369.900.314	173.428.516.314	122.436.240.806	161.857.787.455	158.916.403.455

(*) Đối với các tài sản tài chính AFS ghi nhận theo giá gốc, giá trị thuần là giá trị ghi sổ trừ dự phòng suy giảm giá trị.

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

7.3 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn		
Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn (*)	1.605.722.510.956	628.037.300.819
Dài hạn		
Trái phiếu tổ chức tín dụng	102.040.989.518	-
TỔNG CỘNG	1.707.763.500.474	628.037.300.819

(*) Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn bằng đồng Việt Nam tại các tổ chức tín dụng có kỳ hạn còn lại từ ba (03) tháng đến một (01) năm và được hưởng lãi suất từ 3,70%/năm đến 8,50%/năm và được dùng toàn bộ để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty.

7.4 Các khoản cho vay

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cho vay margin (*)	2.708.111.871.986	1.870.447.859.022
Cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán	501.114.814.837	384.350.836.986
TỔNG CỘNG	3.209.226.686.823	2.254.798.696.008

(*) Chứng khoán của nhà đầu tư tham gia vào giao dịch vay ký quỹ được Công ty giữ như tài sản đảm bảo cho khoản vay này của nhà đầu tư với Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, giá trị thị trường của chứng khoán làm tài sản đảm bảo cho các khoản cho vay giao dịch ký quỹ lần lượt là 5.411.890.156.213 VND và 3.832.347.082.830 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

7.5 Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính

Các loại tài sản tài chính	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Chênh lệch đánh giá				Chênh lệch đánh giá			
	Giá mua (VND)	Chênh lệch tăng (VND)	Chênh lệch giảm (VND)	Giá trị đánh giá lại (VND)	Giá mua (VND)	Chênh lệch tăng (VND)	Chênh lệch giảm (VND)	Giá trị đánh giá lại (VND)
Tài sản tài chính FVTPL								
Ngắn hạn								
Cổ phiếu niêm yết	195.203.695.970	35.718.708.817	(5.708.451.257)	225.213.953.530	163.779.150.920	16.246.550.755	(19.187.336.225)	160.838.365.450
Cổ phiếu chưa niêm yết	1.534.743.168	12.104.000	(364.395.453)	1.182.451.715	1.527.198.988	11.267.442	(437.893.934)	1.100.572.496
Chứng chỉ quỹ	57.725.055.759	6.691.339.891	(475.646.950)	63.940.748.700	55.802.210.678	1.853.257.913	(5.560.790.891)	52.094.677.700
Trái phiếu	442.586.048.464	-	-	442.586.048.464	186.928.440.781	-	-	186.928.440.781
TỔNG CỘNG	697.049.543.361	42.422.152.708	(6.548.493.660)	732.923.202.409	408.037.001.367	18.111.076.110	(25.186.021.050)	400.962.056.427

7.5 Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính (tiếp theo)

Các loại tài sản tài chính	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Giá mua (VND)	Chênh lệch đánh giá		Giá trị đánh giá lại (VND)	Giá mua (VND)	Chênh lệch đánh giá		Giá trị đánh giá lại (VND)
		Chênh lệch tăng (VND)	Chênh lệch giảm (VND)			Chênh lệch tăng (VND)	Chênh lệch giảm (VND)	
Tài sản tài chính AFS								
Ngắn hạn	100.554.759.749	49.030.577.318	-	149.585.337.067	102.270.307.188	34.623.847.318	-	136.894.154.506
Ghi nhận theo giá trị hợp lý								
Chứng chỉ quỹ	16.576.432.682	49.030.577.318	-	65.607.010.000	16.576.432.682	34.623.847.318	-	51.200.280.000
Ghi nhận theo giá gốc								
Đầu tư tự doanh khác	13.623.117.619	-	-	13.623.117.619	15.338.915.258	-	-	15.338.915.258
Cổ phiếu chưa niêm yết	70.355.209.448	-	-	70.355.209.448	70.354.959.248	-	-	70.354.959.248
Dài hạn	122.436.240.806	53.933.659.508	-	176.369.900.314	122.436.240.806	39.421.546.649	-	161.857.787.455
Ghi nhận theo giá trị hợp lý								
Cổ phiếu niêm yết	15.285.757.806	6.597.393.644	-	21.883.151.450	15.285.757.806	4.632.821.444	-	19.918.579.250
Chứng chỉ quỹ	93.000.000.000	47.336.265.864	-	140.336.265.864	93.000.000.000	34.788.725.205	-	127.788.725.205
Ghi nhận theo giá gốc								
Cổ phiếu chưa niêm yết	14.150.483.000	-	-	14.150.483.000	14.150.483.000	-	-	14.150.483.000
TỔNG CỘNG	222.991.000.555	102.964.236.826	-	325.955.237.381	224.706.547.994	74.045.393.967	-	298.751.941.961

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

7.6 Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn	79.020.181.829	74.031.210.006
Các khoản cho vay	25.965.338.234	23.901.274.739
- Cho vay margin	25.965.338.234	23.901.274.739
Các tài sản tài chính AFS	53.054.843.595	50.129.935.267
- Cổ phiếu chưa niêm yết	39.431.725.976	34.791.020.009
- Đầu tư tự doanh khác	13.623.117.619	15.338.915.258
Dài hạn	2.941.384.000	2.941.384.000
Các tài sản tài chính AFS	2.941.384.000	2.941.384.000
- Cổ phiếu chưa niêm yết	2.941.384.000	2.941.384.000
TỔNG CỘNG	81.961.565.829	76.972.594.006

7.7 Tình hình lập dự phòng giảm giá các tài sản tài chính

		Cơ sở lập dự phòng năm nay					
STT	Loại TSTC	Số lượng	Giá sổ sách kế toán (VND)	Giá thị trường tại thời điểm lập BCTC (VND)	Giá trị lập dự phòng năm nay (VND)	Giá trị lập dự phòng năm trước (VND)	Mức (trích lập)/hoàn nhập năm nay (VND)
I	HTM	-	1.707.763.500.474	1.707.763.500.474	-	-	-
1	Hợp đồng tiền gửi	-	1.605.722.510.956	1.605.722.510.956	-	-	-
2	Trái phiếu tổ chức tín dụng	-	102.040.989.518	102.040.989.518	-	-	-
II	Tài sản tài chính cho vay	3.209.226.686.823	3.183.261.348.589		(25.965.338.234)	(23.901.274.739)	(2.064.063.495)
1	Phải thu khách hàng về giao dịch margin	-	2.708.111.871.986	2.682.146.533.752	(25.965.338.234)	(23.901.274.739)	(2.064.063.495)
2	Các khoản cho vay ứng trước	-	501.114.814.837	501.114.814.837	-	-	-
III	AFS	9.093.936	98.128.810.067	42.132.582.472	(55.996.227.595)	(53.071.319.267)	(2.924.908.328)
1	Ngắn hạn	7.055.918	83.978.327.067	30.923.483.472	(53.054.843.595)	(50.129.935.267)	(2.924.908.328)
	Đầu tư tự doanh khác	-	13.623.117.619	-	(13.623.117.619)	(15.338.915.258)	1.715.797.639
	Cổ phiếu	7.055.918	70.355.209.448	30.923.483.472	(39.431.725.976)	(34.791.020.009)	(4.640.705.967)
	Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau	975.000	24.000.000.000	15.398.175.000	(8.601.825.000)	(4.675.500.000)	(3.926.325.000)
	Công ty Cổ phần Tổng Công ty MBland	4.800.000	28.800.000.000	8.016.000.000	(20.784.000.000)	(20.784.000.000)	-
	Khác	1.280.918	17.555.209.448	7.509.308.472	(10.045.900.976)	(9.331.520.009)	(714.380.967)
2	Dài hạn	2.038.018	14.150.483.000	11.209.099.000	(2.941.384.000)	(2.941.384.000)	-
	Cổ phiếu	2.038.018	14.150.483.000	11.209.099.000	(2.941.384.000)	(2.941.384.000)	-
	Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Toàn Cầu (GPINVEST)	2.038.018	14.150.483.000	11.209.099.000	(2.941.384.000)	(2.941.384.000)	-
	TỔNG CỘNG		5.015.118.997.364	4.933.157.431.535	(81.961.565.829)	(76.972.594.006)	(4.988.971.823)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản phải thu bán các khoản đầu tư	2.571.494.400	-
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	34.633.788.424	30.999.425.008
<i>Cổ tức, lãi trái phiếu doanh nghiệp</i>	8.754.627.065	4.225.526.000
<i>Dự thu lãi tiền gửi</i>	171.065.745	10.923.563.783
<i>Dự thu lãi margin</i>	25.708.095.614	15.850.335.225
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	9.337.005.117	119.411.739.932
Phải thu khác	12.926.987.489	13.045.316.061
	59.469.275.430	163.456.481.001
Trả trước cho người bán	23.593.387.159	4.232.401.524
<i>Người bán H_TC161</i>	2.800.000.000	2.800.000.000
<i>Người bán H_TC611</i>	11.273.790.249	-
<i>Khác</i>	9.519.596.910	1.432.401.524
	23.593.387.159	4.232.401.524
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu và trả trước cho người bán (*)	(18.628.778.571)	(16.072.387.699)
TỔNG CỘNG	64.433.884.018	151.616.494.826

(*) Chi tiết dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu và trả trước cho người bán

Loại phải thu khó đòi	Giá trị phải thu khó đòi tại 31/12/2023	Số dự phòng đầu năm	Số trích lập trong năm	Số hoàn nhập trong năm	Số dự phòng cuối năm
Dự phòng nợ phải thu khác khó đòi	21.069.674.318	16.072.387.699	2.556.390.872	-	18.628.778.571
<i>Các khoản phải thu</i>	<i>18.269.674.318</i>	<i>13.272.387.699</i>	<i>2.556.390.872</i>	<i>-</i>	<i>15.828.778.571</i>
Khách hàng H_CN1013	1.685.000.000	1.685.000.000	-	-	1.685.000.000
Khách hàng H_CN1022	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-	4.000.000.000
Khách hàng H_CN1012	1.780.000.000	1.780.000.000	-	-	1.780.000.000
Khác	10.804.674.318	5.807.387.699	2.556.390.872	-	8.363.778.571
<i>Trả trước cho người bán</i>	<i>2.800.000.000</i>	<i>2.800.000.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>2.800.000.000</i>
Người bán H_TC161	2.800.000.000	2.800.000.000	-	-	2.800.000.000
TỔNG CỘNG	21.069.674.318	16.072.387.699	2.556.390.872	-	18.628.778.571

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tạm ứng	292.400.000	485.200.000
Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	34.509.000	959.561.833
Chi phí trả trước ngắn hạn	2.995.070.869	2.731.925.974
<i>- Chi phí bảo hiểm sức khỏe cho nhân viên</i>	<i>810.354.169</i>	<i>812.500.000</i>
<i>- Chi phí bảo trì bảo dưỡng phần mềm</i>	<i>951.283.804</i>	<i>657.487.431</i>
<i>- Khác</i>	<i>1.233.432.896</i>	<i>1.261.938.543</i>
Khác	51.430.286	27.677.951
TỔNG CỘNG	3.373.410.155	4.204.365.758

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Ngày 01 tháng 01 năm 2023	35.701.957.708	8.426.649.907	248.814.160	56.770.560	44.434.192.335
Mua trong năm	4.610.983.066	1.100.060.000	38.005.000	-	5.749.048.066
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.405.070.463)	-	-	(1.405.070.463)
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	40.312.940.774	8.121.639.444	286.819.160	56.770.560	48.778.169.938
Giá trị khấu hao lũy kế					
Ngày 01 tháng 01 năm 2023	27.043.846.823	4.021.580.842	165.658.368	56.770.560	31.287.856.593
Khấu hao trong năm	4.045.076.861	924.186.937	16.758.828	-	4.986.022.626
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.405.070.463)	-	-	(1.405.070.463)
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	31.088.923.684	3.540.697.316	182.417.196	56.770.560	34.868.808.756
Giá trị còn lại					
Ngày 01 tháng 01 năm 2023	8.658.110.885	4.405.069.065	83.155.792	-	13.146.335.742
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	9.224.017.090	4.580.942.128	104.401.964	-	13.909.361.182

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 24.439.833.552 VND (Ngày 31 tháng 12 năm 2022: 22.412.682.915 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm VND	Tài sản vô hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Ngày 01 tháng 01 năm 2023	17.537.242.834	2.967.788.256	20.505.031.090
Tăng trong năm	2.021.210.000	-	2.021.210.000
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	19.558.452.834	2.967.788.256	22.526.241.090
Giá trị hao mòn lũy kế			
Ngày 01 tháng 01 năm 2023	13.585.678.279	2.967.788.256	16.553.466.535
Hao mòn trong năm	1.047.909.889	-	1.047.909.889
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	14.633.588.168	2.967.788.256	17.601.376.424
Giá trị còn lại			
Ngày 01 tháng 01 năm 2023	3.951.564.555	-	3.951.564.555
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	4.924.864.666	-	4.924.864.666

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 13.449.551.090 VND (Ngày 31 tháng 12 năm 2022: 13.449.551.090 VND).

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí vật dụng văn phòng	3.876.038.816	2.880.903.416
Chi phí sửa chữa và cải tạo văn phòng	860.954.116	1.512.863.410
Chi phí công nghệ thông tin và bản quyền phần mềm	2.635.104.295	2.102.082.617
Khác	144.817.160	206.087.097
TỔNG CỘNG	7.516.914.387	6.701.936.540

13. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Biến động tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

	VND
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2022	21.178.821.110
Tiền lãi đã nhận trong năm	(1.178.821.110)
Tiền lãi đã phân bổ trong năm	865.708.899
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	20.865.708.899
Tiền lãi đã nhận trong năm	(865.708.899)
Tiền lãi đã phân bổ trong năm	990.280.531
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	20.990.280.531

14. VAY NGẮN HẠN

	Lãi suất vay %/năm	Số đầu năm VND	Số vay trong năm VND	Số đã trả trong năm VND	Số cuối năm VND
Vay ngân hàng (*)	Dưới 7,5	980.000.000.000	16.821.883.469.389	15.263.983.469.389	2.537.900.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam		450.000.000.000	3.870.900.000.000	3.233.000.000.000	1.087.900.000.000
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải		-	700.000.000.000	400.000.000.000	300.000.000.000
- Các ngân hàng khác		530.000.000.000	12.250.983.469.389	11.630.983.469.389	1.150.000.000.000
Vay các đối tượng khác	Dưới 9	-	5.812.751.858.955	4.992.391.037.812	820.360.821.143
TỔNG CỘNG		980.000.000.000	22.634.635.328.344	20.256.374.507.201	3.358.260.821.143

(*) Các khoản vay ngân hàng với mục đích bổ sung vốn lưu động, kinh doanh chứng chỉ tiền gửi, Trái phiếu Chính phủ và có tài sản đảm bảo tín chấp, hợp đồng tiền gửi và trái phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

15. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán	5.535.176.103	5.217.090.134
Phải trả Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	663.601.627	691.272.848
TỔNG CỘNG	6.198.777.730	5.908.362.982

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả các bên liên quan	2.287.112.674	778.056.615
Phải trả chi phí mua quà tết	319.772.740	-
Phải trả mua sắm tài sản	-	2.151.000.000
Đối tượng khác	390.526.644	447.891.904
TỔNG CỘNG	2.997.412.058	3.376.948.519

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

STT	Chỉ tiêu	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
1	Thuế thu nhập cá nhân	12.581.189.776	153.197.048.149	(154.399.512.681)	11.378.725.244
	- Của nhân viên Công ty	2.171.353.362	45.388.489.506	(45.040.239.002)	2.519.603.866
	- Của nhà đầu tư cá nhân	10.409.836.414	107.808.558.643	(109.359.273.679)	8.859.121.378
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh 27.1)	8.918.909.443	34.638.907.955	(37.766.559.201)	5.791.258.197
3	Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	199.349.528	1.140.168.401	(1.052.045.920)	287.472.009
4	Các loại thuế khác	219.911.152	8.111.835.413	(6.838.520.619)	1.493.225.946
	TỔNG CỘNG	21.919.359.899	197.087.959.918	(200.056.638.421)	18.950.681.396

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả chi phí hoạt động môi giới	1.336.734.007	1.569.513.453
Phải trả phí dịch vụ mua ngoài	458.166.447	893.467.602
Phải trả tiền lãi vay ngân hàng	4.312.605.481	2.003.013.698
Phải trả tiền lãi cho tổ chức và cá nhân khác	16.482.972.189	10.126.325.084
TỔNG CỘNG	22.590.478.124	14.592.319.837

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả hợp đồng quản lý tiền gửi	38.816.886.306	488.238.780.855
Phải trả khác	20.663.381.556	3.488.790.422
TỔNG CỘNG	59.480.267.862	491.727.571.277

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2023	722.339.370.000	610.253.166.720	(496.682.500)	59.379.106.210	59.379.106.210	-	59.236.315.172	670.849.424.233	2.180.939.806.045
Cổ tức trả cho chủ sở hữu (*)	-	-	-	-	-	-	-	(72.200.145.000)	(72.200.145.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (*)	-	-	-	-	-	-	-	(12.821.459.654)	(12.821.459.654)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	64.107.298.271	-	(64.107.298.271)	-
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-	-	-	-	-	195.723.439.903	195.723.439.903
Chênh lệch đánh giá lại AFS	-	-	-	-	-	-	23.135.074.287	-	23.135.074.287
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	722.339.370.000	610.253.166.720	(496.682.500)	59.379.106.210	59.379.106.210	64.107.298.271	82.371.389.459	717.443.961.211	2.314.776.715.581

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 21 tháng 4 năm 2023 về phương án sử dụng lợi nhuận năm 2022, Công ty trích quỹ đầu tư phát triển số tiền 64.107.298.271 VND và trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng ban quản trị số tiền 12.821.459.654 VND, ngoài ra Công ty đã chi trả cổ tức cho năm tài chính 2023 là 10% (1.000 VND/cổ phiếu) tính trên vốn điều lệ 722.001.450.000 VND, tương đương với số tiền 72.200.145.000 VND, việc chi trả cổ tức đã được thực hiện trong tháng 10 năm 2023.

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2022	722.339.370.000	610.253.166.720	(496.682.500)	59.379.106.210	59.379.106.210	98.097.052.517	595.500.543.952	2.144.451.663.109
Cổ tức trả cho chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	(57.760.116.000)	(57.760.116.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng ban quản trị theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021	-	-	-	-	-	-	(12.538.889.950)	(12.538.889.950)
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-	-	-	-	146.887.886.231	146.887.886.231
Chênh lệch đánh giá lại AFS	-	-	-	-	-	(38.860.737.345)	-	(38.860.737.345)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(1.240.000.000)	(1.240.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	722.339.370.000	610.253.166.720	(496.682.500)	59.379.106.210	59.379.106.210	59.236.315.172	670.849.424.233	2.180.939.806.045

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Chi tiết tỷ lệ sở hữu của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

	Số lượng cổ phần (*) Đơn vị	Giá trị (*) VND	Tỷ lệ sở hữu %
Tập đoàn Bảo Việt	43.281.193	432.811.930.000	59,9%
Các cổ đông khác	28.918.952	289.189.520.000	40,1%
TỔNG CỘNG	72.200.145	722.001.450.000	100,0%

(*) Không bao gồm cổ phiếu quỹ.

Chi tiết số lượng cổ phần của Công ty như sau:

	Số cuối năm Đơn vị	Số đầu năm Đơn vị
Số lượng cổ phần được phép phát hành	72.233.937	72.233.937
Cổ phiếu thường	72.233.937	72.233.937
Số lượng cổ phần đã phát hành và thanh toán đầy đủ	72.233.937	72.233.937
Cổ phiếu thường	72.233.937	72.233.937
Số lượng cổ phần mua lại (cổ phiếu quỹ)	33.792	33.792
Cổ phiếu thường	33.792	33.792
Số lượng cổ phần đang lưu hành	72.200.145	72.200.145
Cổ phiếu thường	72.200.145	72.200.145

21. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

21.1 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	580.327.440.000	142.937.350.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	152.000.000	152.000.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	576.000.000	-
TỔNG CỘNG	581.055.440.000	143.089.350.000

21.2 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch tự do chuyển nhượng	535.780.000	3.004.290.000
TỔNG CỘNG	535.780.000	3.004.290.000

21.3 Tài sản tài chính chờ về của CTCK

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ phiếu	964.000.000	964.000.000
TỔNG CỘNG	964.000.000	964.000.000

21.4 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ phiếu	84.585.180.000	74.585.180.000
Chứng chỉ quỹ	92.000.000.000	102.000.000.000
TỔNG CỘNG	176.585.180.000	176.585.180.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

21. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

21.5 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	20.597.246.345.000	19.735.655.567.000
Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	250.593.860.000	137.872.000.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	4.245.857.430.000	4.102.437.630.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	96.724.200.000	91.138.630.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	303.018.430.000	382.002.470.000
TỔNG CỘNG	25.493.440.265.000	24.449.106.297.000

21.6 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	141.147.710.000	18.026.560.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	122.613.440.000	418.408.500.000
TỔNG CỘNG	263.761.150.000	436.435.060.000

21.7 Tiền gửi và phải thu của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	340.173.685.859	455.008.406.883
- Của Nhà đầu tư trong nước	330.834.741.798	445.868.150.704
- Của Nhà đầu tư nước ngoài	9.338.944.061	9.140.256.179
Tiền gửi giao dịch chứng khoán của khách hàng	703.169.849.306	555.024.350.334
Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	46.043.270.671	11.749.167.743
Phải thu của khách hàng về lãi giao dịch các tài sản tài chính	2.716.986.461	-
TỔNG CỘNG	1.092.103.792.297	1.021.781.924.960

21. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

21.8 Phải trả Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		
- Của Nhà đầu tư trong nước	1.037.162.759.290	1.000.447.654.521
- Của Nhà đầu tư nước ngoài	9.419.478.249	9.632.858.382
TỔNG CỘNG	1.046.582.237.539	1.010.080.512.903

21.9 Phải trả của Nhà đầu tư về dịch vụ cho Công ty

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả phí giao dịch chứng khoán	1.598.026.360	981.717.336
Phải trả phí lưu ký chứng khoán	1.060.480.609	690.823.323
TỔNG CỘNG	2.658.506.969	1.672.540.659

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG

22.1 Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán năm nay VND	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán năm trước VND
I	LÃI BÁN				
1	Cổ phiếu niêm yết	741.261.426.749	725.139.971.056	16.121.455.693	25.049.493.259
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	26.172.075.200	26.111.434.400	60.640.800	921.359.986
3	Chứng chỉ quỹ	754.374.042	480.538.396	273.835.646	216.295.914
4	Trái phiếu niêm yết	445.613.500.000	444.623.300.000	990.200.000	831.500.000
5	Trái phiếu chưa niêm yết	611.576.686.319	601.313.078.101	10.263.608.218	4.461.308.169
6	Chứng chỉ tiền gửi	10.130.713.468.586	10.128.000.000.000	2.713.468.586	1.821.560.975
	TỔNG CỘNG	11.956.091.530.896	11.925.668.321.953	30.423.208.943	33.301.518.303
II	LỖ BÁN				
1	Cổ phiếu niêm yết	738.392.472.369	782.089.018.299	(43.696.545.930)	(31.768.163.463)
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	4.541.867.500	5.124.271.866	(582.404.366)	-
3	Chứng chỉ quỹ	63.761.650.000	67.233.453.087	(3.471.803.087)	(2.305.070.688)
4	Trái phiếu niêm yết	1.793.040.350.000	1.797.468.650.000	(4.428.300.000)	(8.026.700.000)
5	Trái phiếu chưa niêm yết	110.650.000.000	116.839.220.284	(6.189.220.284)	(14.574.167.329)
6	Chứng chỉ tiền gửi	-	-	-	(101.668.879)
	TỔNG CỘNG	2.710.386.339.869	2.768.754.613.536	(58.368.273.667)	(56.775.770.359)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)

22.2 Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá gốc (VND)	Giá trị hợp lý (VND)	Số dư chênh lệch đánh giá lại cuối năm (VND)	Số dư chênh lệch đánh giá lại đầu năm (VND)	Chênh lệch thuần điều chỉnh sổ kế toán trong năm (VND)	Chênh lệch tăng (VND)	Chênh lệch giảm (VND)
I	LOẠI FVTPL							
1	Cổ phiếu niêm yết	195.203.695.970	225.213.953.530	30.010.257.560	(2.940.785.470)	32.951.043.030	53.755.479.722	(20.804.436.692)
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	1.534.743.168	1.182.451.715	(352.291.453)	(426.626.492)	74.335.039	237.345.437	(163.010.398)
3	Chứng chỉ quỹ	57.725.055.759	63.940.748.700	6.215.692.941	(3.707.532.978)	9.923.225.919	12.011.168.457	(2.087.942.538)
4	Trái phiếu niêm yết	50.983.100.000	50.983.100.000	-	-	-	-	-
5	Trái phiếu chưa niêm yết	391.602.948.464	391.602.948.464	-	-	-	-	-
TỔNG CỘNG		697.049.543.361	732.923.202.409	35.873.659.048	(7.074.944.940)	42.948.603.988	66.003.993.616	(23.055.389.628)
II	LOẠI AFS							
Ngắn hạn		16.576.432.682	65.607.010.000	49.030.577.318	34.623.847.318	14.406.730.000	14.406.730.000	-
1	Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	16.576.432.682	65.607.010.000	49.030.577.318	34.623.847.318	14.406.730.000	14.406.730.000	-
Dài hạn		108.285.757.806	162.219.417.314	53.933.659.508	39.421.546.649	14.512.112.859	27.408.366.967	(12.896.254.108)
1	Cổ phiếu niêm yết	15.285.757.806	21.883.151.450	6.597.393.644	4.632.821.444	1.964.572.200	2.292.000.900	(327.428.700)
2	Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	93.000.000.000	140.336.265.864	47.336.265.864	34.788.725.205	12.547.540.659	25.116.366.067	(12.568.825.408)
TỔNG CỘNG		124.862.190.488	227.826.427.314	102.964.236.826	74.045.393.967	28.918.842.859	41.815.096.967	(12.896.254.108)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)

22.3 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL, HTM, các khoản cho vay và AFS

	Năm nay VND	Năm trước VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	44.122.196.101	49.053.202.686
- Cổ phiếu	30.388.093.582	11.418.779.011
- Lãi từ trái phiếu FVTPL	13.734.102.519	37.634.423.675
Từ tài sản tài chính HTM	68.220.441.026	50.642.025.591
- Trái phiếu	2.040.989.518	-
- Hợp đồng tiền gửi	66.179.451.508	50.642.025.591
Từ các khoản cho vay	330.266.727.544	325.812.286.324
- Cho vay margin	264.399.329.846	265.861.078.811
- Ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng	65.867.397.698	59.951.207.513
Từ tài sản tài chính AFS	11.057.027.000	4.815.207.000
- Cổ phiếu	11.057.027.000	4.815.207.000
TỔNG CỘNG	453.666.391.671	430.322.721.601

22.4 Doanh thu ngoài thu nhập từ các tài sản tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	307.765.343.020	320.154.341.569
Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	2.479.950	23.476.070.167
Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	400.000.000	200.000.000
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	1.802.550.000	8.774.610.453
Doanh thu lưu ký chứng khoán	7.196.120.899	9.501.824.770
Thu nhập hoạt động khác	3.233.748.107	4.136.704.167
- Doanh thu hoạt động nhận ủy thác, đấu giá	-	112.262.000
- Doanh thu quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	793.709.873	3.425.363.144
- Doanh thu khác	2.440.038.234	599.079.023
TỔNG CỘNG	320.400.241.976	366.243.551.126

23. CHI PHÍ DỰ PHÒNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH, XỬ LÝ TỔN THẤT CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI VÀ LỖ SUY GIẢM TÀI SẢN TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay ký quỹ (Thuyết minh 7.7)	2.064.063.495	15.045.946.841
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng tài sản tài chính AFS (Thuyết minh 7.7)	2.924.908.328	(5.142.639.624)
TỔNG CỘNG	4.988.971.823	9.903.307.217

24. CHI PHÍ LÃI VAY

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí repo	-	473.917.127
Chi phí lãi trái phiếu phát hành	-	3.902.506.165
Chi phí lãi vay ngân hàng	79.806.034.159	92.742.069.852
Chi phí lãi vay khác	43.544.553.607	37.589.146.125
TỔNG CỘNG	123.350.587.766	134.707.639.269

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	99.864.439.116	76.782.686.802
- Lương và các khoản phúc lợi	97.510.235.186	74.838.131.317
- BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	2.354.203.930	1.944.555.485
Chi phí bảo hiểm sức khỏe cho nhân viên	2.251.065.273	721.927.118
Chi phí vật tư văn phòng	987.183.523	801.502.150
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.070.615.588	897.787.801
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.939.320.735	6.107.265.893
Chi phí thuế, phí và lệ phí	6.454.924.412	6.390.418.738
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.197.140.619	20.296.486.478
Chi phí khác	10.120.161.578	3.305.158.825
TỔNG CỘNG	144.884.850.844	115.303.233.805

26. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập khác	421.170.395	2.299.928.912
- Thu về nhượng bán, thanh lý TSCĐ	392.718.182	286.333.000
- Thu nhập khác	28.452.213	2.013.595.912
Chi phí khác	(606.452.680)	(545.427.150)
- Chi phí khác	(606.452.680)	(545.427.150)
Kết quả hoạt động khác	(185.282.285)	1.754.501.762

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

27.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm kế toán. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) bằng 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế (năm 2022: 20%)

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	235.224.563.178	181.003.755.273
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận		
Chi phí không được khấu trừ khi xác định lợi nhuận tính thuế	3.211.004.812	593.588.410
Lỗi chưa thực hiện trong năm	-	77.257.229.402
Các khoản dự phòng sử dụng phương pháp đánh giá nội bộ	2.230.966.604	15.045.946.841
Chi phí dự phòng tài sản tài chính được hoàn nhập trong năm	18.637.527.390	-
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận		
Thu nhập từ cổ tức	(41.445.120.582)	(16.233.986.011)
Lợi nhuận chưa thực hiện trong năm	(42.948.603.988)	-
Các khoản hoàn nhập dự phòng sử dụng phương pháp đánh giá nội bộ	(1.715.797.639)	(9.829.959.306)
Chi phí dự phòng tài sản tài chính ghi nhận trong năm	-	(24.986.622.426)
Thu nhập chịu thuế ước tính kỳ hiện hành	173.194.539.775	222.849.952.183
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	34.638.907.955	44.569.990.437
Thuế TNDN hiện hành ghi nhận vào thu nhập toàn diện khác	-	-
Thuế TNDN phải trả đầu năm	8.918.909.443	20.348.743.709
Thuế TNDN đã trả trong năm	(37.766.559.201)	(55.999.824.703)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	5.791.258.197	8.918.909.443

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

27.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm như sau:

	Báo cáo tình hình tài chính		Báo cáo kết quả hoạt động	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Năm nay VND	Năm trước VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả ghi nhận vào lãi/lỗ	8.484.430.541	3.622.215.221	4.862.215.320	(10.454.121.395)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả ghi nhận vào thu nhập toàn diện khác	20.592.847.366	14.809.078.794	5.783.768.572	(9.715.184.336)
TỔNG CỘNG	29.077.277.907	18.431.294.015	10.645.983.892	(20.169.305.731)

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	145.386.389.534	92.156.470.077
Trong đó:		
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	42.422.152.708	18.111.076.110
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS	102.964.236.826	74.045.393.967
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	29.077.277.907	18.431.294.015

28. LŨY KẾ THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC

Chỉ tiêu	Số đầu năm VND	Số phát sinh trong năm VND	Thay đổi từ vốn chủ sở hữu và ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm VND	Số cuối năm VND
Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	74.045.393.967	28.918.842.859	-	102.964.236.826
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(14.809.078.795)	(5.783.768.572)	-	(20.592.847.367)
TỔNG CỘNG	59.236.315.172	23.135.074.287	-	82.371.389.459

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

29. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thu nhập hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu	23.135.074.287	480.397.560
- Lãi từ đánh giá lại tài sản tài chính AFS	23.135.074.287	480.397.560
Chi phí hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu	-	(39.341.134.905)
- Lỗ từ đánh giá lại tài sản tài chính AFS	-	(39.341.134.905)
TỔNG CỘNG	23.135.074.287	(38.860.737.345)

30. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

30.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, Công ty có phát sinh các giao dịch với các bên liên quan. Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với Công ty nếu:

- (a) Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:
- » kiểm soát hoặc bị kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát chung bởi Công ty (bao gồm các công ty mẹ, công ty con);

» có vốn góp (sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên) vào Công ty và do đó có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty;

» có quyền đồng kiểm soát Công ty;
- (b) Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà Công ty là một bên liên doanh, liên kết (sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con);
- (c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Hội đồng Quản trị hoặc Ban Tổng giám đốc của Công ty;
- (d) Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c); hoặc
- (e) Bên liên quan là một đơn vị trực tiếp hoặc gián tiếp chịu sự kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể, hoặc có quyền biểu quyết bởi bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Bảo Việt	Công ty mẹ
Tổng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ (BVNT)	Công ty cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt (BHBV)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Đầu tư Bảo Việt	Công ty cùng Tập đoàn
Quỹ Đầu tư giá trị Bảo Việt	Đơn vị cùng Tập đoàn
Ngân hàng TMCP Bảo Việt	Công ty liên kết của Tập đoàn

30. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

30.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Đơn vị tính: VND			
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Tập đoàn Bảo Việt	Phí giao dịch chứng khoán	39.936.356	122.975.736
	Phí lưu ký	201.582.270	214.648.513
	Phí cung cấp báo cáo	70.000.000	105.000.000
	Phí tư vấn	100.000.000	100.000.000
	Phí công nghệ thông tin	(120.946.779)	(440.124.392)
	Thuê văn phòng	(6.161.904.000)	(6.161.904.000)
	Cổ tức đã trả	(43.281.193.000)	(34.624.954.400)
	Phí chi trả cổ tức, quản lý số cổ đông	88.000.000	88.000.000
Tổng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ	Phí lưu ký	95.237.824	230.215.982
	Phí giao dịch chứng khoán	475.966.901	1.758.024.151
	Thuê văn phòng 11 Nguyễn Công Trứ	(3.414.240.000)	(3.372.884.400)
	Thuê văn phòng 94 Bà Triệu	(452.727.266)	(486.681.813)
	Phí bảo hiểm nhân thọ cho nhân viên	(3.050.893.980)	(2.887.728.580)
Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt	Phí giao dịch chứng khoán	510.465.615	715.320.420
	Phí lưu ký	3.777.531	5.764.293
	Phí bảo hiểm sức khỏe cho nhân viên	(1.959.400.000)	(1.955.000.000)
	Phí Bảo hiểm ung thư	(271.753.675)	(258.092.900)
Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt	Phí giao dịch chứng khoán	304.472.070	1.323.476.288
	Phí lưu ký	300.600	1.523.700
	Phí quản lý chứng khoán	-	247.543.650
	Phí tư vấn	400.000.000	200.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Bảo Việt	Thuê văn phòng 233 Đồng Khởi	(6.377.868.288)	(6.377.868.288)
	Phí quản lý tòa nhà	(1.924.250.696)	(1.785.168.000)
	Chi phí khác	(1.676.990.537)	(1.560.374.000)
Ngân hàng TMCP Bảo Việt	Vay ngắn hạn	(510.000.000.000)	-
	Trái phiếu	50.325.953.400	-
Quỹ Đầu tư giá trị Bảo Việt	Cổ tức	8.000.000.000	4.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

30. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

30.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND					
Bên liên quan	Các giao dịch	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Tập đoàn Bảo Việt	Phí tư vấn chuyển nhượng TNPQ	(50.000.000)	-	-	(50.000.000)
	Dịch vụ Công nghệ thông tin	(110.031.094)	(119.951.487)	199.745.886	(30.236.695)
	Phí cung cấp báo cáo biến động cổ phiếu	105.000.000	70.000.000	(175.000.000)	-
	Đặt cọc thuê văn phòng tại số 8 Lê Thái Tổ	564.841.200	756.065.970	-	1.320.907.170
	Phải trả tiền thuê văn phòng tại số 8 Lê Thái Tổ	-	(6.161.904.000)	5.005.854.000	(1.156.050.000)
Bảo hiểm Bảo Việt Hà Nội	Phí bảo hiểm sức khỏe cho nhân viên	(651.601.500)	(1.959.400.000)	1.961.001.500	(650.000.000)
Công ty TNHH MTV Đầu tư Bảo Việt	Tiền đặt cọc thuê văn phòng tại 233 Đồng Khởi	483.171.840	-	-	483.171.840
	Chi phí quản lý tòa nhà tại số 8 Lê Thái Tổ và 94 Bà Triệu	(34.770.674)	(1.924.250.696)	1.477.958.696	(481.062.674)
	Chi phí khác	(131.649.201)	(1.676.990.537)	1.736.126.738	(72.513.000)
Quỹ Đầu tư giá trị Bảo Việt	Cổ tức	4.000.000.000	8.000.000.000	(4.000.000.000)	8.000.000.000
Ngân hàng TMCP Bảo Việt	Vay ngắn hạn	-	(510.000.000.000)	340.000.000.000	(170.000.000.000)
	Tiền gửi thanh toán	32.909.286.246	6.084.128.357.456	(6.116.423.028.977)	614.614.725
	Trái phiếu	6.000.000.000	50.325.953.400	(6.000.000.000)	50.325.953.400

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

30. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

30.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm Soát; Tiền lương của Hội đồng quản trị chuyên trách, Tổng giám đốc và người quản lý khác:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	1.829.753.426	1.778.128.482
Lương của Ban Tổng giám đốc Công ty	2.022.334.623	2.038.912.750
	3.852.088.049	3.817.041.232

30.2 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ. Cho mục đích lập báo cáo tài chính, các khoản thu nhập toàn diện khác chưa được cộng vào lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu do chưa có hướng dẫn chi tiết. Bên cạnh đó, lợi nhuận sau thuế dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu chỉ bao gồm lợi nhuận đã thực hiện.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận sau thuế - VND	195.723.439.903	146.887.886.231
Loại trừ lợi nhuận hoặc lỗ chưa thực hiện sau thuế - VND	38.086.388.668	(66.803.108.007)
Lợi nhuận đã thực hiện sau thuế - VND	157.637.051.235	213.690.994.238
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi - VND	(9.458.223.074)	(12.821.459.654)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông - VND	148.178.828.161	200.869.534.584
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	72.200.145	72.200.145
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu - VND	2.052	2.782

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng Ban Quản trị được ước tính bằng 6% lợi nhuận sau thuế trong năm theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2023/NQ-DHĐCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2023.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính này.

30. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

30.3 Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đến 1 năm	11.941.449.248	13.069.682.388
Trên 1 - 5 năm	11.613.258.008	16.570.794.464
Tổng cộng	23.554.707.256	29.640.476.852

30.4 Thông tin báo cáo bộ phận

	Môi giới và dịch vụ khách hàng VND	Đầu tư tài sản tài chính VND	Tư vấn và đại lý phát hành chứng khoán VND	Các bộ phận khác VND	Tổng cộng VND
Năm nay					
1. Doanh thu bộ phận	645.228.191.463	219.826.866.686	2.205.029.950	68.222.998.028	935.483.086.127
2. Chi phí bộ phận	441.121.349.624	87.506.950.616	10.349.920.976	16.210.168.604	555.188.389.820
3. Chi phí phân bổ	99.931.032.070	34.046.134.306	341.508.511	10.566.175.957	144.884.850.844
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	104.175.809.769	98.273.781.764	(8.486.399.537)	41.446.653.467	235.409.845.463
Năm trước					
1. Doanh thu bộ phận	655.468.452.663	163.210.218.052	32.450.680.620	70.414.961.887	921.544.313.222
2. Chi phí bộ phận	440.364.117.818	157.841.349.010	14.813.472.712	13.972.886.366	626.991.825.906
3. Chi phí phân bổ	82.011.934.928	20.420.793.294	4.060.215.403	8.810.290.180	115.303.233.805
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	133.092.399.917	(15.051.924.252)	13.576.992.505	47.631.785.341	179.249.253.511

(*) Công ty chưa trình bày các khoản mục tài sản và nợ phân bổ do hiện tại chưa có hướng dẫn cụ thể về cách thức và tiêu chí phân bổ.

31. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Hệ thống quản lý rủi ro (QLRR) tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (“Công ty”) được thực hiện nhằm mục đích giảm thiểu các sự kiện rủi ro có thể xảy ra đồng thời tạo điều kiện để Công ty đạt được các mục tiêu kinh doanh và lợi nhuận một cách ổn định, an toàn và hiệu quả.

Công tác QTRR tại Công ty được tổ chức thực hiện thống nhất từ Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Tổng Giám đốc, các lãnh đạo bộ phận nghiệp vụ tới từng cán bộ nhân viên trong Công ty.

Bộ phận QTRR chịu trách nhiệm theo dõi, và báo cáo rủi ro thường xuyên và liên tục đối với các hoạt động kinh doanh của Công ty. Định kỳ hàng quý, Công ty tiến hành họp HĐ QLRR để rà soát các rủi ro phát sinh trong quý, nhận diện và đánh giá mức độ của các rủi ro trọng yếu tác động tới hoạt động kinh doanh của công ty nói chung cũng như rủi ro tác động tới công cụ tài chính nói riêng.

Các công cụ tài chính tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt chịu sự tác động của 3 loại rủi ro chính là: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

31. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của thị trường. Rủi ro thị trường ảnh hưởng tới Công ty bao gồm hai loại rủi ro: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá các công cụ tài chính. Công ty không có rủi ro về thay đổi tỷ giá ngoại tệ do Công ty không nắm giữ ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán và các khoản cho vay và phải thu.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, các khoản vay ngắn hạn, các khoản repo và hoạt động giao dịch ký quỹ (margin). Với đầu tư trái phiếu, rủi ro lãi suất được đánh giá ở mức thấp do trái phiếu của Công ty là trái phiếu có lãi suất cố định. Các khoản đầu tư tiền gửi có kỳ hạn được đánh giá là chịu mức rủi ro trung bình. Tuy nhiên, Ban Điều hành Công ty cho rằng rủi ro này là chấp nhận được, cân nhắc tới sự cân bằng giữa các mục tiêu thanh khoản, lợi nhuận từ đầu tư tiền gửi và việc sẵn sàng tận dụng các cơ hội đầu tư trên thị trường chứng khoán.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để thu thập các lãi suất có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đối với danh mục tự doanh

Các cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán niêm yết bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các hạn mức đầu tư theo Quy chế đầu tư số 01/2015/QĐ/HĐQT-BVSC ban hành ngày 20 tháng 01 năm 2015. Qua từng năm, Hội đồng Quản trị điều chỉnh, bổ sung các hạn mức này cho phù hợp với thị trường và chiến lược của công ty. Phụ lục mới nhất về Phân cấp quyết định đầu tư và Hạn mức đầu tư được Hội đồng Quản trị ban hành vào ngày 17 tháng 3 năm 2017.

Danh mục các cổ phiếu, chứng chỉ quỹ niêm yết chịu ảnh hưởng trực tiếp của biến động giá trên sàn giao dịch hàng ngày. Khi giá cổ phiếu, chứng chỉ quỹ giảm xuống dưới giá vốn thì sẽ phát sinh rủi ro phải trích lập dự phòng cho danh mục. Danh mục cổ phiếu, chứng chỉ quỹ chưa niêm yết lại có xu hướng xấu đi nếu thị trường niêm yết trong điều kiện xấu. Do vậy, nếu thị trường niêm yết giảm mạnh thì hai danh mục cùng có sự tương quan đồng biến làm gia tăng mức rủi ro. Rủi ro này ảnh hưởng trực tiếp tới kết quả kinh doanh của Công ty thông qua việc trích lập dự phòng.

Các cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu, chứng chỉ quỹ bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu, chứng chỉ quỹ. Tính tới ngày 31 tháng 12 năm 2023, giá trị thị trường của danh mục cổ phiếu, chứng chỉ quỹ (niêm yết và chưa niêm yết) chiếm tỷ trọng 24,2%/vốn chủ sở hữu.

Công cụ đánh giá rủi ro mà Công ty sử dụng là phương pháp phân tích kịch bản (scenario analysis) được sử dụng để đánh giá mức độ ảnh hưởng của biến động giá trị hợp lý danh mục cổ phiếu, chứng chỉ quỹ lên kết quả kinh doanh khi đưa ra các kịch bản thị trường khác nhau. Phân tích dưới đây cho thấy mức độ ảnh hưởng của biến động danh mục cổ phiếu, chứng chỉ quỹ niêm yết lên kết quả kinh doanh khi chỉ số thị trường hai sàn chứng khoán biến động +/-10%:

31. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro về giá cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đối với danh mục tự doanh (tiếp theo)

	Biến động của giá thị trường	Ảnh hưởng lên lợi nhuận trước thuế (VND)
31 tháng 12 năm 2023		
Kịch bản 1	+10%	2.540.203.414
Kịch bản 2	-10%	(10.841.160.387)
31 tháng 12 năm 2022		
Kịch bản 1	+10%	9.463.811.621
Kịch bản 2	-10%	(12.666.045.953)

Đối với cổ phiếu nằm trong danh mục giao dịch ký quỹ: khi mức giá chứng khoán biến động quá lớn có thể khiến cho tổng giá trị tài sản đảm bảo thấp hơn giá trị khoản vay khiến cho Công ty chịu rủi ro thanh toán từ phía khách hàng (Xem phần quản lý rủi ro tín dụng đối với hoạt động giao dịch ký quỹ ở phần sau của Thuyết minh này).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty phải đối mặt với những rủi ro thanh toán khi tham gia ký kết vào những khoản đầu tư tiền gửi có kỳ hạn, mua trái phiếu doanh nghiệp, và những hợp đồng cho khách hàng vay ký quỹ.

Tiền gửi ngân hàng

Để quản trị rủi ro tín dụng, hạn mức đầu tư vào tiền gửi ngân hàng được thực hiện tuân thủ theo Quy định của Tập đoàn Bảo Việt và hạn mức rủi ro mà HĐQT đã phê duyệt vào đầu các năm tài chính. Thực tế cho thấy Công ty không gặp phải tình trạng chậm thanh toán hay buộc phải gia hạn thêm với các khoản đầu tư tiền gửi. Rủi ro tín dụng với công cụ đầu tư này được đánh giá là thấp.

Đầu tư trái phiếu

Công ty đầu tư vào cả Trái phiếu Chính phủ và trái phiếu Doanh nghiệp trên nguyên tắc tuân thủ các hạn mức đầu tư đề ra của Hội đồng quản trị Công ty. Mỗi quyết định đầu tư đều được đưa ra sau khi thực hiện Quy trình đầu tư của Công ty, theo đó mức độ tín nhiệm và rủi ro về khả năng thanh toán của Tổ chức phát hành sẽ được đánh giá một cách cụ thể. Rủi ro chính của hoạt động đầu tư trái phiếu Doanh nghiệp là khả năng thanh toán của Tổ chức phát hành tại thời điểm thanh toán lãi trái tức và gốc trái phiếu và việc xử lý tài sản đảm bảo (nếu có) trong trường hợp Tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán. Trái phiếu Chính phủ ít rủi ro hơn do việc thanh toán đã được Chính phủ bảo lãnh.

Hoạt động giao dịch ký quỹ

Để quản trị rủi ro tín dụng trong dịch vụ cho vay ký quỹ, Công ty đã xây dựng chính sách đánh giá tín nhiệm và xếp loại khách hàng. Các thông tin về mức độ tín nhiệm, lịch sử giao dịch và tài sản của khách hàng là những tiêu chí chính để xếp loại. Thêm vào đó, Công ty thực hiện việc đánh giá và điều chỉnh xếp loại khách hàng hàng tháng, đảm bảo tính cập nhật.

Công ty cũng đưa ra chính sách về quản lý danh mục chứng khoán được phép vay ký quỹ cũng như hạn mức của từng mã cổ phiếu được nhận làm tài sản đảm bảo. Danh mục này được xây dựng từ việc phân tích, đánh giá các yếu tố như: sự biến động về giá, tính thanh khoản của từng cổ phiếu trong tháng, v.v. Danh mục này cũng đảm bảo tuân thủ quy định của UBCK theo như Quyết định số 87/QĐ-UBCK ngày 25 tháng 01 năm 2017 về việc ban hành quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Rủi ro tín dụng còn được quản trị qua việc xây dựng bộ tỷ lệ ký quỹ và các điều kiện xử lý bán tài sản đảm bảo, nhằm thu hồi vốn vay khi Công ty đối mặt với việc khách hàng giảm, mất độ tín nhiệm và không thực hiện được việc bổ sung tài sản đảm bảo hoặc không trả toán món vay khi đến hạn. Bằng việc thực hiện các chính sách quản trị rủi ro đồng bộ, hoạt động giao dịch ký quỹ đang được đánh giá là có mức rủi ro tín dụng trung bình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

31. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản tài chính (theo giá trị thuần sau khi trích lập dự phòng) có liên quan đến rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

Đơn vị: VND

	Không quá hạn và không bị suy giảm giá trị	Quá hạn nhưng không bị suy giảm giá trị				Tài sản tài chính bị suy giảm giá trị	Tổng cộng
		Dưới 3 tháng	3 - 6 tháng	6 - 12 tháng	Trên 1 năm		
31 tháng 12 năm 2023							
Các khoản đầu tư kỳ hạn cố định	1.707.763.500.474	-	-	-	-	-	1.707.763.500.474
Trái phiếu	102.040.989.518	-	-	-	-	-	102.040.989.518
Hợp đồng tiền gửi	1.605.722.510.956	-	-	-	-	-	1.605.722.510.956
		-	-	-			-
Tài sản tài chính khác	3.153.647.788.064	-	-	-	74.625.006.166	(25.965.338.234)	3.202.307.455.996
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	20.990.280.531	-	-	-	-	-	20.990.280.531
Phải thu cổ tức	8.335.777.750	-	-	-	-	-	8.335.777.750
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	3.237.317.315.374	-	-	-		(25.965.338.234)	3.211.351.977.140
Khác	(112.995.585.591)	-	-	-	74.625.006.166	-	(38.370.579.425)
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.052.691.669	-	-	-	-	-	2.052.691.669
TỔNG CỘNG	4.863.463.980.207	-	-	-	74.625.006.166	(25.965.338.234)	4.912.123.648.139

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản tài chính (theo giá trị thuần sau khi trích lập dự phòng) có liên quan đến rủi ro tín dụng tại Ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

Đơn vị: VND

	Không quá hạn và không bị suy giảm giá trị	Quá hạn nhưng không bị suy giảm giá trị				Tài sản tài chính bị suy giảm giá trị	Tổng cộng
		Dưới 3 tháng	3 - 6 tháng	6 - 12 tháng	Trên 1 năm		
31 tháng 12 năm 2022							
Các khoản đầu tư kỳ hạn cố định	628.037.300.819	-	-	-	-	-	628.037.300.819
Trái phiếu	-	-	-	-	-	-	-
Hợp đồng tiền gửi	628.037.300.819	-	-	-	-	-	628.037.300.819
							-
Tài sản tài chính khác	2.440.934.255.082	-	-	-	13.082.801.414	(23.551.774.739)	2.430.465.281.757
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	20.865.708.899	-	-	-	-	-	20.865.708.899
Phải thu cổ tức	4.225.526.000	-	-	-	-	-	4.225.526.000
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	2.271.763.480.414	-	-	-	99.673.967	(23.551.774.739)	2.248.311.379.642
Khác	144.079.539.769	-	-	-	12.983.127.447	-	157.062.667.216
Tiền và các khoản tương đương tiền	149.529.318.217	-	-	-	-	-	149.529.318.217
TỔNG CỘNG	3.218.500.874.118	-	-	-	13.082.801.414	(23.551.774.739)	3.208.031.900.793

Không quá hạn và không bị suy giảm giá trị: các tài sản tài chính hoặc các khoản cho vay có lãi và gốc không bị quá hạn và không có bằng chứng về giảm giá trị.

Quá hạn nhưng không bị suy giảm giá trị: tài sản tài chính có lãi hoặc gốc quá hạn nhưng Công ty cho rằng các tài sản này không bị giảm giá trị do có tài sản đảm bảo, và tin tưởng vào mức độ tin cậy tín dụng của khách hàng và các yếu tố tích cực khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

31. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro không thực hiện được các cam kết tài chính do mất cân đối giữa tài sản và công nợ trong ngắn hạn. Mục tiêu quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là nhằm đảm bảo cân đối giữa các luồng tiền và các cam kết tài chính khi đến hạn. Rủi ro thanh khoản xuất hiện khi Công ty tham gia vào các hoạt động kinh doanh trong đó có tồn tại về các cam kết tài chính trong ngắn hạn như hoạt động thanh toán bù trừ các nghĩa vụ thanh toán cho VSD, các Sở Giao dịch Chứng khoán và các khách hàng giao dịch chứng khoán.

Chính sách của Công ty là luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định của cơ quan quản lý, tuân thủ chính sách nội bộ về cân đối dòng tiền và thanh khoản. Tại Công ty chưa từng xảy ra trường hợp mất thanh khoản nào trong việc thanh toán bù trừ cũng như các nghĩa vụ thanh toán khác. Tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty đạt bình quân ở mức 635%, cao hơn nhiều so với tỷ lệ quy định 180%.

Bảng sau đây tóm tắt thời gian đáo hạn theo hợp đồng của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu tại ngày 31 tháng 12 năm 2023:

Đơn vị: triệu đồng

	Quá hạn và bị suy giảm giá trị	Không có ngày đáo hạn xác định	Đến 01 năm	Từ 01 - 03 năm	Từ 03 - 05 năm	Từ 05 - 15 năm	Trên 15 năm	Tổng cộng
31 tháng 12 năm 2023								
TÀI SẢN TÀI CHÍNH								
Các khoản đầu tư tài chính	-	473.796	2.088.669	-	-	-	-	2.562.465
Trái phiếu	-	-	442.624	-	-	-	-	442.624
Hợp đồng tiền gửi	-	-	1.646.045	-	-	-	-	1.646.045
Cổ phiếu	-	473.796	-	-	-	-	-	473.796
Tài sản tài chính khác	(25.965)	95.615	3.132.657	-	-	-	-	3.202.307
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	-	20.990	-	-	-	-	-	20.990
Phải thu cổ tức	-	-	8.336	-	-	-	-	8.336
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	(25.965)	-	3.237.317	-	-	-	-	3.211.352
Khác		74.625	(112.996)	-	-	-	-	(38.371)
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	2.053	-	-	-	-	2.053
TỔNG CỘNG	(25.965)	569.411	5.223.379	-	-	-	-	5.766.825
NỢ TÀI CHÍNH								
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	3.358.261	-	-	-	-	3.358.261
Trái phiếu phát hành	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi phí phải trả	-	-	1.795	-	-	-	-	1.795
Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán	-	-	6.199	-	-	-	-	6.199
Khác	-	-	22.108	-	-	-	-	22.108
TỔNG CỘNG	-	-	3.388.362	-	-	-	-	3.388.362

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng sau đây tóm tắt thời gian đáo hạn theo hợp đồng của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu tại ngày 31 tháng 12 năm 2022:

Đơn vị: triệu đồng

	Quá hạn	Không có ngày đáo hạn xác định	Đến 01 năm	Từ 01 - 03 năm	Từ 03 - 05 năm	Từ 05 - 15 năm	Trên 15 năm	Tổng cộng
31 tháng 12 năm 2022								
TÀI SẢN TÀI CHÍNH								
Các khoản đầu tư tài chính	-	373.789	836.863	-	-	-	-	1.210.652
Trái phiếu	-	-	188.528	-	-	-	-	188.528
Hợp đồng tiền gửi	-	-	648.335	-	-	-	-	648.335
Cổ phiếu	-	373.789	-	-	-	-	-	373.789
Tài sản tài chính khác	(23.552)	20.866	2.433.151	-	-	-	-	2.430.465
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	-	20.866	-	-	-	-	-	20.866
Phải thu cổ tức	-	-	4.226	-	-	-	-	4.226
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	(23.552)	-	2.271.863	-	-	-	-	2.248.311
Khác	-	-	157.063	-	-	-	-	157.063
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	149.529	-	-	-	-	149.529
TỔNG CỘNG	(23.552)	394.655	3.419.544	-	-	-	-	3.790.647
NỢ TÀI CHÍNH								
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	980.000	-	-	-	-	980.000
Trái phiếu phát hành	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi phí phải trả	-	-	2.463	-	-	-	-	2.463
Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán	-	-	5.908	-	-	-	-	5.908
Khác	-	-	5.955	-	-	-	-	5.955
TỔNG CỘNG	-	-	994.326	-	-	-	-	994.326

Công ty đã đánh giá mức độ rủi ro tập trung đối với việc thanh toán các khoản nợ ở mức thấp.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2023 yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trên báo cáo tài chính của Công ty.

Bà Vũ Thị Thùy Linh
Người lập
Phó phòng Tài chính Kế toán

Bà Nguyễn Hồng Thủy
Người phê duyệt
Kế Toán Trưởng

Ông Nhữ Đình Hòa
Người phê duyệt
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 03 năm 2024



BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (“BVSC” hoặc “Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép thành lập số 4640/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 10 năm 1999, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 01/GPHĐKD ngày 26 tháng 11 năm 1999 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Quyết định số 09/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01 tháng 03 năm 2024 điều chỉnh Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 01/GPHĐKD.

BVSC là công ty chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty bao gồm cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tự doanh và bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của Bộ Tài chính.

Công ty có Trụ sở chính tại tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội và Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt – số 233 Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng vốn điều lệ của Công ty là 722.339.370.000 VND, vốn chủ sở hữu là 2.314.776.715.581 VND.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hồng Tuấn	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Ông Nhữ Đình Hòa	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Quang Hưng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Ông Lê Xuân Nam	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Xuân Hòa	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Ông Hoàng Giang Bình	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nhữ Đình Hòa	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2022

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nhữ Đình Hòa, chức danh Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu của Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính (“Thông tư 91”) và Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Thông tư 91 và Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Ông Nhữ Đình Hòa
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2024



BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Số tham chiếu: 12816353/E-66971068

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**KÍNH GỬI: CÁC CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (“Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 được lập ngày 28 tháng 03 năm 2024 và được trình bày từ trang 280 đến trang 303. Báo cáo này đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty lập theo các quy định của Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính (“Thông tư 91”) và Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính phù hợp với các quy định của Thông tư 91 và Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu thuyết minh trên báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của các kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách lập báo cáo được áp dụng cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty đã được lập và trình bày, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các quy định của Thông tư 91 và Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Chính sách lập báo cáo và giới hạn về sử dụng báo cáo kiểm toán

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 2.1 và Thuyết minh số 3 mô tả các văn bản pháp quy áp dụng và các chính sách lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính chủ yếu. Đồng thời như trình bày trong Thuyết minh số 2.2, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được lập nhằm tuân thủ các quy định về lập và công bố thông tin về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty. Do đó, báo cáo này có thể không phù hợp để sử dụng cho các mục đích khác.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Đặng Phương Hà
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 2400-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2024

Huỳnh Nhật Hưng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 5040-2024-004-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT
Số Công văn:..... /2023/BVSC-TCKT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

V/v: báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Hà Nội, Ngày 28 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 31 tháng 12 năm 2023

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.



Bà Nguyễn Hồng Thủy
Kế Toán Trưởng

Ông Lê Thịnh Vượng
Phó Trưởng phòng
Pháp chế & Kiểm soát Nội bộ

Ông Nhữ Đình Hòa
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2024

BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

Đơn vị tính: VND

STT	CÁC CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Giá trị rủi ro/ Vốn khả dụng
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	4	202.779.994.793
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	5	147.898.637.853
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	6	145.687.983.722
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)		496.366.616.368
5	Vốn khả dụng	7	2.210.175.701.777
6	Tỷ lệ Vốn khả dụng (6=5/4) (%)		445%



Bà Nguyễn Hồng Thủy
Kế Toán Trưởng

Ông Lê Thịnh Vượng
Phó Trưởng phòng
Pháp chế & Kiểm soát Nội bộ

Ông Nhữ Đình Hòa
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

1. CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập số 4640/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 10 năm 1999, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 01/GPHĐKD ngày 26 tháng 11 năm 1999 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Quyết định số 09/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01 tháng 03 năm 2024 điều chỉnh Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 01/GPHĐKD.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty bao gồm cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tự doanh và bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của Bộ Tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có Trụ sở chính tại tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội và Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt – số 233 Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có các phòng giao dịch sau:

Tên phòng giao dịch	Địa chỉ
1. Phòng Giao dịch Trụ sở (Hà Nội)	Tầng 1 – Tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
2. Phòng giao dịch số 1 (Hà Nội)	94 Bà Triệu, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
3. Phòng giao dịch Thanh Xuân (Hà Nội)	Tầng 10, Tòa nhà văn phòng Hapulico, 01 Nguyễn Huy Tưởng (85 Vũ Trọng Phụng), Thanh Xuân, Hà Nội
4. Phòng giao dịch Thành Công (Hà Nội)	Tầng 10, Tòa nhà Sky City 88 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội
5. Phòng giao dịch Chi nhánh (TP Hồ Chí Minh)	11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
6. Phòng giao dịch Cao Thắng (TP Hồ Chí Minh)	Tầng 2, tòa nhà Đô Thành, số 81 Cao Thắng, Phường 3, Quận 3, TP Hồ Chí Minh
7. Phòng giao dịch 233 Đồng Khởi (TP Hồ Chí Minh)	Tầng G, Tòa nhà Bảo Việt, 233 Đồng Khởi, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
8. Phòng giao dịch 24A Phan Đăng Lưu (TP Hồ Chí Minh)	Tầng G, Tòa nhà 24A Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng vốn điều lệ của Công ty là 722.339.370.000 VND, vốn chủ sở hữu là 2.314.776.715.581 VND, tổng tài sản là 6.013.664.430.666 VND.

Mục tiêu đầu tư

Là công ty chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam với hoạt động chính bao gồm môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán; tư vấn tài chính; đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán. Công ty hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

1. CÔNG TY (tiếp theo)

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành. Một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

- » Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm Trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- » Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- » Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được phép mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu.
- » Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác thực hiện các nghiệp vụ sau: Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng; Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác; Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết; Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở; Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% vốn chủ sở hữu tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.
- » Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ các quy định trên.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Các văn bản pháp quy áp dụng

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với quy định trong Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính (“Thông tư 91”). Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này được lập trên cơ sở số liệu tài chính của Công ty tại ngày lập báo cáo.

2.2 Mục đích lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được lập nhằm tuân thủ các quy định về lập và công bố thông tin về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty và không phù hợp để sử dụng cho các mục đích khác.

2.3 Đồng tiền trên báo cáo

Công ty thực hiện lập báo cáo bằng đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Ngày 13 tháng 11 năm 2020, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 91/2020/TT-BTC về Quy định chỉ tiêu An toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu An toàn tài chính (“Thông tư 91”) thay thế cho Thông tư số 87/2017/TT-BTC ban hành ngày 15 tháng 08 năm 2017. Các thay đổi chủ yếu của Thông tư 91 bao gồm:

- » Bổ sung, sửa đổi và làm rõ một số chỉ tiêu xác định vốn khả dụng và các giá trị rủi ro;
- » Sửa đổi và bổ sung một số nội dung trên mẫu biểu báo cáo an toàn tài chính tương ứng với các thay đổi trên.

Thông tư 91 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

3.1 Tỷ lệ vốn khả dụng

Tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty được xác định theo công thức quy định trong Thông tư 91 như sau:

$$\text{Tỷ lệ vốn khả dụng} = \frac{\text{Vốn khả dụng} \times 100\%}{\text{Tổng giá trị rủi ro}}$$

Trong đó, tổng giá trị rủi ro là tổng các giá trị rủi ro thị trường, giá trị rủi ro thanh toán và giá trị rủi ro hoạt động.

3.2 Vốn khả dụng

Theo quy định của Thông tư 91, vốn khả dụng là vốn chủ sở hữu có thể chuyển đổi thành tiền trong vòng 90 ngày, cụ thể như sau:

- » Vốn đầu tư của chủ sở hữu, không bao gồm vốn cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có);
- » Thặng dư vốn cổ phần, không bao gồm vốn cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có);
- » Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu – Cấu phần vốn (đối với công ty chứng khoán có phát hành trái phiếu chuyển đổi);
- » Vốn khác của chủ sở hữu;
- » Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý;
- » Chênh lệch tỷ giá hối đoái;
- » Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ;
- » Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ;
- » Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập phù hợp với quy định của pháp luật;
- » Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối;
- » Số dư các khoản dự phòng suy giảm giá trị tài sản;
- » Năm mươi phần trăm (50%) phần giá trị tăng thêm của tài sản cố định được định giá lại theo quy định của pháp luật (trong trường hợp định giá tăng), hoặc trừ đi toàn bộ phần giá trị giảm đi (trong trường hợp định giá giảm);
- » Các khoản giảm trừ (Thuyết minh 3.2.1);
- » Các khoản tăng thêm (Thuyết minh 3.2.2); và
- » Vốn khác (nếu có).

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.2 Vốn khả dụng (tiếp theo)

3.2.1 Các khoản giảm trừ

Vốn khả dụng của Công ty được điều chỉnh giảm bởi giá trị của các khoản mục sau:

- » Cổ phiếu quỹ (nếu có);
- » Toàn bộ phần giá trị giảm đi của các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị ghi sổ trên cơ sở chênh lệch giữa giá trị thị trường và giá trị ghi sổ của tài sản, không bao gồm các chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty và chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày tính toán tỷ lệ an toàn tài chính;
- » Giá trị ký quỹ trong trường hợp Công ty ký quỹ tài sản đảm bảo để ngân hàng thực hiện bảo lãnh thanh toán khi phát hành chứng quyền có bảo đảm, được xác định là giá trị nhỏ nhất của các giá trị: giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng và giá trị tài đảm bảo (được xác định bằng khối lượng tài sản * giá tài sản * (1 – Hệ số rủi ro thị trường));
- » Giá trị tài sản của Công ty được dùng để đảm bảo cho các nghĩa vụ với các tổ chức, cá nhân khác có thời hạn còn lại trên 90 ngày (được xác định bằng khối lượng tài sản * Giá tài sản * (1 – Hệ số rủi ro thị trường));
- » Các tài sản ngắn hạn bao gồm: các khoản trả trước, các khoản phải thu và tạm ứng có thời hạn thu hồi hoặc thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày, và các tài sản ngắn hạn khác;
- » Các tài sản dài hạn;
- » Các khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán, soát xét (nếu có);
- » Chứng khoán phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty trong các trường hợp dưới đây:
 - Là công ty mẹ, công ty con của Công ty;
 - Là công ty con của công ty mẹ của Công ty;
- » Chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày tính toán tỷ lệ an toàn tài chính;
- » Các khoản thiệt hại tính theo giá trị hợp đồng trong trường hợp đối tác đã hoàn toàn mất khả năng thanh toán.

Khi xác định các chỉ tiêu tài sản giảm trừ khỏi vốn khả dụng, Công ty được điều chỉnh giảm phần giá trị giảm trừ như sau:

- » Đối với tài sản dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ với tổ chức, cá nhân khác, khi tính giảm trừ được giảm đi giá trị nhỏ nhất của các giá trị sau: giá trị thị trường của tài sản đó, giá trị sổ sách, giá trị còn lại của nghĩa vụ;
- » Đối với tài sản được đảm bảo bằng tài sản của tổ chức, cá nhân khác, khi tính giảm trừ được giảm đi giá trị nhỏ nhất của các giá trị sau: giá trị của tài sản bảo đảm, giá trị sổ sách.

Theo đó, giá trị của tài sản bảo đảm khi tính khoản điều chỉnh giảm của phần giảm trừ khỏi vốn khả dụng được xác định bằng khối lượng tài sản đảm bảo * Giá tài sản * (1 – Hệ số rủi ro thị trường) phù hợp với quy định của Thông tư 91.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.2 Vốn khả dụng (tiếp theo)

3.2.1 Các khoản giảm trừ (tiếp theo)

Phần giảm trừ khỏi vốn khả dụng của các chỉ tiêu trong tài sản ngắn hạn, dài hạn không bao gồm các chỉ tiêu sau:

- » Các tài sản phải xác định rủi ro thị trường theo quy định của Thông tư 91, trừ chứng khoán được phát hành bởi công ty con, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty mẹ của Công ty hoặc các chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên chín mươi (90) ngày kể từ ngày tính toán;
- » Các hợp đồng, giao dịch phải xác định rủi ro thanh khoản theo quy định của Thông tư 91;
- » Các khoản dự phòng suy giảm giá trị tài sản;
- » Dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty không tính giá trị các loại rủi ro đối với các chỉ tiêu tài sản đã giảm trừ khỏi vốn khả dụng.

3.2.2 Các khoản tăng thêm

Vốn khả dụng của Công ty được điều chỉnh tăng thêm bởi các khoản mục sau:

- » Toàn bộ phần giá trị tăng thêm của các khoản đầu tư, tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị ghi sổ trên cơ sở chênh lệch giữa giá trị thị trường và giá trị ghi sổ, không bao gồm các chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty và các chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày tính toán tỷ lệ an toàn tài chính; và
- » Các khoản nợ có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu, bao gồm: trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi và các công cụ nợ khác đã được đăng ký bổ sung vốn khả dụng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thỏa mãn tất cả các quy định tại Khoản 2 Điều 7 của Thông tư 91.

Tổng giá trị các khoản nợ được sử dụng để bổ sung vốn khả dụng tối đa bằng 50% phần vốn chủ sở hữu. Đối với các khoản nợ có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu và các khoản nợ đã đăng ký bổ sung vào vốn khả dụng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty khấu trừ 20% giá trị ban đầu mỗi năm trong thời gian năm (05) năm cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán/chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông và khấu trừ 25% giá trị còn lại mỗi quý trong thời hạn bốn (04) quý cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán/chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông.

3.3 Giá trị rủi ro thị trường

Giá trị rủi ro thị trường là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi giá thị trường của tài sản đang sở hữu và dự kiến sẽ sở hữu theo cam kết bảo lãnh phát hành biến động theo chiều hướng bất lợi. Giá trị rủi ro thị trường được xác định đối với các tài sản được quy định tại khoản 2, Điều 9, Thông tư 91, bao gồm: tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ, trái phiếu, cổ phiếu, quỹ/cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán; được Công ty xác định khi kết thúc ngày giao dịch theo công thức sau:

Giá trị rủi ro thị trường = Vị thế ròng x Giá tài sản x Hệ số rủi ro thị trường

Trong đó, vị thế ròng của chứng khoán là số lượng chứng khoán đang nắm giữ của Công ty tại thời điểm tính toán, sau khi đã điều chỉnh giảm bớt số chứng khoán cho vay và tăng thêm số chứng khoán đi vay phù hợp với quy định của pháp luật.

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.3 Giá trị rủi ro thị trường (tiếp theo)

Giá trị rủi ro thị trường của chứng khoán chưa phân phối hết từ các hợp đồng bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, chứng quyền có đảm bảo do Công ty phát hành, hợp đồng tương lai được xác định theo các công thức cụ thể được trình bày trong Thuyết minh số 3.3.2.

Các tài sản không được xác định giá trị rủi ro thị trường bao gồm:

- » Cổ phiếu quỹ;
- » Chứng khoán phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty trong các trường hợp dưới đây:
 - Là công ty mẹ, công ty con của Công ty;
 - Là công ty con của công ty mẹ của Công ty;
- » Chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên chín mươi (90) ngày kể từ ngày tính toán;
- » Trái phiếu, các công cụ nợ, giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ đã đáo hạn;
- » Chứng khoán đã được phòng ngừa rủi ro bởi chứng quyền bán hoặc hợp đồng tương lai; chứng quyền bán và hợp đồng quyền bán được dùng để phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở.

3.3.1 Hệ số rủi ro thị trường

Hệ số rủi ro thị trường được xác định cho từng khoản mục tài sản theo quy định tại Phụ lục I, Thông tư 91.

3.3.2 Giá tài sản

a. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ

Giá trị của tiền bằng VND là số dư tài khoản tiền mặt tại ngày tính toán. Giá trị của tiền bằng ngoại tệ là giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá tại các tổ chức tín dụng (“TCTD”) được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày tính toán.

Giá trị của tiền gửi tương đương tiền và các công cụ thị trường tiền tệ bằng giá trị tiền gửi/giá mua cộng lãi lũy kế sử dụng lãi suất thực chưa được thanh toán tới ngày tính toán.

b. Trái phiếu

Giá trị của trái phiếu niêm yết là giá niêm yết bình quân trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất cộng lãi lũy kế. Trong trường hợp trái phiếu không có giao dịch trong vòng nhiều hơn hai tuần tính đến ngày tính toán, giá trị của trái phiếu là giá trị lớn nhất trong các giá trị đã bao gồm lãi lũy kế sau: Giá mua; Mệnh giá; Giá xác định theo phương pháp nội bộ.

Giá trị của trái phiếu chưa niêm yết là giá trị lớn nhất trong các giá trị đã bao gồm cả lãi lũy kế sau: Giá niêm yết trên các hệ thống báo giá do Công ty lựa chọn (nếu có); Giá mua; Mệnh giá; Giá xác định theo phương pháp nội bộ.

c. Cổ phiếu

Giá trị của cổ phiếu niêm yết là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm tính toán đối với cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.3 Giá trị rủi ro thị trường (tiếp theo)

3.3.2 Giá tài sản (tiếp theo)

c. Cổ phiếu (tiếp theo)

Giá trị của cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm tính toán.

Trường hợp cổ phiếu niêm yết hoặc cổ phiếu đăng ký giao dịch trên sàn UpCom không có giao dịch trong vòng nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, giá trị của cổ phiếu là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: giá trị sổ sách; giá mua và giá theo phương pháp nội bộ của Công ty.

Trường hợp cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch, giá trị của cổ phiếu là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: giá trị sổ sách; mệnh giá và giá theo phương pháp nội bộ của Công ty.

Giá trị của cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch là giá trị trung bình dựa trên báo giá của tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán không liên quan đến Công ty tại ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm tính toán, Trường hợp cổ phiếu không có đủ báo giá từ tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán, giá trị của cổ phiếu là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: giá từ các báo giá; giá của kỳ báo cáo gần nhất; giá trị sổ sách; giá mua; giá theo phương pháp nội bộ của Công ty.

Giá trị cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản bằng 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất hoặc giá theo phương pháp nội bộ của Công ty.

Giá trị cổ phần, phần vốn góp khác là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: giá trị sổ sách; giá mua/giá trị vốn góp; giá theo phương pháp nội bộ của Công ty.

d. Quỹ/Cổ phiếu của Công ty đầu tư chứng khoán/Quỹ ETF

Giá trị quỹ đóng đại chúng là giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất trước ngày tính toán. Trường hợp quỹ đóng đại chúng không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, giá trị quỹ được tính bằng (Giá trị tài sản ròng của quỹ ("NAV")/1 Chứng chỉ quỹ) tại kỳ báo cáo gần nhất trước ngày tính toán.

Giá trị Quỹ thành viên/Quỹ mở/Cổ phiếu của Công ty đầu tư chứng khoán phát hành riêng lẻ bằng NAV trên một đơn vị phần vốn góp/đơn vị chứng chỉ quỹ/cổ phiếu tại kỳ báo cáo gần nhất trước ngày tính toán.

Giá trị của các quỹ/cổ phiếu khác là giá trị theo quy định nội bộ của Công ty.

e. Hợp đồng tương lai

Giá trị rủi ro thị trường đối với hợp đồng tương lai được xác định theo công thức sau:

Giá trị rủi ro thị trường = $\text{Max} \{ ((\text{giá trị thanh toán cuối ngày} - \text{Giá trị chứng khoán mua vào}) \times \text{Hệ số rủi ro thị trường của hợp đồng tương lai} - \text{Giá trị ký quỹ}), 0 \}$

Trong đó:

- » Giá trị thanh toán cuối ngày = Giá thanh toán cuối ngày x khối lượng mở.
- » Giá trị chứng khoán mua vào là giá trị chứng khoán cơ sở mà tổ chức kinh doanh chứng khoán mua vào để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán hợp đồng tương lai;
- » Giá trị ký quỹ là phần giá trị tài sản mà tổ chức kinh doanh chứng khoán ký quỹ cho giao dịch đầu tư, tự doanh, tạo lập thị trường.

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.3 Giá trị rủi ro thị trường (tiếp theo)

3.3.3 Giá trị rủi ro thị trường tăng thêm

Giá trị rủi ro thị trường của các tài sản sẽ được điều chỉnh tăng thêm trong trường hợp Công ty đầu tư quá nhiều vào tài sản đó, ngoại trừ chứng khoán đang trong thời gian bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh. Giá trị rủi ro được điều chỉnh tăng theo nguyên tắc sau:

- » Tăng thêm 10% trong trường hợp tổng giá trị của khoản đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu của một tổ chức chiếm từ trên 10% đến 15% Vốn chủ sở hữu của Công ty;
- » Tăng thêm 20% trong trường hợp tổng giá trị của khoản đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu của một tổ chức chiếm từ trên 15% đến 25% Vốn chủ sở hữu của Công ty;
- » Tăng thêm 30% trong trường hợp tổng giá trị của khoản đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu của một tổ chức chiếm từ trên 25% trở lên Vốn chủ sở hữu của Công ty.

Các khoản cổ tức, trái tức, giá trị quyền ưu đãi của chứng khoán (nếu có) hoặc lãi của tiền gửi, các khoản tương đương tiền, công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá được điều chỉnh tăng thêm vào giá trị tài sản khi xác định giá trị rủi ro thị trường.

3.4 Giá trị rủi ro thanh toán

Giá trị rủi ro thanh toán là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết. Giá trị rủi ro thanh toán được xác định khi kết thúc ngày giao dịch của các hợp đồng, giao dịch như sau:

- » Đối với hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng; chứng chỉ tiền gửi do các tổ chức tín dụng phát hành; hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng cho vay mua kỳ quỹ chứng khoán niêm yết phù hợp với quy định của pháp luật; các khoản phải thu khách hàng trong hoạt động kinh doanh chứng khoán, các khoản phải thu trái phiếu đã đáo hạn; các giấy tờ có giá, công cụ nợ đã đáo hạn mà chưa được thanh toán, các khoản phải thu khác và các hợp đồng, giao dịch, các khoản sử dụng vốn khác tiềm ẩn rủi ro thanh toán.
- » Giá trị rủi ro thanh toán trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán, tiền và thanh lý hợp đồng, được xác định theo công thức:

Giá trị rủi ro thanh toán = Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán x Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác

- » Đối với hợp đồng bảo lãnh phát hành ký với các tổ chức khác trong tổ hợp bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn mà Công ty là tổ chức bảo lãnh phát hành chính, giá trị rủi ro thanh toán được xác định bằng 30% giá trị còn lại của các hợp đồng bảo lãnh phát hành chưa được thanh toán.
- » Đối với các khoản phải thu, các khoản phải thu khác và tài sản có khác quá hạn, chứng khoán chưa nhận chuyển giao đúng hạn, kể cả chứng khoán, tiền chưa nhận được từ các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng; các khoản cho vay đối với các tổ chức, cá nhân khác; hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng mua có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng cho vay mua kỳ quỹ chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật đã đáo hạn, giá trị rủi ro thanh toán được xác định theo nguyên tắc sau:

Giá trị rủi ro thanh toán = Hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian x Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

3.4.1 Hệ số rủi ro thanh toán

Hệ số rủi ro thanh toán được xác định theo đối tác và theo thời gian theo quy định tại Phụ lục III, Thông tư 91.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.4 Giá trị rủi ro thanh toán (tiếp theo)

3.4.2 Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

- a. Hoạt động vay, cho vay chứng khoán, giao dịch ký quỹ, giao dịch mua bán lại cho khách hàng hoặc cho bản thân Công ty

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán là giá trị thị trường của hợp đồng tính theo nguyên tắc như sau:

» Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán được xác định như sau:

STT	Loại hình giao dịch	Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán
1.	Tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm; các hợp đồng, giao dịch, các khoản sử dụng vốn theo điểm k khoản 1 Điều 10 Thông tư 91	Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, giá trị khoản cho vay, giá trị hợp đồng, giá trị giao dịch cộng với các khoản cổ tức, trái tức, giá trị quyền ưu đãi (đối với chứng khoán) hoặc lãi tiền gửi, lãi cho vay, khoản phụ phí khác (đối với khoản tín dụng).
2.	Cho vay chứng khoán	$\text{Max}\{(\text{Giá trị thị trường của hợp đồng} - \text{Giá trị tài sản đảm bảo (nếu có)}), 0\}$
3.	Vay chứng khoán	$\text{Max}\{(\text{Giá trị tài sản đảm bảo} - \text{Giá trị thị trường của hợp đồng}), 0\}$
4.	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại	$\text{Max}\{(\text{Giá trị hợp đồng tính theo giá mua} - \text{Giá trị thị trường của hợp đồng} \times (1 - \text{Hệ số rủi ro thị trường})), 0\}$
5.	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại	$\text{Max}\{(\text{Giá trị thị trường của hợp đồng} \times (1 - \text{Hệ số rủi ro thị trường}) - \text{Giá trị hợp đồng tính theo giá bán}), 0\}$
6.	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	$\text{Max}\{(\text{Số dư nợ} - \text{Giá trị tài sản đảm bảo}), 0\}$

Số dư nợ là giá trị khoản vay, lãi vay và các loại phí.

Giá trị tài sản bảo đảm của khách hàng được xác định theo Thuyết minh số 3.4.3. Trong trường hợp tài sản bảo đảm của khách hàng không có giá tham khảo theo thị trường, thì được xác định theo quy định nội bộ của Công ty.

Giá của các tài sản được xác định theo Thuyết minh 3.3.2.

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.4 Giá trị rủi ro thanh toán (tiếp theo)

3.4.2 Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán (tiếp theo)

- b. Hoạt động giao dịch chứng khoán

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro trong hoạt động giao dịch chứng khoán được xác định theo nguyên tắc sau:

STT	Thời gian	Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro
A – Đối với các giao dịch bán chứng khoán (bên bán là Công ty hoặc khách hàng của Công ty trong hoạt động môi giới)		
1.	Trước thời hạn nhận thanh toán	0
2.	Sau thời hạn nhận thanh toán	Giá trị thị trường của hợp đồng (trong trường hợp Giá thị trường thấp hơn Giá giao dịch) 0 (trong trường hợp Giá thị trường cao hơn Giá giao dịch)
B – Đối với các giao dịch mua chứng khoán (bên mua là Công ty hoặc khách hàng của Công ty)		
1.	Trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán	0
2.	Sau thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán	Giá trị thị trường của hợp đồng (trong trường hợp Giá thị trường thấp hơn Giá giao dịch) 0 (trong trường hợp Giá thị trường cao hơn Giá giao dịch)

Thời hạn thanh toán/nhận chuyển giao chứng khoán là T+2 (đối với cổ phiếu niêm yết), T+1 (đối với trái phiếu niêm yết); T+n (đối với các giao dịch thỏa thuận ngoài hệ thống giao dịch trong n ngày theo thỏa thuận của hai bên) hoặc theo quy định cụ thể (đối với chứng khoán phái sinh).

- c. Các khoản phải thu, trái phiếu đã đáo hạn, các công cụ nợ đã đáo hạn

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán là giá trị khoản phải thu tính theo mệnh giá, cộng thêm các khoản lãi chưa được thanh toán, chi phí có liên quan và trừ đi khoản thanh toán đã thực nhận trước đó (nếu có).

- d. Các khoản phải thu, các khoản phải thu khác và các hợp đồng, giao dịch, các khoản sử dụng vốn khác tài sản có khác tiềm ẩn rủi ro thanh toán

Đối với các hợp đồng, giao dịch được quy định tại điểm k, khoản 1, Điều 10, Thông tư 91 được xác định như sau:

Giá trị rủi ro thanh toán = Giá trị toàn bộ tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán × 100%

Đối với các khoản tạm ứng có thời gian hoàn ứng còn lại dưới 90 ngày được xác định như sau:

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán		Hệ số rủi ro	Giá trị rủi ro thanh toán
Giá trị toàn bộ các khoản tạm ứng	chiếm từ 0% đến 5% vốn chủ sở hữu tại thời điểm tính toán	8%	Giá trị rủi ro thanh toán = Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán x Hệ số rủi ro thanh toán
	chiếm từ trên 5% vốn chủ sở hữu tại thời điểm tính toán	100%	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.4 Giá trị rủi ro thanh toán (tiếp theo)

3.4.3 Giảm trừ giá trị tài sản đảm bảo

Công ty điều chỉnh giảm trừ phần giá trị tài sản đảm bảo của đối tác, khách hàng khi xác định giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong trường hợp các hợp đồng, giao dịch này đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- » Đối tác, khách hàng có tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của mình và tài sản bảo đảm là tiền, các khoản tương đương tiền, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán, Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Bộ Tài chính bảo lãnh phát hành;
- » Công ty có quyền định đoạt, quản lý, sử dụng, chuyển nhượng tài sản bảo đảm trong trường hợp đối tác không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn đã thoả thuận tại các hợp đồng.

Giá trị tài sản giảm trừ được xác định như sau:

Giá trị tài sản đảm bảo = Khối lượng tài sản x Giá tài sản x (1 – Hệ số rủi ro thị trường)

Giá tài sản được xác định theo Thuyết minh 3.3.2.

3.4.4 Giá trị rủi ro thanh toán tăng thêm

Giá trị rủi ro thanh toán phải được điều chỉnh tăng thêm trong các trường hợp sau:

- » Tăng thêm 10% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ trên 10% đến 15% Vốn chủ sở hữu;
- » Tăng thêm 20% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ trên 15% đến 25% Vốn chủ sở hữu;
- » Tăng thêm 30% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), hoặc một cá nhân và các bên liên quan tới cá nhân đó (nếu có), chiếm từ trên 25% Vốn chủ sở hữu trở lên.

3.4.5 Bù trừ ròng song phương giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán được bù trừ ròng song phương khi:

- » Rủi ro thanh toán liên quan tới cùng một đối tác;
- » Rủi ro thanh toán phát sinh đối với cùng một loại hình giao dịch;
- » Việc bù trừ ròng song phương đã được các bên thống nhất trước bằng văn bản.

3.5 Giá trị rủi ro hoạt động

Giá trị rủi ro hoạt động là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, hoặc do các nguyên nhân khách quan khác.

Giá trị rủi ro hoạt động của Công ty được xác định bằng 25% chi phí duy trì hoạt động của Công ty trong vòng mười hai (12) tháng liên kế tính tới thời điểm tính toán, hoặc 20% vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh của tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của pháp luật, tùy thuộc vào giá trị nào lớn hơn.

Chi phí duy trì hoạt động của Công ty được xác định bằng tổng chi phí phát sinh trong kỳ, trừ đi: chi phí khấu hao; chi phí/hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính ngắn hạn, dài hạn và tài sản thế chấp; chi phí/hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu, chi phí/hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản ngắn hạn khác, phần chênh lệch giảm về đánh giá giảm giá trị tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”), chi phí lãi vay và phần chênh lệch tăng đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành đã ghi nhận vào chi phí trong năm.

4. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro %	Quy mô rủi ro VND	Giá trị rủi ro VND
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
I, Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ				-
1	Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng (VND)	0	2.052.691.669	-
2	Các khoản tương đương tiền	0	-	-
3	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	0	-	-
II, Trái phiếu Chính phủ				
4	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	0	-	-
5	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định	0	-	-
5.1	Trái phiếu Chính phủ (bao gồm công trái và trái phiếu công trình đã phát hành trước đây), Trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AFDB, EIB và EBRD, Trái phiếu chính quyền địa phương.	3	-	-
III, Trái phiếu tổ chức tín dụng				
6.1	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại dưới 01 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	3	-	-
6.2	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 01 năm đến dưới 03 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8	-	-
6.3	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 03 năm đến dưới 05 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10	-	-
6.4	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 05 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15	152.366.942.917	22.855.041.438
IV, Trái phiếu doanh nghiệp				
Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết				
7.1	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 01 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8	-	-
7.2	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 01 năm đến dưới 03 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10	50.983.100.000	5.098.310.000
7.3	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 03 năm đến dưới 05 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15	-	-
7.4	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 05 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

4. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (TIẾP THEO)

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro %	Quy mô rủi ro VND	Giá trị rủi ro VND
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
IV. Trái phiếu doanh nghiệp (tiếp theo)				
Trái phiếu doanh nghiệp không niêm yết				
8.1	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại dưới 01 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15	10.000.000.000	1.500.000.000
8.2	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 01 năm đến dưới 03 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20	54.604.438.500	10.920.887.700
8.3	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 03 năm đến dưới 05 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25	-	-
8.4	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 05 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30	-	-
8.5	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại dưới 01 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25	76.672.561.630	19.168.140.408
8.6	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 01 năm đến dưới 03 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30	-	-
8.7	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 03 năm đến dưới 05 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	35	199.999.994.934	69.999.998.227
8.8	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 05 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40	-	-
V. Cổ phiếu				
9.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10	274.029.312.150	27.402.931.215
10.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15	36.176.409.200	5.426.461.380
11.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20	21.386.836.560	4.277.367.312
12.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30	-	-
13.	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50	53.825.666.024	26.912.833.012
VI. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán				
14.	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10	87.842.795.864	8.784.279.586
15.	Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30	-	-

4. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (TIẾP THEO)

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro %	Quy mô rủi ro VND	Giá trị rủi ro VND
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
VII. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch				
16.	Chứng khoán công ty đại chúng chưa niêm yết bị nhắc nhở do chậm công bố thông tin báo cáo tài chính kiểm toán/soát xét theo quy định	30	-	-
17.	Chứng khoán niêm yết bị cảnh báo	20	-	-
18.	Chứng khoán niêm yết bị kiểm soát	25	-	-
19.	Chứng khoán bị tạm ngừng, hạn chế giao dịch	40	1.084.081.290	433.632.516
20.	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	80	140.000	112.000
VIII. Chứng khoán phái sinh				
21.	Hợp đồng tương lai chỉ số cổ phiếu	8	-	-
22.	Hợp đồng tương lai Trái phiếu Chính phủ	3	-	-
IX. Chứng khoán khác				
23.	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài thuộc chỉ số đạt chuẩn	25	-	-
24.	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài không thuộc các chỉ số đạt chuẩn	100	-	-
25.	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	8	-	-
26.	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội	10	-	-
27.	Cổ phiếu, trái phiếu của công ty chưa đại chúng phát hành không có báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất đến thời điểm lập báo cáo hoặc có báo cáo tài chính kiểm toán nhưng có ý kiến kiểm toán là trái ngược, từ chối đưa ra ý kiến hoặc ý kiến không chấp thuận toàn phần	100	-	-
28.	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80	-	-
29.	Chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành		-	-
Cách tính: Giá trị rủi ro = Max{(((P0 x Q0 x k - P1 x Q1) x R - MD), 0}				
30.	Chứng khoán hình thành từ hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán đã phát hành (trường hợp chứng quyền có bảo đảm không có lãi)	10	-	-
31.	Phần chênh lệch dương giữa giá trị chứng khoán cơ sở dùng để phòng ngừa rủi ro và giá trị chứng khoán cơ sở cần thiết để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm	10	-	-
TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII+IX)			202.779.994.793	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tai ngày 31 tháng 12 năm 2023

5. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN

	Giá trị rủi ro VND
Rủi ro trước thời hạn thanh toán (Thuyết minh 5.1)	97.254.450.516
Rủi ro quá thời hạn thanh toán (Thuyết minh 5.2)	44.594.116.805
Rủi ro với các khoản tạm ứng (Thuyết minh 5.3)	23.392.000
Rủi ro tăng thêm (Thuyết minh 5.4)	6.026.678.532
Tổng giá trị rủi ro thanh toán	147.898.637.853

5.1 Rủi ro trước thời hạn thanh toán

Loại hình giao dịch		Hệ số rủi ro (%)	Giá trị rủi ro (VND)					Tổng giá trị rủi ro VND
		0%	0,8%	3,2%	4,8%	6%	8%	
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
1.	Tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi, các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm, các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán và các khoản mục tiềm ẩn rủi ro thanh toán khác (*)	-	-	-	-	96.343.350.657	911.099.859	97.254.450.516
2.	Cho vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
3.	Vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
4.	Hợp đồng mua tài sản tài chính có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
5.	Hợp đồng bán tài sản tài chính có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
TỔNG RỦI RO TRƯỚC THỜI HẠN THANH TOÁN								97.254.450.516

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

5. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (TIẾP THEO)

5.1 Rủi ro trước thời hạn thanh toán (tiếp theo)

Chi tiết hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác được Công ty xác định như sau:

STT	Đối tác thanh toán cho Công ty	Hệ số rủi ro thanh toán
(1)	Chính phủ, các tổ chức phát hành được Chính phủ bảo lãnh. Chính phủ và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD; Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;	0%
(2)	Sở Giao dịch Chứng khoán. Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam	0,8%
(3)	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ở các nước thuộc khối OECD và có hệ số tín nhiệm đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán	3,2%
(4)	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ngoài các nước OECD; hoặc thành lập tại các nước thuộc khối OECD và không đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của Công ty	4,8%
(5)	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam	6%
(6)	Các tổ chức, cá nhân, đối tượng khác	8%

(*) Chi tiết:

	Giá trị sổ sách VND	Giá trị tài sản đảm bảo VND	Giá trị tài sản không có tài sản đảm bảo VND	Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác %	Giá trị rủi ro thanh toán VND
Tiền gửi có kỳ hạn	1.605.722.510.956	-	1.605.722.510.956	6	96.343.350.657
Dự thu cổ tức	8.335.777.750	-	8.335.777.750	8	666.862.220
Phải thu khác	3.052.970.489	-	3.052.970.489	8	244.237.639
	1.617.111.259.195	-	1.617.111.259.195		97.254.450.516

5.2 Rủi ro quá thời hạn thanh toán

STT	Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro %	Quy mô rủi ro VND	Giá trị rủi ro VND
1.	0 - 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16	-	-
2.	16 - 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32	-	-
3.	31 - 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48	-	-
4.	Trên 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	100	44.594.116.805	44.594.116.805
TỔNG RỦI RO QUÁ THỜI HẠN THANH TOÁN				44.594.116.805

5. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (TIẾP THEO)

5.3 Rủi ro với các khoản tạm ứng

STT	Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro %	Quy mô rủi ro VND	Giá trị rủi ro VND
1.	Giá trị toàn bộ các khoản tạm ứng chiếm từ 0%-5% vốn chủ sở hữu tại thời điểm tính toán	8	292.400.000	23.392.000
2.	Giá trị toàn bộ các khoản tạm ứng chiếm trên 5% vốn chủ sở hữu tại thời điểm tính toán	100	-	-
TỔNG RỦI RO TẠM ỨNG				23.392.000

5.4 Rủi ro tăng thêm

Giá trị rủi ro thanh toán được điều chỉnh tăng thêm đối với các hợp đồng tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi tại các tổ chức tín dụng do tổng giá trị các hợp đồng tại các tổ chức này chiếm từ trên 10% đến trên 25% Vốn chủ sở hữu của Công ty.

STT	Chi tiết tới từng đối tác	Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro VND	Giá trị rủi ro VND
1	Tiền gửi kỳ hạn và lãi dự thu tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	20%	30.133.392.658	6.026.678.532
TỔNG RỦI RO TĂNG THÊM				6.026.678.532

6. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Chỉ tiêu		Giá trị VND
I.	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng tính tới 31 tháng 12 năm 2023	740.180.816.619
II.	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí (Thuyết minh 6.1)	157.428.881.732
III.	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II)	582.751.934.887
IV.	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)	145.687.983.722
V.	20% Vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh của công ty chứng khoán	50.000.000.000
TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (Max {IV, V})		145.687.983.722

6.1 Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí

	Giá trị VND
Chi phí khấu hao	6.033.932.515
Trích lập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính ngắn hạn và tài sản thế chấp	2.064.063.495
Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính dài hạn	-
Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính ngắn hạn khác	2.924.908.328
Chênh lệch giảm đánh giá lại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	23.055.389.628
Chi phí lãi vay	123.350.587.766
Tổng cộng	157.428.881.732

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

7. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

STT	Nội dung	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng VND (1)	Khoản giảm trừ VND (2)	Khoản tăng thêm VND (3)
A	Vốn chủ sở hữu			
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	722.339.370.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	610.253.166.720		
3	Cổ phiếu quỹ	(496.682.500)		
4	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu – Cấu phần vốn	-		
5	Vốn khác của chủ sở hữu	-		
6	Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý	82.371.389.459		
7	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	59.379.106.210		
8	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	59.379.106.210		
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	64.107.298.271		
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	717.443.961.211		
11	Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản	100.590.344.400		
12	Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định	-		
13	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-		
14	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			-
15	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính		9.380.729.024	29.370.200
16	Vốn khác (nếu có)	-		
1A	Tổng			2.406.015.701.157

7. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (TIẾP THEO)

STT	Nội dung	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng VND (1)	Khoản giảm trừ VND (2)	Khoản tăng thêm VND (3)
B	Tài sản ngắn hạn			
I	Tài sản tài chính			
1.	Tiền và các khoản tương đương tiền			
	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)			
2.	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		1.167.738.500	
	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)			
3.	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		-	
4.	Các khoản cho vay			
	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)			
5.	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		-	
6.	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp			
	Các khoản phải thu (phải thu bán các tài sản tài chính, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính)			
7.	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
8.	Chứng quyền có bảo đảm chưa phát hành hết			
9.	Chứng khoán cơ sở phục vụ mục đích phòng ngừa rủi ro khi phát hành chứng quyền có bảo đảm		-	
	Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp			
10.	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
	Phải thu nội bộ			
11.	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
	Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán			
12.	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
	Các khoản phải thu khác			
13.	- Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		23.593.387.159	
14	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

7. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (TIẾP THEO)

STT	Nội dung	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng VND (1)	Khoản giảm trừ VND (2)	Khoản tăng thêm VND (3)
B	Tài sản ngắn hạn			
II	Tài sản ngắn hạn khác			
	Tạm ứng			
1.	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày		-	
2.	Vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ		34.509.000	
3.	Chi phí trả trước ngắn hạn		2.995.070.869	
4.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		22.820.908	
5.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		28.609.378	
6.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	
7.	Tài sản ngắn hạn khác		-	
8.	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác			
1B	Tổng			27.842.135.814
C	Tài sản dài hạn			
I	Tài sản tài chính dài hạn			
1.	Các khoản phải thu dài hạn		-	
2.	Các khoản đầu tư			
	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
2.1	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		-	
2.2	Đầu tư vào công ty con		-	
2.3	Đầu tư dài hạn khác		118.100.480.000	
II	Tài sản cố định		18.834.225.848	
III	Bất động sản đầu tư		-	
IV	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	
V	Tài sản dài hạn khác		31.063.157.718	
1.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		2.555.962.800	
2.	Chi phí trả trước dài hạn		7.516.914.387	
3.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	
4.	Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán		20.990.280.531	
5.	Tài sản dài hạn khác		-	
VI	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn			
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán, soát xét mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5, Thông tư 91/2020/TT-BTC		-	
1C	Tổng			167.997.863.566

7. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (TIẾP THEO)

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng VND (1)	Khoản giảm trừ VND (2)	Khoản tăng thêm VND (3)
D	Các khoản ký quỹ, đảm bảo			
1	Giá trị ký quỹ			
1.1	Giá trị đóng góp vào quỹ hỗ trợ thanh toán của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam		-	
1.2	Giá trị đóng góp vào quỹ bù trừ của đối tác thanh toán trung tâm đối với vị thế mở của chính thành viên bù trừ		-	
1.3	Khoản ký quỹ bằng tiền và giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng khi phát hành chứng quyền có bảo đảm		-	
2	Giá trị tài sản đảm bảo cho các nghĩa vụ phải trả có thời hạn còn lại trên 90 ngày		-	
1D	Tổng			-
VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B-1C-1D				2.210.175.701.777

Ghi chú:

- Không áp dụng cho mục đích lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

8. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2023 yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trên báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.



Bà Nguyễn Hồng Thủy
Kế Toán Trưởng

Ông Lê Thịnh Vượng
Phó Trưởng phòng
Pháp chế & Kiểm soát Nội bộ

Ông Nhữ Đình Hòa
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2024

